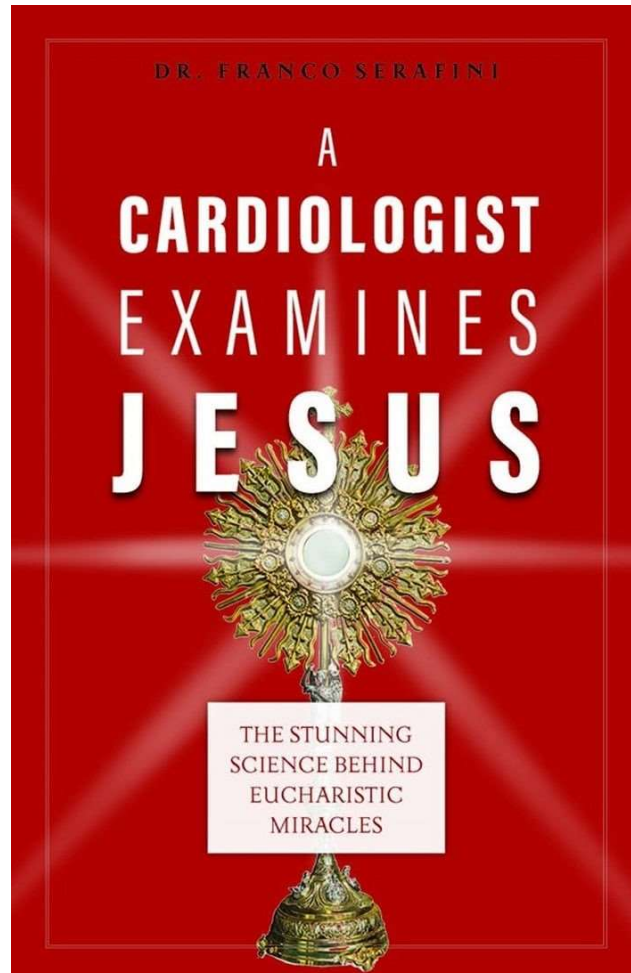


**Các phép lạ Thánh Thể
dưới con mắt
một Bác Sĩ Chuyên Khoa Tim**



Nguyên tác: A Cardiologist Examines Jesus

của Dr. Franco Serafini

Bản Việt Ngữ của Vũ Văn An

Giới thiệu

Giáo Hội Công Giáo Hoa Kỳ đang phát động việc phục hưng lòng tôn sùng Thánh Thể như con đường chính lõi cuốn tín hữu trở về nguồn và đỉnh cao cuộc sống Kitô hữu của họ. Trong phiên họp Mùa Thu năm 2023 tại Baltimore, các Giám Mục Hoa Kỳ đã được phân phối, một lần nữa, bản cập nhật sáng kiến phục hưng Thánh Thể và đại hội Thánh Thể toàn quốc năm 2024.

Tài liệu trên nhấn mạnh rằng “Thế giới chúng ta đang bị thương tích. Tất cả chúng ta đều cần được chữa lành, nhưng nhiều người trong chúng ta đang xa cách với chính nguồn sức mạnh của mình. Chúa Giêsu Kitô mời gọi chúng ta trở về nguồn và đỉnh cao đức tin của chúng ta trong việc cử hành Thánh Thể. Phục Hưng Thánh Thể Toàn Quốc là một phong trào phục hưng cái hiểu và lòng sùng kính đối với mầu nhiệm vĩ đại này ở đây, ở Hiệp Chúng Quốc, bằng cách giúp chúng ta đổi mới việc tôn thờ của chúng ta đối với Chúa Giêsu Kitô trong Phép Thánh Thể”.

Trả lời “câu hỏi tại sao?”, Tài liệu trên cho rằng “Vi Giáo Hội cần sự chữa lành. Và Thế Giới cần Chúa Giêsu. Tai tiếng, chia rẽ, bệnh tật, hoài nghi. Giáo Hội từng chịu đựng mỗi hoạn nạn này suốt trong lịch sử nhân loại. Nhưng ngày nay, chúng ta đối đầu với tất cả các hoạn nạn này cùng một lúc. Đáp ứng của chúng ta trong giây phút này rất chủ yếu. Giữa những cơn bão táp thét gào này, Chúa Giêsu hiện diện, nhắc nhở chúng ta rằng Người mạnh hơn sóng bão. Người muốn chữa lành, đổi mới, và hiệp nhất Giáo Hội và thế giới. Người làm thế cách nào? Bằng cách hiệp nhất chúng ta một lần nữa quanh nguồn và đỉnh cao đức tin của chúng ta trong việc cử hành Phép Thánh Thể. Phục Hưng Thánh Thể Toàn Quốc là đáp ứng hân hoan, đầy triển vọng, hạ tầng của toàn bộ Giáo Hội Công Giáo tại Hiệp Chúng Quốc đối với lời mời này”.

Quả là thích hợp khi nhà xuất bản Sophia phát hành cuốn “A Cardiologist Examines Jesus” của bác sĩ Franco Serafini, một bác sĩ chuyên khoa tim người Ý, được Amazon giới thiệu như “Khoa học tuyệt vời đằng sau các Phép Lạ Thánh Thể”. Xin nhường lời giới thiệu cho Amazon: “Các Tin Mừng có thể không ‘tốt đủ’ cho thời hiện đại, và khoa học chắc chắn là thần minh của nó. Nhưng cả hai đều không là một trở ngại cho Thiên Chúa duy nhất, đích thực. Quả tình, Người đã dùng các phương pháp của thế kỷ 21, thế kỷ 21 của Người, để chứng tỏ Đức Tin của chúng ta có thể được minh chứng ra sao qua các phép lạ Thánh Thể bằng sự chính xác của khoa học lâm sàng.

“Trong cuốn sách đáng kinh ngạc này, bác sĩ tim mạch nổi tiếng và tác giả nổi tiếng, Bác sĩ Franco Serafini, hướng dẫn chúng ta qua nghiên cứu y học và khoa học sâu rộng về năm phép lạ Thánh Thể, tiết lộ những chứng từ đáng kinh ngạc của các bác sĩ huyết học, bác sĩ ung thư, bác sĩ thần kinh, nhà di truyền học, nhà sinh học phân tử và nhiều nhà chuyên môn khác, tất cả đều kết luận cùng một điều: năm phép lạ Thánh Thể là xác thực không thể phủ nhận.

“Theo những cách đáng ngạc nhiên và hấp dẫn, mỗi phép lạ này đều liên quan đến những phép lạ khác: tất cả đều tiết lộ mô cơ tim, nhiều phép lạ tiết lộ một trái tim đang trải qua sự đau khổ cùng cực, và một số tiết lộ một trái tim vẫn đang chịu đựng chấn thương mô.

“Bạn sẽ thấy DNA của con người tìm thấy trong chất thể Thánh Thể được nhận diện ra sao, điều gì đã giữ cho một thánh tích được tôn kính từ thế kỷ thứ tám tồn tại cho đến thế kỷ XXI, và làm thế nào nhóm máu giống hệt đó lại tái diễn trong các phép lạ độc đáo mang đến cho

con người đương thời một pháo đài thống kê kỳ kỳ. Trên hết, bạn sẽ được trang bị những dữ liệu khoa học để chứng minh không những rằng Thiên Chúa vẫn đang hoạt động trên thế giới mà còn mong muốn tất cả chúng ta được kết hợp với Người qua Mình và Máu Châu Báu Nhất của Người”.

Amazon cho biết ít điều về vị bác sĩ chuyên khoa tim mạch này: “Bác sĩ Franco Serafini sống ở Bologna, Ý, nơi ông lớn lên và học tập. Ông thích công việc của mình với tư cách là bác sĩ tim mạch tại một bệnh viện nông thôn ở địa phương, nơi ông đạp xe hầu hết các ngày nếu thời tiết cho phép.

“Trong thời gian rảnh rỗi, Bác sĩ Serafini thu thập và đánh giá các bằng chứng lâm sàng sẵn có về năm sự kiện Thánh Thể được Giáo Hội Công Giáo chính thức công nhận là phép lạ. Trong quá trình này, ông đã tạo mối quan hệ với các nhà khoa học Ba Lan, Mỹ Tây Cơ và Á Căn Đình, những người đã tham gia vào các cuộc điều tra gần đây nhất. Ông đi khắp thế giới để gặp gỡ những chuyên gia này cùng với những nhân chứng địa phương.

“Kể từ năm 2018, Bác sĩ Serafini đã trở thành một diễn giả trước công chúng về các phép lạ Thánh Thể. Ông diễn thuyết khắp nước Ý, thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn trên đài phát thanh và truyền hình, đồng thời thực hiện nhiều phim và tài liệu.

“Vợ chồng ông có một cuộc hôn nhân hạnh phúc và có hai con”.

Các nhận định trên đây có thể chỉ là lời nói của một nhà bán hàng, mong sách mình bán được nhiều người mua. Nhưng Michael Daniel của tờ *The Catholic Weekly* ở Sydney, Australia, đầu năm nay, nhận định rằng: “cuốn *A Cardiologist Examines Jesus* là một nghiên cứu hấp dẫn với bằng chứng y khoa và khoa học và rất đáng đọc. Nó bổ sung các nghiên cứu về các hiện tượng lạ lùng khác, như hiện tượng Đức Mẹ Guadalupe. Những nghiên cứu như vậy thách thức các quan điểm của thế giới luôn bác bỏ niềm tin tôn giáo như là phi lý và không khoa học.

Theo Daniel, Bác sĩ Serafini khảo sát bằng chứng y khoa và khoa học của 5 phép lạ Thánh Thể, tức Lanciano (thế kỷ thứ 8), Buenos Aires (1992, 1994 và 1996), Tixtla (2006), Sokolka (2008) và Legnica (2013). Ông bắt đầu cuộc nghiên cứu của mình bằng cách phân tích các phép lạ vừa kể. Sau khi phân tích chúng, ông ghi nhận rằng trong cả năm trường hợp, ta đều tìm thấy tế bào cơ tim có vân. Hơn nữa, tất cả đều cho thấy các dấu hiệu của chấn thương đáng kể và tất cả, chỉ trừ Lanciano, là tế bào sống của tim.

Tuy nhiên, Serafini lập luận rằng bản chất của tế bào trong phép lạ Lanciano cho thấy tế bào vẫn còn sống vào thời điểm phép lạ xảy ra. Ông lưu ý như một kết luận rằng “chúng ta đang phải đối diện với sự chấp mạch của lý trí con người: các công cụ khoa học đang chứng minh một cách rõ ràng một thực tại sinh học là tính phức tạp tạo ra của các tế bào sống.

Tuy nhiên, những công cụ nghiêm ngặt đó hoàn toàn không thể xác định được những tế bào đó đến từ đâu và tại sao chúng tiếp tục phân nào miễn nhiệm đối với sự phân hủy tự nhiên, bất chấp các quy luật sinh học (tr.155).

Serafini sau đó trích dẫn đề xuất của bác sĩ tim mạch người Ý, Tiến sĩ Pietro Pescetelli, người, dựa trên cơ sở các bằng chứng khoa học hiện có và các trình thuật Tin Mừng, từng lập luận rằng Chúa Kitô phải chịu căng thẳng liên quan đến điều ông gọi là catecholamine tức một loại amin có hoạt tính sinh học, một căng thẳng giống như một cơn đau tim, điều đó

ngghiêm trọng đến mức có thể gây hại cho vách tâm thất của Chúa Giêsu, gây ra cái chết ngay lập tức (tr.156).

Trong cuộc khảo sát tổng thể của ông về các phép lạ và thánh tích Thánh Thể này, điều đặc biệt là mối tương quan giữa các dữ kiện. Thí dụ, nhóm máu của tất cả các phép lạ Thánh Thể là AB, cũng như nhóm máu của Khăn lau mặt [Khăn Mặt] ở Oviedo và Áo dài thắt ngang lưng [Holy Tunic] ở Argenteuil. Điều này phù hợp với bằng chứng từ Tấm vải liệm Turin [shroud of Turin] có vết máu trên đó được cho là AB âm tính.

Những người có nhóm máu AB (dương hoặc âm) chiếm khoảng 5% dân số, trong khi AB âm là ít phổ biến nhất, chiếm ít hơn 1% dân số.

Khi nhóm máu AB trên di tích thánh được phát hiện cách đây vài thập niên, một số nhà phê bình cho rằng đây là bằng chứng về sự giả mạo thời Trung cổ, vì trước đó nhóm máu AB không hiện hữu.

Tuy nhiên, Bác sĩ Serafini chứng minh rằng cuộc thử nghiệm pháp y sau đó dựa trên bằng chứng khảo cổ học đã tìm thấy nhóm máu AB trên hài cốt của những bộ xương người Do Thái có niên hiệu từ thế kỷ thứ nhất và thứ tư.

Laura Hensley, trong bài nhận định về cuốn sách của bác sĩ Serafini (<https://epicpew.com/scientific-proof-for-the-eucharist/>), cho rằng : Một trong những khám phá hấp dẫn nhất trong việc nghiên cứu Bí tích Thánh Thể là loại mô tế bào. Trong những phép lạ này, Thánh Thể không chỉ chứa máu mà còn chứa mô là một phần của trái tim. Không phải của da, phổi hay dạ dày, mà là của trái tim. Trong điều kiện “con người” bình thường, những tế bào này bị thoái hóa sau cái chết của một người, nhưng trong mỗi phép lạ Thánh Thể, các tế bào vẫn “sống” và nguyên vẹn. Ngoài ra, trong một số căng thẳng nhất định tác động lên cơ thể, các tế bào của tim thực sự có thể thay đổi, thường liên quan đến “sự đau khổ tột cùng về thể chất, cảm xúc và tinh thần theo nghĩa rộng hơn không có tính y học. Thật ngạc nhiên, những dấu hiệu đau khổ này vẫn có thể được đánh giá và phân biệt.”

Sau khi thực hiện các xét nghiệm máu “bình thường” mà tất cả chúng ta đều thực hiện tại các cuộc khám sức khỏe hàng năm, máu cho thấy một người bị mất nước nghiêm trọng (có thể là do việc bảo quản kém theo thời gian), nhưng điều đáng lưu ý là Máu ở Lanciano cho thấy ở mức bình thường, do đó chứng tỏ một người đàn ông có sức khỏe tốt về hệ thống miễn dịch và chuyển hóa protein. Các tế bào bạch cầu cũng được tìm thấy, điều mà sự thường sẽ tan trong vòng vài giờ sau khi chết. Ngoài ra còn có các tế bào *lympho*, được tìm thấy trong máu như một “phản ứng với những kích thích căng thẳng đáng kể”.

Cũng như Michael Daniel, Laura Hensley lưu ý tới các phát hiện của bác sĩ Serafini về nhóm máu của năm phép lạ Thánh Thể:

Có 3 nhóm máu A, B, O và có cả nhóm máu AB. Trên mỗi mẫu được nghiên cứu từ các phép lạ, tất cả đều thuộc nhóm máu AB, loại máu mà chỉ 1-5% dân số có được (cho thấy nó hiếm đến mức nào, hơn nữa loại máu này lại xuất hiện trong mỗi phép lạ). Ngoài ra còn có nhóm máu Rh dương hoặc âm và tất cả các mẫu nghiên cứu đều có nhóm máu Rh âm tính. “Tôi sẽ nhắc nhở độc giả rằng 15% nhân loại có Rh âm. Sau khi làm phép tính, chỉ có 0.75% nhân loại có AB Rh âm tính: chỉ khoảng 1 trên 133 người.” Điều này sẽ khiến việc giả mạo những điều kỳ diệu này trở nên cực kỳ khó khăn vì tất cả chúng đều có cùng nhóm máu cực kỳ hiếm.

Nhưng đáng lưu ý là các chi tiết liên quan tới DNA. Một chủ đề rất phức tạp, nhưng có một vài sự thật đơn giản: Không có nhiễm sắc thể Y nào đi kèm với sự thụ thai kỳ diệu của Chúa Kitô. Trong khi có một số điển hình bác bỏ các ‘phép lạ’ khác bằng cách sử dụng DNA trên khắp thế giới, DNA từ các phép lạ Thánh Thể đích thực cho thấy DNA “bình thường” đối với người nam giới, và một nửa nhiễm sắc thể của Người phát xuất từ Mẹ Người là Đức Maria.

Sarah J. Pedrozo nhấn mạnh khía cạnh sâu xa hơn trong cuốn sách của bác sĩ Serafini: Những thay đổi nơi Mình Thánh đã truyền phép bao gồm từ việc nhỏ giọt máu đến việc thực sự trở thành một thứ gì đó hoàn toàn khác, đó là mô tim con người. Mặc dù Bác sĩ Serafini giải thích những phát hiện này với tư cách là một bác sĩ, nhưng ông cũng suy tư về ý nghĩa mà chúng ta có thể hiểu được từ chúng. Đây là điều khiến cuốn sách này khác biệt với những cuốn sách khác về phép lạ Thánh Thể. Bản thân Bác sĩ Serafini ban đầu chỉ dự định công bố các dữ kiện khoa học về thử nghiệm, hơi giống với các báo cáo dữ kiện về các kết quả khoa học khác. Trước sự ngạc nhiên to lớn của mình, ông đã tìm thấy một điều gì đó lớn lao hơn nhiều. Khi thảo luận về mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần, Bác sĩ Serafini cổ vũ sự kết hợp liền mạch giữa vật chất và phi vật chất. Ông viết rằng vấn đề của ngày nay không phải là khoa học mà là chủ nghĩa duy khoa học, hành vi biến khoa học thành một vị thần có thể cung cấp cho chúng ta mọi câu trả lời, thậm chí cả ý nghĩa của cuộc sống. Bác sĩ Serafini lưu ý rằng "một vị Thiên Chúa có lý trí đã tạo ra một thế giới có trật tự và dễ hiểu để một con người có lý trí có thể hiểu được bản chất xung quanh mình." Khi chúng ta nâng khoa học lên tầm cao hơn mục đích của nó thì chúng ta sẽ bị lạc lối.

Serafini nói về mối quan hệ giữa khoa học và đức tin, dẫn đến điều mà ông gọi là “thần học sinh học” [bio-theology] (sự suy tư thần học về sinh học) và chia sẻ những mô hình phức tạp xuất hiện đúng lúc, bất kể “thời gian lịch sử hay vị trí địa lý”. Cần phải xem xét nghiêm túc về thần học sinh học, về việc suy tư ý nghĩa của một hệ thống sinh học dựa trên vai trò chuyên biệt của nó. Nói theo cách riêng của ông, những phát hiện của ông "ít nhất là đáng ngạc nhiên".

Cuốn sách được viết theo phong cách đối thoại bởi một bác sĩ tim mạch, người hiểu sâu sắc cả về khoa học đằng sau các cuộc điều tra cũng như biểu tượng và ý nghĩa Công Giáo của bánh thánh. Cuốn sách này sẽ đánh thức lại niềm xác tín về Sự Hiện Diện Thực Sự nơi bất kỳ người Công Giáo nào, và ít nhất cung cấp rất nhiều thử nghiệm và kết luận khoa học nghiêm ngặt cho những người không có niềm tin.

Mary Beth Bracy, trong nhận định của mình (<https://catholicexchange.com/the-power-of-his-precious-blood/>), nhắc đến phần đóng góp của Đức Hồng Y Jorge Bergoglio, tức đương kim Giáo Hoàng Phanxicô, vào biến cố phép lạ Thánh Thể ở Á Căn Đình và mối liên kết của cuốn sách với sáng kiến Phục Hưng Thánh Thể của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ:

Trong suốt lịch sử của Giáo hội, nhiều phép lạ Thánh Thể đã xảy ra chứng tỏ sự Hiện diện Thực sự của Chúa Giêsu trong Bí tích Thánh Thể qua Mình, Máu, Linh hồn và Thiên tính của Người. Trong cuốn sách Một bác sĩ tim mạch khám nghiệm Chúa Giêsu: Khoa học tuyệt vời đằng sau các phép lạ Thánh Thể, bác sĩ tim mạch, Tiễn sĩ Franco Serafini đã liệt kê năm phép lạ được Giáo hội chấp thuận. Điều đáng kinh ngạc là cơ tim được tìm thấy trong mỗi hiện tượng và một số nghiên cứu cho thấy mô này có dấu hiệu căng thẳng cực độ và liên tục. Nói cách khác, trái tim vẫn còn đang đau khổ.

Một trong những phép lạ Thánh Thể nổi tiếng nhất xảy ra vào thế kỷ thứ 8 tại Lanciano, Ý.

Khi một linh mục nghi ngờ sự Hiện diện Thực sự của Chúa Giêsu cử hành Thánh lễ, bánh đã biến thành thịt và rượu biến thành máu. Máu được bảo quản và phân tích sau đó cho thấy nó thuộc loại AB, phù hợp với các phép lạ đã được xác minh khác, chẳng hạn như Khăn liệm thành Turin.

Tương tự như vậy, Bác sĩ Serafini kể lại rằng từ năm 1992 đến năm 1996, năm dấu hiệu Thánh Thể đã diễn ra tại Nhà thờ Thánh Maria ở Buenos Aires, Á Căn Đình. Tổng giám mục địa phương, Jorge Bergoglio (nay là Đức Giáo Hoàng Phanxicô), đề nghị chụp ảnh phép lạ một cách chuyên nghiệp. Năm 1999, ngài cho phép thử nghiệm khoa học. Một bác sĩ tìm mạch đã tìm thấy mẫu từ năm 1996 là mô tim của con người bị viêm, đã trải qua chấn thương và đau đớn nghiêm trọng, dẫn đến đau tim. Khi các xét nghiệm y tế được thực hiện trên Bí tích Thánh Thể từ năm 1992, một nhà huyết học đã quan sát thấy một khu vực “đập nhịp nhàn”.

Trong những ngày Phục hưng Thánh Thể này, xin cho chúng ta ca ngợi, tạ ơn, yêu mến và tôn thờ Mình và Máu Châu Báu Chúa chúng ta. Ý thức rằng Người là phương thuốc chữa trị mọi đau khổ mà chúng ta phải đối mặt, chúng ta hãy hiệp nhất với Chúa Giêsu trong Bí tích Thánh Thể và đặt niềm tin tưởng vào Người.

Lời người chuyên ngữ

Như đã thưa trong bài Bác sĩ chuyên khoa tim khảo sát Chúa Giêsu Thánh Thể đăng trên VietcatholicNews ngày 26 tháng 11, 2023 (<https://vietcatholic.net/News/Html/287136.htm>), cuốn *A Cardiologist Examines Jesus* của bác sĩ chuyên về tim Franco Serafini đã thu hút được rất nhiều chú ý và xét vì nó ra đời đúng vào dịp ở Hoa Kỳ, Hội đồng Giám mục đang khai mở phong trào phục hưng lòng tôn sùng Thánh Thể, chúng tôi chuyên ngữ cuốn sách giá trị này sang tiếng Việt. Động lực duy nhất là để củng cố niềm tin của mình và của rất nhiều người luôn muốn tìm về Thánh Thể như đỉnh cao và nguồn suối của cuộc sống Kitô hữu. Chứ thực ra, bản thân chúng tôi hoàn toàn mù tịt về văn chương y khoa, nhất là các từ ngữ chuyên môn trong lãnh vực này. Chúng tôi gặp nhiều khó khăn vì mặc dù tác giả, Bác Sĩ Franco Serafini, phần lớn có giải thích các từ ngữ y khoa chuyên biệt, nhưng không hẳn tất cả và nguồn tra cứu của chúng tôi vốn vụn chỉ có cuốn *Từ điển Y học Anh Việt* của Nhà Xuất Bản Y Học xuất bản năm 2010. Từ đó đến nay, Y Học đã phát minh ra nhiều từ ngữ khác. Nên đôi lúc, chúng tôi phải vào Google để tra cứu những chữ chưa được liệt kê trong đó. Chúng tôi cũng thú thực không có dịp để tham khảo các bậc thức giả trong lãnh vực từ ngữ này. Nên xin quý vị cao thâm vui lòng bỏ qua các thiếu sót và vụng về trong phạm vi này và vui lòng chỉ giáo để sửa chữa các thiếu sót và vụng về đó.

Dẫn nhập

Tôi là một bác sĩ - chính xác hơn là một bác sĩ tim mạch. Như chúng ta sẽ thấy, điều này đáng lưu ý.

Tôi cũng nên tuyên bố ngay lập tức về “những xung đột lợi ích” của mình, như thông lệ ngày nay trong các hội nghị y tế và các ấn phẩm khoa học: Tôi là người Công Giáo Rôma. Ban đầu tôi nghĩ mình có thể viết được một điều gì đó “vô trùng” và khách quan. Tôi nghĩ rằng sự thật cao cả và gây bối rối được giả thiết sẽ đến với người đọc bằng cách đơn giản kể lại những sự kiện khoa học mà không cần người kể chuyện đưa ra những bình luận không cần thiết. Tôi không thể kiềm chế được điều này: giống như một cỗ động viên bóng đá đứng nhâm góc sân vận động, mỗi khi đội bóng yêu thích của tôi ghi bàn, tôi không thể không hét lên và giơ tay dù bị mọi người xung quanh nhìn chăm chăm. Vì vậy, tôi sẽ không che giấu quan điểm Công Giáo của mình, mặc dù - xin hứa danh dự - đây không phải là lý do để tôi kiểm duyệt, giám nhẹ, phóng đại hoặc thậm chí sửa đổi một chút dữ kiện được báo cáo có thể kiểm chứng đầy đủ trong các thư mục có chú thích ở cuối mỗi chương.

Trong vài trang tiếp theo, tôi sẽ duyệt qua một số phép lạ Thánh Thể: chỉ có năm phép lạ, cộng thêm một phép lạ mà sau này tôi đã bỏ đi. Điểm chung của những sự kiện này là chúng đều đã trải qua những phân tích khoa học nghiêm ngặt trong thời gian gần đây hoặc rất gần đây. Tôi không phải là một nhà thần học và do đó mong muốn cuộc nghiên cứu nhỏ của tôi chỉ mang tính chất y học.

Tôi đã sàng lọc một cách nghiêm túc qua một cái rây các xét nghiệm lâm sàng, xét nghiệm, mô học và di truyền được thực hiện trên các mô mẫu nhiệm và dị thường này có nguồn gốc từ Mình Thánh đã truyền phép.

Điều này có nghĩa là tìm kiếm các bài báo và ấn phẩm gốc cũng như loại bỏ một lượng lớn tài liệu sùng đạo sai lệch và gây hiểu lầm thường tô điểm cho những câu chuyện xung quanh những phép lạ này. Bất cứ khi nào có thể, tôi xua tan những nghi ngờ và làm rõ những điểm không chính xác bằng cách liên hệ trực tiếp với các nhà nghiên cứu Nam Mỹ và Ba Lan, những người đã trực tiếp thực hiện cuộc điều tra. Tôi thậm chí còn đi đến một số nơi này để phỏng vấn các nhân chứng và trực tiếp xác minh chi tiết.

Vâng, ít nhất thì kết quả công việc của tôi cũng đáng ngạc nhiên.

Chúng ta sẽ thấy một mô hình mới xuất hiện tự lặp lại với một sự đúng lúc đáng yên tâm hoặc khó hiểu (tùy theo quan điểm của bạn): một mô hình nhất quán, từ sự kiện này đến sự kiện tiếp theo, bất kể thời gian lịch sử hay vị trí địa lý. Bước tiếp theo sẽ là cố gắng thúc đẩy một số suy tư trong lĩnh vực của bộ môn rất độc đáo này: một bộ môn vẫn chưa có nền tảng, một chủ đề mà chúng ta có thể gọi là “thần học sinh học” [bio-theology], “thần học thực nghiệm và ứng dụng” hay bất cứ tên nào khác mà chúng ta ưa thích. Chúng ta sẽ dấn thân vào một vùng đất chưa được khám phá, nơi diễn ra những hiện tượng gây ngạc nhiên và không thể giải thích được, ngay cả khi được lên tài liệu bằng kỹ thuật tốt nhất mà chúng ta có. Cuộc hành trình này sẽ thực sự thách thức tinh thần cởi mở của chúng ta, sự sẵn lòng của chúng ta để chấp nhận một mẫu nhiệm Kitô giáo khó tin, gai góc và gây bối rối đang xâm nhập vào thế giới hàng ngày của chúng ta. Chúng ta sẽ lang thang trong một khung cảnh trong bóng tối, thỉnh thoảng phải đồng hành với những người bạn đường lấu cá: những nhà khoa học vấp vấp, những nhà huyền nhiệm điên cuồng, những nhà nghiên cứu UFO lừa đảo. Đôi khi,

chúng ta sẽ ngạc nhiên khi nhận ra rằng các tín điều và chân lý của Đức tin quả thực giống như những ngọn hải đăng trong đêm. Một cách nghịch lý, chúng sẽ soi sáng ánh sáng mà chúng ta cần để hiểu những hiện tượng mà chúng ta không bao giờ có thể giải thích đầy đủ chỉ bằng lý trí.

Chúng ta phải thừa nhận rằng hàng trăm phép lạ Thánh Thể được Giáo hội công nhận đã xảy ra trong suốt nhiều thế kỷ. Đây rất có thể chỉ là phần nổi của tảng băng khổng lồ bị che giấu và bị lãng quên bao gồm hàng nghìn sự kiện. Caesarius thành Heisterbach, một đan sĩ người Đức vào năm 1200, đã liệt kê tới 67 biến cố lạ lùng liên quan đến Bí tích Thánh Thể trong *Dialogus miraculorum* (Đối thoại về các phép lạ) của ông. Ấn tượng nhất là tất cả các phép lạ này đều diễn ra quanh Cologne, trong suốt cuộc đời của ông, tất cả đều in sâu vào ký ức ông. Đan sĩ người Pháp, Thánh Paschasius Radbertus, đã viết *De corpore et sanguine Domini* (Về Mình và Máu Chúa) vào thế kỷ thứ chín. Đây có lẽ là tiểu luận đầu tiên về Bí tích Thánh Thể trong lịch sử Giáo hội, và nó liệt kê một số lượng đáng kể các sự kiện phép lạ đã được biết đến. Thánh Tôma Aquinô cũng vậy, trong cuốn *Summa theologiae* [tổng luận thần học] của mình, đã dành một mục cụ thể (III, q. 76, a. 8) về các hiện tượng phép lạ Thánh Thể, vốn rõ ràng không phải là hiếm vào thời đó.

Rất tốt, chúng ta hãy xóa bỏ sự hiểu lầm này ngay lập tức: cuốn sách này không nói về những truyền thuyết từ sâu thẳm thời Trung cổ.

Các phép lạ Thánh Thể vẫn tiếp tục xảy ra cho đến ngày nay, trong thời đại chúng ta, với số lượng dồi dào - đến nỗi tôi phải vội viết thêm một chương về một sự kiện vừa diễn ra ở Legnica, Ba Lan, mà vị giám mục địa phương đã đưa ra một tuyên bố chính thức vào ngày 10 tháng 4 năm 2016. Mong người biên tập không chống lại tôi, nhưng cuốn sách này sinh ra đã bị kết án là lỗi thời: nó sẽ luôn yêu cầu các phiên bản cập nhật.

Một do dự cuối cùng

Xin hãy cho phép tôi, trước khi bắt đầu cuộc hành trình đáng kinh ngạc này, được chia sẻ khoảnh khắc do dự cuối cùng, một cái nhìn lùi cuối cùng.

Tại sao chúng ta nên thực hiện các thử nghiệm khoa học về phép lạ Thánh Thể? Nó có thực sự cần thiết không?

Đó không phải là một câu hỏi tầm thường. Đây chắc chắn có vẻ là con đường hợp lý duy nhất dành cho những người như chúng ta, những người sống trong môi trường kỹ thuật. Suy cho cùng, chúng ta tin tưởng - hay đúng hơn là chúng ta nghĩ mình có thể tin tưởng - khoa học và y học là nền tảng cho cuộc sống của chúng ta. Vì vậy, cách tiếp cận khoa học này có vẻ hiển nhiên, hoặc ít nhất là rất “hợp lý”. Những sự kiện không thể giải thích được đã diễn ra ở Buenos Aires và Sokółka, nhưng chúng ta có các nhà khoa học và phòng thí nghiệm, vì vậy hãy cùng phân tích các phép lạ! Chúng ta có chắc chắn rằng tổ tiên của chúng ta sẽ lý luận cùng một cách nếu họ tiếp cận được các phương tiện của chúng ta không? Chúng ta đang tìm kiếm điều gì?

Thực ra, tất cả những phép lạ này đang nói với chúng ta bằng ngôn ngữ và biểu tượng hoàn toàn dễ hiểu: là người Công Giáo, chúng ta không thể thấy gì khác ngoài Máu - Máu quý giá nhất cứu chuộc và cứu chúng ta khỏi cái chết và Hỏa ngục - khi nhìn vào các tín hữu tôn thờ bánh thánh tiết ra chất lỏng màu đỏ. Việc đếm số lượng tế bào hồng cầu dưới kính hiển vi hay hiện tượng điện chuyển protein trong phòng thí nghiệm có thực sự quan trọng đến vậy

không? Khối đen như thạch xuất hiện một cách lạ lùng rõ ràng muốn nhắc nhở chúng ta về Sự Hiện diện Thực sự của Minh Thánh đó. Việc biết rằng chất đó thực sự là mô cơ tim - chứ không phải mô tuyến tụy hay da – có làm tăng thêm sự tôn thờ của chúng ta không?

Ngoài ra, chúng ta nên thực hiện các thử nghiệm nào? Ai sẽ có quyền ra lệnh về chúng? Chúng ta nên dẫn thân vào vấn đề này bao xa, và sự tò mò bệnh hoạn sẽ bắt đầu từ đâu?

Tại sao không định lượng mức cholesterol và glucose? Những người phụ nữ ngoan đạo đó đã cho Chúa ăn gì? Còn việc gây xúc tác cho việc chuyển hóa amin [transaminase] của gan thì sao? Họ có bắt Người uống quá nhiều không? Bạn đọc thân mến, bạn có thể hiểu chúng ta nên đi bao xa không?

Tuy nhiên, Giáo quyền vẫn luôn yêu cầu xét nghiệm tất cả các dấu hiệu lạ lùng như vậy trong phòng thí nghiệm trong suốt 20 đến 25 năm qua. Rõ ràng, điều này hiện được coi là thông lệ: đánh giá khoa học là một thành phần đã được thiết lập - và có lẽ là thành phần chính - trong nghi thức mà Giáo hội tuân theo để công nhận một phép lạ. Các giám mục chỉ thừa nhận nguồn gốc siêu nhiên của những sự kiện này sau khi điều tra khoa học kỹ lưỡng.

Toàn bộ chủ đề này gợi lên sự suy tư về vai trò hai mặt của khoa học đối với nhân loại hiện đại. Nó là một công cụ để hiểu thiên nhiên, một sự mở rộng rất mạnh mẽ của đôi mắt và bàn tay của chúng ta, giải phóng khỏi gánh nặng công việc và bệnh tật. Sẽ không ai thắc mắc điều đó! Tuy nhiên, đồng thời, khoa học và kỹ thuật đã trói buộc chúng ta bằng sức mạnh và thẩm quyền không thể nghi ngờ của chúng: chúng tước đi của chúng ta yếu tố tự phát và cuối cùng là tự do.

Phân tích khoa học cũng nổi tiếng mang lại kết quả trái ngược nhau. Thậm chí, đôi khi nó còn gây ra hiệu ứng *boomerang* phản tác dụng. Ngay cả khi có thiện chí, các nhà nghiên cứu vẫn có thể phạm sai lầm hoặc nói dối một cách thiếu thiện ý. Các cuộc điều tra có thể không có kết luận. Vì vậy, tôi khá đồng cảm với các tu sĩ Lanciano vào sáng ngày 18 tháng 11 năm 1970, khi kết thúc phần đánh giá và lấy mẫu của Giáo sư Linoli về phép lạ ở địa phương của họ. Những tu sĩ Phanxicô đó chắc hẳn đã thắc mắc: “Chúng ta đã làm gì vậy? Có thật là chúng ta đã phá hủy phép lạ mà tổ tiên chúng ta đã truyền lại trong suốt 1300 năm không?”

Tôi nên chỉ ra một yếu tố ít được mong muốn nhưng không phải là không đáng kể trong tình thế tiến thoái lưỡng nan của họ: phân tích khoa học luôn yêu cầu một mảnh chất liệu lạ lùng phải được coi một là xử lý quá nặng hai là thường bị tiêu hủy. Ai dám cắt bỏ một mảnh của điều sẽ được chứng minh là trái tim của Đấng Cứu Chuộc bằng cách cầm một con dao mổ trong một bàn tay vững vàng? Ai có đủ can đảm để làm như vậy khi biết chất liệu được lấy làm mẫu sẽ bị tiêu hủy? Ai muốn hy sinh dù chỉ một giọt Máu của Người? Bạn đọc có đủ can đảm này không? Ngay cả khi mẫu được lấy không lớn hơn vài mili mét thì việc cắt bỏ cũng không thể không gây đau và sẽ để lại dấu vết, mất vĩnh viễn. Ngoài ra, nên rạch ở đâu? Nên lấy bao nhiêu?

Đủ do dự quá rồi! Nếu một phép lạ xảy ra, nếu một dấu hiệu được cho phép nhìn, thì đó phải là vì Trời cho nó hữu ích và thích hợp vào thời điểm đó và ở nơi đó. Phép lạ Thánh Thể thực sự dành cho tất cả chúng ta, và chúng xảy ra để nâng đỡ đức tin đang lung lay của chúng ta.

Khái niệm về một món quà vị tha vốn có trong ngôn ngữ của Bí tích Thánh Thể, giống như việc bẻ bánh thánh và trao cho chúng ta mà không cần dè dặt. Tương tự như vậy, các phép lạ Thánh Thể cũng trở thành lương thực cho các linh hồn đương thời và trí óc hữu lý của chúng

ta. Những phép lạ này “biết chúng ta”; chúng biết chúng ta đang sống trong thời đại mà khoa học và kỹ thuật thống trị, và chúng đã dự ứng rất rõ ràng chúng ta sẽ xem xét chúng dưới kính hiển vi, phân tích chúng bằng các thăm dò di truyền và xé toạt chúng ra bằng thuốc thử hóa học và miễn dịch học. Chúng tự đề cho chúng ta tò mò và cuối cùng, kết quả kiểm tra cũng trở thành một phần không thể thiếu của những phép lạ thực sự.

Rõ ràng, việc cho phép thực hiện thử nghiệm khoa học trước hết phải xuất phát từ Thâm quyền hợp pháp của Giáo hội địa phương: Giám mục giáo phận nơi biến cố diễn ra. Sự cho phép này thường chỉ được ban cấp sau khi cẩn thận đánh giá xác suất về nguồn gốc siêu nhiên của một biến cố, độ tin cậy của các nhân chứng và sự thiếu mâu thuẫn trong giải trình của họ. Giáo hội không để mặc các tín hữu cho chính họ trong những vấn đề tế nhị như vậy và quả thực giữ quyền tối cao để đưa ra những tuyên bố chính thức về bản chất lạ lùng của những biến cố này.

Mối quan hệ giữa khoa học và đức tin

Toàn bộ chủ đề nghiên cứu các phép lạ Thánh Thể phải được nhìn nhận như một chương mới và độc đáo trong mối quan hệ đôi khi bị dày vò giữa khoa học và đức tin. Đặc biệt trong vài thế kỷ qua, mối quan hệ này hầu như mang tính đối đầu và chúng ta có thể biến mối quan hệ này thành một cuộc thảo luận bất tận. Nhân loại luôn cố gắng điên dại làm chủ chính mình. Tuy nhiên, sự ra đời của khoa học - mặc dù có nhiều lợi ích không thể nghi ngờ - đã làm trầm trọng thêm sự ảo tưởng vĩ đại này của con người. Do đó, nỗi khó chịu dày vò từ xa xưa của tất cả các Kitô hữu - cảm giác hiện hữu trong thế giới mà không thuộc về nó - cũng trở nên trầm trọng hơn. Thành thật mà nói, cùng một sự khó chịu cũng thực sự có thể được cảm nhận trong nhiều bối cảnh xã hội ngoài bối cảnh khoa học, chẳng hạn như bối cảnh xã hội, chính trị và kinh tế.

Thế giới là một cánh đồng nơi lúa mì tốt và cỏ dại cùng chung sống: chúng ta đã thấy điều đó trong nội tâm của mình. Vì vậy, không cần thiết phải thảo luận về các hệ thống thế giới chính. Nhờ đức tin, chúng ta biết rằng cuối cùng chúng ta sẽ hiểu được mọi sự chỉ trong viễn ảnh cánh chung, một kế hoạch thần thiêng.

Khoa học và đức tin sẽ chỉ tìm thấy sự cân bằng đơn giản và sự phân chia vai trò rõ ràng trong một xã hội tốt đẹp hơn nhiều so với xã hội chúng ta đang sống. Đây là điều mà Ortega y Gasset đã hy vọng trong tiểu luận xuất sắc “Nguồn gốc của Nhà nước trong Thể thao” của ông, tiểu luận mà ông bắt đầu bằng tuyên bố đầy khiêu khích nhưng không thể bị phê phán của mình: “Sự thật khoa học có đặc điểm ở những dự đoán chính xác và nghiêm ngặt, mặc dù khoa học thực nghiệm đạt được những tiêu chuẩn đáng khen ngợi này bằng cách tập chú vào các vấn đề có tầm quan trọng thứ yếu, để lại những vấn đề tối hậu và mang tính quyết định nhất không được trả lời.” Quả thực, chỉ cách đó vài dòng, nhà triết học Tây Ban Nha đã khiển trách khoa học vì đã hành động rất giống nhân vật con cáo trong câu truyện “Con cáo và chùm nho” của Aesop. Điều này là do các nhà khoa học có xu hướng coi tất cả các câu hỏi căn bản mà họ không biết cách xử lý là “thần thoại” và do đó nương mình vào thuyết bất khả tri. Về vấn đề này, tôi vui mừng nhớ lại lời mở đầu trang trọng và thi vị của thông điệp *Fides et ratio* [đức tin và lý trí] của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, dành cho chủ đề này: “Đức tin và lý trí giống như đôi cánh mà trên đó, tinh thần con người vươn lên để chiêm niệm sự thật.”

Hãy nói thẳng điều này: vấn đề không phải là chính khoa học. Tôi là một bác sĩ luôn cập nhật rất nhiều tiến bộ y tế gần đây, đặc biệt là trong chuyên ngành của tôi về bệnh tim mạch. Tuy

nhiên, trong suốt sự nghiệp y khoa của mình chỉ vài năm, tôi đã chứng kiến sự ra đời của các phương thức chẩn đoán ngày càng tốt hơn, các loại thuốc mới, hiệu quả hơn và an toàn hơn cũng như các kỹ thuật mới và ít xâm lấn hơn. Tôi thấy bệnh nhân sống cuộc sống tốt hơn hoặc hồi phục hoàn toàn và tôi tự hào về điều đó. Tuy nhiên, tôi không cầu xin y học cho tôi câu trả lời về ý nghĩa cuộc sống, lý do tại sao chúng ta phải đau khổ và không thể tránh khỏi cái chết dù đã có những tiến bộ vượt bậc về mặt y học. Tôi không mong đợi những câu trả lời này sẽ được công bố trong số tiếp theo của *Tạp chí Y học New England*, tạp chí y khoa uy tín nhất thế giới.

Tuy nhiên, tôi tin rằng khoa học hiện đại không chỉ phát triển một cách tình cờ ở phương Tây, cái nôi của Kitô giáo. Một Thiên Chúa hữu lý đã tạo ra một thế giới có trật tự và dễ hiểu để một người có lý trí có thể hiểu được bản chất xung quanh mình để trở thành chủ nhân của nó (*Sáng thế* 1:28). Không phải ngẫu nhiên mà nhiều nhà khoa học giỏi nhất lại xuất thân từ hàng ngũ giáo sĩ Công Giáo, như Copernicus, Spallanzani, Mendel hay Lemaître (người đã “khám phá” ra Vụ nổ lớn), chỉ kể tên một số ít.

Do đó, vấn đề thực sự là chủ nghĩa duy khoa học chứ không phải chính khoa học: Điều này cho rằng khoa học là phương tiện duy nhất được chấp nhận để khám phá sự thật. Chủ nghĩa duy khoa học dụ dỗ con người vào bẫy của nó bằng cách mê hoặc họ bằng những thành tựu kỹ thuật không thể phủ nhận, mặc dù một khi đã mắc bẫy, họ sẽ từ bỏ tâm trí tìm kiếm sự thật và giao phó ngay cả những lựa chọn căn bản nhất trong cuộc sống cho “các chuyên gia khoa học”. Mọi sự đều bắt đầu ở trường: gần như tất cả học sinh Ý - ở một thời điểm nào đó - đã phải chịu đựng một phiên bản sân khấu hoặc điện ảnh nào đó của kiệt tác ý thức hệ thiên vị đó là cuốn *Cuộc đời Galileo* của Bertolt Brecht. Chúng ta được nhắc nhở rằng khoa học phát sinh từ quyền tự do tư tưởng của con người, như thể đó là cách duy nhất để con người thoát khỏi chủ nghĩa ngu dân áp bức và sự lạc hậu giáo điều do các giáo sĩ tôn giáo áp đặt: có rất nhiều phim tài liệu, sách và tạp chí - mỗi mục tiêu nhắm đến những đối tượng cụ thể - để đảm bảo không có lối thoát nào thoát khỏi chế độ độc tài duy nhất của chủ nghĩa khoa học.

Tôi sẽ dừng ở đây để tránh làm độc giả nhàm chán thêm nữa và quay trở lại chủ đề của chúng ta. Phép lạ Thánh Thể là một trở ngại gây bối rối cho ý thức hệ khoa học: Thịt và Máu xâm nhập vào mảnh đất vô trùng và thánh thiêng của nữ thần Lý trí. Sau bốn thế kỷ, chúng ta đang chứng kiến cảnh kính viễn vọng của Galileo “lộn ngược”. Vào những năm 1600, những người theo trường phái Aristot lâu đời tại triều đình Cosimo de' Medici ở Florence coi thường kính viễn vọng và từ chối nhìn qua nó, vì sợ rằng họ phải thừa nhận những khám phá của Galileo: các vệ tinh của Sao Mộc và các miệng hố của mặt trăng. Thay vào đó, khi các phép lạ Thánh Thể được nghiên cứu, những vai trò đó bị đảo ngược: các nhà khoa học khất khe và khép kín tâm trí - những nhà đấu tranh cho quyền tự do nghiên cứu - là những người từ chối nhìn qua kính hiển vi của chính họ, kéo họ thấy một mảnh màu nhiệm của cơ tim “đau khổ”. Thái độ sợ hãi và ghê tởm này - chủ yếu đến từ thế giới khoa học hàn lâm - được minh chứng rõ ràng bằng phép lạ của Sokółka: các giáo sư địa phương về bệnh lý giải phẫu tiến hành các cuộc điều tra đã bị chính trường đại học của họ bức hại và bị công khai tấn công bởi chính các đồng nghiệp hời hợt - nếu không muốn nói là bất tài - của họ. Những người này phát biểu các phán đoán về những mẫu vật lạ lùng mà chưa bao giờ thực sự nhìn thấy chúng.

Những gì được Ron Tesoriero thuật lại trong cuốn *Unseen* [không thấy] của ông rất thú vị và tiết lộ nhiều điều, và chúng ta sẽ thảo luận sâu hơn về nó trong chương Buenos Aires: vào ngày 15 tháng 12 năm 2005, ông gặp Giáo sư Susanne Hummel tại Đại học Göttingen, Đức, cùng với đồng nghiệp Mike Willesee. Giáo sư Hummel có thể là chuyên gia vĩ đại nhất thế giới về phân tích DNA cổ thời. Không phải ngẫu nhiên mà tôi cũng đề cập đến một trong

những tác phẩm sáng tạo và hoàn hảo của bà trong chương nói về các nhóm máu của tôi. Cuộc họp diễn ra vô cùng căng thẳng: Hai nhà nghiên cứu đã mang một mẫu lấy từ bánh thánh ở Buenos Aires, trong đó một phòng thí nghiệm có trụ sở tại California đã xác định được dấu vết DNA của con người mà không cố gắng xác định hồ sơ của nó. Họ yêu cầu sự hợp tác của Giáo sư Hummel và những nghiên cứu bổ sung vô giá của bà, nhưng họ không muốn tiết lộ nguồn gốc của mẫu để bảo đảm bảo tính khách quan cho các xét nghiệm của bà. Tuy nhiên, Giáo sư Hummel khẳng định nếu không được cho biết nguồn gốc của mẫu vật thì bà sẽ không thực hiện nghiên cứu của mình. Hãy đặt mình vào vị trí của bà: Hai người này đang cố che giấu điều gì khi - không tính đến chi phí - họ đã cố tình đến từ Úc để yêu cầu xét nghiệm di truyền? Họ đang cố lôi kéo bà vào cuộc tranh cãi kiểu gì vậy? Cuối cùng cả hai đã nhượng bộ. Họ tiết lộ nguồn gốc lạ lùng bị nghi ngờ, và nụ cười nhã nhặn của nhà khoa học người Đức biến thành vẻ nhăn nhó băng giá. Bà sẽ không thực hiện bất cứ xét nghiệm nào, vì bà đã xác tín rằng chúng sẽ mang lại kết quả âm tính: nhiều nhất chỉ có thể tìm thấy các chất gây ô nhiễm nấm hoặc vi khuẩn. Chẳng cần phải suy nghĩ! Với sự thúc đẩy muốn hạ vũ khí của lòng chân thành, giáo sư kết luận rằng nếu người ta chứng minh được rằng bánh thánh đã biến thành máu hoặc thịt người, điều này sẽ gây ra quá nhiều bối rối cho Đại học Göttingen: thậm chí có thể trường sẽ bị đóng cửa một phần, vì một số chương trình và các hoạt động của trường được thành lập một cách công khai dựa trên chủ nghĩa vô thần.

Để nghe một tuyên bố hợp lý và hoàn toàn trái ngược, chúng ta phải quay sang Giáo sư Sulkowski, một nhà khoa học mà chúng ta sẽ nói đến trong chương về phép lạ Sokółka: “Nếu một vấn đề xã hội quan trọng mới nảy sinh, một vấn đề cần có sự tham gia của nhà khoa học, nếu có nhu cầu cần đến sự hiểu biết của họ thì không những họ có quyền mà còn có nghĩa vụ phải tham gia... Chúng ta có nhiệm vụ điều tra mọi vấn đề khoa học.”

Bốn thế kỷ sau Galileo, cuối cùng chúng ta đã khép lại vòng tròn: định kiến ý thức hệ đã đổi bên và hiện nay là trường phái tư tưởng khoa học thống trị trong các trường đại học danh tiếng nhất. Tuy nhiên, việc nghiên cứu các phép lạ Thánh Thể đã vạch trần một cách xuất sắc tính kiêu căng, lười biếng trí thức và chủ nghĩa tuân thủ một loại khoa học nào đó.

Một lưu ý cuối cùng, trước khi kết luận: Các phép lạ Thánh Thể cũng cần được bảo vệ khỏi sự chỉ trích thân thiện của nhiều nhà khoa học và nhà phổ biến, những người tiến hành các nghiên cứu và xuất bản các bài báo không chính xác. Ngay cả khi họ làm điều này một cách thiện chí, “công trình” của họ vẫn mang tính thiên vị, không thể chịu được những lời chỉ trích nghiêm túc và hợp lý, và cuối cùng hoàn toàn phản tác dụng. Thí dụ rõ ràng nhất mà cá nhân tôi đã vạch trần là báo cáo đầy lảng tránh của Tổ chức Y tế Thế giới-Liên hợp quốc do Giáo sư Giuseppe Biondini công bố vào năm 1976 nhằm hỗ trợ cho các cuộc điều tra rõ ràng và không thể chối cãi về mặt khoa học của Giáo sư Linoli về phép lạ ở Lanciano. Việc xem báo cáo chỉ cần có sự cho phép của các tu sĩ viện tu ở Lanciano, những người luôn thân thiện và sẵn sàng. Đó là một tài liệu cầu thả vụng về trộn lẫn dữ kiện khoa học chặt chẽ và được viết khéo - hầu hết được lấy từ xác ướp Ai Cập chứ không phải từ các mẫu mô ở Lanciano - với những lời huyền thuyên ủng hộ phép lạ được viết bằng tiếng Ý mơ hồ và khoa trương. Thiệt hại rất lớn: “Báo cáo của Liên Hợp Quốc” này, trong đoạn trích của nó, có cao vọng trở thành một nghiên cứu nguyên khởi về các thánh tích, cho rằng đã thực hiện 500 phân tích khổng lồ về chính các thánh tích. Bằng cách đó, nó tự trình bày với những tín đồ ngây thơ, như một cuộc điều tra thậm chí còn vượt trội hơn cuộc điều tra do Linoli thực hiện. Tuy nhiên, những kết luận xa vời của nó dễ dàng bị các chuyên gia vạch trần. Thật không may, tài liệu xa lạ này đã len lỏi vào tài liệu khoa học “chính thức” về phép lạ ở Lanciano: ngay cả ngày nay - bốn mươi năm sau - các ấn phẩm sùng đạo và “chính thức” hơn vẫn tiếp tục nhắc đến sự giả mạo ý thức hệ rẻ tiền này, trình bày nó như thể nó có phẩm chất tương đương với công trình của

Linoli.

Thôi, khi đã hiểu như thế, chúng ta hãy luôn mở rộng tầm mắt, chú ý đến những gì chúng ta nghe thấy và luôn cảnh giác. Các bạn hãy thưởng thức việc đọc tác phẩm này!

(1) Mô học là nghiên cứu về vi phẫu [microanatomy]: nghiên cứu và mô tả đặc tính của các loại tế bào và các loại mô cơ thể được thực hiện bằng cách quan sát dưới kính hiển vi.

Chương I. Lanciano (Thế kỷ thứ tám)

Một phép lạ cổ xưa

Tên của thị trấn xinh xắn của 35 ngàn cư dân này, thuộc tỉnh Chieti vùng Abruzzo “mạnh mẽ và dịu hiền”, có liên hệ mật thiết với một trong những phép lạ Thánh Thể quan trọng nhất. Lanciano quả tình là nơi diễn ra một trong các phép lạ Thánh Thể cổ xưa nhất mà thánh tích vẫn còn được bảo tồn cho đến nay. Nó cổ xưa đến mức tài liệu lịch sử chính xác về sự kiện ban đầu đã bị thất lạc qua nhiều thế kỷ. Tuy nhiên, cư dân Lanciano đã cố gắng không đánh mất nguồn gốc của phép lạ này cho đến thời hiện đại thông qua truyền khẩu và lòng sùng kính rất mạnh mẽ không gián đoạn.

Chính xác thì chuyện gì đã xảy ra? Chuyện kể lại, một đan sĩ Dòng Thánh Basil đang cử hành Thánh lễ ở Lanciano tại nhà thờ kính các thánh Legonziano và Domiziano trong khoảng thời gian từ năm 700 đến 750 sau Công nguyên. Ở Hy Lạp và Đông Byzantine, các đan sĩ dòng Thánh Basil tuân theo Luật của Thánh Basil, theo linh đạo của các giáo phụ Sa mạc và cách riêng Thánh Antôn ẩn tu. Giữa năm 600 và 700 sau Công nguyên, nhiều đan sĩ Dòng Thánh Basil đã chạy trốn khỏi cuộc đàn áp, phần lớn bởi người Ba Tư hoặc bởi chính hoàng đế Byzantine, nếu ông ta là một người bài trừ ảnh tượng, và tìm nơi ẩn náu ở Ý. Ở Lanciano, một trong những đan sĩ này, tên không được truyền lại, đang cử hành Thánh lễ. Tôi xin trích dẫn một bản thảo năm 1631, viết bằng một thứ tiếng Ý phẩm chất cao 9 trăm năm sau phép lạ, đã giải thích các biến cố một cách rõ ràng:

“Tại thành phố này, trong đan viện Thánh Legonziano, nơi các Đan sĩ dòng Thánh Basil sống vào khoảng bảy trăm năm sau Công Nguyên, có... một đan sĩ, không kiên định lắm với đức tin của mình, được giáo dục tốt về khoa học thế gian, nhưng không biết gì về Thiên Chúa, sống ngày qua ngày với sự nghi ngờ liệu Minh Thánh Chúa Kitô có ở trong Minh Thánh đã truyền phép hay không và Máu Thật có ở trong rượu nho.

Tuy nhiên, không bao giờ bị ân sủng Chúa bỏ rơi trong việc cầu nguyện liên li, ngài tiếp tục cầu nguyện với Thiên Chúa xin Người chữa lành vết thương này trong trái tim mình.

.....

Do đó, vào một buổi sáng, giữa Hy Lễ của mình, sau khi thốt ra những lời truyền phép thánh thiêng nhất, trong lúc hơn bao giờ hết đang vướng vào lỗi lầm cũ của mình, ngài thấy (Ôi ân huệ kỳ diệu và độc nhất vô nhị!) Bánh đã biến thành Thịt và Rượu biến thành Máu....

Đây là Thịt và Máu của Chúa Kitô yêu dấu nhất của chúng ta.

Nghe những lời này, những người lo lắng vội vàng chạy đến Bàn thờ và kinh hoàng, không khỏi rơi nước mắt, bắt đầu lớn tiếng cầu xin lòng thương xót”.

Sau nhiều thế kỷ, không trải qua bất cứ diễn trình phân hủy nào - mà hiển nhiên trong chính nó đã là một sự kiện màu nhiệm - một thánh tích kép đã được truyền lại cho chúng ta gồm

- một mô thịt tròn, màu nâu sẫm và hơi vàng, đường kính khoảng 6 cm, dày hơn về phía mép

và mỏng dần về phía trung tâm thành một khoang lớn ở giữa

- năm mảnh máu đông thành cục rắn có thể tích không đều nhau, màu vàng nâu, nặng tất cả 16 gram

Hiện tại, thánh tích được chứa đựng và niêm phong trong một mặt nhật đôi màu bạc trang nhã được chế tác vào năm 1713, cho phép nhìn toàn cảnh những vật quý giá bên trong qua một cửa sổ và một chiếc chén pha lê. Chúng được lưu giữ trong một chiếc hộp bằng đá cẩm thạch trên bàn thờ chính trong nhà thờ Thánh Phanxicô, dưới sự trông coi của các Tu sĩ Hèn mọn ngành Tu viện [Conventional].

Trong bóng tối tám thế kỷ

Hiện nay chưa có tài liệu lịch sử đáng tin cậy nào về nguồn gốc của những thánh tích này. Văn bản viết đầu tiên minh nhiên đề cập đến một phép lạ Thánh Thể được bảo tồn ở Lanciano chỉ có từ năm 1574, trong cuộc duyệt xét đầu tiên của Giáo hội về chính các thánh tích, theo yêu cầu của Đức Tổng Giám Mục Antonio Gaspar Rodriguez. Giacomo Fella, một nhà sử học xuất thân từ Lanciano, vào năm 1620 đã viết về lời tuyên thệ mà ông nhận được từ hai tu sĩ viện tu của Lanciano, Cha Antonio Scarpa và Cha Angelo Siro. Cả hai nhớ lại sự hiện hữu, khoảng sáu mươi năm trước, của một cuốn sách viết tay kiểu chữ Gothic tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh và được bao phủ bởi hai tấm bảng nhỏ, cuốn này chắc chắn có tính chất quyết định trong việc xác định nguồn gốc và niên đại của phép lạ.

Vâng, cuốn sách viết tay đã được trình bày một cách tốt đẹp cho hai đan sĩ dòng Thánh Basil đi ngang qua trú ngụ tại Lanciano. Kể từ thời Con ngựa thành Troy, người ta khuyên không nên tin tưởng người Hy Lạp! Tôi chỉ nói đùa thôi, nhưng ngày hôm sau, vào sáng sớm, hai tu sĩ dòng Thánh Basil đã vĩnh viễn biến mất mà không nói lời từ biệt, cùng với họ cuốn sách quý giá cũng biến mất, cuốn sách vốn đề cập đến một người cùng dòng cũ của họ mà sự thiếu niềm tin đã làm hoen ố danh thơm tiếng tốt của dòng.

Vì vậy, cuốn sách viết tay theo phong cách Gothic không còn hiện hữu và lời khai có công chứng xác nhận hành vi trộm cắp cuốn sách cũng không còn nữa, điều mà nhà sử học Fella đã khuyến nghị nên được viết ra làm bằng chứng cho hành vi trộm cắp.

Truyền thống truyền miệng về sự kiện xa xưa đã được viết thành văn bản trong tài liệu tao nhã năm 1631 mà tôi đã trích dẫn, hoặc được khắc trên đá trên một tượng đài cùng năm, nhưng tám thế kỷ đầu tiên kể từ phép lạ Lanciano vẫn là một “lỗ đen” đối với các nhà sử học. Đúng là một lỗ đen, nhưng vẫn được thấp sáng bởi các tài liệu được lưu trữ chứng tỏ sự quan tâm hội tụ mạnh mẽ của các tu sĩ dòng Phanxicô, các giáo sĩ giáo phận, các hội huynh đệ của cả nhà thờ cổ Thánh Legonziano, nơi phép lạ đã xảy ra, và gần đây hơn là nhà thờ Thánh Phanxicô được xây dựng vào năm 1258 trên đỉnh nhà thờ Thánh Legonziano, nơi sau này các thánh tích được di chuyển—một mối quan tâm chung đã gây ra căng thẳng và tranh chấp, thậm chí đến mức các sắc lệnh của giáo hoàng được đưa ra để xác nhận quyền giám hộ quần thể hai nhà thờ Thánh Legonziano và Thánh Thánh Phanxicô (và do đó nội dung quý giá, nhưng chưa bao giờ được đề cập đến).

Khoảng thế kỷ 11, một cuộc tranh luận thần học nảy sinh trong Giáo hội về sự hiện diện của

Chúa Kitô trong Bí tích Thánh Thể; nó dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ các chuyên luận đặt nền móng cho định nghĩa dứt khoát sau này về khái niệm *biến thể* [*transubstantiation*]. Điều này nói đến sự biến đổi bản thể của bánh và rượu thành bản thể của Mình và Máu Chúa trong Thánh lễ vào lúc truyền phép, mặc dù vẫn ở dưới hình bánh và rượu hữu hình.

Một đóng góp thần học quan trọng đã được cung cấp vào năm 1073 bởi Guitmund thành Aversa, một tu sĩ Norman, người đã viết cuốn *De corporis et sanguinis Christi veritate in Eucharistia* (Về sự thật về Mình và Máu Chúa Kitô trong Bí tích Thánh Thể). Trong một đoạn văn của cuốn sách này, ngài nhắc đến một phép lạ mà ngài đã được người thầy và người bạn Lanfranc ở Pavia kể lại. Khi còn thơ ấu, Lanfranc đã nghe nói rằng ở Ý “một phép lạ đã xảy ra trong tay một linh mục, người khi cử hành Thánh lễ đã nhìn thấy Mình Thánh thật trên bàn thờ và Máu thật trong chén thánh. Ngài sợ phải tiêu thụ chúng nên đã cầu cứu vị giám mục để xin lời khuyên. Đức Giám Mục, cùng với các Giám mục đồng sự đến chứng kiến sự kiện, đã lấy chén đựng Mình và Máu, cẩn thận niêm phong và đặt ở giữa bàn thờ để nó được bảo quản vĩnh viễn trong số những thánh tích quan trọng nhất.” Cha Nicola Petrone, người gần đây đã nghiên cứu lịch sử của phép lạ, tin rằng phép lạ mà Lanfranc đề cập đến chính là phép lạ ở Lanciano, không giống bất cứ phép lạ nào khác được chúng ta biết đến từ đầu thời Trung cổ ở Ý vì nó hoàn toàn trọn vẹn và đã tồn tại qua rất nhiều thế kỷ.

Cuộc thanh tra năm 1574

Kể từ năm 1574, các mô tế bào lạ lùng đã được kiểm tra gần như mỗi thế kỷ, được ra lệnh hoặc bởi thẩm quyền Giáo Hội hoặc bởi thẩm quyền Dòng Phanxicô. Lần kiểm tra đầu tiên, vào năm 1574, chắc chắn nên được ghi nhớ: các mặt nhật được mở ra trước mặt mọi người, và các thánh tích được kiểm tra và cân nặng. Nhân dịp này, một sự kiện màu nhiệm đáng nhớ đã diễn ra: năm cục máu, có kích thước khác nhau rõ ràng khi nhìn bằng mắt thường, hóa ra lại có trọng lượng giống hệt nhau trên bàn cân. Không những vậy, khi tất cả các cục máu đông được cân cùng một lúc thì chúng vẫn nặng như từng cục máu đông riêng lẻ.

Viết điều này vào năm 2016, tôi tin vào trí thông minh của tổ tiên mình và phải đề phòng chống lại việc chế nhạo họ, vì họ đã giỏi hơn tôi rất nhiều trong việc đối diện với những cuộc sống khó khăn hơn nhiều bằng lòng dũng cảm và sức mạnh đạo đức. Hoàn toàn tình cờ mà cha và ông tôi sinh ra ở Atessa, một thị trấn giáp ranh với Lanciano. Tên họ của tôi cũng bắt nguồn từ đó, và tôi thậm chí không thể loại trừ khả năng một trong những tổ tiên của tôi có thể đã có mặt ở Lanciano vào ngày hôm đó. Nếu phép lạ có cùng một trọng lượng như nhau này không xảy ra ngày nay, thì thậm chí nó còn ít xảy ra hơn vào năm 1574, khi những dụng cụ như vậy còn được sử dụng phổ biến nhiều hơn. Làm sao người ta có thể phạm sai lầm khi sử dụng cân, đặc biệt là trong thời điểm quan trọng như vậy và trước mặt toàn thể đồng bào? Là một người Công Giáo Rôma, tôi tin vào những điều “đáng kinh ngạc” hơn nhiều, và tôi không hiểu tại sao tôi lại không nên ghi công có lẽ cho một trong những tổ tiên của tôi đã kể cho tôi nghe về một sự kiện màu nhiệm mà ngài đã đích thân chứng kiến. Ngoài ra, ý nghĩa thần học của biến cố này rõ như pha lê: mỗi giọt rượu nhỏ nhất đã truyền phép đều chứa đựng trong tính toàn thể của nó bản thể trọn vẹn và không thể phân chia của Máu Chúa chúng ta; giọt nhỏ nhất, cũng như chén đầy rượu chứa Đấng mà cả vũ trụ không thể chứa đựng được. Năm 1563, Công đồng Trent vừa kết thúc, sau khi xác định tín điều về sự biến thể: Thiên đàng một lần nữa truyền tải một dấu hiệu rõ ràng từ Lanciano.

Trong những lần kiểm tra tiếp theo, điều kỳ diệu như vậy đã không còn xảy ra nữa. Thí dụ, vào năm 1886, trọng lượng của năm mảnh máu lên tới 8.00, 2.45, 2.85, 2.05 và 1.15 gram, bên cạnh 5 miligam mảnh đã nghiền thành bột.

Năm 1809, luật tự do, bình đẳng và tình huynh đệ của Napoléon cũng đã đến Lanciano: tu viện Thánh Phanxicô bị đóng cửa và biến thành doanh trại, chín tu sĩ mất tích, và phòng ăn trở thành tòa thị chính. Trong một thời gian, một phần của tu viện cũ thậm chí còn dùng làm nhà nghỉ của Tam Điểm. Nhà thờ Thánh Phanxicô trở thành nhà thờ giáo xứ. Với trật tự được tái lập trong thời kỳ khôi phục chế độ quân chủ, chỉ trong thế kỷ tiếp theo mới có điều kiện thích hợp một lần nữa để các tu sĩ Dòng Phanxicô viện tu quay trở lại Lanciano vào năm 1952.

Cuộc thanh tra năm 1970

Sau này, vào những năm 1960, có lẽ người ta đã cảm nhận được bầu không khí trong trẻo của Công đồng Vatican II. Sự không chắc chắn về nguồn gốc xa xôi của báu vật của họ - phần nào bị thất lạc trong thời kỳ đầu Trung cổ đầy sương mù - bắt đầu đè nặng lên các tu sĩ dòng Phanxicô. Họ bắt đầu nghĩ tới việc lên kế hoạch cho một cuộc kiểm tra mới và hiện đại về tính chất khoa học vững chắc. Đức Tổng Giám Mục Pacifico Perantoni, cũng là một tu sĩ dòng Phanxicô, lúc đầu do dự nhưng sau đó đã tự thuyết phục được chính ngài. Cần có một nhà nghiên cứu để thực hiện công việc phân tích: một chuyên gia trong lĩnh vực khoa học đồng thời là một trong những người có tư cách đạo đức cao nhất. Người đó là Giáo sư Odoardo Linoli, 48 tuổi, một nhà nghiên cứu bệnh học giải phẫu và là người đứng đầu bệnh viện “Spedali Riuniti” ở Arezzo.

Sáng ngày 18 tháng 11 năm 1970, lúc 10:15 trong phòng áo của nhà thờ Thánh Phanxicô, vị tổng giám mục đã phá các niêm phong năm 1886 và, trước sự chứng kiến của nhiều nhân chứng, đã mở mặt nhật trên một chiếc bàn phủ “vải lanh trắng”. Trong một buổi lễ cảm động, Giáo sư Linoli đã xin Đức Tổng Giám Mục “được phép chạm vào” Thịt, và Đức Giám Mục đã đồng ý. Kết cấu cứng, gần giống như gỗ. Hộp chứa Thịt rõ ràng là không kín khí: mô của Thịt phủ đầy vết trắng, khô, dễ bong ra. Những vết như này là nấm mốc chứ không phải tinh bột như được xác định ngay dưới kính hiển vi.

Ngoài ra còn có tàn dư của côn trùng nhỏ và giòi. Đó là một khoảnh khắc chán nản được mô tả bởi thư ký, Cha Castiglione, trong báo cáo của cha: “Sau khi kiểm tra mô của Thịt, Giáo sư Linoli bày tỏ lo ngại rằng không thể nhận diện được các yếu tố có giá trị để đưa ra các kết luận khoa học thông qua các xét nghiệm trong phòng thí nghiệm. Ông đưa ra giả thuyết cho rằng mô Thịt đã thiếu tất cả các nét tạo nên đặc tính.” Vàng trán nổi bật của giáo sư bắt đầu lấm tấm mồ hôi. Sau đó ông xin phép Đức Tổng Giám Mục “được phép thu thập một vài mảnh nhỏ,” và vị giám mục đã đồng ý. Bằng cách dùng kéo áp dụng một lực rất lớn, ông đã cắt hai mẫu rất nhỏ ở mép, tổng cộng là 20 miligram mô tế bào.

Rồi đến lúc dành cho Máu: năm cục, không bị gây ô nhiễm, có kết cấu cứng và đồng nhất. Một đề xuất đã được đưa ra là cân các cục máu đông một cách riêng biệt sau đó cùng với nhau, y như vào năm 1574. Cán cân không có trong số các dụng cụ có sẵn, vì vậy một người

đã mượn một chiếc từ hiệu thuốc địa phương. Tổng trọng lượng là 15.85 gram và đương nhiên mỗi cục máu đông có trọng lượng khác nhau. Linoli sau đó xin phép Đức Tổng Giám Mục được “thử mẫu một mảnh nhỏ,” và một lần nữa, vị giám mục đã đồng ý. Mảnh tách ra nặng 318 miligram. Cuộc kiểm tra đã kết thúc. Lúc đó, chính các tu sĩ cảm thấy nản lòng: “Các tu sĩ chúng tôi, rất ngạc nhiên, nhìn nhau chằm chằm. Về mặt của mọi người đều bộc lộ sự thất vọng và vỡ mộng không thể nhầm lẫn.” Một nhân chứng đã viết: “Có lẽ do công hay lỗi của chúng tôi mà phép lạ Thánh Thể Lanciano đã kết thúc. Chúng tôi đang giả vờ bình tĩnh mặc dù sâu bên trong chúng tôi vô cùng e ngại và đã mong chờ điều tồi tệ nhất.”

Sau khi trở về Arezzo, Giáo sư Linoli đã thực hiện một loạt các thử nghiệm căn bản trong hàng trăm ngày tiếp theo: đó có thể là những thử nghiệm đáng lưu ý nhất trong cuộc đời ông. Như được chép trực tiếp từ bài báo ông xuất bản năm sau trên *Quaderni Sclavo*, các thử nghiệm của ông nhằm mục đích:

- * xác định cấu trúc mô học của mô cứng như gỗ được lưu truyền như Thịt
- * xác định xem liệu chất cứng, như đá, giống như đất sét được truyền lại là “Máu” có thực sự được coi là máu
- * xác định xem Thịt và Máu thuộc về chủng loại sinh học nào
- * xác định nhóm máu của cả hai mô
- * điều tra các thành phần protein và khoáng chất của Máu

Công việc không hề dễ dàng. Cấu trúc mô học cần được giải thích: nhân tế bào không bị nhuộm bằng thuốc nhuộm thông thường, cũng như không có bất cứ đường vân [striation] ngang tăng cường nào (mặc dù điều này được mong đợi ở một mô được bảo quản lâu năm). Vì vậy, Linoli đã nhờ đến sự trợ giúp thêm từ Giáo sư Ruggero Bertelli để xác nhận rằng mô cơ có nguồn gốc từ tim.

Không có tế bào hồng cầu hoặc bạch cầu nào trong mẫu máu và một số kết quả xét nghiệm không đưa đến kết luận nào. Những xét nghiệm khác cần các thích nghi trong quy trình phân tích để tính đến tính chất đặc biệt của mẫu cổ và có độ mất nước cao.

Tuy nhiên, từng bước một, với sự kiên nhẫn và bền bỉ, một kết quả trọn vẹn và đáng kinh ngạc đã bắt đầu thành hình, có lẽ ngoài sự mong đợi của mọi người. Trong hai dịp, Giáo sư Linoli cảm thấy cần phải dự ứng và chia sẻ sự hài lòng của mình về kết quả sơ bộ của mình với các tu sĩ Lanciano. Ông đã viết hai tin nhắn điện báo. Vào ngày 11 tháng 12 năm 1970, ông viết: “*In principio erat Verbum, et Verbum caro Factum est*”, trích dẫn từ lời mở đầu của Tin Mừng Thánh Gioan: “Ban đầu có Ngôi Lời, và Ngôi Lời đã trở thành xác thịt”. Nếu văn phong là điều xác định ra một con người, thì văn phong của ông tuy cần phải ở dưới dạng điện tín, vẫn đã làm ấm lòng rất nhiều những tâm hồn đang run sợ của các tu sĩ Phanxicô vào chính mùa Giáng Sinh ấy. Một lần nữa, vào ngày 11 tháng 2 năm 1971, ông viết: “Nghiên cứu sâu hơn cho phép xác nhận sự hiện diện của cơ vân tim. Alleluia.”

Vào ngày 4 tháng 3 năm 1971 - một trong những ngày lạnh nhất thế kỷ ở Ý - Giáo sư Linoli đã hoàn thành một báo cáo khoa học ở Lanciano phủ đầy tuyết. Nó tóm tắt các điểm sau:

1. Máu trong phép lạ Thánh Thể là máu thật và Thịt là thịt thật.

2. Thịt được làm từ mô cơ tim.
3. Máu và Thịt thuộc về chủng loại người.
4. Nhóm máu là AB và đồng nhất trong Máu và Thịt: do đó, rất có thể, cả hai đều thuộc cùng một Người.
5. Protein máu có thể được phân tách theo tỷ lệ của máu tươi bình thường.
6. Khoáng chất clorua, photpho, magnesium, kali và natri được phát hiện với số lượng giảm trong máu, trong khi canxi lại dư thừa (2).

Những chi tiết kỹ thuật hơn (mà chúng tôi sẽ xem xét cẩn thận trong một số chương sau: *Tim, Máu và Nhóm máu AB*) đã trở thành chủ đề của một ấn phẩm khoa học thâu xuất kèm theo bằng chứng hình ảnh phong phú: một bằng chứng hoàn hảo, thậm chí theo tiêu chuẩn hiện đại.

Ngoài những kết luận nêu trên, Giáo sư Linoli còn đề cập đến những điều sau:

- Cấu trúc của Thịt không phù hợp với giả thuyết về một mẫu vật “giả” được chế tạo một cách ác ý trong các thế kỷ trước: chỉ có một bàn tay rất thành thạo trong việc mổ xẻ giải phẫu mới có thể cắt tiếp tuyến xuyên qua bề mặt của một cơ quan rộng một cách gọn gàng như vậy để có được một mặt cắt ngang mỏng hoặc “lát cắt” từ một quả tim của người chết (được suy ra từ đường đi chủ yếu theo chiều dọc của các bó sợi cơ nhìn thấy trong các mẫu mô học).
- Các mẫu vật - đặc biệt là Máu - sẽ nhanh chóng bị thối rữa nếu có nguồn gốc từ một xác chết.
- Tuy nhiên, không phát hiện thấy muối bảo quản trong các mẫu mô.

Ba mươi năm sau, khi được phỏng vấn tại nhà ông ở Arezzo tháng Ba năm 2001 bởi Mike Willesee và Ron Tesoriero (người mà chúng ta sẽ chính thức gặp trong chương nói về Buenos Aires), Linoli thẳng thắn thú nhận rằng sau thời điểm đạt được những kết quả này, “trong vài tháng [ông] cảm thấy như thể [ông] đang đi cách mặt đất ba mươi cm”.

Thanh tra bổ sung năm 1981

Trong thập niên sau cuộc thanh tra năm 1970, các tu sĩ dòng Phanxicô đã yêu cầu Giáo sư Linoli nghiên cứu sâu hơn về Thịt lạ lòng, cả về mặt vĩ mô lẫn vi mô. Do đó, ông đã lấy các phân mô học mới (3) được lấy từ một mảnh nhỏ không được sử dụng vào năm 1970 và vẫn được bảo quản ở Lanciano.

Trong các slide kính hiển vi mới, cấu trúc cơ tim [myocardial] (4) của các sợi cơ thậm chí còn được mô tả rõ ràng hơn. Hơn nữa, có thể nhìn thấy các chi tiết cấu trúc mới và nguyên khởi: màng trong tim [endocardium], lớp lót bên trong của tim, cũng như các vùng mô mỡ [adipose] (5); các mạch máu động mạch và tĩnh mạch và thậm chí cả bó sợi thần kinh phế vị [vagus] (6) có thể được đánh giá. Đó là một loạt các phát hiện vi mô - nhìn tổng thể - phức tạp nên bức tranh của một trái tim con người hoàn chỉnh.

Nghiên cứu vĩ mô cũng gây ngạc nhiên. Tập chú của Linoli là mười bốn lỗ tròn nhỏ được đục

đọc theo toàn bộ mép ngoài của thánh tích, như thể, trong một quá khứ xa xôi, cần phải giữ cố định Thịt bằng mười bốn chiếc đinh đóng vào một giá đỡ bằng gỗ để chống lại sự co rút và co lại của xác chết cứng đờ [rigor mortis] (7). Do đó, Thịt sẽ co rút về phía các đinh bên ngoài, tạo ra khoảng trống hiện có ở giữa. Tuy nhiên, theo giáo sư, khoang này cũng đã hiện hữu một phần từ trước. Do đó, cho đến ngày nay, thánh tích này về mặt vĩ mô vẫn giống một mặt cắt ngang hoàn chỉnh của tim, hoặc có thể là một mặt cắt ngang ngay qua tâm thất trái (8).

Giáo sư Linoli đã thêm một quan sát sâu sắc cuối cùng: nếu Thịt được chúng ta tôn thờ ngày nay đã trải qua tình trạng xác chết cứng đờ, thì rõ ràng vào thời điểm xảy ra phép lạ ban đầu, nó vẫn còn sống. Trên thực tế, tình trạng xác chết cứng đờ bắt đầu từ một đến ba giờ sau khi chết và kết thúc vào khoảng 36 đến 48 giờ sau đó.

Ông thực sự tiếp tục suy tư về điều này trong những năm tiếp theo, và vào dịp kỷ niệm 20 năm cuộc thanh tra, ông cảm thấy muốn tiết lộ một khía cạnh vĩ mô của Thịt mà trước đây ông đã bỏ lỡ: Một mặt cắt ngang toàn bộ trái tim thực sự có thể được nhận ra trong kết cấu tổng thể của Thịt lạ lùng. Phần còn lại của tâm thất trái có thể được nhìn thấy ở phần dưới dày hơn trong khi phần trên mỏng hơn là tâm thất phải. Thời gian đã làm mất đi các bộ phận giải phẫu như vách liên thất, vốn chia cắt hai tâm thất về mặt sinh lý học, do đó chỉ còn lại một khoang duy nhất. Sự mất nước và quá trình ướp xác phát đã làm giảm kích thước vì kích thước hiện tại nhỏ hơn kích thước của một trái tim sống.

Do đó, Thịt ở Lanciano bắt đầu giống với hình ảnh mà bác sĩ tim mạch hình dung trên màn hình siêu âm: đó là một hình ảnh trực tiếp cạnh xương ức, (9) thu được như thể “cắt” tim một cách lý tưởng dọc theo trục phía trước. Tâm thất trái và phải sau đó sẽ được nhìn thấy cạnh nhau, đập với nhau và duy trì hình dạng hình trứng.

Tiêu chuẩn khoa học

Như đã nêu, các cuộc điều tra của Giáo sư Linoli hoàn hảo về mặt khoa học. Bản báo cáo này cực kỳ chi tiết và mô tả các tài liệu cũng như phương pháp: những tài liệu và phương pháp cập nhật nhất và đã được xác thực vào thời điểm đó. Ông không giấu giếm những khó khăn mình gặp phải (chẳng hạn như kết quả âm tính của xét nghiệm về máu và những hợp chất có chứa những chất có nitơ như protein [hemochromogen] (10) và trung thành tuân thủ các mục tiêu mà ông đặt ra khi bắt đầu nghiên cứu.

Bất cứ khi nào có thể về mặt phương pháp, ông đều đưa ra các mẫu đối chứng (chẳng hạn như máu người hoặc động vật, hoặc các tờ giấy thấm chưa qua xử lý) để làm nổi bật tính đúng đắn của phương pháp và nâng cao giá trị của kết quả. Bằng chứng hình ảnh của ông rất đầy đủ.

Có điểm yếu nào không? Toàn bộ cuộc điều tra được thực hiện bởi một mình Giáo sư Linoli. Không có ủy ban giám sát: ông lấy các mẫu và chỉ có ông và ông phân tích chúng.

Ngày nay, chắc chắn chúng ta sẽ tổ chức một chuỗi giám sát các mẫu vật, thậm chí có thể quay video những khoảnh khắc quan trọng nhất của nó và nghiên cứu sẽ được thực hiện bởi

nhiều chuyên gia. Giám sát lẫn nhau sẽ loại bỏ nguy cơ gian lận. Thậm chí tốt hơn nữa, các phương pháp dấu tung tích[blinding] sẽ được áp dụng cho các thí nghiệm, chẳng hạn như không tiết lộ nguồn gốc của mẫu cho các nhà nghiên cứu. Chúng ta sẽ thấy rằng đây là thủ tục được Bác sĩ Castañón thực hiện ở Buenos Aires vào năm 1999 và ở Tixtla vào năm 2009. Sự tin thác đặt vào tính chính trực của Giáo sư Linoli là một phần trong quyết định tan nát cõi lòng của các tu sĩ dòng Phanxicô muốn thử nghiệm Thánh tích thánh thiêng. Chúng ta hãy đặt mình vào vị trí của các tu sĩ: lần đầu tiên trong lịch sử Giáo hội, khoa học y tế hiện đại được phép phân tích một mẫu vật phi thường - được cho là chính Mình và Máu Chúa chúng ta - và các tu sĩ thậm chí còn chấp nhận sự phá hủy một phần của nó trong quá trình lấy mẫu. Họ hẳn phải có lòng dũng cảm rất lớn: nguy cơ các phân tích sẽ chứng minh nguồn gốc gian lận hoặc đơn giản hơn mang lại các kết quả không thể kết luận là rất cao (xét vì các mô tế bào rất cổ xưa và xuống cấp rất nhiều). Ít nhất, sự táo bạo của họ phải được cân bằng một cách dễ hiểu với niềm tin của họ vào một nhà khoa học không thù địch. Xét đến bối cảnh lịch sử của ông, bản thân tôi thấy thái độ thận trọng của họ khá dễ hiểu.

Báo cáo lảng tránh của Cơ quan Y Tế Liên Hiệp Quốc

Giữa năm 1973 và 1976, một Giáo sư Giuseppe Biondini nào đó đã tham gia vào một Ủy ban của Cơ quan Y tế Thế giới đang nghiên cứu sâu hơn để cố gắng giành được “sự hỗ trợ khoa học” lớn hơn cho công việc của Linoli. Phẩm chất của báo cáo nghiên cứu mới này - mà cá nhân tôi đã tham khảo tại Đền thờ Lanciano – hết sức thất vọng và không xứng đáng được công bố thêm.

Kết luận

Không thể phủ nhận rằng các nghiên cứu khoa học của Giáo sư Linoli đã khôi phục cả sự chú ý của công chúng đối với phép lạ cũng như khả năng hiển thị của nó. Tuy nhiên, ngay cả trước những nghiên cứu đó, nó chưa bao giờ thực sự bị lãng quên vào bất cứ thời điểm nào trong lịch sử và ngày nay sự quan tâm đến nó vẫn còn sống động hơn bao giờ hết: hàng năm, hàng chục nghìn người hành hương đến Lanciano từ khắp nơi trên thế giới để tôn kính thánh tích hoặc tôn thờ một Sự Hiện Diện (cả hai thái độ đều được Giáo Hội cho phép như nhau). Thật vậy, phép lạ Lanciano là một trong những thí dụ điển hình nhất về cuộc gặp gỡ hạnh phúc và sinh hoa trái giữa khoa học y tế và Đức tin Công Giáo.

Thư mục

Linoli, Odoardo. 1971. “Ricerche istologiche, immunologiche e biochimiche sulla carne e sul sangue del miracolo eucaristico di Lanciano (VIII secolo).” [Nghiên cứu mô học, miễn dịch và sinh hóa về thịt và máu của Phép lạ Thánh Thể Lanciano (thế kỷ thứ 8).” *Quaderni Sclavo di Diagnostica* 7 (3). Báo cáo gốc của Giáo sư Linoli không còn nữa. Bản sao PDF thuộc quyền sở hữu của tác giả và có thể được cung cấp theo yêu cầu.

Linoli, Odoardo. 1992. *Ricerche istologiche immunologiche e biochimiche sulla carne e sul sangue del miracolo eucaristico di Lanciano (VIII secolo)* [Nghiên cứu mô học, miễn dịch và sinh hóa về thịt và máu của Phép lạ Thánh Thể Lanciano (thế kỷ thứ 8)]. Ý: Edizioni S.M.E.L. Kết quả nghiên cứu từ năm 1971 được tích hợp với dữ kiện từ nghiên cứu năm

1981 và suy tư về cấu trúc vĩ mô của Thịt bởi Giáo sư Linoli. Có sẵn để bán tại Đền thờ Phép lạ Thánh Thể ở Lanciano.

Wikimedia. 2018. “Tập tin: Phép lạ Thánh Thể ở Lanciano – tài liệu công cộng – L'Osservatore Romano.JPG.” *L'Osservatore Romano*. Truy cập ngày 11 tháng 7 năm 2021. Bài báo trong đó Giáo sư Linoli trình bày những phát hiện khoa học thu được từ vòng nghiên cứu thứ hai của ông.

Petrone, Nicola. 1990. *Il miracolo eucaristi-co di Lanciano* [Phép lạ Thánh Thể ở Lanciano]. tái bản lần thứ 2. Lanciano: Litografia Botolini presso Libreria S.M.E.L. Được hỗ trợ bởi imprimatur của Giáo Hội, được cập nhật với các nghiên cứu từ năm 1981.

Sammacicia, Bruno. 1973. *Il miracolo eu-caristico di Lanciano: La scienza ha fornito le prove* [Phép lạ Thánh Thể Lanciano: Khoa học đã chứng minh]. Tái bản lần thứ 4. Lanciano: Litografia Botolini. Cuốn sách đầu tiên kể lại toàn bộ câu chuyện về phép lạ thánh thể Lanciano dưới ánh sáng những phát hiện của Giáo sư Linoli. Được hỗ trợ bởi imprimatur của Giáo hội.

La Lampada. 2010. “Bollettino: Santuario del miracolo eucaristico,” [Bản tin: Đền Thánh phép lạ Thánh Thể], *La Lampada* III (20).

Trong số báo định kỳ này được xuất bản bởi đền thánh Lanciano, Cha Petrone đưa ra giả thuyết cho rằng phép lạ được Guitmund xứ Aversa mô tả rất có thể là phép lạ của Lanciano. Không còn có sẵn trực tuyến. Bản sao PDF thuộc quyền sở hữu của tác giả và có thể được cung cấp theo yêu cầu.

Ghi chú

(2) Có thể do ô nhiễm môi trường.

(3) Phần mô học được chuẩn bị từ mô được lấy mẫu bằng các phương pháp khác nhau. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng là một lát mô cực mỏng được cố định trên một phiến kính để kiểm tra dưới kính hiển vi.

(4) *Myocardial* có nghĩa là thuộc về cơ tim [*myocardium*: lớp giữa vách gồm cơ bắp của tim]: thuật ngữ y học chỉ tim.

(5) Mô mỡ [*adipose tissue*] là thuật ngữ y học chỉ chất béo.

(6) Dây thần kinh phế vị [*vagus*] cung cấp sự ức chế cho tim, làm chậm nhịp tim.

(7) Chết cứng đờ [*rigor mortis*] là một hiện tượng bình thường sau khi chết dẫn đến tình trạng cứng toàn thân tạm thời tất cả các cơ trong cơ thể.

(8) Trái tim con người được chia thành bốn buồng: hai tâm nhĩ và hai tâm thất. Tâm thất trái là buồng co bóp lớn nhất và mạnh nhất của tim người trưởng thành.

(9) Hình ảnh trái tim theo trục ngắn cạnh xương ức cho thấy hình ảnh cắt ngang của trái tim được cắt theo chiều ngang bởi một mặt phẳng tưởng tượng.

(10) Nói rộng ra, những xét nghiệm này sàng lọc sự hiện diện của phân tử sắc tố *heme* chứa sắt có trong hemoglobin, protein vận chuyển oxy có trong hồng cầu.

Chương II. Buenos Aires (1992, 1994, 1996)

Tiền đề phải có để hiểu các biến cố ở Buenos Aires, Sokólka và Legnica

Linh mục nên làm gì khi Mình Thánh đã bị vấy bẩn - vô tình hoặc do xúc phạm - và khó có thể rước được nữa? Các chính sách của Giáo hội cổ xưa thực sự đã đưa ra câu trả lời cho ngay cả những trường hợp đáng kinh ngạc nhất có thể nảy sinh trong quá trình cử hành Hy tế Thánh lễ, bao gồm cả cái chết của người chủ tế. Năm 1962, Thánh Giáo Hoàng Gioan XXIII đã phê chuẩn bản sửa đổi mới nhất của *Missale Romanum* (Sách Lễ Rôma), trong chương “*De Defectibus*” (“Về những khiếm khuyết”), đoạn X, Số 7 viết như sau: “Nếu có chất độc chạm vào Mình Thánh Chúa,... nó có thể được đặt vào một chén đầy nước, như đã nêu ở trên liên quan đến Máu ở số 6.” Số 6 nói: “Đề hình bánh có thể hòa tan và nước đó được đổ vào giếng thánh.”

Vì vậy, người ta mong đợi được nhìn thấy bánh không men tan rã hoàn toàn. Một khi hình bánh bị mất đi do bị hòa tan trong nước thì bản thể của Mình Thánh Chúa chúng ta cũng được cho là bị mất đi. Chỉ ở giai đoạn đó, nước mới có thể được xả đi, mặc dù không chảy vào cống chung mà vào giếng thánh: một lối thoát xuống đất trong khuôn viên nhà thờ đã thánh hiến.

Điều đáng lưu ý là, đây là phần bổ sung mới năm 1962 cho phiên bản Sách lễ trước đó vốn cho rằng thay vào đó “cùng hình bánh này sẽ được bảo quản ở một nơi riêng biệt bên trong Nhà tạm cho đến khi hình bánh này bị phân hủy và chỉ sau đó mới được đổ vào giếng thánh”.

Phép lạ năm lần

Năm biến cố Thánh Thể lạ lùng đã diễn ra từ năm 1992 đến năm 1996, tất cả đều diễn ra tại cùng một giáo xứ ở Buenos Aires. Không lý lẽ nào của con người có thể giải thích được sự phong phú của các hồng phúc này: Há những phép lạ này không thể được phân bổ một cách “công bằng” hơn trên khắp thế giới này của chúng ta, một thế giới đang khao khát những dấu hiệu hữu hình của sự hiện diện của Thiên Chúa hay sao? Như thể những lời của Chúa Kitô vinh hiển trong Ngày Khải Huyền đang vang vọng lại: “Này, ta đứng ngoài cửa và gõ”. Việc Chúa Kitô gõ cửa cánh cửa đó ở Buenos Aires thực sự rất dai dẳng.

Tuy nhiên, hầu hết mọi người hầu như không biết gì về những biến cố này, ngay cả ở Á Căn Đình. Ở Ý, những vấn đề này chỉ mới được thảo luận gần đây sau cuộc bầu Đức Giáo Hoàng Phanxicô và chỉ từ khi giới truyền thông – đặc biệt là các blogger Công Giáo – chuyển sự chú ý của họ sang giáo phận “ở nơi tận cùng thế giới” nơi Đức Phanxicô xuất thân này. Một trong những nhà báo Công Giáo giỏi nhất người Ý, Maurizio Blondet, đã dành hai tuần ở Buenos Aires vào năm 2014 cho một cuộc điều tra độc quyền, sau đó dẫn tới cuốn sách *Un cuore per la vita eterna* (Một Trái tim cho sự sống vĩnh cửu) của ông, mà tôi đặc biệt đề nghị làm tài liệu tham khảo để tìm hiểu thêm về các sự kiện.

Phát biểu từ kinh nghiệm du lịch Buenos Aires của chính tôi (chính xác vào thời điểm đó vì lý do gia đình), nếu bạn nhờ một tài xế taxi địa phương đưa bạn đến Nhà thờ Đức Bà trên Đại lộ La Plata 286, rất có thể anh ta sẽ ngắt lời bạn bằng một cử chỉ hiểu biết, khi nói: "Vâng, nhà thờ." Không, bạn không nghĩ đến cùng một câu trả lời. Ngay ở Á Căn Đình, rất ít người biết các sự kiện mà chúng ta sắp thảo luận. “Nhà thờ có đồng hồ!” sẽ là câu trả lời nhiệt tình

của anh ta: anh ta luôn kiểm tra thời gian khi lái xe phía trước nó.

Hãy tưởng tượng bạn đang ở trung tâm Buenos Aires, trong một khu phố rất bình thường và không mấy gây ấn tượng: không phải là một nơi tồi tàn, nhưng chắc chắn khác xa với những khu phố cổ kính và trang nhã hơn được hầu hết khách du lịch ghé thăm. Nhà thờ theo lối tân Rôma bằng gạch đỏ này rất có thể chỉ mới một trăm năm tuổi. Nó có vẻ bình dị nhưng trang nghiêm, giống như khu phố xung quanh. Năm 2006, một nhà nguyện châu Thánh Thể dành riêng đã được thêm vào gian giữa bên trái. Mọi Thứ Sáu của tuần thứ ba trong tháng lúc 8 giờ tối và vào lúc 11 giờ sáng Thứ Bảy của tuần thứ tư hàng tháng, sẽ có những buổi định kỳ giải thích sự thật về các sự kiện đã diễn ra ở đó cho các tín hữu đến thăm.

Sau một thời gian dài chờ đợi, vì tôi và gia đình không đến thăm vào một trong các phiên hàng tháng, nên cha xứ đã gửi chúng tôi đến gặp một giáo dân: một quý ông vui vẻ, người đã giải thích cặn kẽ và kín đáo các biến cố của những năm 1990 cho chúng tôi bằng tiếng Tây Ban Nha chậm rãi và dễ hiểu. Cuối cùng, ngài mở một nhà tạm trên bức tường phía sau mặt nhật sang trọng giữ Minh Thánh Chúa trong nhà nguyện tôn thờ. Mặt nhật trang trí đặt phía trước Nhà tạm là mặt nhật hiện đại, được làm bằng hồ thủy tinh [glass paste] và kim loại. Thiết kế của nó giống với hoa *nahui ollin*, một loài hoa bốn cánh đơn giản tượng trưng cho sự hiện diện quyền năng của Chúa đối với người Aztec cổ thời. Bông hoa tương tự cũng được tìm thấy trên áo của Đức Trinh Nữ Guadalupe, chính xác hơn là trên bụng ngài, như một lời nhắc nhở về việc mang thai của Đức Maria. Sau một lúc im lặng tôn giáo cảm động, ngài lấy từ nhà tạm một mặt nhật đơn giản khác giữ lớp vỏ máu nhỏ năm 1992 giữa hai tấm kính và cho chúng tôi xem bằng cách chiếu sáng nó với một chiếc đèn pin nhỏ.

Các sự kiện

Năm 1992

Vào tối thứ Sáu, ngày 1 tháng 5 năm 1992, Carlos Dominguez, một thừa tác viên Thánh Thể giáo dân, nhận thấy hai mảnh bánh thánh hình lưỡi liềm nằm trên khăn thánh (11) trước nhà tạm. Rất có thể chúng đã rơi ra khỏi bình thánh (12) trước đó. Ông đã đề cập điều đó với cha xứ, Cha Juan Salvador Carlomagno, người đã yêu cầu ông bắt đầu diễn trình hòa tan, đã giải thích trước đó rằng chúng không còn tươi và ăn được nữa. Do đó, hai mảnh bánh thánh được ngâm trong nước trong một hộp sứ nhỏ rồi khóa bên trong Nhà tạm.

Sáng ngày 8 tháng 5, Cha Juan kiểm tra chiếc hộp lần đầu tiên và rất ngạc nhiên. Ngài nói về những gì ngài thấy với các linh mục khác sống trong cùng giáo xứ: Cha Eduardo Pérez Dal Lago, Cha Eduardo Graham và Phó tế Marcelo Pablo Tomaino. Ba cục máu đông đã hình thành trong nước, ban đầu được bao phủ bởi một lớp “lông tơ” màu trắng, sau đó biến mất. Có những vệt máu trên thành thùng chứa, như thể chúng được tạo ra bởi một loại “vụ nổ” nào đó của chính bánh thánh. Họ đã thông báo cho văn phòng trung ương [curia] của giáo phận: Đức Hồng Y Antonio Quarracino (người tiền nhiệm trực tiếp của Bergoglio) vắng mặt, và vì vậy họ đã thảo luận vấn đề này qua điện thoại với Đức cha Eduardo Miras, Giám Mục Phụ Tá của Buenos Aires, người đã đề nghị lượng giá y khoa. Như chúng ta sẽ thấy, lượng giá này xác nhận bản chất biểu kiến của chất này là máu. Marcelo Antonini, một nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp, cũng được triệu tập và ông đã ghi lại những thay đổi liên tục của mẫu vật diễn ra trong những ngày tiếp theo.

Vào hôm Chúa Nhật, ngày 10 tháng 5, trong cả thánh lễ lúc 7 giờ tối, do cha xứ cử hành lần thánh lễ lúc 8 giờ 15 tối, được cử hành bởi Cha Graham, một biến cố lạ lùng mới đã diễn ra

hai lần. Đĩa thánh (13) đựng Mình Thánh đã được truyền phép dính máu - không chỉ một mà là hai đĩa riêng biệt: một đĩa bằng đồng và một đĩa bằng thiếc hình con cá.

Các linh mục giáo xứ Đức Bà đang sống qua những giây phút vui mừng và sợ hãi. Chuyện gì đã xảy ra? Tại sao điều này lại đặc biệt xảy ra với họ, ngay trong tay họ? Tôi phải khuyên bạn nên đọc cuốn nhật ký tâm linh cảm động do Cha Eduardo Pérez viết vào chính những ngày đó và được tìm thấy trong cuốn sách của Blondet. Vị linh mục trẻ ba mươi tuổi đã có sự can dự bản thân sâu sắc vào màu nhiệm Sự Hiện Diện Thực Sự vào thời điểm đó. Trong khi chờ đợi tuyên bố chính thức từ Giáo quyền, các linh mục ở giáo xứ Đức Bà đã quyết định không nói gì về các biến cố bên ngoài vòng rất nhỏ của họ, ngay cả khi việc duy trì sự kín miệng là chuyện khá khó khăn.

Trong khi đó, theo lời của Cha Pérez, "'thứ máu' này vẫn sáng bóng, giống như thịt gan, mặc dù có màu đỏ tươi và không phải màu tím, không có một chút mùi hôi nào." Sau một thời gian, nước trong hộp bay hơi và còn sót lại một ít lớp vỏ ở đáy trước khi bong ra vài năm sau đó. Đó là lớp vỏ nhỏ màu đỏ - có kích thước nhiều nhất là vài cm - mà tôi cũng có cơ hội nhìn thấy.

Năm 1994

Trong thánh lễ buổi sáng dành cho trẻ em Chúa nhật ngày 24 tháng 7 năm 1994, thừa tác viên giáo dân phân phối Mình Thánh Chúa nhận thấy một giọt máu chảy ở mép trong của bình thánh. Tình tiết này không có nhiều tiếng vang vì nó bị chen vào giữa các biến cố "lớn" năm 1992 và 1996. Khi ở Buenos Aires, tôi nhìn thấy một bức ảnh chụp chiếc bình thánh đó với một vệt máu trên thành trong của nó, và tôi đã giữ lại một ký ức không thể xóa nhòa về nó. Người đã sống và chứng kiến tận mắt tình tiết đó chắc chắn không coi đó là một sự việc "nhỏ nhặt"!

Năm 1996

Khi kết thúc việc trao Mình Thánh Chúa vào Thánh lễ lúc 7 giờ tối, Chúa nhật ngày 18 tháng 8 năm 1996, một tín hữu đã hướng về linh mục chủ tế, Cha Alejandro Pezet, vô cùng bối rối. Cô đã nhận thấy một Mình Thánh được giấu dưới chân nến trước tượng chịu nạn, cho đến ngày nay vẫn còn ở gian giữa bên phải. Cha Alejandro nhìn qua và nhật Mình Thánh chắc chắn đã bị ai đó có ý đồ xúc phạm bỏ rơi. Ngài đã nghĩ đến việc tự mình tiêu thụ nhưng nó quá bản và bụi bặm.

Vì vậy, ngài đã yêu cầu Emma Fernandez - một giáo dân bảy mươi bảy tuổi, nhúng nó vào nước và khóa nó trong nhà tạm theo thủ tục thông thường. Người đọc có cái nhìn sâu sắc bảy giờ chắc hẳn đang cảm thấy một chuyện đã xảy ra [déjà vu]. Bà Fernandez, giáo dân duy nhất được đựng tới nhà tạm, quả thực đã nhìn thấy điều gì đó kỳ lạ trong chiếc hộp thủy tinh tròn mà bà đã để trong đó và đã thảo luận những gì bà nhìn thấy với Cha Pezet vào ngày 26 tháng 8. Sau khi ngay lập tức thông tri cho Cha Eduardo Graham, Cha Pezet cũng nhận thấy bánh thánh đang biến đổi thành một thứ gì khác, một thứ gì đó có màu đỏ và sẽ phát triển trong những tuần tiếp theo. Tất nhiên, ngài biết các sự kiện của các năm 1992 và 1994, mặc dù lúc đó ngài chưa đến giáo xứ Đức Bà. Vì vậy, ngay lập tức, ngài nghi ngờ có nguyên nhân siêu nhiên nào đó dẫn đến chuyện đang xảy ra. Ngài đã thông báo cho văn phòng trung ương của giáo phận, và Jorge Mario Bergoglio, một trong bốn Giám Mục Phụ Tá của Buenos Aires vào thời điểm đó, đã đề nghị nên bắt đầu chụp những bức ảnh chuyên nghiệp. Như năm 1992, những bức ảnh chụp vào ngày 26 tháng 8 và ngày 6 tháng 9 của Marcelo Antonini đều có sẵn

cả trong các văn bản được tham chiếu trong thư mục của tôi và trên mạng. Bánh thánh hòa tan ngày càng khó phân biệt, mặc dù nước ngày càng đục hơn bởi một chất “giống như đám mây” màu đỏ và các khối “giống như thạch” sẫm màu hơn có kết cấu giống như máu đông. Những bông hoa “giống như nấm mốc” sẫm màu hơn được nhìn thấy trên bề mặt của những cục được cho là máu này.

Sau khoảng một tháng, “vật lạ” còn sót lại được chuyển vào một chai nước cất đầy kín: đây không hẳn là phương tiện bảo quản tốt nhất để bảo quản mô sống! Thật không may, nó vẫn tồn tại trong nước cất ít nhất ba năm cho đến khi cuộc điều tra của Bác sĩ Castañón bắt đầu.

Các đánh giá khoa học

Các năm 1992–1995

Vào tháng 5 năm 1992, linh mục giáo xứ, Cha Carlomagno, nói với Đức Cha Miras điều đang xảy ra. Chính vị giám mục đã khuyến nghị nên thực hiện việc đánh giá y khoa. Hai bác sĩ đã tham gia từ rất sớm, một bác sĩ ung thư (14) và một bác sĩ huyết học. (15)

Bác sĩ BOTTO

Tiếp theo lời kể của Cha Pérez về các biến cố, cuộc điều tra ban đầu được giao cho Bác sĩ Isabel Botto, một bác sĩ chuyên khoa ung thư sống gần giáo xứ. Bà đã cố gắng dùng ống chích hút một ít thứ trông giống như máu từ khối chính trong chiếc bình gốm từ ngày 1 tháng 5, nhưng không thể làm được vì nó quá cứng. Sau đó, bà thu thập vật liệu tạo nên một trong những vệt đỏ bám trên thành thùng chứa. Cùng với kỹ thuật viên phòng thí nghiệm, Alicia Martines, bà đã phân tích mẫu của mình tại Sanatorio Evangelico El Buen Samaritano. Phản ứng dương tính với xét nghiệm phát hiện huyết sắc tố đã xác nhận rằng chất đó là máu; tuy nhiên, bà không nói rõ liệu bộ phân tích mà bà sử dụng cũng có thể xác nhận nguồn gốc con người của nó hay không. Bác sĩ Botto thừa nhận rằng các phân tích chuyên sâu hơn của giám định y tế là cần thiết ở giai đoạn đó. Bà thậm chí còn khẳng định mình đã nhìn thấy các tế bào cơ và “mô sợi sống” dưới kính hiển vi của mình. Cha. Cha Pezet đích thân hỏi liệu những tế bào đó có thể là tế bào cơ tim hay không và bà trả lời rằng điều đó khả hữu, mặc dù cần phải thử nghiệm thêm.

Bác sĩ SASOT

Hai báo cáo y khoa đã được trình bày, hay tôi nên nói là được chụp ảnh, trong cuốn sách của Bác sĩ Castañón. Chúng được đánh máy và ký tên bởi Bác sĩ Adhelma Myrian Segovia de Sasot. Đằng sau cái tên ẩn tượng như vậy là một bác sĩ huyết học đang làm việc tại Bệnh viện J. M. Ramos Mejia ở Buenos Aires. Ba cuộc điều tra riêng biệt có thể được suy ra từ các bài viết của bà:

1. Trong một báo cáo “tháng 6 năm 1992”, không đề cập đến ngày tháng chính xác, bà đã mô tả sự tiên hóa vĩ mô của một vật liệu “có hình dạng cục máu đông” trong một hộp đựng bằng gốm. Kết cấu của nó cũng giống như một cục máu đông khi chạm vào. Chất này vẫn khá ổn định cho đến khi nước thánh được thêm vào chỉ vài ngày sau đó. Vào tháng 6, chỉ sau một tháng, bác sĩ Sasot nhắc đến việc cục máu đông sắp bong ra khỏi bình chứa (điều thực sự đã xảy ra trong những năm tiếp theo).

Ban đầu, bà mô tả hình dáng vi mô của nó ở độ phóng đại thấp 16 lần như được tạo thành từ

nhiều lớp: lớp màu đỏ sẫm phía dưới và lớp bề ngoài có màu nhạt hơn. Lớp vừa kể dường như được tạo thành từ những sợi trong suốt giống như hình dạng trong sách giáo khoa của ty lạp thể [mitochondria]. Mô tả của bà về cấu trúc phân lớp quả khá thiếu chính xác và dựa vào các loại suy. Tất nhiên, bà không thực sự cho rằng các lớp bề mặt được tạo thành từ ty lạp thể: những cơ quan tế bào [organelles] sản xuất năng lượng này có trong nhiều loại tế bào không thể được nhìn thấy ở độ phóng đại thấp 16 lần. Ai đó - rất có thể là chính bà - đã vẽ một bức vẽ nhỏ trên lề một trong những trang báo cáo của bà: một bản phác thảo nguệch ngoạc giống như một mặt cắt ngang của màng bên trong của ty lạp thể. Tôi nghĩ bà đã vẽ nó như một việc trình bày bằng hình cấu trúc mà bà nhìn thấy qua kính hiển vi của bà.

Sau đó, bà tiếp tục mô tả các lớp bề mặt của mẫu vật bằng cách đề cập đến ít nhất ba hình dạng khiến bà nhớ đến “giọt nước”. Tôi không hoàn toàn chắc chắn về những kết luận khoa học nào có thể được rút ra từ những mô tả này của bà: Tôi phải thừa nhận rằng tôi đã dịch và chép lại những ghi chú của bà với hy vọng rằng một ngày nào đó một chuyên gia mô bệnh học [histopathology] (16) có thể đọc chúng và có thể làm sáng tỏ những bài viết bí mật nhà nghề của bà.

Tuy nhiên, đột nhiên, báo cáo của bà không còn mơ hồ và thiếu chính xác nữa. Bà thực sự khiến người đọc vui mừng khi viết: “Một trong những lần tôi quan sát nó, tôi nhận thấy một khu vực dường như đang đập nhịp nhàng” (trong tiếng Tây Ban Nha: *parecia latir ritmicamente*). Điều không may là bà không có máy ảnh hoặc máy quay phim vào thời điểm quan sát ấy. Vì vậy, chúng ta chỉ há hốc miệng khi đọc về một điều gì đó quá tuyệt vời và khó tin.

Cuối cùng, Bác sĩ Sasot kết thúc báo cáo của mình bằng cách lưu ý rằng bà rất tiếc phải ngừng công việc quan sát của mình vì vấn đề sức khỏe.

2. Vẫn vào tháng 6 năm 1992, Bác sĩ Sasot đã mô tả các xét nghiệm trong phòng thí nghiệm được thực hiện trên mẫu được coi là máu lấy từ đĩa thánh. Chất này đã được phân tích ba ngày sau khi xuất hiện. Do đó, chắc chắn bà đang đề cập đến một trong hai phép lạ xảy ra vào tối ngày 10 tháng 5. Một cuộc kiểm tra đơn giản nhưng rõ ràng đã được thực hiện để khảo sát xem điều gì được cho là một giọt máu: một màng máu [17] được chuẩn bị bằng các vết May-Grunwald và Giemsa tiêu chuẩn. (18) Xét nghiệm máu thông thường này mang lại số lượng đầy đủ bạch cầu khác nhau, (19) nói lên tỷ lệ phần trăm tương đối của năm loại tế bào bạch cầu chính. Số lượng khác biệt cho thấy số lượng tế bào lympho [lymphocytes] (20) vượt quá (47%) so với bạch cầu trung tính [neutrophils] (21) (49%), như mong đợi trong một phản ứng sinh lý học điển hình đối với việc nhiễm virút, nhưng cũng trong bối cảnh căng thẳng tâm sinh lý dữ dội.

Hơn nữa, màng máu cho thấy các mảnh vụn không chuyên biệt, các tế bào có không bào [vacuolated], (22) và nhiều vi khuẩn bị nhiễm khuẩn cầu [cocci]. (23) Sử dụng một thuật ngữ phi y học, tất cả những phát hiện màng máu bất thường này đều gợi ý về “trạng thái đau khổ” của mẫu máu được phân tích. Ít nhất đó là những gì có thể được nhìn thấy vào tháng 6 năm 1992, sau một khoảng thời gian không xác định – tính bằng ngày - kể từ khi máu xuất hiện.

Cuối cùng, Bác sĩ Sasot kết luận báo cáo tháng 6 năm 1992 bằng cách xác nhận rằng mẫu được phân tích có nguồn gốc từ con người, tuy không có lời giải thích rõ ràng.

3. Cuối cùng còn có “báo cáo huyết học” của bác sĩ Sasot ngày 29/10/1995. Đó là bản tóm tắt tất cả các kết luận tích cực mà bà có thể rút ra và trực tiếp chứng minh - trong tư cách một

nhà huyết học chuyên ngành có năng lực - từ công việc của bà về một chất liệu mà nguồn gốc của nó bà thực sự không được nói cho biết, ít nhất là lúc đầu. Mẫu mà bà phân tích - vẫn có sẵn cho bà vào năm 1995 - là một phần mô nhỏ được bảo quản trong ống nghiệm chứa đầy nước thánh đã được đưa cho bà vào một thời điểm nào đó. Rất có thể, nó hẳn đã được lấy ra từ chiếc hộp đựng bằng gốm của phép lạ đầu tiên năm 1992, mặc dù điều này không được nêu rõ. Bà đưa ra danh sách các kết luận sau đây, những kết luận sẽ chứng minh một cách dứt khoát rằng chất được phân tích là máu, ít nhất là theo bà ấy, khi xem tất cả với nhau:

* Số lượng bạch cầu chênh lệch với chứng tăng tế bào lympho [lymphocytosis] nhẹ (24) thu được sau khi nhuộm May-Grunwald Giemsa: kết quả này rất giống với kết quả ngày 10 tháng 5 năm 1992 trước đó.

* Ô nhiễm vi khuẩn và nấm đã được quan sát.

* Natri và kali đã có mặt.

* Sự hiện diện của enzyme LDH (25) có thể được đánh giá.

* Mẫu này có cấu hình hiện tượng điện chuyển protein “sinh lý học”, (26) ngoại trừ lượng gamma globulin giảm, (27) một phát hiện được quan sát thấy ở những bệnh nhân có hệ thống miễn dịch bị tổn hại.

Cuối cùng, ở phần cuối của báo cáo này có đề cập đến mối quan tâm về việc thực hiện thêm phân tích xác định nhóm máu cũng như các xét nghiệm khác nhằm tìm kiếm sự hiện diện của DNA. Đáng chú ý, Bác sĩ Sasot tin rằng tất cả các xét nghiệm bổ sung này có thể được thực hiện dễ dàng bằng cách tiếp tục sử dụng cùng một lượng mẫu nhỏ đó.

Ý kiến chung của tôi về cuộc điều tra năm 1992? Rất nhiều thiện chí, nhưng ít phương tiện sẵn có và sự phối hợp nghiên cứu kém. Tại sao lại lãng phí vật liệu mẫu quý giá với nhiều thử nghiệm lặp đi lặp lại một cách vô nghĩa? Tại sao không ai tìm cách thu thập ý kiến về việc nhận dạng hết sức quan trọng khi đối diện với một mô sinh học chưa ai biết: ý kiến của một nhà mô bệnh học? Thật không may, vì điều này, chúng ta sẽ không bao giờ biết liệu những mô cơ đó – giống như sợi – thậm chí có thể co lại một cách tự nhiên – có thực sự như những gì chúng ta vẫn nghĩ hay không. Tại sao không có tài liệu ảnh hoặc bất cứ ghi chú thích hợp nào trong phòng thí nghiệm để tham khảo? Tại sao chúng ta phải chấp nhận những mô tả thô thiển và những nét vẽ nguệch ngoạc trên mép trang? Tôi có thể hiểu tại sao không có cuộc điều tra DNA nào được thực hiện: kỹ thuật PCR (28) không dễ dàng có được vào những năm 1990. Những xét nghiệm DNA như vậy sẽ rất tốn kém và có lẽ sẽ phải hy sinh quá nhiều chất liệu. Nhưng tại sao không ai cố gắng xác định nhóm máu? Đó sẽ là một xét nghiệm tầm thường, mặc dù quan trọng và rẻ tiền, được thực hiện trên máu tươi. Nguồn gốc nhân bản của các mô được phân tích có được chứng minh một cách thực sự và không thể chối cãi được không? Không có thủ tục chuyên biệt nào được đề cập về vấn đề này. Điều kiện bảo quản mẫu như thế nào? Chắc chắn, khi tiếp xúc với một thánh tích, người ta muốn xét tới tính bất khả hư hoại siêu nhiên của nó. Tuy nhiên, ngay cả phòng thí nghiệm nghèo nhất thế giới ít nhất cũng có tủ lạnh và chắc chắn sẽ không dựa vào đặc tính sát trùng và bảo quản của nước thánh. Nói cho ngay, và để biện minh một phần cho bản chất may rủi của các cuộc điều tra này, cần lưu ý rằng Đức Tổng Giám Mục Miras đã đề cử một chuyên gia cho các biến cố năm 1992: Đức Cha José Luis Mollaghan. Ở một thời điểm nào đó, ngài là người đã cấm việc lấy mẫu thêm để bảo toàn tính toàn vẹn của phép lạ. Ngài yêu cầu các nhà điều tra và tín hữu hài lòng với những kết luận đã được đưa ra vào thời điểm đó.

Các năm 1995–2005

Đức Cha Jorge Mario Bergoglio là tổng giám mục mới của Buenos Aires từ năm 1998. Khi được Cha Luis Maria Rodrigues Melgarejo, người kế nhiệm Cha Carlomagno, yêu cầu bằng văn bản trong tư cách linh mục quản xứ tại nhà thờ Đức Bà, Đức Tổng Giám Mục Bergoglio đã quyết định cho phép thử nghiệm khoa học hơn nữa về các thánh tích thánh thể vào tháng 7 năm 1999. Bác sĩ Castañón, một nhà nghiên cứu các biến cố siêu nhiên, đã quan tâm đến các sự kiện thánh thể tại giáo xứ Đức Bà trong những tháng tiếp theo. Cuối cùng, vào ngày 28 tháng 9, Đức Tổng Giám Mục Bergoglio đã phê duyệt diễn trình đánh giá mới do Castañón đề xuất với sự thận trọng và tính bảo mật phải luôn được duy trì trong suốt diễn trình điều tra.

Bác sĩ Ricardo Castañón Gómez là ai? Ông là nhà tâm lý học lâm sàng và chuyên gia về tâm lý học, hóa sinh và tâm sinh lý thần kinh. Ông cũng là một nhà truyền thông tuyệt vời và những cuộc hội thảo trên YouTube của ông rất thú vị để lắng nghe. Ông đã thu hút khán giả hàng giờ tại hội trường giáo xứ ở ngoại ô thành phố cũng như tại các hội nghị lớn ở Bắc Mỹ. Xuất thân từ Bolivia, ông cũng đã học ở Hoa Kỳ và Châu Âu. Năm 1992, ông bắt đầu quan tâm đến các hiện tượng huyền bí từ quan điểm y học, bắt đầu với những ý kiến hoài nghi và sau đó kết cục trở thành một người trở lại Công Giáo. Vào thời điểm ông tham gia, chắc chắn không thiếu “tư liệu” nghiên cứu dành cho ông, đặc biệt là ở Nam Mỹ: các cuộc hiện ra, phép lạ, dấu thánh, các bức tượng khóc lóc hay chảy máu. Trong một cuộc phỏng vấn với Fox vào năm 1999, ông nói rằng ông đã theo dõi 50 trường hợp nhưng chỉ có thể loại trừ nguồn gốc siêu nhiên trong 6 trường hợp trong số đó. Thật không may, khi duyệt qua danh sách những người có tầm nhìn nổi tiếng nhất mà ông nghiên cứu (Nancy Fowler, Patricia Talbot, Julia Kim, Catalina Rivas), cá nhân tôi sẽ đảo ngược tỷ lệ các trường hợp thật và giả của ông. Chủ đề về những hiện tượng huyền bí giả tạo, hoặc những hiện tượng thực sự không thể giải thích được – mà nguồn gốc của chúng có thể và có khả năng là ma quỷ - chắc chắn là một chủ đề đáng lưu ý, mặc dù nó đáng được thảo luận chi tiết mà tôi sẽ không theo đuổi ở đây.

Trong nhiều năm, Bác sĩ Castañón đã tận dụng sự hợp tác của hai chuyên gia giàu có người Úc: luật sư Ron Tesoriero và người dẫn chương trình truyền hình Mike Willesee, một nhân vật nổi tiếng của công chúng ở Úc. Cùng nhau, họ đã tạo ra một toán đặc nhiệm chung, một cỗ máy chiến tranh không thể lay chuyển được, nhằm nghiên cứu các hiện tượng màu nhiệm. Họ quay phim một cách chuyên nghiệp những lời kể của các nhân chứng trước sự chứng kiến của công chứng viên, quay video việc lấy mẫu vật liệu sinh học từ các thánh tích gốc và đảm nhận việc chuyển những mẫu đó đến một mạng lưới rộng khắp các phòng thí nghiệm có đội ngũ chuyên gia và nhà khoa học giỏi nhất trên toàn thế giới. Chính sách của họ là duy trì một “chuỗi lưu trữ rõ ràng, không gián đoạn và được lên tài liệu”, một việc bàn giao tài liệu không bị gián đoạn và được lên tài liệu để nghiên cứu trong các điều kiện “gây mù” - nghĩa là bằng cách giữ không cho các nhà nghiên cứu có nhiệm vụ phân tích chúng biết nguồn gốc của các mẫu. Tất cả những cuộc điều tra tốn kém này hoàn toàn do Grupo Internacional para la Paz, do chính Castañón thành lập, tài trợ.

Đây là “cơ quan” đặc biệt được Đức Tổng Giám Mục Bergoglio giao phó điều tra các biến cố tại Giáo xứ Đức Bà. Vào ngày 5 tháng 10 năm 1999, trước sự chứng kiến của các nhân chứng và máy quay truyền hình, Bác sĩ Castañón đã lấy hai mẫu.

1. Một mẫu đầu tiên và rất nhỏ được lấy từ lớp vỏ khô nhỏ xíu mà ngày nay vẫn còn thấy ở Buenos Aires: phần còn lại của biến cố đầu tiên năm 1992. Nhãn đi kèm ống nghiệm kín vô trùng ghi: “8 de mayo de 1992 Muestra 5 de Octubre de 1999.[Ngày 8 tháng 5 năm 1992

Mẫu ngày 5 tháng 10 năm 1999]”

2. Mẫu thứ hai được lấy từ phần còn lại của biến cố năm 1996: chất nửa rắn màu nâu trong nước cất. Tương tự, nhãn ghi: “26 de Agosto de 1996 Muestra humeda 5 de Octubre de 1999.[26/8/1996 Mẫu ướt 5/10/1999]”

Theo quy trình giám sát thông thường, hai lọ này đã được đích thân Tesoriero bàn giao cho Cơ quan Phân tích Pháp y ở Hayward, California vào ngày 21 tháng 10 năm 1999. Bạn có thể đọc phần sau đây trong báo cáo ngày 1 tháng 5 năm 2000, có chữ ký của Bác sĩ Vanora M. Kean, về thử nghiệm số 19990441 được thực hiện trên hai mẫu:

* Mục số 1-1, mẫu khô năm 1992, được khảo sát dưới kính hiển vi soi nổi [stereomicroscope]: một chất màu sẫm và màu nâu đỏ không xác định được nhìn thấy cùng với một sợi tóc, hoặc một mảnh tóc, dường như dính chặt vào mép của nó. Xét nghiệm nhận dạng máu orthotolidine [phát hiện độ chlorine] sơ bộ (29) cho kết quả âm tính. Một phần 2x3 mm đã được cắt ra từ mảnh 3x5 mm ban đầu để loại trừ sự hình thành đáng ngờ giống như sợi tóc và được gửi đi phân tích DNA: một lượng nhỏ DNA của con người thực sự đã được phát hiện, mặc dù phân tích hồ sơ DNA sau đó không nhận diện được bất cứ chuỗi STR (30) tiêu chuẩn nào.

* Mục số 1-2, mẫu năm 1996, cũng được khảo sát dưới kính hiển vi soi nổi. Khi vẫn còn ướt, người ta đã ghi nhận sự hiện diện của chất liệu dạng sợi màu trắng cùng với chất màu nâu đỏ bám vào nó, mặc dù không thể nhận ra đặc điểm hình thái học [morphological] nào được biết đến. Sau khi sấy khô, các hạt sẫm màu hơn trở nên rõ ràng và xét nghiệm orthotolidine [phát hiện độ chlorine] được thực hiện trên các hạt này và cho kết quả âm tính. Một phần ba của toàn bộ mẫu phân tích đã được sử dụng để lập hồ sơ DNA. Một lần nữa, một lượng nhỏ DNA nhân bản có trọng lượng phân tử cao chất lượng tốt đã được cô lập trong mẫu. Tuy nhiên, kỹ thuật PCR không nhận diện và sao chép được bất cứ dấu hiệu nào trong số mười dấu hiệu hồ sơ di truyền tiêu chuẩn [chín STR cộng với các gen X và Y tạo men răng [amelogenin](31) đối với mẫu ướt số 1-2 cũng vậy. Đáng chú ý, ngay cả khi DNA được báo cáo là có nguồn gốc từ con người, báo cáo cuối cùng chỉ có thể đưa ra giả thuyết về nguồn gốc không phải của con người vì một lần nữa, không có hồ sơ DNA nào của con người có thể được xác định bằng phương pháp phân tích STR tiêu chuẩn. Chúng ta sẽ quay lại chủ đề này sau trong một chương riêng về DNA.

Không có cuộc điều tra nào được thực hiện để xác định nhóm máu. Những điều này có thể được thực hiện ngay cả khi không có máu, vì kháng nguyên [antigen] ABO (32) cũng có thể có trong các mô khác (trên thực tế, đối với Lanciano, Thịt cũng AB như Máu). Bác sĩ Castañón đã trực tiếp nói với tôi rằng các mảnh quá nhỏ và ưu tiên dành cho việc chứng minh sự hiện diện của DNA, một phát hiện chuyên biệt và “mạnh mẽ” hơn nhóm ABO. Theo yêu cầu, chất liệu còn sót lại từ hai mẫu được gửi qua FedEx vào ngày 2 tháng 3 năm 2000, tới Bác sĩ Robert Lawrence của Hiệp hội Bệnh lý Delta ở Stockton, cũng thuộc California. Do đó, Bác sĩ Lawrence, một giám định viên y tế đến từ San Francisco, có thể chuẩn bị một số slide kính hiển vi về những mô mẫu nhiệm này và bắt đầu nghiên cứu chúng. Mô thu hút sự chú ý của nhà nghiên cứu là mô năm 1996: nó không dễ nhận dạng và dường như đã bị một số lượng lớn tế bào bạch cầu xâm nhập, giống như tình trạng bị viêm. Đặc biệt, trong một cuộc phỏng vấn được ghi lại bằng video ngày 7 tháng 12 năm 2000, ông đã chỉ rõ rằng các tế bào bạch cầu đang hoạt động và đang sống vào thời điểm mẫu được lấy. Ngoài ra, ông còn nói rằng việc làm thế nào những tế bào bạch cầu đó có thể tồn tại trong nước mà không bị hòa tan sau hơn vài phút, nhiều nhất là một giờ, một khi tách khỏi sinh vật sống mà từ đó

chúng phát sinh hoặc sau khi sinh vật này chết, đơn giản là không thể giải thích được. Tôi nên nhắc nhở người đọc rằng những mẫu này được lấy từ mô được bảo quản trong nước, không có chất dinh dưỡng. Riêng một mình nước cất thực sự không tương thích với sự sống vì lý do thẩm thấu [osmotic], (33) tuy nhiên, các tế bào bạch cầu sống vẫn hiện diện tại thời điểm lấy mẫu, ngay cả khi chất liệu đã được giữ trong những điều kiện này trong hơn ba năm. Tuy nhiên, những điều ngạc nhiên vẫn chưa kết thúc.

Các mô đã bị các tế bào viêm xâm nhập và do đó không dễ nhận dạng. Bác sĩ Lawrence đã dám gợi ý rằng nó có thể phù hợp với các cụm hoặc mảnh tế bào sừng hóa [keratinized] (34) - do đó là lớp biểu bì [epidermis], lớp da bề mặt nhất hay chính xác hơn là da bị viêm, bị bạch cầu xâm nhập.

Các slide tương tự đã được trình bày cho các chuyên gia khác trong những tháng và năm tiếp theo. Tại Úc, Tiến sĩ Peter Ellis tại Đại học Sydney và Tiến sĩ Thomas Loy tại Đại học Queensland đã xác nhận giải thích của Bác sĩ Lawrence về nguồn gốc biểu bì. Tuy nhiên, tại Sydney, Tiến sĩ John Walker tin rằng đó có thể là mô cơ. Ngay cả giáo sư Linoli trẻ tuổi ở Arezzo, người đã nghiên cứu phép lạ Lanciano, cũng tham gia: theo ông, rất có thể đó là mô cơ tim.

Cần có một ý kiến có thẩm quyền và dứt khoát hơn. Vì vậy, nhóm nghiên cứu quyết định tìm đến Giáo sư Frederick Zugibe, trưởng phòng khám y khoa và bác sĩ tim mạch tại Quận Rockland, New York. Hồ sơ học thuật của ông, bao gồm những khám phá khoa học và nhiều ấn phẩm, cùng với kinh nghiệm ba mươi năm thực hiện mười nghìn cuộc khám nghiệm tử thi, ít nhất cũng rất ấn tượng. Vào ngày 20 tháng 4 năm 2004, các nhà điều tra Ron Tesoriero và Mike Willesee có mặt tại văn phòng của Giáo sư Zugibe ở New York, và các tấm kính hiển vi vẫn là những tấm kính do Bác sĩ Lawrence chuẩn bị. Cuộc gặp được quay phim, Tesoriero cầm máy quay phim và Willesee phỏng vấn. Giáo sư Zugibe mong muốn được biết nguồn gốc của chất liệu cần nghiên cứu nhưng hai người Úc ban đầu giữ im lặng. Zugibe nhất quyết đòi, nhưng Willesee giải thích rằng như vậy sẽ tốt hơn cho ông và cuộc điều tra. Zugibe xem xét kỹ lưỡng các mẫu dưới kính hiển vi và lời nói của ông được ghi lại. Ông bắt đầu bằng cách nói: “Tôi là một chuyên gia về tim. Trái tim là việc của tôi. Đây là mô cơ tim, đến từ tâm thất trái, gần khu vực van tim.” Ông nhìn kỹ hơn và nói rõ: “Cơ tim này bị viêm; nó đã mất các vân và bị bạch cầu xâm nhập.” (35) Các bạch cầu [Leukocytes] bình thường không ở trong tim mà rời khỏi máu lưu thông và hướng tới vị trí chấn thương hoặc vết thương. Trái tim của người này đã bị thương và chịu chấn thương. Lưu lượng máu bị suy giảm và một phần cơ tim đã bị hoại tử [necrosis]. (36) Nó giống với những gì tôi thấy trong các vụ tai nạn trên đường, khi tim phải trải qua các thủ thuật hồi sinh kéo dài, hoặc nó giống với những gì tôi thấy khi ai đó bị một cú đánh nặng vào ngực.

Tesoriero và Willesee rùng mình khi Zugibe nói về sự hiện diện của bạch cầu: phản ứng viêm qua trung gian hệ thống miễn dịch thường diễn ra theo trình tự có trật tự và bạch cầu chỉ có thể được tìm thấy nếu được nuôi dưỡng bởi một sinh vật vẫn còn sống. Ông khẳng định:

“Đây là mẫu sống vào thời điểm nó được lấy!”

Sau một lúc im lặng để trấn tĩnh lại, Willesee dám hỏi: “Những bạch cầu này sẽ tồn tại được bao lâu nếu thả mô vào nước?” Câu trả lời được nhắc lại bởi Bác sĩ Lawrence bốn năm trước: “Chúng sẽ tan biến trong vòng vài phút và không còn tồn tại nữa”.

Vào thời điểm đó, chính hai người Úc đã làm giáo sư ngạc nhiên khi tiết lộ với ông rằng tấm

kính này được lấy từ mô được giữ trong nước máy một tháng và trong nước cất trong ba năm: “Hoàn toàn không thể tin được! Khoa học không thể giải thích được!” Sau đó, ông nói rõ rằng sau một thời gian dài ở trong nước, không chỉ các tế bào bạch cầu sẽ biến mất mà bất cứ tế bào nào khác của con người cũng sẽ mất đi mọi hình thái có thể nhận biết được. Chỉ khi nhận ra muộn màng, và trước sự ngạc nhiên của ông, họ mới tiết lộ cho ông biết rằng mô nghiên cứu có nguồn gốc từ Minh Thánh đã được truyền phép.

Trong báo cáo cuối cùng, được viết vào tháng 3 năm 2005, Giáo sư Zugibe đã xác định rõ rằng các slide kính hiển vi chứa mô cơ tim bị mất các sợi (37) – các vân, sự kết đặc nhân tế bào [nuclear pyknosis], (38) và các tập hợp hỗn hợp của các tế bào viêm khác nhau, liên quan đến cả tình trạng viêm mãn tính, (39) chẳng hạn như các đại thực bào [macrophages] chiếm ưu thế, (40) và viêm cấp tính, chẳng hạn như các tế bào đa nhân [polymorphonuclear]. (41) Hướng của các sợi cơ tim gợi ý rằng vị trí ban đầu nằm ở vùng tâm thất, tương đối gần với khu vực van tim.

Những thay đổi thoái hóa này tương thích với nhồi máu cơ tim gần đây, (42) hoặc do tắc nghẽn động mạch vành (43) sau chứng huyết khối [thrombosis] (44) hoặc sau chấn thương ngực nghiêm trọng ở vùng phía trên tim. Hơn nữa, có thể ước tính rằng thời gian “căng thẳng tim” phải ở mức vài ngày tính từ thời điểm mô được lấy đi. Điều này dựa trên sự hiện diện của các tế bào viêm mãn tính và các biến đổi tế bào tim mà chúng tôi vừa mô tả.

Nhưng làm thế nào mà cùng một slide có thể trông giống như lớp biểu bì đối với một chuyên gia pháp y và cơ tim đối với một chuyên gia khác?

Câu trả lời nằm ở những biến đổi sâu sắc mà *mô wót* năm 1999 đã phải chịu. Điều này dẫn đến các sợi cơ mất đi các nét đặc trưng của chúng. Chúng tách rời nhau, cong, gãy, bị xâm nhập bởi một số lượng rất lớn bạch cầu, và do đó không còn giống với những hình ảnh cổ điển trong tập bản đồ bệnh lý giải phẫu.

Danh tiếng của giáo sư Zugibe mạnh đến mức 5 năm sau, vào ngày 28 tháng 2 năm 2008, tại một cuộc họp ở San Francisco, bác sĩ Lawrence thừa nhận đã mắc sai lầm và thừa nhận mô cơ tim chắc chắn bị viêm.

Tính hiển thị của biến cố không thoả đáng

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2006, Bác sĩ Castañón đã có thể chính thức trình bày một báo cáo kết luận về các cuộc điều tra bắt đầu vào năm 1999 cho Đức Tổng Giám Mục Jorge Mario Bergoglio, người đã trở thành Hồng Y tổng giám mục của Buenos Aires trong thời gian đó. Ở giai đoạn đó, người ta đã mong đợi một tuyên bố chính thức của Đức Hồng Y, vì một báo cáo khác về các sự kiện năm 1992 đã được đệ trình lên Giáo triều Buenos Aires và Vatican. Sự hiện diện của máu đã được xác nhận rõ ràng trong các mô năm 1992, trong khi sự hiện diện của mô cơ tim còn sống và “bị đau đớn” đã được xác nhận trong các mô năm 1996. Trong cuốn sách của mình, Blondet lên tiếng về sự thất vọng của Cha Eduardo Pérez Dal Lago:

Tôi đã hy vọng rằng khi có sẵn những câu trả lời này, Đức Tổng Giám Mục Bergoglio sẽ tuyên bố: “*Corpus Christi*” [đây là Minh Chúa Kitô]. Thay vào đó, không, ngài chỉ cho phép tôn thờ các thánh tích trong nhà nguyện của nhà thờ Đức Bà và chỉ từ năm 2002 - mười năm kể từ biến cố này - việc trưng bày định kỳ điều chúng ta phải gọi là “dấu lạ thánh thể” hơn là một phép lạ thánh thể.

Quả thực, giáo triều đã giữ thái độ nước đôi trong nhiều năm. Một mặt, nó hỗ trợ và khuyến khích Giáo xứ Đức Bà đào sâu lòng sùng kính Bí tích Thánh Thể và chào đón những ai tự mình đến thăm và tích cực tìm kiếm thông tin về các biến cố đã diễn ra. Năm 2006, một nhà nguyện mới được khánh thành ở gian giữa bên trái, dành riêng cho việc châu Thánh Thể, vĩnh viễn trong vài năm đầu và ngày nay chỉ vào lúc ban ngày. Như tôi đã đề cập, giáo xứ chào đón bất cứ khách hành hương nào đến thăm trong hai giờ vào lúc 8 giờ tối Thứ Sáu của tuần thứ ba trong tháng và vào ngày Thứ Bảy thứ tư trong tháng lúc 11 giờ sáng. Những câu chuyện về các biến cố năm 1992 và 1996 được kể lại, và tôi tin rằng lớp vỏ máu nhỏ - đó là tất cả những gì còn sót lại từ phép lạ đầu tiên năm 1992 - đã được trưng bày.

Tôi được biết rằng chính Đức Hồng Y Bergoglio thường đến thăm Nhà thờ Đức Bà để châu Thánh Thể một giờ mỗi năm một lần. Giáo xứ cũng công bố một tấm thiệp có hình Đức Hồng Y Bergoglio nhìn từ phía sau và quay người cầu nguyện về phía nhà tạm phía sau mặt nhật bốn cánh không thể nhầm lẫn. Nhận định mà vị giáo hoàng đương nhiệm đưa ra sau khi nhìn thấy chính mình trên tấm thẻ đã được viết ở mặt sau: “Đây là bức ảnh đẹp nhất về một vị giám mục mà tôi từng thấy: nó tượng trưng cho con đường mà ngài phải trở thành.”

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng rất ít việc được thực hiện để làm cho những sự kiện kỳ lạ này được biết đến ít nhất là vượt ra ngoài ranh giới giáo xứ, vì chúng chắc chắn không được biết đến nhiều ngay cả ở Á Căn Đình, chứ đừng nói đến phần còn lại của thế giới. Một người hành hương lái xe trên xa lộ A14 trên đường đến Lanciano có thể nhìn thấy những tấm biển chỉ đường dẫn đến Đền thờ Phép lạ Thánh Thể cách lối ra hàng chục km. Thay vào đó, tại Nhà thờ Đức Bà ở Buenos Aires, sự thận trọng là điều tuyệt đối: Bạn có thể đi bộ qua lối vào nhà thờ mà không nhận thấy một tấm biển hoặc dấu hiệu nào. Bạn phải biết về phép lạ rồi và cần trực tiếp hỏi ai đó để biết thêm thông tin. Chỉ khi đó, với sự lịch sự và nụ cười đáng yêu, giáo dân vô danh mới trả lời rằng đúng vậy, một biến cố lạ lùng đã xảy ra trong nhà thờ. Ông ta sẽ mang ra một số tài liệu và kiểm tra xem cha xứ có sẵn sàng cho một cuộc gặp mặt hay không. Thành thật mà nói, cách đây vài năm, hai phiến đá khắc cuối cùng đã được đặt ở lối vào nhà nguyện châu Thánh Thể với dòng chữ như sau:

"Cộng đồng Đức Bà đã cung hiến nhà nguyện này cho việc Châu Thánh Thể vĩnh viễn. Dấu Lạ Thánh Thể được lưu giữ ở đây cùng với tất cả các bình thánh từ các biến cố năm 1992, 1994 và 1996.

Chúng tôi hy vọng Dấu Lạ này sẽ dành cho người khác như những gì nó đã dành cho chúng tôi: một con đường dẫn đến việc khám phá việc Tôn thờ Thánh Thể.... Các cuộc họp về các biến cố của Dấu Lạ Thánh Thể diễn ra vào thứ Sáu thứ ba.... Không cần ghi tên trước. Tại những cuộc gặp gỡ này, các thành viên của cộng đồng sẽ nói về những gì đã xảy ra, chúng tôi sẽ nói về những biến cố đó và cùng nhau cầu nguyện. Đây là cách mà cộng đồng giáo xứ, cùng với giám mục của mình, quyết định chia sẻ những sự thật này với anh chị em trong Đức Tin, coi đây là cách thoả đáng hơn và thích đáng hơn để nói về những biến cố này so với bất cứ phương tiện truyền thông nào khác".

Đáng chú ý, chữ *dấu lạ* được lặp đi lặp lại một cách nhất quán. Nó chắc chắn không kém phần mạnh mẽ hoặc gây bối rối so với chữ *phép lạ*, mặc dù nó chắc chắn mơ hồ hơn rất nhiều.

Việc kiên quyết không muốn sử dụng các phương tiện truyền thông mạnh mẽ và lan tràn ngày nay, ưa thích cách tiếp cận trực tiếp và giữa các bản vị, là một lựa chọn đáng lưu ý. Ngay cả văn bản trong tập tài liệu quảng cáo mà tôi được mời cũng đến với người đọc theo

một phong cách khá đúng đắn về mặt chính trị và không hề có chút quyết đoán nào. Nó viết: “Trong một bầu không khí biện phân, chúng ta liên tục hỏi chúng ta phải đi theo con đường nào.... Chúng tôi tin rằng khi truyền lại những sự kiện này, chúng ta phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Không ai có thể bắt buộc ai đó phải xem xét chúng theo cách này hay cách khác. Mọi người trong Đức tin có nghĩa vụ đón nhận những gì Thiên Chúa gọi hứng cho mình trong lời cầu nguyện, cùng với thái độ huynh đệ chia sẻ tự do.”

Tôi không muốn liêu bực vào lĩnh vực nằm ngoài chuyên môn của mình, nhưng tôi không thể không tự hỏi: Chúng ta có chắc mình đang diễn giải đúng ý trời hay không? Điều gì đó đáng kinh ngạc đã xảy ra ở Buenos Aires năm lần liên tiếp, vì vậy thông điệp phải mạnh mẽ và rõ ràng. Có máu và một mảnh trái tim đang sống đang đau khổ. Ở góc độ đức tin, nếu những dấu hiệu này xảy ra thì rõ ràng chúng ta cần chúng. Tại sao lại sợ hãi thì thầm những gì đáng lẽ phải hét lên tận đáy phổi? Tại sao lại “giấu đèn dưới một cái thùng” chỉ đưa ra một trích dẫn có thẩm quyền?

Kết quả của việc giữ kín đáo như vậy là không thể tránh khỏi: bên ngoài Giáo xứ Đức Bà, rất ít người biết về phép lạ này, và các chuyến bay thuê bao dành cho khách du lịch tôn giáo ở Châu Mỹ Latinh (và Hoa Kỳ) sẽ đi đến nơi khác - đến Bethany, ở Venezuela, nơi mà một thị nhân mà tôi không sợ gọi là cuồng loạn chắc chắn đã không trau dồi nhân đức khiêm nhường hoặc thực hành việc che giấu ở cùng mức độ, ngay cả khi diễn trình phong chân phước cho bà đang được tiến hành.

Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, đóng góp mới nhất cho việc kiểm duyệt các biên cố ở Buenos Aires là khủng bố mạng. Bắt đầu từ mùa thu năm 2015, trang web của Giáo xứ Đức Bà đã bị các hacker Hồi giáo chuyên nghiệp chặn đứng. Những gì có thể là điểm tham chiếu cho bất cứ khách truy cập nào đang tìm kiếm thông tin an toàn và đáng tin cậy đã không còn tồn tại. Không có cách nào để tìm hiểu các chi tiết như thời gian tiếp nhận, tóm tắt ngắn gọn các sự kiện và xác nhận rằng Giáo xứ Đức Bà thực sự là một thực tại cụ thể của cuộc sống hàng ngày. Thay vào đó, hình ảnh cố định của một nhà thờ Hồi giáo và hình ảnh phản chiếu của nó trên mặt nước lúc hoàng hôn với giọng nói khàn khàn và đáng lo ngại của một thầy tu báo giờ Hồi Giáo [muezzin] đang thay thế trang web của giáo xứ. Thủ phạm là một nhóm tin tặc chuyên nghiệp người Thổ Nhĩ Kỳ được gọi là “Đội Ayyidldiz”. Họ thực sự có thể khoe khoang những thành tích ấn tượng thể hiện kỹ năng của mình: Thí dụ, họ đã đột nhập vào hệ thống phòng thủ Iron Dome của Israel vào năm 2014. Họ cũng chặn các trang web của Liên hiệp quốc và Coca-Cola cũng như các trang web của nhiều tổ chức châu Âu khác nhau. Vào tháng 1 năm 2016, họ thậm chí còn chế nhạo trang web của Bộ Quốc phòng Nga bằng cách thay cờ Nga bằng cờ Thổ Nhĩ Kỳ.

Suy nghĩ cuối cùng: Tại sao những kẻ khủng bố mạng có năng lực như vậy lại quan tâm đến việc ngăn chặn trang web của một giáo xứ Công Giáo nghèo? Tại sao họ lại cố gắng làm hại một tổ chức vô danh, tầm thường trên trường thế giới? Bạn có dám cá rằng kẻ thù, kẻ không bao giờ ngủ, có những ý tưởng rõ ràng hơn nhiều so với những đứa trẻ của ánh sáng về điều gì thực sự đáng đánh?

Cuối cùng, sau khoảng một năm, trang web chính thức của giáo xứ đã xuất hiện trở lại trên mạng với định dạng mới vào mùa thu năm 2016.

Thư mục

Maranatha.it. *Missale Romanum de defectibus* [Sách lễ Rôma về các thiếu sót]. Sestri Levante, Ý. Truy cập ngày 11 tháng 7 năm 2021. <https://www.maranatha.it/MobileEdition/T15MissaleRomanum1962/testi/ddefpage.htm>.

Toàn văn, được dịch bằng tiếng Ý nhưng cũng có sẵn bằng các ngôn ngữ khác.

Del Guercio, Gelsomino. 2015. “L'Ostia danneggiata o rovinata và utilizzata oppure no?” [Minh Thánh Chúa bị hư hỏng có nên sử dụng hay không] *Aleteia*. Truy cập ngày 11 tháng 7 năm 2021. <https://it.aleteia.org/2015/12/02/come-comportarsi-ostia-caduta-terrabicchiere-acqua-sacrario/>. Một chuyên viên phụng vụ giải thích các quy tắc giáo luật phải áp dụng trong trường hợp Minh Thánh Chúa rơi xuống đất hoặc bị bẩn.

Blondet, Maurizio. 2014. *Un cuore per la vita eterna* [Một trái tim cho cuộc sống vĩnh cửu] Effedieffe. Báo cáo đầu tiên và duy nhất viết bằng tiếng Ý về các phép lạ ở Buenos Aires. Sự quan tâm đặc biệt được dành cho các biến cố năm 1992, bao gồm cả lời khai ban đầu của Cha Eduardo Pérez Dal Lago. Trong phần thứ hai của cuốn sách, ngài tự đặt câu hỏi về lý do đằng sau việc nhận thức rất ít về những sự kiện này.

Bí tích Thánh Thể: Trong Hiệp thông với tôi. 2002. Video. Trans Media Productions. Video này do các cộng tác viên người Úc của Bác sĩ Castañón tạo ra và có sẵn để bán trực tuyến. Cuộc phỏng vấn với Giáo sư Linoli tại phút. 10:41 đặc biệt đáng lưu ý. Vào phút 13:21, Tiến sĩ Lawrence nói về sự hiện diện của bạch cầu xâm nhập vào mô ở Buenos Aires. Vào phút 13:56 có bản ghi gốc về việc thu thập mẫu thử ở Buenos Aires vào ngày 5 tháng 10 năm 1999.

Castañón Gómez, Ricardo. 2011. *Más allá de la razón* [Quá vô lý], tái bản lần thứ 3. México: Trung tâm Quốc tế Estudios Humanos. Một cuốn sách không thể bỏ qua được viết bởi người chỉ đạo các cuộc điều tra về các sự kiện ở Buenos Aires năm 1999. Có những bức ảnh chụp các tài liệu quan trọng như các báo cáo lâm sàng và xét nghiệm trong phần phụ lục của nó.

Tesoriero, Ron. 2007. *Reason to Believe* [Lý do để tin] Úc: Ron Tesoriero. Tường thuật tự truyện và suy gẫm về một số biến cố lạ lùng, một số trong đó đã được tác giả đích thân điều tra. Chương 12 trình bày các biến cố ở Buenos Aires.

Tesoriero, Ron và Lee Han. 2013. *Unseen New Evidence: The Origin of Life Under the Microscope* [Bằng chứng mới chưa từng thấy: Nguồn gốc của sự sống dưới kính hiển vi]. Úc: Ron Tesoriero. Một cuốn sách thu thập các suy tư bản thân tương đối gần đây của Luật sư người Úc. Chương 8 thu thập các sự kiện liên quan đến các biến cố ở Buenos Aires. Phụ lục liệt kê các bản sao quý giá của các thử nghiệm và báo cáo trong phòng thí nghiệm.

Parroquia Santa Maria. 2020. *Parroquia Santa Maria*. Trang mạng. Truy cập ngày 11 tháng 7 năm 2021. <https://parroquiasantamariacaballito.com.ar/>. Trang web chính thức của Giáo xứ Đức Bà. Trang web này đã bị tấn công bởi một nhóm người Thổ Nhĩ Kỳ theo trào lưu chính thống nhưng đã được kích hoạt lại vào năm 2016.

Ghi chú

- (11) Tấm vải vuông trên đó đựng các bình thánh.
- (12) Bình thánh đựng bánh thánh và được cất giữ bên trong Nhà tạm.
- (13) Đĩa kim loại đựng bánh trong Phụng vụ Thánh Thể.
- (14) *Oncologist* là bác sĩ chuyên điều trị bệnh ung thư.
- (15) *Hematologist* là bác sĩ chuyên điều trị các bệnh về máu.
- (16) *Histopathology* [Mô bệnh học] là chuyên ngành chẩn đoán bệnh dựa trên việc quan sát mẫu mô bệnh.
- (17) *Blood film* [Màng máu] (còn gọi là phết máu) là một lớp máu mỏng được phết lên một phiến kính, sau đó được nhuộm màu để quan sát các loại tế bào máu khác nhau trong đó dưới kính hiển vi.
- (18) Đây là những hỗn hợp tiêu chuẩn hóa được sử dụng phổ biến của chất cố định và chất tạo màu. Chúng nhuộm các quần thể tế bào bạch cầu khác nhau theo những cách khác nhau để làm cho chúng có thể được phân biệt rõ ràng dưới con mắt của nhà khoa học.
- (19) Đây thực sự là một xét nghiệm máu cực kỳ phổ biến, được các bác sĩ chỉ định như một phần của công việc sàng lọc máu định kỳ tại nhiều cuộc tư vấn và kiểm tra y tế.
- (20) Nói rộng ra và không riêng biệt, tế bào lympho là những tế bào bạch cầu chuyên biệt để chống lại nhiễm virút.
- (21) Nói rộng ra và không chỉ riêng, bạch cầu trung tính là những tế bào bạch cầu chuyên chống nhiễm trùng do vi khuẩn.
- (22) *Vacuoles* [Không bào] là những khối nhỏ bên trong tế bào có xu hướng xuất hiện khi tế bào bị căng thẳng sinh lý hoặc chết.
- (23) *Coccus* [Cầu khuẩn] là bất cứ loại vi khuẩn nào có hình cầu, hình trứng hoặc hình tròn. Hầu hết mọi người đều đã nghe nói về các loài *Staphylo-coccus* và *Strepto-coccus* thường gây nhiễm trùng da và đường hô hấp.
- (24) *Lymphocytosis* [Tăng tế bào lympho trong máu] là tình trạng dư thừa tế bào bạch cầu lympho.
- (25) LDH là viết tắt của *lactate dehydrogenase*, một phân tử enzyme protein nằm bên trong hầu hết các tế bào sống có liên quan đến việc điều hòa năng lượng tạo ra các phản ứng hóa học.
- (26) *Protein electrophoresis* [Điện chuyển protein] là phương pháp phân tích được sử dụng để tách tất cả các protein trong một mẫu nhất định dựa trên kích thước phân tử. Protein di chuyển những khoảng cách khác nhau trên ma trận gel dựa trên kích thước của chúng khi có điện trường. Sau khi được tách ra, lượng tương đối của chúng cũng có thể được định lượng

để tạo ra cấu hình điện chuyên.

(27) *Gamma globulin* là kháng thể được hệ thống miễn dịch sử dụng để chống nhiễm trùng.

(28) Kỹ thuật PCR, viết tắt của *polymerase chain reaction* công nghệ phản ứng chuỗi polymerase, là một kỹ thuật tạo ra nhiều bản sao của một lượng DNA cần được tìm thấy trong một mẫu nhất định.

(29) Thử nghiệm orthotolidine là một thử nghiệm giả định nhằm tìm kiếm sự hiện diện của máu liên quan đến phản ứng của phân tử o-tolidine với huyết sắc tố trong máu với sự hiện diện của hydrogen peroxide [chất lỏng xirô không màu có mùi hăng và vị nồng].

(30) Phân tích STR, viết tắt của phân tích *short tandem repeat* [lặp lại song song ngắn], là một kỹ thuật lập hồ sơ DNA thường được sử dụng trong y học pháp y để xác định DNA của cá nhân có mẫu được phân tích.

(31) Gen amelogenin là chuỗi DNA nằm trên nhiễm sắc thể giới tính. Chúng quan trọng đối với tổng hợp men răng và xác định giới tính của nghi phạm trong pháp y. Vì lý do này, chúng luôn được đưa vào các xét nghiệm lập hồ sơ DNA cùng với phân tích STR tiêu chuẩn.

(32) *Antigen* [Kháng nguyên] là bất cứ chất nào có thể được hệ thống miễn dịch phát hiện và kích hoạt phản ứng miễn dịch. Nhóm máu được xác định bởi sự hiện diện hay vắng mặt của các kháng nguyên chuyên biệt như A, B và O trên bề mặt tế bào máu.

(33) *Osmosis* [Thẩm thấu] là sự di chuyển tự phát của nước qua màng tế bào từ những vùng có nồng độ chất tan thấp qua nơi có nồng độ chất tan cao. Theo định nghĩa, nước cất không có chất tan nào hòa tan trong đó. Như vậy, nước cất chắc chắn sẽ thấm vào các tế bào sống chứa chất tan. Vì lý do này, các tế bào sống sẽ sưng lên và cuối cùng vỡ ra nếu tiếp xúc với nước cất.

(34) *Keratin* là chất liệu cấu trúc protein quan trọng trong da, tóc và móng tay.

(35) *Leukocyte* là thuật ngữ y tế cho bạch cầu.

(36) *Necrosis* [Hoại tử] là thuật ngữ y học cho sự chết tế bào vô tổ chức và không được kiểm soát. Điều này trái ngược với *apoptosis*, là quá trình tự sát tế bào có tổ chức và được kiểm soát tốt.

(37) *Fibers, muscle fibers, và muscle cell* [Sợi, sợi cơ và tế bào cơ] đều là những thuật ngữ có ý nghĩa giống nhau và có thể được sử dụng thay thế cho nhau.

(38) *Pyknosis* là sự co lại và dày đặc của nhân tế bào xảy ra trong cả hoại tử và *apoptosis* [cơ chế xé nhỏ tế bào].

(39) *Chronic inflammation* [Viêm mãn tính] - nghĩa là tình trạng viêm kéo dài, lâu dài và liên tục - khác về mặt bệnh lý với viêm cấp tính. Viêm cấp tính và mãn tính khác nhau vì các quần thể tế bào bạch cầu khác nhau với các chức năng và mục đích khác nhau can dự vào từng loại viêm.

(40) *Macrophages* [Đại thực bào] là những tế bào bạch cầu chuyên biệt có khả năng nuốt

chứng và tiêu hóa các mảnh vụn tế bào, chất lạ và vi khuẩn. Chúng liên quan nhiều hơn đến tình trạng viêm mãn tính.

(41) *Polymorphonuclear cells* [Tế bào đa nhân] là một họ bạch cầu bao gồm bạch cầu trung tính, nhưng cũng có *basophils* [bạch cầu ưa kiềm] và *eosinophils* [bạch cầu ưa toan]. Bạch cầu trung tính chuyên tiêu diệt vi khuẩn, bạch cầu ưa kiềm có liên quan đến phản ứng dị ứng và bạch cầu ưa toan chuyên tấn công ký sinh trùng. Các tế bào đa nhân có xu hướng đóng vai trò lớn hơn trong tình trạng viêm cấp tính.

(42) *Myocardial infarction* [Nhồi máu cơ tim] là thuật ngữ y học thường được gọi là “lên cơn đau tim”. Đó là tình trạng tử vong và thoái hóa sau đó của một vùng cơ tim, phổ biến nhất là do sự suy giảm lượng máu cung cấp đầy đủ cho mô bị ảnh hưởng.

(43) Các mạch máu cung cấp máu cho tim được gọi là động mạch vành. Tắc nghẽn các động mạch này là nguyên nhân phổ biến nhất gây nhồi máu cơ tim.

(44) *Thrombosis* [chứng huyết khối] là sự hình thành cục máu đông.

Chương III. Tixtla (2006)

Các sự kiện

Tixtla là một thị trấn có 23,000 dân ở bang Guerrero, tây nam Mỹ Tây Cơ. Thật không may, trong những thập niên qua, nơi đây đã bị ảnh hưởng bởi tội phạm, buôn bán ma túy, bất ổn chính trị và thậm chí lũ lụt thường xuyên. Nó cách Acapulco nổi tiếng hơn, thị trấn nghỉ mát bãi biển từng được dùng làm nơi thịnh nộ của dàn máy bay phản lực của Hollywood, khoảng 100 km trong đất liền.

Ở Tixtla, Cha Leopoldo Roque, thuộc giáo xứ Thánh Martin thành Tours, đã tổ chức một khóa tĩnh tâm cuối tuần cho giáo dân của mình vào tháng 10 năm 2006. Để làm điều đó, ngài đã mời một nhà thuyết giáo nổi tiếng mà ngài biết: Cha Raymundo Reyna Esteban, được gọi một cách không chính thức là “Cha Rayito.” Có năng khiếu diễn thuyết hùng hồn, Cha năm mươi tuổi. Rayito trông giống như một người khổng lồ hiền lành, cao hơn 6 feet. Vào thời điểm đó, ngài đang sống ở Tijuana, phía kia của đất nước, gần biên giới Hoa Kỳ trong một khu phố cũng gặp rắc rối với tội phạm, buôn bán ma túy và di cư bất hợp pháp. Ở đó, ngài đã thành lập “Đòng Truyền giáo của Chúa Giêsu và Mẹ Maria,” dựa trên nền linh đạo kiểu đặc sủng. Ngài khá thành thạo với các phương tiện truyền thông xã hội mới nhất (thực sự, ngài đang quản lý cả một kênh phát thanh và truyền hình và khá tích cực trên web) bên cạnh vai trò là một nhà trừ quỷ.

Chúa nhật ngày 22 tháng 10 năm 2006, ngài đồng tế Thánh lễ kết thúc khóa tĩnh tâm. Có khoảng sáu trăm người không thể lọt vào bên trong nhà thờ. Do đó, Thánh lễ được cử hành tại tòa thị chính gần đó. Hai nữ tu đang giúp phân phát Thánh Thể để rước lễ. Khi đang cầm một bình thánh (45) đựng đầy Minh Thánh, Sr Arely Marroquín, một trong hai vị, đột nhiên dừng lại và tái mặt trước các tín hữu đang xếp hàng nhận lãnh.

Vài năm sau, tờ báo địa phương *Diario 21* đã đăng bài tường thuật về các sự kiện diễn ra vào ngày hôm đó bằng cách nêu tên các nhân chứng và tường thuật các cuộc phỏng vấn của họ. Một trong số họ là người phụ nữ mà trước mặt bà, Sr Arely đã tạm dừng việc cho rước lễ. Theo trí nhớ của người phụ nữ này, nữ tu đã quay lại bàn thờ với đôi mắt đẫm lệ và đưa bình thánh cho Cha Rayito sau khi quý xuống, không thốt nên lời: một Minh Thánh dính đầy máu. Nó có kết cấu ẩm, dễ vỡ, đến mức một mảnh nhỏ có thể rơi ra khi chạm nhẹ vào nó. Cha Rayito và Cha Leopoldo nhanh chóng nói chuyện với nhau cho đến khi Cha Rayito lớn tiếng nói - "Đây là một phép lạ!" — và công khai trưng bày Minh Thánh đã bị vấy vài giọt máu tươi.

Với chất giọng oang oang của mình, ngài bắt đầu hát “*Que viva mi Cristo, que viva mi Rey*, [Vạn tuế Chúa Kitô của tôi, Vua của tôi muôn năm]” một bài thánh ca nổi tiếng với mọi người dân Mỹ Tây Cơ. Có người vỗ tay, có người khóc.

Nhìn lại, Cha Rayito nhớ lại khoảnh khắc đó như “gây sốc nhưng đồng thời đơn giản, cao siêu và vĩnh cửu.”

Trong những tuần tiếp theo, Đức Cha Alejo Zavala Castro, giám mục giáo phận địa phương Chilpancingo, đã thành lập một ủy ban điều tra gồm bốn linh mục. Vào thời điểm đó, cuộc điều tra của họ chỉ giới hạn ở việc xác lập sự kiện thông qua các cuộc phỏng vấn. Mười bảy

tuyên bố được đưa ra bởi những người khác nhau, tất cả đều đồng ý với lời khai tuyên thệ của những người trực tiếp liên quan.

Trong một cuộc phỏng vấn sau đó, Cha Rayito tiết lộ rằng ngài thực sự đã từng trải qua một tình tiết tương tự. Là một linh mục trẻ phục vụ tại Cộng hòa Dominica, trước đây ngài đã thấy mình cầm một Mình Thánh đang chảy máu trên tay. Đã có lúc, ngài đã “vui mừng” trước biến cố mâu nhiệm đó cùng với các anh em của mình. Tuy nhiên, sau đó, để tuân theo mệnh lệnh của vị giám mục, ngài đã nhúng Mình Thánh vào nước cho đến khi nó tan biến hoàn toàn và biến mất. Tôi sẽ không đi vào chi tiết về quyết định rất đáng nghi ngờ và tôi có thể nói là tàn bạo của vị giám mục đó. Thay vào đó, tôi sẽ tập trung vào mâu nhiệm của hiện tượng xảy ra một lần nữa...

Các cuộc điều tra

Ở Tixtla, sự can thiệp của Bác sĩ Castañón Gómez, được hỗ trợ bởi Grupo Internacional para la Paz của ông, hóa ra lại rất quan trọng, tương tự như sự đóng góp mang tính quyết định của ông ở Buenos Aires, dưới quyền của Đức Cha Bergoglio. Năm 2009, Castañón đến Chilpancingo để dự hội nghị và liên lạc với giám mục địa phương, Đức cha Zavala Castro. Bác sĩ Castañón từng được kể về những gì đã xảy ra ở Tixtla ba năm trước. Cuộc gặp gỡ của ông đã dẫn đến một mối quan hệ hữu hiệu: Bác sĩ Castañón mô tả vị giám mục là người rất cân bằng: không ngây thơ cũng như không có chủ nghĩa hoài nghi thận trọng. Ngài biết rõ tầm quan trọng tiềm tàng của các biến cố Tixtla và mở ra khả năng xảy ra một biến cố siêu nhiên không lường trước được. Ngài cũng không vội thừa nhận một phép lạ trong giáo phận của mình. Trên hết, mong muốn của ngài là xác lập các sự kiện đích thật. Đức cha Zavala Castro giao cho Bác sĩ Castañón giám sát các cuộc điều tra về bánh thánh Tixtla và ủy quyền cho ông lấy những mẫu chất liệu nhỏ. Vị giám mục cũng đưa ra một yêu cầu cụ thể với các nhà nghiên cứu: họ phải cố gắng hết sức để xác định xem chất giống như máu được thêm vào bánh thánh từ bên ngoài hay nó thực sự có nguồn gốc từ bên trong. Mối quan tâm của vị giám mục là điều dễ hiểu: ngoài việc mô tả bản chất “mâu nhiệm”, việc loại trừ một hành vi gian lận cũng quan trọng không kém. Như chúng ta sẽ thấy sau này, yêu cầu của Đức Cha Zavala đã được đáp ứng đầy đủ.

Cỗ máy chiến tranh của Grupo Internacional para la Paz lại hoạt động trở lại, mười năm sau Buenos Aires. Chính Bác sĩ Castañón đã lấy mẫu các mảnh có kích thước ba milimet của bánh thánh có vết dính máu. Sau đó, một loạt cuộc điều tra bắt đầu nhưng cuối cùng chỉ kết thúc vào ngày 25 tháng 2 năm 2013. Hiệp hội của Bác sĩ Castañón dựa vào một số phòng thí nghiệm y tế pháp y ở Mỹ Tây Cơ, Guatemala, Bolivia và Hoa Kỳ chuyên về hóa mô miễn dịch [immunohistochemistry] (46) và di truyền học. Trong quá trình phân tích, cùng những phát hiện thường được xác minh nhiều lần bằng nhiều phương pháp phân tích thay thế và bổ sung được thực hiện bởi các nhà khoa học khác nhau. Bản thân các nhà khoa học cũng không biết về công việc của nhau và làm việc trong điều kiện “hòa mù” - tức là không biết nguồn gốc của chất liệu. Như mọi khi, mọi chi phí đều được Grupo Internacional para la Paz hào phóng gánh chịu.

Kết quả thu được rất nhiều và hội tụ. Tôi sẽ cố gắng nhóm các kết quả từ các phòng thí nghiệm khác nhau lại với nhau “theo chiều ngang” trên bảng, sắp xếp chúng theo chủ đề và một phần theo thứ tự thảo luận trong báo cáo của Bác sĩ Castañón:

1. Máu người đã được tìm thấy.

a. Phòng thí nghiệm “Gene-Ex” ở La Paz (Bolivia) đã ghi nhận sự hiện diện của huyết sắc tố [hemoglobin]. Hemoglobin, tôi sẽ nhắc nhở những người không phải là chuyên gia, là protein chứa ion sắt cần thiết để vận chuyển oxy và carbon dioxide trong cơ thể, và nó chỉ được chứa bên trong các tế bào hồng cầu chứ không phải loại tế bào nào khác. Người đọc có thể tìm thấy một liên kết thư mục để xem bài thuyết trình trong hội nghị truyền hình trong đó Tiến sĩ Susana Pinell thực hiện xét nghiệm sắc ký miễn dịch mao mạch [capillary immunochromatography] (47) chuyên biệt cho huyết sắc tố nhân bản ở phút 21:02 trong video. Chúng ta có thể thấy khoảnh khắc trong đó một mảnh chất liệu tiếp xúc với bộ thử và phản ứng hóa học dương tính diễn ra sau vài giây. Tôi cần nhấn mạnh một lần nữa rằng mặc dù huyết sắc tố có trong hồng cầu của tất cả các loài động vật có xương sống, nhưng xét nghiệm mà bà thực hiện lại chuyên biệt với huyết sắc tố có nguồn gốc từ con người.

b. Các tế bào hồng cầu có thể được nhận dạng trên các phiến kính vi mô được nhuộm một cách thích hợp bằng phương pháp nhuộm *hematoxylin* và *eosin* thông thường được thực hiện bởi cả Tiến sĩ Juan Ruben Chavez Hernandez tại phòng thí nghiệm Corporativo Médico Legal ở Mỹ Tây Cơ và Tiến sĩ Orlando Rodas Pernillo tại phòng thí nghiệm PatMed ở Guatemala. Chính xác hơn, có những khu vực chứa chất liệu uraxit (48) giống như các tế bào hồng cầu đang trong quá trình tự phân - nghĩa là tự phân hủy một cách tự phát. Ở một số khu vực, chất liệu không có hình dạng và khó phân biệt. Những cụm như vậy tương thích với hiện tượng huyết khối, nghĩa là những tế bào hồng cầu đó có thể là một phần của cục máu đông. Trong số đó, một số bạch cầu thuộc các quần thể tế bào khác nhau (49) cũng có thể được nhận ra: bạch cầu trung tính, đại thực bào, (50) và bạch cầu ái kiềm. (51) Trên một trong các phiến kính, thậm chí có thể nhận ra một đại thực bào chứa đầy chất béo.

c. Tiến sĩ Eduardo Sánchez Lazo tại phòng thí nghiệm Corporativo Médico Legal đã thực hiện các xét nghiệm hóa mô miễn dịch để thăm dò các mô bằng các kháng thể được chọn nhằm nhận dạng sự hiện diện của các chất nền phân tử chuyên biệt một cách chính xác hơn. Ông đã xác nhận được sự hiện diện của *myeloperoxidase* và *glycophorin A*. *Myeloperoxidase* là một enzyme (52) chỉ hiện diện trong một số bạch cầu nhất định, đặc biệt là trong bạch cầu hạt của dòng tế bào *myeloid* [dạng tủy] (53). Thay vào đó, *Glycophorin A* là một *glycoprotein* (54) chỉ hiện diện trên màng tế bào của các tế bào hồng cầu và xác định nhóm máu MN “nhỏ” của chúng. (55) Nhìn chung, đây là những phát hiện rất chuyên biệt cung cấp thêm bằng chứng xác nhận về sự hiện diện của các tế bào máu trong các mô được kiểm tra.

2. *Nhóm máu là AB*. Hai phòng thí nghiệm độc lập, Corporativo Médico Legal ở Mỹ Tây Cơ và Gene-Ex ở Bolivia, đã chứng minh sự hiện diện của kháng nguyên A và B (56) bằng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang (57) trên các mô được kiểm tra. Trong báo cáo của Bolivia, kết quả được ghi lại bằng những bức ảnh màu. Tuy nhiên, còn nhiều điều hơn thế: lần đầu tiên trên thế giới, phòng thí nghiệm Gene-Ex cũng có thể xác định nhóm máu Rh (58) của những mô tế bào “màu nhiệm” đó. Nhóm Rh được phát hiện là âm tính. Chúng ta sẽ quay lại phát hiện này trong một chương riêng.

3. *Có những sợi tế bào rất có thể thuộc về cơ tim*. Các phiến kính hiển vi vẫn là những phiến kính được chuẩn bị tại phòng thí nghiệm Corporativo Médico Legal và PatMed đã đề cập ở điểm 1. Có rất nhiều bó sợi dài và được nhuộm tốt bằng thuốc nhuộm

hematoxylin và *eosin*. Cần phải dự ứng rằng, giống như tất cả các phép lạ Thánh Thể khác mà chúng ta đã gặp, không dễ để xác định bản chất tim của mô: các sợi bị thoái hóa đặc biệt do hiện tượng bệnh lý tự phân hủy. (59) Một lần nữa sử dụng thuật ngữ phi y học, chúng ta có thể nói rằng những hiện tượng này gợi ý về một mô “đau khổ”. Các đường vân và đĩa xen kẽ (60) bị thiếu. DNA chứa nhân tế bào cũng không nằm ở vị trí trung tâm nhất quán trong mỗi tế bào. (61) Tuy nhiên, hình dáng tổng thể của các sợi dài và phân lớn song song như vậy, với nhiều nhánh và ngay lập tức liền kề với các tế bào cơ lân cận, không thể không giống hình thái cơ tim. Thông tin bổ sung từ các xét nghiệm hóa mô miễn dịch sẽ có tính quyết định để khắc phục những khó khăn chẩn đoán mô bệnh học này: điều này có nghĩa là kết hợp các quan sát cấu trúc trực quan với các phát hiện chứng minh sự hiện diện của cơ tim – các chất nền chuyên biệt trên các sợi đó. Một cách đáng chú ý, báo cáo cuối cùng của Corporativo Médico Legal, do Tiến sĩ Sánchez Lazo chỉ đạo, tuyên bố rằng các xét nghiệm hóa mô miễn dịch đã xác nhận bản chất tim của mô, mặc dù ông không cung cấp thêm thông tin chi tiết.

Trong bài thuyết trình hội nghị được ghi lại bằng video của mình - vào phút 1:12:35 của hội nghị - thay vào đó, Tiến sĩ Carlos Parellada đã tuyên bố thiếu tính phản ứng được mong đợi đối với các thăm dò phân tử *desmin* và *myosin* (62) chuyên biệt với các tế bào cơ trên các phiến kính hiển vi PatMed của ông. Tuy nhiên, ông cho rằng phát hiện tiêu cực này là do quá trình tự phân giải và thoái hóa ngày càng tăng của các sợi cơ giả định.

4. Các phát hiện mô học khác:

a. Có những cụm tế bào mỡ.

b. Cấu trúc protein bị thoái hóa dường như thuộc về tế bào trung mô [mesenchymal] đã được xác định trên các phiến kính hiển vi được nghiên cứu bởi Giáo sư John Compagno ở California. Tế bào trung mô không hoàn toàn được dị biệt hóa nên tế bào đa năng vẫn giữ được một số đặc tính của tế bào gốc phôi thai. Chúng có thể dị biệt hóa thành nhiều loại mô trưởng thành như xương, cơ, sụn, tủy xương và tế bào mô liên kết. Kết quả dương tính được ghi nhận đối với xét nghiệm đánh dấu *vimentin* (63) trong các mô được Giáo sư Parellada kiểm tra dường như cũng chỉ về cùng một hướng.

c. Tế bào thực vật rõ ràng cũng có mặt. Chúng được nhận biết bởi thành tế bào dày và không thể thu gọn rất điển hình của chúng. Những tế bào này không thể được nhuộm bằng các thuốc thử thông thường dành cho mô động vật nhưng thỉnh thoảng vẫn có thể được nhận ra trong “hậu cảnh”. Đúng như dự đoán, chúng là một phần của bột mì làm bánh thánh bao quanh và hỗ trợ các mô được phân tích đã được khảo sát cho đến nay.

5. Có DNA của con người, nhưng không thể thu được hồ sơ di truyền. Hai phòng thí nghiệm riêng biệt – Corporativo Médico Legal của Tiến sĩ Sánchez ở Mê Tây Cơ và I2QB3 của nhà sinh vật học Eyda de Campollo (Instituto de Investigaciones Químicas, Biológicas, Biomédicas y Biofísicas) tại Đại học Mariano Gálvez ở Guatemala – đã thực hiện nghiên cứu DNA trên hai mẫu được bảo quản bằng *paraffin*. Cả hai đều đi đến kết luận giống nhau. Báo cáo của Mê Tây Cơ chỉ rõ rằng chất liệu di truyền có mặt, nhưng không thể xác định được trình tự gen mã hóa

protein trong đó, cũng như không thể khuếch đại bất cứ dấu hiệu di truyền hữu ích nào để thiết lập một hồ sơ di truyền chẳng hạn như những dấu hiệu di truyền có thể được sử dụng cho nghiên cứu quan hệ họ hàng.

Tương tự, báo cáo của Guatemala ngày 9 tháng 11 năm 2012 tuyên bố rằng không thể thu được cấu hình di truyền hoàn chỉnh bằng cách cố gắng khuếch đại (64) 15 chuỗi DNA STR và *amelogenins* (65) thông thường cần thiết cho hồ sơ DNA tiêu chuẩn. Điều này được cho là do chất lượng của DNA kém, được coi là quá thoái hóa và bị phân mảnh. Đó là kết quả không làm Bác sĩ Castañón ngạc nhiên. Kết quả DNA của Tixtla là sự lặp lại của kết quả ở Buenos Aires cũng như kết quả của những trường hợp khác mà nghiên cứu vẫn đang được tiến hành: chất liệu di truyền thoát khỏi các cuộc thăm dò di truyền và nó không thể được công nhận. Hiện tại, Grupo Internacional para la Paz coi việc không thể xác định cấu hình di truyền trong mô của họ là một loại “biến thể kiểm soát” [control variable], một loại xác nhận mẫu nhiệm rằng họ đang làm việc trên mô thật và “siêu nhiên”. Ngược lại, theo kinh nghiệm trước đây của họ, khi tìm thấy cấu hình DNA nhận diện một người chuyên biệt, điều này luôn luôn là kết quả của sự ô nhiễm mẫu: ai đó đã tiếp xúc gần gũi với chất liệu hoặc có lẽ là tác giả của một vụ lừa đảo trong một mẫu vật giả.

Đây là một chủ đề đáng được suy tư thêm và sẽ là chủ đề của một trong các chương sau.

6. Dưới lớp máu đông bề ngoài, máu tươi vẫn còn hiện diện khi tiếp xúc với bánh thánh. Vào tháng 2 năm 2010, Fernando Rodríguez Pérez, một chuyên gia tạo ảnh được Grupo Internacional para la Paz ủy thác, đã đến Tixtla và thăm nhà nguyện nơi phép lạ được bảo tồn. Ông đặt các dụng cụ của mình cách bàn thờ vài mét: chúng bao gồm một kính hiển vi kỹ thuật số phát ra tia cực tím và ánh sáng cực tím công suất cao. Nghiên cứu quét qua kính hiển vi của ông cho thấy máu tươi vẫn còn hiện diện trong phần bị ô của Minh Thánh, bên dưới lớp bề ngoài của máu đông rõ ràng. Đó là một phát hiện ấn tượng xét vì đã hơn ba năm trôi qua kể từ khi phép lạ xảy ra.

7. Máu chảy ra từ bên trong bánh thánh. Hai nghiên cứu riêng biệt theo các phương pháp khác nhau đã đưa ra cùng một kết luận. Trong một nghiên cứu trong số đó, Tiến sĩ Sánchez Lazo đã phân tích các đặc điểm vĩ mô, vi mô và cấu trúc của cả vết màu nâu và bánh thánh để hiểu mối quan hệ không gian qua lại của chúng. Ông đã trình bày chi tiết của điều này vào phút 45:50 trong buổi nói chuyện tại hội nghị của mình, có sẵn trên web. Đánh giá của ông đã loại trừ giả thuyết cho rằng máu có thể đã làm ướt bề mặt bánh thánh từ bên ngoài. Nếu đúng như vậy, nó sẽ xuyên qua và thấm đều toàn bộ độ dày của lớp bánh bên dưới. Thay vào đó, những gì chúng ta thực sự nhìn thấy trong một mặt cắt ngang lý tưởng của phép lạ Tixtla sẽ là hình ảnh một “hình nón ngược” đầy máu, xuyên qua chiếc bánh chỉ ở một điểm chính giữa, hơi phóng to trước khi chạm tới bên ngoài và sau đó, nở ra trên bề mặt bánh thánh, không còn làm ướt bánh thánh nữa. Do đó, máu dường như hoạt động như thể nó chảy ra từ một vết thương nhỏ thực sự: một mạch máu chảy máu từ một điểm bị thương bề ngoài, với máu dâng lên phía bên ngoài vết thương và chỉ trên “bề mặt da” mới chảy lan ra, tạo thành một vết lớn hơn.

Cuộc điều tra thứ hai về vấn đề này được giải thích trong báo cáo của Bác sĩ Castañón. Độ dày của bánh thánh được kiểm tra bằng kỹ thuật ánh sáng hồng ngoại và đưa ra kết luận tương tự: máu đến từ bên trong. Ông cho xem một số bức ảnh từ thí

nghiệm nhưng không cung cấp những lời giải thích sâu rộng.

Như vậy, câu hỏi làm vị giám mục giáo phận bối rối vào đêm trước cuộc điều tra cuối cùng đã được trả lời: vết đỏ không phải do một người ác ý nào đó thêm vào, bởi vì máu rỉ ra một cách khó giải thích từ bên trong Minh Thánh, do đó thêm một yếu tố bổ sung và khá có ý nghĩa cho phép lạ.

Một số nhận xét thêm

Các tế bào hồng cầu, sợi cơ, mỡ và tế bào trung mô được cố định trên các phiến kính hiển vi cho thấy các đặc điểm tự phân hủy hoặc bằng chứng về sự thoái hóa và mất đi một số thành phần của mô sống. Tuy nhiên, cần nêu rõ ngoại lệ đáng chú ý về sự hiện diện của các tế bào bạch cầu, vẫn còn nguyên vẹn và hoạt động tại thời điểm lấy mẫu. Những cân nhắc tương tự của các nhà chuyên môn Lawrence và Zugibe về bạch cầu xâm nhập vào các mô ở Buenos Aires cũng áp dụng cho mẫu phân tích ở Tixtla: Làm sao chúng vẫn có thể ở đó? Các tế bào bạch cầu cực kỳ dễ bị tổn thương. Bên ngoài cơ thể của chính chúng, hoặc sau khi nó chết, chúng sẽ chết hoặc đơn giản là tan biến trong vòng vài giờ. Thay vào đó, ở đây chúng ta đang đứng trước một điều gì đó khó tin và đơn giản là không thể giải thích được: Đầu tiên, mô sinh học xuất hiện vào ngày 22 tháng 10 năm 2006, trong tay Nữ tu Arely chưa bao giờ được nuôi dưỡng hoặc phát triển nhân tạo bằng cách ngâm nó vào môi trường nuôi cấy, cũng như không bao giờ được xử lý bằng bất cứ chất bảo quản nào. Thay vào đó, nó được giữ ở nhiệt độ trong phòng và được bảo quản một cách cung kính, nhưng chắc chắn không phải trong điều kiện vô trùng. Tuy nhiên, ba năm sau, trong cùng mô đó, chúng ta vẫn có thể tìm thấy các tế bào bạch cầu sống đến mức một trong số chúng, một đại thực bào, thậm chí còn bị mắc vào một tấm kính khi đang thực hiện nhiệm vụ của nó là nuốt một số mảnh vụn béo. Điều đáng nói là sự hiện diện của bạch cầu thể hiện sức sống của cơ thể mà chúng bắt nguồn theo nghĩa tổng quát hơn: các tế bào bạch cầu không được sản xuất tại chỗ, trong mô bị viêm cục bộ, mà về mặt sinh lý đến từ nơi khác khi bị thu hút bởi phản ứng viêm, sử dụng và dựa vào hoạt động tuần hoàn máu. Các tế bào bạch cầu chứng minh rằng sinh vật mà chúng đến từ đó vẫn *còn sống* và đang hành động để đảm bảo rằng một trong những mô bị thương và bị viêm của nó được sửa chữa thỏa đáng.

Bác sĩ Marco Blanquicett Anaya, một bác sĩ tim mạch người Colombia được bác sĩ Castañón trình bày dữ kiện vào tháng 6 năm 2014, đã nhận ra một bức tranh bệnh lý trong phép lạ Tixtla: một bức tranh gợi ý rằng mô cơ tim đang trải qua một phản ứng viêm điển hình do hoặc bị nhồi máu (66) hoặc một cơn căng thẳng sinh lý học dữ dội. Hơn nữa, mô cơ tim được biết là nơi chứa về phương diện sinh lý học các đại thực bào có nhiệm vụ chống lại sự lắng đọng quá mức chất béo ở lớp lót bên trong của động mạch vành bằng cách nuốt chúng, do đó ngăn ngừa sự hình thành các mảng xơ vữa động mạch [atherosclerotic plaques] (67) khét tiếng gây ra các cơn đau tim. Một phát hiện không thể giải thích khác được chia sẻ bởi Bác sĩ Parellada, người cùng với Bác sĩ Castañón vào năm 2011 đã đích thân lấy một mẫu có kích thước milimet mới từ bánh thánh dính máu. Mục đích là để có được các phiến kính hiển vi mới để đánh giá mô bệnh học và trên hết là để phân tích tốt hơn hóa mô miễn dịch của các mô mới được lấy mẫu. Và, bốn năm sau, bánh thánh xuất hiện trước lưỡi dao mổ hoàn toàn mềm mại và có kết cấu giống như một mẫu bánh không men mới làm, không có bất cứ bằng chứng nào về việc cứng lại hoặc mục nát. Khi lưu ý điều này, tâm trí tôi lang thang nghĩ đến một loại phép lạ Thánh Thể khác, một phép lạ không đòi hỏi phải có

máu hoặc một loại mô sinh học sống nào khác, nhưng liên quan đến việc tự bảo quản các bánh thánh đã được truyền phép trong nhiều thập niên và thế kỷ. Nổi tiếng và gây tiếng vang nhất là tại Nhà thờ Thánh Phanxicô ở Siena (Ý), nơi các bánh thánh bị đánh cắp và sau đó được tìm lại đã được bảo tồn từ năm 1730. Thậm chí cho đến ngày nay, 223 Minh Thánh đó vẫn còn trắng, nguyên vẹn và tươi mới một cách khó giải thích sau gần ba thế kỷ được trưng bày cho việc tôn thờ Thánh Thể của các tín hữu.

Kết luận

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2013, tại khán phòng Sentimientos de la Nación của Chilpancingo, một hội nghị chuyên đề chính thức đã được tổ chức để trình bày dữ kiện khoa học. Phần lớn biên cố có sẵn trên YouTube, như được chỉ ra trong thư mục. Tôi không thể không khuyên những ai biết một chút tiếng Tây Ban Nha nên xem nó. Cuối cùng, giữa tiếng vỗ tay cảm động của khán giả, Bác sĩ Castañón đã trao cho Đức Giám Mục Alejo Zavala Castro hai bản sao kết luận của cuộc điều tra, cùng với các tài liệu có chữ ký của từng nhà nghiên cứu tham gia dự án. Một bản được giáo phận lưu giữ, bản còn lại được gửi đến Vatican, cho Bộ Giáo lý Đức tin.

Vào ngày 12 tháng 10 năm 2013, vị giám mục đã ban hành một tuyên bố chính thức và long trọng công nhận tính chất siêu nhiên của biên cố Tixtla, tuyên bố đây là một phép lạ.

Tái bút: Phim tài liệu của Úc làm suy yếu tính xác thực của phép lạ Tixtla

Chúng tôi đã gặp nhà báo người Úc Mike Willesee trong tư cách một trong các đối tác của Bác sĩ Castañón đang điều tra các biên cố ở Buenos Aires. Vào tối lễ Phục sinh năm 2017, giấc mơ của Willesee đã thành hiện thực: Đài Số Bảy cuối cùng đã phát sóng trên đài truyền hình Úc một bộ phim tài liệu mà ông đã thực hiện trong nhiều năm. Tiêu đề của nó là *The Blood of Christ: Proving the Existence of God* [Máu Chúa Kitô: Chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa] (hiện đã có trên YouTube với tựa đề “Các nhà khoa học điều tra các dấu hiệu của Chúa Giêsu Kitô”). Đó là cuộc điều tra về bốn biên cố lạ lùng gần đây đã diễn ra ở châu Mỹ Latinh, bao gồm cả sự kiện Buenos Aires năm 1996 và sự kiện Tixtla năm 2006. Willesee đã quay các địa điểm và các cuộc phỏng vấn liên quan đến những sự kiện đó, được tích hợp với các cảnh quay có sẵn. Quan trọng nhất, ông đã được quay phim khi đang lấy mẫu những di tích được cho là lạ lùng này, bao gồm cả phép lạ Tixtla. Trọng tâm của bộ phim tài liệu của ông là nỗ lực chứng minh tính xác thực hỗ tương của tất cả các biên cố lạ lùng đã được trình bày thông qua các cuộc điều tra di truyền mới. Thật không may, bộ phim tài liệu của ông kết thúc gần như đột ngột với một thông điệp chói tai và không có sự giải thích rõ ràng về dữ kiện. Một mặt, nó giải thích việc - trong cả ba cuộc điều tra - làm thế nào DNA được chiết xuất từ các tế bào bạch cầu đã hiện diện trong các mẫu phân tích một cách nhất quán, khó giải thích được, nhưng cũng tránh được một cách yên tâm tất cả các xét nghiệm lên cấu hình thường được sử dụng để nhận dạng bản vị. Tuy nhiên, mặt khác, ngay phút cuối cùng của bộ phim tài liệu đã thả một quả bom gây chung hứng ngay vào mảnh vỡ lấy từ di tích Tixtla: theo xét nghiệm di truyền, cấu hình DNA của một phụ nữ đã được tìm thấy trong đó. Vì điều này, bộ phim tài liệu gợi ý rằng phát hiện này sẽ làm suy yếu nghiêm trọng độ tin cậy của phép lạ Tixtla.

Mike Willesee là một con người vĩ đại và một nhà báo vĩ đại. Ông qua đời năm 2019

vì bệnh ung thư vòm họng. Bộ phim tài liệu này - nơi ông dành cả trái tim và tâm hồn - không may được hoàn thành khi căn bệnh của ông đã ở giai đoạn rất nặng và ông hoàn toàn nhận thức được điều đó. Chỉ một con người sống một cuộc đời thú vị mới có thể viết tự truyện, đó là những gì ông đã làm trong *Hồi ký* năm 2017 của mình. Tuy nhiên, chỉ một vĩ nhân mới có thể viết cuốn thứ hai để nói về đời sống tinh thần và sự hoán cải cuối cùng của ông trong cuốn *A Sceptic's Search for Meaning* [Tìm kiếm ý nghĩa của một kẻ Hoài nghi], xuất bản năm 2019. Tôi nghĩ rằng một trong những lý do cho cuốn tự truyện thứ hai này - mà ông thực sự đã viết trên giường bệnh - chắc hẳn ông đã sẵn lòng sửa chữa những điểm không chính xác và đơn giản hóa quá mức trong bộ phim tài liệu *The Blood of Christ* [Máu Chúa Kitô].

Trong cuốn tự truyện thứ hai của mình, Willesee đã thú nhận một số câu chuyện quá khứ của mình, bao gồm cả sự bất bình ngày càng tăng của Đài Số Bảy đối với dự án của ông, vốn đã được hoàn thành và phát sóng quá sớm và vội vàng.

Trên hết, ông thừa nhận sự yếu kém về thể chất và tinh thần của mình, chắc chắn là do căn bệnh này, cũng như sự tiếc nuối khi không thể thực hiện bất cứ hành động nào trước thông điệp sai lệch được truyền tải ở cuối bộ phim tài liệu. Tóm lại, Willesee đã nêu những điều sau đây, như những nhắc nhở lâu dài:

1. DNA của phụ nữ được phát hiện hoàn toàn không đến từ mẫu lấy từ bánh thánh Tixtla, mà là từ một bức tượng bán thân bằng thạch cao của Chúa Giêsu đã chảy máu ở Cochabamba (Bolivia) từ năm 1995. Đây là những gì Viện Pháp y Victoria ở Melbourne thực sự đã quyết vào tháng 11 năm 2015.
2. Các nhà điều tra sau đó đã gửi hồ sơ di truyền của bà Silvia Arévalo đến Melbourne để so sánh, vì bà là chủ nhân của bức tượng Cochabamba. Cùng ngày, Bác sĩ Dadna Hartman, từ Viện Victoria, xác nhận chắc chắn rằng DNA của phụ nữ được phát hiện vào năm 2015 hoàn toàn trùng khớp với cấu hình của bà Arévalo. Cần lưu ý rằng phát hiện này không nhất thiết chỉ ra sự gian lận. Thay vào đó, chẳng hạn, nó có thể là kết quả của sự ô nhiễm rất có thể xảy ra và được mong đợi đối với bức tượng bởi các tế bào da của chủ nhân nó. Thật vậy, điều này đã được chứng minh là đúng bằng những phân tích sâu hơn được thực hiện sau này.
3. Sau đó, người ta cảm thấy cần phải thử nghiệm sâu hơn. Mục tiêu của các phân tích sâu hơn phải là phát hiện hàm lượng DNA của các tế bào đơn lẻ. Bằng cách đó, DNA của các tế bào bạch cầu quý giá và có lẽ là lạ lùng có thể được tự phân tích, tách biệt khỏi chất liệu di truyền khác có nguồn gốc từ bất cứ chất gây ô nhiễm tế bào da tiềm ẩn nào có trong các mẫu. Để đạt được điều đó, chính các nhà khoa học ở Melbourne đã giới thiệu Willesee đến một phòng thí nghiệm có khả năng tiếp cận kỹ thuật cần thiết: Hệ thống sinh học Menarini Silicon của Ý ở Bologna. Ở đó, nhóm của Bác sĩ Francesca Fontana đã kiểm tra các mẫu được thu thập ở Tixtla, Cochabamba và Campoalegre (sau này có thể là một phép lạ Thánh Thể khác nhưng chưa bao giờ được giám mục địa phương công nhận). Phòng thí nghiệm của Ý xác nhận máu người có trong cả ba mẫu vật ở Nam Mỹ. Hơn nữa, nó cũng trích xuất hàm lượng DNA của các tế bào bạch cầu đơn lẻ có trong mỗi mẫu trong số ba mẫu. Kết quả đúng như những gì Willesee mong đợi, mặc dù nó khiến Bác sĩ Fontana thất vọng: bằng cách loại trừ khả năng lây nhiễm qua da có nguồn gốc từ con người, không thể thu được cấu hình DNA riêng lẻ nào từ chất liệu di truyền được chiết xuất từ bất cứ tế bào bạch cầu đơn lẻ nào thuộc về mỗi một trong ba mẫu phân tích.

4. Trình tự thời gian diễn ra các cuộc điều tra đã bị đảo ngược một cách vụng về hoặc ác ý để kết quả xét nghiệm chính xác và dứt khoát nhất từ Bologna được trình bày trước, sau đó là kết quả chung chung hơn ở Melbourne. Bằng cách đó, kết quả hầu như không đáng tin cậy và thực sự sai ở cuối phim tài liệu đã được làm nổi bật một cách không thích hợp.

Tôi không thể phủ nhận cảm giác xúc động khi đọc phần cuối cuốn *Tìm kiếm ý nghĩa của một kẻ Hoài nghi*, trong đó Willesee giải thích sự hối tiếc của ông vì đã bỏ lỡ dịp quan trọng này trong cuộc đời mình, một dịp lẽ ra phải là đỉnh cao trong sự nghiệp của ông, khi bộ phim tài liệu *Máu Chúa Kitô* kết thúc với việc chính ông thốt ra những lời cuối cùng của mình trong tư cách một nhà báo trước ống kính, những lời đó thể hiện một sự sai lầm về ý thức hệ mà sau đó ông bắt đầu cảm nhận được sức nặng.

Thư mục

Castañón Gómez, Ricardo. 2014. *Crónica de un milagro eucarístico: Esplendor en Tixtla Chilpancingo, Mexico* [Biên niên sử về phép lạ Thánh Thể: Sự huy hoàng ở Tixtla, Chilpancingo, Mê Tây Cơ]. Tập đoàn quốc tế para la Paz. Báo cáo về sự thật và nghiên cứu từ Tixtla với nhiều bức ảnh.

Jaramillo, J. A. 2014. “Será expuesta en la parroquia de San Martín de Tours: Colocan la Hostia sangrante de Tixtla en cápsula antibalas. [Nó sẽ được trưng bày tại giáo xứ San Martín de Tours: Họ đặt Mình Thánh đang chảy máu của Tixtla vào một bao con nhộng chống đạn]” *Diario 21*, ngày 11 tháng 9 năm 2014. Báo cáo từ một tờ báo địa phương về tình tiết xảy ra ngày 22 tháng 10 năm 2006, sau 8 năm. Bài viết được viết nhân dịp đặt bánh thánh lạ lũng vào một bao con nhộng chống đạn trong suốt, niêm kín.

Jaramillo, J. A. 2013. “No se descarta un milagro: Iglesia - De humano, sangre hallada en Hostia de Tixtla: Científicos.[Không loại trừ phép lạ: Nhà thờ - Máu người được tìm thấy trong bánh thánh Tixtla: Các nhà khoa học]” *Diario 21*, ngày 27 tháng 5 năm 2013. Báo chí đưa tin ngày 27 tháng 5 năm 2013: một ngày sau khi chính thức trình bày bánh thánh lạ lũng Tixtla cho các cuộc nghiên cứu trước ủy ban khoa học.

Monte Maria Mjm. 2013. “Conferencia Milagro Eucarístico Tixtla, Chilpancingo-25-Mayo-2013.[Hội nghị Phép lạ Thánh Thể Tixtla, Chilpancingo-25 tháng 5, 2013]” Quay video. YouTube. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021.
https://www.youtube.com/watch?v=pUN0Gxx_y0g. Đoạn video dài 81 phút trình bày chính thức kết quả nghiên cứu trước ủy ban khoa học ở Chilpancingo vào ngày 25 tháng 5 năm 2013, với sự hiện diện của Đức Giám Mục Zavala Castro. Bác sĩ Sánchez và Bác sĩ Parellada cũng có mặt trong video.

Meloni, Sergio. 2014. *I miracoli eucaristici e le radici Cristiane dell'Europa* [Phép lạ Thánh Thể và cội nguồn Kitô giáo của Châu Âu], tái bản lần thứ 3. ESD Edizioni Studio Domenicano. Tuyển tập đầy đủ nhất (có sẵn bằng tiếng Ý) về các phép lạ Thánh Thể dựa trên một cuộc triển lãm du lịch thành công trên toàn thế giới. Từ ấn bản thứ ba của cuốn sách, những biến cố gần đây hơn từ Tixtla cũng được đưa vào từ trang 516 đến trang 519.

7NEWS Spotlight. 2019. *The Blood of Christ: Proving the Existence of God — Sunday Night* [Máu Chúa Kitô: Chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa - Đêm Chúa Nhật]. Phim tài liệu. YouTube (hiện nay có tiêu đề “Scientists Investigate Signs of Jesus Christ [Các nhà khoa học điều tra các dấu lạ của Chúa Giêsu Kitô]”). Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021.
<https://www.youtube.com/watch?v=mWmdXqIhjSs>. Phim tài liệu từ loạt phim Đêm Chủ nhật phát sóng vào ngày 9 tháng 4 năm 2017, trên Đài Số Bảy của Úc, trong đó Mike Willesee được nhìn thấy đang lấy một mẫu mới từ bánh thánh Tixtla lạ lũng để bắt đầu các cuộc điều tra mới, dường như không có bất cứ sự cho phép nào của giám mục địa phương.

Willesee, Mike. 2019. *A Sceptic's Search for Meaning: A Spiritual Journey* [Cuộc tìm kiếm ý nghĩa của một kẻ Hoài nghi: Hành trình tâm linh]. Macmillan Úc. Cuốn tự truyện của nhà báo người Úc tiết lộ những câu chuyện hậu trường quý giá về bộ phim tài liệu *Máu Chúa Kitô* của ông.

Ghi chú

(45) *Ciborium* là tên của bình thánh đựng bánh thánh đã truyền phép.

(46) *Immunohistochemistry* [Hóa mô miễn dịch] là một kỹ thuật phân tích sử dụng các phân tử kháng thể làm tác nhân thăm dò và sử dụng các dấu hiệu phân tử để mô tả đặc điểm của các mẫu mô.

(47) *Capillary immunochromatography* [Phương pháp sắc ký miễn dịch mao mạch] bao gồm việc chạy một mẫu chất lỏng dọc theo bề mặt của một miếng đệm có các phân tử phản ứng cho kết quả dương tính hoặc âm tính khi tiếp xúc với mẫu. Thí dụ rất nổi tiếng của kỹ thuật này là các xét nghiệm thử thai bằng nước tiểu được phổ biến rộng rãi.

(48) Vật liệu có tính axit được nhuộm bằng thuốc nhuộm có tính axit là bằng chứng của quá trình tự tiêu hóa tế bào qua trung gian axit.

(49) Tế bào bạch cầu, còn được gọi là bạch cầu, là các tế bào thuộc hệ thống miễn dịch của cơ thể lưu thông trong máu. Chúng được tạo thành từ nhiều loại tế bào trắng chuyên biệt khác nhau, đóng các vai trò khác nhau trong chấn thương mô, viêm và nhiễm trùng.

(50) *Macrophages* [Đại thực bào] cũng là các tế bào bạch cầu chuyên tiêu diệt các mầm bệnh và mảnh vụn khác nhau. Chúng thường được tuyển dụng đến các vị trí mô bị chấn thương, viêm hoặc nhiễm trùng để “dọn dẹp chiến trường” sau khi các loại tế bào bạch cầu khác đã thực hiện “nhiệm vụ chiến đấu” của chúng.

(51) *Basophils* [bạch cầu ái kiềm] là một phân lớp tế bào bạch cầu khác. Chúng thường liên quan đến phản ứng dị ứng.

(52) *Enzym* là một protein có vai trò đẩy nhanh tốc độ phản ứng hóa học của tế bào.

(53) Tất cả các tế bào máu đều có nguồn gốc từ tế bào gốc tủy xương đa năng. Khi phát triển, chúng sẽ dị biệt hóa thành các loại tế bào khác nhau với những chức năng chuyên biệt. Họ bạch cầu hạt bao gồm bạch cầu trung tính, bạch cầu ái kiềm và bạch cầu ái toan. Bạch cầu hạt được đặt tên theo các hạt đặc trưng cho hình dạng vi mô của chúng. Thay vào đó, họ myeloid là một loại tế bào bạch cầu rộng hơn, bao gồm cả bạch cầu hạt và bạch cầu đơn nhân, loại tế bào này là tiền thân của đại thực bào.

(54) *Glycoprotein* là một phân tử protein được liên kết hóa học với một chuỗi phân tử đường ít nhiều phức tạp.

(55) Ngược lại với các nhóm máu “chính” A, B, AB và O mà hầu hết độc giả đều biết, còn có nhiều nhóm máu “thứ yếu” khác ít được biết đến hơn, chẳng hạn như nhóm MN.

(56) *Antigen* [Kháng nguyên] là bất cứ chất nào có thể được hệ thống miễn dịch phát hiện để kích hoạt phản ứng miễn dịch. Thông thường, các kháng nguyên là protein hoặc phân tử đường tiếp xúc bên ngoài trên bề mặt tế bào cơ thể hoặc vi khuẩn lạ. Các tế bào của hệ thống miễn dịch có thể liên kết với chúng để nhận biết chúng là tế bào “ghi nhãn” [tagging] hoặc các thành phần sinh học là một phần của sinh vật (bản thân) hoặc để xác định chúng là vật chất lạ cần loại bỏ (không phải bản thân).

(57) *Immunofluorescence* [Miễn dịch huỳnh quang] liên quan đến việc liên kết các mục tiêu phân tử cụ thể trên mẫu mô bằng các kháng thể huỳnh quang nhân tạo đặc biệt hoạt động như các thăm dò sinh hóa huỳnh quang phát sáng khi tiếp xúc với ánh sáng.

(58) Trong số 39 hệ thống nhóm máu ở người đã biết, hệ thống nhóm máu Rh hay *Rhesus* là hệ thống quan trọng thứ hai sau hệ thống ABO. Nó được xác định bởi sự hiện diện hay vắng mặt của kháng nguyên Rh trên tế bào máu. Tầm quan trọng của nhóm ABO và Rh “chính” là do các phản ứng truyền máu qua trung gian hệ thống miễn dịch có mức độ nghiêm trọng cao và thường gây tử vong xảy ra nếu máu của một nhóm máu chính nhất định được truyền cho một cá nhân có nhóm máu chính không tương thích. Các nhóm máu “thứ yếu”, như nhóm MN đã đề cập trên đây, cũng có thể không tương thích với nhau, nhưng các phản ứng miễn dịch có hại do sự không tương thích như vậy gây ra thường ít nghiêm trọng hơn nhiều và thường có thể dung nạp được về mặt lâm sàng.

(59) *Autolysis* [Tự phân] có nghĩa là tự tiêu hóa và thoái hóa. Quá trình tự phân xảy ra ở các mô bị viêm, nhiễm trùng hoặc bị chấn thương khác để loại bỏ các tế bào đã bị tổn thương đến mức không thể sửa chữa được.

(60) Những đặc điểm vi mô này thường có ở mô cơ tim khỏe mạnh. Chúng là đặc điểm nổi bật của bộ máy cơ bóp tế bào nguyên vẹn và các thành phần cấu trúc chuyên biệt của tim kết nối các tế bào cơ tim với nhau để cho phép truyền tín hiệu cơ điện [electrical contraction].

(61) Vị trí trung tâm của nhân tế bào là đặc điểm phân biệt chuyên biệt của mô cơ tim. Thật vậy, nhân tế bào của các loại tế bào cơ khác trong cơ thể thường không nằm ở trung tâm.

(62) *Desmin* và *myosin* là các protein chuyên biệt cho bộ máy cơ bóp của tế bào cơ.

(63) *Vimentin* là một protein khung tế bào chuyên biệt cho tế bào trung mô.

(64) Khuếch đại DNA đề cập đến quá trình phân tích DNA PCR (phản ứng chuỗi *polymerase*). PCR là một kỹ thuật phân tích tạo ra nhiều bản sao DNA từ lượng DNA trong một mẫu nhất định. Điều này có thể đạt được với điều kiện là các thăm dò phân tử PCR DNA bổ sung có thể liên kết giải khởi đầu phù hợp trên DNA chứa trong mẫu. Tất nhiên, việc tạo ra nhiều bản sao hoặc khuếch đại DNA của mẫu là rất hữu ích để thực hiện nhiều xét nghiệm DNA khác trên lượng chất liệu lớn hơn có thể nghiên cứu được.

(65) STR là viết tắt của chuỗi DNA *short tandem repeat* [song song ngắn lặp lại]. Chúng là những chuỗi nổi tiếng ở nhiều vị trí khác nhau trong DNA của con người, tự lặp lại thành những đoạn liên tục với số lần khác nhau ở những cá thể không liên quan. Cùng với chuỗi *amelogenin*, chúng có thể được sử dụng để xác định xem một hoặc nhiều cá thể có quan hệ di truyền với nhau hay không. Thay vào đó, chuỗi DNA *amelogenin* chứa thông tin cần thiết để tổng hợp *protein amelogenin* men răng. Có nhiều loại *amelogenin* khác nhau được tạo ra từ các chuỗi DNA hơi khác nhau và những chuỗi khác nhau này nằm trên cả nhiễm sắc thể giới tính X và Y. Do đó, việc xác định chuỗi DNA *amelogenin* là một cách để xác định giới tính của một cá nhân có DNA đang được phân tích.

(66) *Infarction* [Nhồi máu cơ tim] là thuật ngữ y học chỉ những thay đổi bệnh lý xảy ra ở một mô bị thiếu nguồn cung cấp máu đầy đủ - trong trường hợp này là một cơn đau tim.

(67) Khi các mảng xơ vữa động mạch [atherosclerotic plaques] trở nên không ổn định, chúng

có thể bong ra và làm tắc nghẽn mạch vành, do đó làm ngừng cung cấp máu cho các mô ở hạ lưu. Nếu nguồn cung cấp máu bị tổn hại quá lâu, mô cơ tim có thể bị tổn thương đến mức không thể sửa chữa: cơn đau tim.

Chương IV. Sokółka (2008)

Các sự kiện

Sokółka là một thị trấn nhỏ và yên tĩnh với khoảng 20 nghìn dân ở phía đông bắc Ba Lan, cách biên giới với Belarus vài km. Nó được bao quanh bởi đất nông nghiệp phi công nghiệp có nhiều đồi núi. Cách đó không xa là tàn tích cuối cùng của khu rừng nguyên sinh tươi tốt ở châu Âu, vẫn là nơi sinh sống của bò rừng. Những người dân địa phương cần cù rất gắn bó với mảnh đất của mình, lòng yêu nước của họ kết hợp chặt chẽ với một đức tin Công Giáo rất mạnh mẽ. Đó là quê hương của Chân phước Cha Jerzy Popiełuszko (người đang được phong thánh) và Cha Stanisław Suchowolec, hai linh mục được yêu mến, đều là nạn nhân của sự đàn áp của cộng sản vào những năm 1980.

Chỉ hai tuần trước những sự kiện mà tôi sắp giải thích, tâm điểm chú ý của Giáo Hội Công Giáo chỉ cách Sokółka ở Białystok bốn mươi km, thủ phủ vùng và là trụ sở của giáo phận. Ở đó, tám mươi ngàn người đã tụ tập. Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, được nối kết bằng liên kết video trong giờ đọc kinh Truyền tin ở Rôma, đã chào mừng các tín hữu tụ tập tại Ba Lan dự lễ phong chân phước cho Cha Michał Sopoćko, linh hướng và cha giải tội của Thánh Faustina Kowalska.

Hai tuần sau, ngày 12 tháng 10 năm 2008, là một ngày Chúa nhật giống như nhiều ngày khác tại Nhà thờ Thánh Antôn Padua ở Sokółka. Thánh lễ sáng lúc 8:30 được cử hành bởi linh mục trẻ Cha Filip Zdrodowski. Cha đang được giúp đỡ trong việc phân phối Mình Thánh Chúa bởi Cha Jacek Ingielewicz. Rất có thể chính ngài là người đã lỡ đánh rơi Mình Thánh Chúa vào thời điểm đó. Chuỗi sự kiện liên quan đến tai nạn này quả gây tò mò và cảm động. Nó đã được làm chứng một cách rất chi tiết: một trong các tín hữu đang quỳ ở lan can bàn thờ để rước lễ, như người ta vẫn thấy ngày nay trong các Thánh lễ Nghi thức Tridentine. Không nói nên lời, người phụ nữ đó đã chạm vào chân Cha Jacek và bằng một cái liếc nhìn, chỉ cho Cha bậc đầu tiên của bàn thờ. Linh mục nhặt bánh thánh lên. Nó bắn, và ngài quyết định không dùng nó mà nhúng nó vào nước trong một bình chứa [vasculum], tức một chiếc chén bằng bạc dùng để rửa tay đã có sẵn trên bàn thờ. Như thế, thủ tục giáo luật được thực hiện hai lần ở Buenos Aires cũng bắt đầu ở đó. Sau một vài ngày, hình bánh đó sẽ không còn được nhận dạng nữa và sẽ được đổ xuống vùng đất thánh. Kết thúc Thánh lễ, Cha Jacek đặt chiếc chén chứa bánh thánh vào bên trong nhà tạm.

Cùng ngày, linh mục quản xứ Đức Ông Stanisław Gniedziejko, hoặc đã được thông báo về việc xảy ra hoặc chỉ đơn giản là để ý đến chén chứa nước được cất giữ một cách bất thường bên trong nhà tạm. Do đó, ngài đã yêu cầu Sơ Julia Dubowska, người giữ phòng áo của giáo xứ trông coi nền, bình thánh và trang trí tổng thể của nhà thờ, đổ chất chứa trong chén vào một chiếc bình thủy tinh lớn hơn, thêm nước vào và khóa nó trong két an toàn của phòng áo mà chìa khóa chỉ có hai người họ giữ. Nữ tu siêng năng làm những gì được yêu cầu nhưng vì tò mò về sự kiện bất thường này nên bà liên tục kiểm tra chiếc bình trong két hàng ngày trong suốt tuần tiếp theo. Vào lúc 8 giờ sáng Chúa nhật tuần sau, ngày 19 tháng 10, Sơ Julia mở két và ngửi thấy mùi thơm của bánh: sơ nghĩ đó là do bánh thánh đã tan biến hoàn toàn, nhưng không phải vậy.

Sau này, bà đã bộc bạch cảm xúc của mình lúc đó: bà cảm thấy mình giống như Môsê trước bụi gai bốc cháy. Một phần của Mình Thánh vẫn chưa tan ra và được bao phủ một phần bởi một vết đỏ đặc nhô ra, giống như một cục máu đông kích thước 1 x 1,5 cm. Tuy nhiên, nước

trong thùng vẫn trong. Sơ Julia ngay lập tức gọi cho cha xứ, Cha Stanisław và các linh mục khác vội chạy tới. Tất cả đều ngạc nhiên và sửng sốt. Vào thời điểm đó, họ quyết định giữ im lặng nghiêm ngặt về những gì đã xảy ra. Cùng ngày, Sơ Julia đã chụp ảnh chiếc hộp thủy tinh và những thứ bên trong. Bức ảnh vẫn có sẵn trên web. Đồng thời, Cha Stanisław đã thông báo cho Giáo triều Białystok địa phương về sự kiện kỳ lạ này, và vài ngày sau, Đức Tổng Giám Mục Edward Ozorowski và Chương ấn của ngài, Andrzej Kakareko, đã đích thân đến Giáo xứ Thánh Atôn để xác minh sự thật. Vị giám mục yêu cầu giữ bánh thánh ở nơi tôn kính.

Vì vậy, vào ngày 29 tháng 10, chiếc bình đã được chuyển từ két an toàn đến nhà tạm của một nhà nguyện nhỏ Lòng Thương Xót Chúa nằm bên trong nhà xứ nơi các linh mục giáo xứ đang sinh sống, cách Nhà thờ Thánh Antôn một đoạn ngắn. Sau đó, vào ngày 30 tháng 10, linh mục giáo xứ tách toàn bộ phần rắn được tạo thành từ những gì còn sót lại của bánh không men và cục máu đông bí ẩn ra khỏi nước bằng một chiếc thìa nhỏ và đặt nó lên một khăn thánh nhỏ, theo lời khuyên của giám mục. Một chữ thập nhỏ màu đỏ rất dễ thấy được thêu ở giữa khăn thánh. “Cục máu đông” che phủ một phần hai trong số bốn cánh tay của cây thánh giá thêu. Sau đó, khăn thánh được đặt trong một mặt nhật trong suốt và được giữ trong nhà tạm.

Đến giữa tháng 1 năm 2009, chất liệu "màu nhiệm" được mô tả là đã khô hoàn toàn, bám chặt vào lớp vải lanh mà nó được trải lên. Đã mấy năm rồi trôi qua, và thánh tích Sokółka vẫn giữ nguyên diện mạo. Nhìn từ xa, vết màu đỏ hòa quyện với cánh tay màu đỏ của cây thánh giá thêu, rất giống một bức vẽ nguyên bản, dễ nhận biết.

Các cuộc điều tra

Tổng giám mục Białystok quyết định tiến hành các cuộc điều tra khoa học để làm rõ bản chất của chất liệu màu nhiệm. Giáo triều yêu cầu sự nghiêm túc, khẩn cấp và hoàn toàn bí mật về vấn đề này. Nó giao phó nghiên cứu cho hai chuyên gia từ Đại học Białystok: họ là Giáo sư Stanisław Sulkowski và Giáo sư Maria Elżbieta Sobaniec-Łotowska. Cả hai đều là nhà nghiên cứu bệnh học giải phẫu tại cùng một trường đại học, mặc dù học ở các khoa khác nhau và cả hai đều có lý lịch khoa học ấn tượng.

Nhà tạm Sokółka được mở vào ngày 7 tháng 1, và Giáo sư Sobaniec-Łotowska đã lấy một mẫu chất liệu nhỏ, ít nhất là theo bà, trông giống như một cục máu đông. Một phần Bánh Thánh màu trắng cũng có mặt trong mẫu bà lấy, không thể tách rời khỏi “cục máu đông”. Mẫu sau đó được chia và một nửa được trao cho Giáo sư Sulkowski, người không có mặt vào ngày hôm đó và không được biết về nguồn gốc của chất liệu. Trong những tuần tiếp theo, chất liệu được xử lý và nghiên cứu dưới ánh sáng kính hiển vi và kính hiển vi điện tử dẫn động. (68)

Đây là bản tóm tắt các kết quả thu được một cách độc lập của cả hai nhà nghiên cứu:

1. Chất liệu được lấy mẫu là mô cơ tim. Trong báo cáo cuối cùng của mình, cả hai giáo sư đều nêu như sau: “[Mẫu phân tích] là mô cơ tim, hoặc ít nhất, trong số tất cả các mô của một sinh vật sống, mô cơ tim là mô giống với nó nhất”. Các sợi thực sự có hạt nhân nằm ở trung tâm. Hơn nữa, tàn dư của các đĩa xen kẽ và bó sợi tơ cơ [myofibrils] mỏng manh (69) có thể được nhận ra dưới kính hiển vi điện tử.

2. Chất liệu được phân tích được tạo thành từ toàn bộ mô cơ tim như vậy.

3. Các dấu hiệu bệnh lý như sự phân đoạn và phân mảnh xuất hiện trong các sợi cơ. Nói một cách phi y học, đây là những dấu hiệu của mô cơ tim thực sự bị đau. Sự phân đoạn là sự tách các sợi cơ ra khỏi các đĩa xen kẽ mà chúng thường được liên kết với nhau. Đó là hiện tượng xuất phát từ sự co thắt nhanh chóng lập đi lập lại của các tế bào cơ tim trong bối cảnh cái chết sắp xảy ra. Cần phải chỉ ra rằng đây không phải là sự thay đổi thoái hóa diễn ra sau khi chết: sự phân chia chỉ có thể xảy ra ở một tế bào cơ tim đang sống trong cơn đau đớn. Ý nghĩa bệnh lý của sự phân mảnh và tình trạng cận tử mà nó xảy ra rất giống nhau. Đó là sự hiện diện của các sợi cơ được tách ra một cách gọn gàng ở bất cứ điểm nào dọc theo chiều dài của chúng, không chỉ giới hạn ở các vết đứt ở các vị trí mà chúng gắn vào các đĩa xen kẽ.

4. Sự xuất hiện của một số sợi cơ phù hợp với hiện tượng hoại tử dải cơ (CBN). Điều này thường được đặc trưng bởi các dải cơ thắt dày lên trải dài theo trục ngắn của tế bào cơ tim, song song với các đĩa xen kẽ. Như chúng ta sẽ thấy trong chương sau, CBN đặc biệt được gây ra bởi một tình trạng được gọi là *stress-induced cardiomyopathy* [bệnh cơ tim do căng thẳng], cũng như do giai đoạn tái tưới máu [reperfusion] muộn của “cơn đau tim” thông thường. Tái tưới máu có thể xảy ra nếu nguồn cung cấp máu được phục hồi cho một phần mô cơ tim mà ban đầu đã bị thiếu do tắc nghẽn mạch máu.

5. Các sợi cơ tim và chất thể của bánh đang tiếp xúc với nhau một cách không thể giải thích được. Mức độ thâm nhập mật thiết và vi mô cao được thấy ở giao diện của chúng là cực kỳ đáng chú ý và không thể đạt được bằng bất cứ loại công cụ hoặc phương pháp nào do con người tạo ra hiện nay. Giáo sư Sobaniec-Lotowska chỉ ra rằng đây là một phát hiện đáng kinh ngạc loại trừ khả năng đây là một hiện vật nhân tạo.

6. Cuối cùng, cũng như các phép lạ Thánh Thể khác, sự tồn tại của mô cơ tim cùng với bánh thánh không men là điều không thể giải thích được: cả hai đều nguyên vẹn, không có dấu hiệu hư hỏng hay thoái hóa do không có bất cứ chất bảo quản nào, sau tất cả thời gian ngâm trong nước và sau đó trong không khí nhiều tháng (và hiện không bị hỏng trong nhiều năm đối với những người hành hương đến Sokółka).

Kết luận

Sau khi xem xét các kết quả phân tích mô học, Giáo phận Białystok đã thành lập một ủy ban đặc biệt của Giáo hội vào ngày 30 tháng 3 năm 2009 để điều tra các chi tiết tinh tế về chuỗi các sự kiện diễn ra theo lời kể của các nhân chứng. Kết luận là bánh thánh được phân tích phải là chính bánh thánh mà Sr. Julia đã chăm sóc kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2008, không có cơ hội cho bất cứ sự can thiệp hoặc giả mạo nào khác của bên thứ ba.

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2009, một năm sau sự việc, giám sở Tổng giáo phận Białystok, Andrzej Kakareko, tuyên bố rằng sự kiện Sokółka không trái với Đức tin của Giáo hội. Thay vào đó, ngài tuyên bố rằng nó xác nhận tín lý của Giáo Hội và cho phép các tín hữu tôn kính thánh tích.

Vào ngày 2 tháng 10 năm 2011, trước sự chứng kiến của 35 nghìn tín hữu, Mặt nhật chứa khăn thánh mang mảnh bánh thánh và mô thánh đã được long trọng chuyển đến nhà nguyện Đức Mẹ Mân côi trong nhà thờ giáo xứ, nơi nó vẫn được trưng bày để tôn thờ hàng ngày cùng với Bí tích Thánh Thể. Sự quan tâm đến phép lạ Thánh Thể này đã gia tăng trong những năm qua cả ở Ba Lan và các nơi khác. Hàng chục, thậm chí hàng trăm tín hữu hành hương tham dự mỗi ngày, và giáo xứ đã thành lập một trung tâm tiếp đón do các linh mục, nữ tu và

giáo dân tình nguyện làm việc toàn thời gian điều hành. Đối với các nhóm lớn hơn, họ khuyên bạn nên đặt chỗ theo hướng dẫn trên trang web của giáo xứ (cho đến nay chỉ viết bằng tiếng Ba Lan). Nhiều sự chữa lành về tinh thần và thể chất cũng được biết là có liên quan đến Sokółka. Cuốn sách của Adam Białous, được liệt kê trong thư mục của tôi, đề cập đến một số phương pháp chữa lành thể chất khỏi bệnh ung thư cũng như chứng rối loạn nhịp tim.

Những tranh cãi

Một đặc điểm độc đáo của phép lạ Sokółka, so với các biến cố Thánh Thể khác được thảo luận trong cuốn sách này, đó là những phản đối và tranh cãi mà nó gây ra trong xã hội dân sự cũng như cộng đồng khoa học Ba Lan. Có lẽ điều này đã được mong đợi. Xét cho cùng, xã hội và văn hóa Ba Lan rất khác so với châu Mỹ Latinh, nơi các phép lạ Buenos Aires và Tixtla đã tìm thấy mảnh đất màu mỡ trong niềm tin mãnh liệt của người dân.

Quả thực, những phép lạ đó đã không làm lay động được bất cứ trí thức hay chính quyền dân sự địa phương nào ở Nam Mỹ. Họ quá bận rộn giải quyết những vấn đề cấp bách hơn về tài chính và trật tự công cộng. Thay vào đó, Ba Lan lại là một thực tại khác: một quốc gia phương Tây có nền kinh tế thị trường tự do ở một vị trí xa trung tâm, mặc dù có nền tảng lịch sử Công Giáo quan trọng nhưng đã “mở cửa” đón nhận “các giá trị” thể tục của “thế giới tự do” vào những năm 2000. Ở đó, một phép lạ Thánh Thể không thể không diễn tả đầy đủ tác động gây phiền phức, bối rối và gây tai tiếng của nó. Hãy xem nó đã làm như thế ra sao.

Một lần nữa, thật đáng để xem lại sơ yếu lý lịch đặc biệt của hai nhà nghiên cứu tại Đại học Białystok, những người đã tham gia vào cuộc điều tra. Vào thời điểm đó, Stanisław Sulkowski là một giáo sư xuất sắc tại Khoa Hình thái học Tổng quát. Ông vẫn là chuyên gia hàng đầu về hóa mô miễn dịch của các mô tân sinh, (70) cho đến nay là tác giả của ít nhất 286 ấn phẩm có giá trị quốc tế được tham chiếu trên PubMed71. Giáo sư Maria Elżbieta Sobaniec-Łotowska đang làm việc tại Khoa Hình thái Bệnh học Y tế lân cận. Trọng tâm nghiên cứu chính của bà là về gan nhi khoa [pediatric hepatology] (72) và vị tràng học [gastroenterology]. (73) Bà đã có 108 ấn phẩm PubMed tính đến tháng 2 năm 2019. Năm 2008, cả hai đều đang ở đỉnh cao sự nghiệp. Họ rất được tôn trọng và đánh giá cao về mặt nghề nghiệp ở cả trong nước lẫn ngoài nước. Bất chấp tất cả những điều đó, cả hai đều chính thức bị khiển trách bởi chính giám đốc của họ và người phát ngôn của Đại học Białystok, Giáo sư Lech Chyczewski, người đã cáo buộc họ thực hiện các cuộc điều tra “bất hợp pháp” và “không trung thành”.

Một suy tư đáng lưu ý của Giáo sư Sulkowski về nhiệm vụ của một nhà khoa học đối với cộng đồng nơi ông sinh sống như sau:

“Nếu một vấn đề xã hội quan trọng mới nảy sinh, một vấn đề đòi hỏi sự tham gia của nhà khoa học, nếu cần có kiến thức thì nhà khoa học không chỉ có quyền mà còn có nghĩa vụ phải tham gia.... Chúng ta có nhiệm vụ điều tra mọi vấn đề khoa học. Tôi coi đó như một loại dịch vụ cho xã hội tài trợ cho các hoạt động khoa học của chúng tôi. Giống như bác sĩ không thể từ chối chăm sóc bệnh nhân, tương tự như vậy, chúng tôi có nhiệm vụ nghiên cứu mọi vấn đề khoa học, theo hướng dẫn của Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan”.

Cách tiếp cận của GS Sobaniec-Łotowska thực tế hơn. Bà nhắc nhở người giám sát của mình rằng bà đã làm việc sau khi nhận được yêu cầu chính thức và bằng văn bản của Giáo triều Białystok. Bà không khởi nhắc lại, với vẻ mỉa mai, rằng bà không thể điền vào một số mẫu

đơn vì không tìm được số thể y tế của người sở hữu mô cơ tim đó.

Sự tương phản xa xưa và vẫn chưa được giải quyết giữa khoa học và đức tin đã trở nên rất thực tế trong hoàn cảnh đó, ngay cả trong một bối cảnh mới và khá độc đáo.

Giám đốc trường đại học cáo buộc các nhà nghiên cứu của chính ông, những người mà ông đã chia sẻ nhiều công trình khoa học đã xuất bản, đã kết hợp khía cạnh “cảm xúc” của Đức tin Công Giáo với tính hợp lý mà công việc trong phòng thí nghiệm yêu cầu. Ông không thể thừa nhận rằng những đồng nghiệp rất được kính trọng với ba mươi năm kinh nghiệm của ông có thể “nhìn thấy” những điều mà khoa học không thể thừa nhận hay giải thích được.

Vào tháng 10 năm 2009, tiếng nói “có thẩm quyền” của tạp chí khổ nhỏ đăng tin vắn tắt *Super Express* đã tham gia vào cuộc tranh cãi. Lén lút giữa một bài báo thể thao và một bài tin đồn, là một tin sốt dẻo có tiêu đề “Điều kỳ diệu Sokółka có phải là một trò lừa đảo không?” Làm ơn, mọi người, xin dừng lại! Giáo quyền đã lừa dối chúng ta: đó chỉ là một sự nhiễm khuẩn tầm thường. Giáo sư Pawel Grzesiowski, từ Viện Vệ sinh Quốc gia Warsaw, là người cuối cùng có thể giải thích điều gì đã thực sự xảy ra khi được phỏng vấn. Một loại vi khuẩn, *Serratia marcescens*, thường phát triển tốt trên môi trường giàu *carbohydrate*, đã làm ô nhiễm bánh mì khi nó hòa tan trong nước ở điều kiện không vô trùng. Trong khi phát triển, *Serratia* tạo ra sắc tố màu đỏ cam gọi là “prodigiosin”, cái tên được đặt chính xác vì nó mô phỏng sự xuất hiện của máu trên bánh mì và các vật liệu giàu tinh bột khác trong nhiều trường hợp khác. Giờ đây, bất cứ công dân Ba Lan nào đang bất an đều có thể quay trở lại giấc ngủ yên tĩnh: khoa học sẽ dõi theo anh ta, bảo vệ anh ta khỏi chủ nghĩa ngu dân đáng lo ngại và những sự xâm nhập thời Trung cổ. Ngay cả độc giả đã kiên nhẫn theo dõi tôi cho đến nay cũng có thể thở phào nhẹ nhõm và bắt đầu nghĩ xem mình nên đọc thêm những gì nữa. Bạn thân mến của tôi, hãy đóng cuốn sách này lại, đến quầy báo và kiểm tra cho mình một bản *Super Express*, hoặc bất cứ cuốn sách nào tương đương ở đất nước bạn. Rất nhiều bài viết thực sự đáng lưu ý: “Năm loại thực phẩm đốt cháy mỡ bụng của bạn” hoặc “Tám điều không nên nói trong buổi hẹn hò đầu tiên với một cô gái”.

Chào mừng bạn đến với thế giới Orwell mới, nơi một “chuyên gia” chưa bao giờ đặt chân đến Sokółka, thực tế chỉ có 30 ấn phẩm PubMed so với 286 của Giáo sư Sulkowski - nếu chúng ta so sánh về mặt thẩm quyền khoa học - dấm xúc phạm những đồng nghiệp được đánh giá cao hơn nhiều của anh ta, buộc tội họ là người kém năng lực. Rõ ràng, với kiến thức và chuyên môn sâu rộng của mình, Giáo sư Grzesiowski có thể đưa ra ý kiến khoa học khách quan và có chất lượng của mình về mẫu vật Sokółka mà không cần phải tự mình nhìn vào các phiến kính hiển vi và không biết chúng được chuẩn bị như thế nào. Đáng buồn thay, lập luận sai lầm này về *Serratia* và sắc tố *prodigiosin* của nó tiếp tục xuất hiện trong các ấn phẩm dựa trên “chủ nghĩa hoài nghi khoa học”, và vì lợi ích tốt nhất của người đọc, cần phải làm rõ một lần và mãi mãi rằng bất cứ kính hiển vi nào, ngay cả cái họ đưa cho tôi như một món quà cho việc Rước lễ lần đầu của tôi khi còn nhỏ, có thể mang lại công lý sau tất cả những điều vô nghĩa này: một đàn vi khuẩn đường ruột hình que thực sự trông hoàn toàn khác với mô cơ tim có vân. Ngay cả trong năm đầu tiên của trường y, trong bất cứ khóa mô học nào, sinh viên đều được dạy về cách phân biệt các mô khác nhau của cơ thể con người: việc không thể phân biệt được sự nhiễm vi khuẩn với một mô có tổ chức có nghĩa là bị điếm trượt.

Trong trường hợp này, giống như một phi công hàng không với ba mươi năm kinh nghiệm bị cáo buộc là không thể phân biệt đường băng với cánh đồng khoai tây khi máy bay hạ cánh. Đúng vậy, các giáo sư Sulkowski và Sobaniec Łotowska muốn tìm kiếm công lý bằng các biện pháp pháp lý, nhưng họ không theo đuổi điều này chỉ vì họ được Giáo quyền khuyến

không nên. Đàng khác, sự ô nhiễm vi khuẩn luôn thay đổi: nó có thể thay đổi diện mạo từ ngày này sang ngày khác cho đến khi chắc chắn biến mất khi chất nền mà vi khuẩn ăn vào đã cạn kiệt. Như một thí dụ tầm phào, ta hãy tưởng tượng, nấm mốc mọc trên lọ mứt bị bỏ quên trong tủ đựng thức ăn: nó thay đổi hình dạng và màu sắc theo thời gian, và sau một thời gian dài, nó biến thành bụi và biến mất. Điều này không áp dụng đối với thánh tích Sokółka, đã được trưng bày cho công chúng trong vài năm nay: vết đỏ trên khăn thánh hoàn toàn ổn định và không thay đổi theo thời gian, không có sự can thiệp của con người hay chất bảo quản (nhân tiện, thực ra là nhằm ngăn chặn sự phát triển của vi khuẩn).

Tuy nhiên, Ba Lan vẫn không thể ngừng làm chúng ta ngạc nhiên: vụ Sokółka cũng đi kèm với một câu chuyện bệnh hoạn và kỳ cục ở phần cuối đáng được kể lại. Chúng ta nên bắt đầu bằng cách nói rằng cuộc sống ở Ba Lan hẳn là rất khó chịu đối với một người vô thần theo chủ nghĩa duy lý thực sự, người thực sự có thể phải đối diện với tình trạng suy nhược thần kinh: bất chấp hàng thập niên cai trị của cộng sản và hiện nay là chủ nghĩa tư bản tự do, đất nước này vẫn không thể thoát khỏi di sản giáo hoàng cổ xưa của mình. Hiệp hội các nhà duy lý Ba Lan không thể không phản ứng trước sự xúc phạm giáo sĩ không biết lần thứ bao nhiêu. Do đó, vào ngày 1 tháng 10 năm 2009, chủ tịch hiệp hội, Tiến sĩ Małgorzata Lesniak, đã khởi kiện công khai gửi tới luật sư quận Sokółka, kêu gọi ông ta bắt đầu điều tra và làm sáng tỏ một loạt tội hình sự nghiêm trọng, bao gồm cả tội giết người, được cho là diễn ra trong quận thuộc thẩm quyền của ông ta. Luận lý học rất chặt chẽ: nếu hai nhà nghiên cứu của trường đại học chứng minh được sự hiện diện của một mẫu mô được xác định là cơ tim người tại Giáo xứ Thánh Antôn, thì điều đó hẳn có nghĩa là mảnh vỡ đó đến từ trái tim của một ai đó, một người nào đó chắc chắn không thể còn sống. Do đó:

1. Cơ tim chắc chắn đã được lấy từ một xác chết, và việc làm ô uế những gì còn sót lại của con người tự nó đã là một tội ác theo điều 262, số 1 của Bộ luật Hình sự Ba Lan.

2. Do đó, không thể loại trừ một vụ giết người trong bối cảnh chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo đen tối đó, ít nhất là cho đến khi xác định được một xác chết mà từ đó mô hẳn đã được lấy ra. Tuy nhiên, tội giết người, như những nhà duy lý siêng năng đã nhắc nhở chúng ta, bị trừng phạt về mặt pháp lý theo quy định tại điều 148, số 1 của Bộ luật Hình sự Ba Lan.

3. Mọi nguy hiểm dịch tễ học đáng kể: ngay cả khi mô cơ tim đã bị đánh cắp trong quá trình khám nghiệm tử thi hoặc có bản chất động vật, nó cũng không được cất giữ trong nhà tạm. Điều này có thể dẫn đến khả năng ô nhiễm “thực phẩm” mà công dân Ba Lan tiêu thụ tại các buổi lễ tôn giáo với các mô không rõ nguồn gốc sinh học, và nó có thể khiến người dân có nguy cơ mắc các bệnh nhiễm trùng nghiêm trọng như cúm gia cầm, cúm lợn, cúm H5N1 và H1N1, chỉ trích dẫn một số. Do đó, điều này chắc chắn dẫn tới việc nại tới điều 165, số 1, phần 1 của Bộ luật Hình sự Ba Lan.

4. Đã phát hiện việc cơ quan có thẩm quyền không tiến hành điều tra chính thức. Việc trốn tránh nghĩa vụ công cộng như vậy còn trở nên trầm trọng hơn do không thực hiện bất cứ hành động nào ngay cả khi có bằng chứng khách quan về một tội ác nghiêm trọng. Chỉ điều đó thôi cũng đã là một tội ác, theo điều 231, số 1 của Bộ luật Hình sự Ba Lan.

Có vẻ như tổng chương lý Sokółka chưa bao giờ coi trọng hành động khiêu khích của những người theo chủ nghĩa duy lý, giới hạn phản ứng trong một tuyên bố đơn giản nhấn mạnh rằng không có ai trong thị trấn mất tích và không có vụ giết người nào.

Tôi thừa nhận mình cảm thông với những người Ba Lan vô thần buồn bã và cay đắng đó -

trông giống như một nhóm những người kiêng rượu khó có thể tưởng tượng được đang tham dự lễ hội rượu vang Vinitaly ở Verona - vì họ thực sự coi trọng một sự kiện dường như không thể giải thích được. Họ bám vào sự thật và viết: “Vì rất khó có khả năng những mảnh trái tim đó thuộc về một nhà tiên tri Do Thái bị đóng đinh cách đây 2000 năm, chúng phải thuộc về một công dân Ba Lan nào đó vừa mới qua đời!” Tôi nhận thấy sự nồng nặc thô thiển của những người đưa ra lập luận về “tôn giáo về mặt cảm xúc”, ẩn sau những kỹ thuật thủ tục giấy tờ hoặc đưa ra lời giải thích về tình trạng ô nhiễm vi khuẩn, còn gây khó chịu hơn nhiều.

Thư mục

Bejda, Henryk. 2012. *Cud eucharystyczny* [Phép lạ Thánh Thể] tái bản lần thứ nhất. Dom Wydawniczy Rafael. Cuốn sách hoàn toàn dành riêng cho các biến cố Sokółka (chỉ bằng tiếng Ba Lan).

Białous, Adam. 2015. *Hostia: Cud eucharystyczny w Sokolce* [Bánh thánh: Phép lạ Thánh Thể ở Sokolka], tái bản lần thứ nhất. Edycja. Cuốn sách hoàn toàn dành riêng cho các sự kiện Sokółka (chỉ bằng tiếng Ba Lan).

Cząstka Ciała Pańskiego (Một phần Thân Thể Chúa). Đã truy cập Ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://sokolka.archibial.pl/index.php/czastka-ciala-panskiego/>. Trình bày phép lạ trên trang web của Giáo xứ Thánh Antôn Padua.

Komunikat Kurii Metropolitalnej Białostockiej w sprawie zjawisk eucharystycznych w Sokółce (Thông báo từ Giáo triều Białystok về hiện tượng Thánh thể ở Sokółka). Ngày 14 tháng 10 năm 2009. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://archibial.pl/komunikaty/965komunikat-kurii-metropolitalnej-bialostockiej-w-sprawie-zjawiskeucharystycznych-w-sokolce/>. Tuyên bố công khai chính thức về việc Giáo phận Białystok công nhận phép lạ (tháng 10 năm 2009).

11 Gall. 2011. “*Pokazali światu Hostię z Sokółki — Polska* [Họ đã cho thế giới thấy Bánh thánh từ Sokółka - Ba Lan] — 02.10.2011.” Quay video. YouTube. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.youtube.com/watch?v=MwL5YtysbU4>. Phóng sự báo chí trên kênh truyền hình Ba Lan TVN24 từ ngày 2 tháng 10 năm 2011 nhân dịp lễ rước long trọng đưa thánh tích vào nhà thờ giáo xứ.

Love one another [Yêu thương nhau]! số 23 (2012), 3–10. Phiên bản tiếng Anh của *Milujcie się!* [Yêu thương nhau] Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://pdf.milujciesz.pl/pl/love-oneanother/266-love-one-another-2012-3.html>. Bản tóm tắt sâu rộng về tình tiết Sokółka từ một tờ báo tôn giáo hai tháng một lần rất nổi tiếng của Ba Lan.

Racjonalista.pl. 2009. “Doniesienie do prokuratury w związku z tzw. cudem w Sokółce.[Báo cáo với văn phòng công tố liên quan đến cái gọi là phép lạ ở Sokółka.” Thư. Kraków. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <http://www.racjonalista.pl/kk.php/s,6832>. Tuyên bố của Hiệp hội duy lý Ba Lan vào ngày 1 tháng 10 năm 2009 với Bộ trưởng Tư pháp Sokółka.

Stasiak, Bożena và Tomasz Matuszkiewicz. 2009. “Cud w Sokółce to oszustwo? [Phép lạ ở Sokółka là một trò lừa đảo]” *Super Express*. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.se.pl/wiadomosci/polska/cud-w-sokoce-to-oszustwo-aaG2o6-EMv7-X3ds.html>. Bài viết trực tuyến trên *Super Express* (29 tháng 10 năm 2009), có tựa đề “Phép màu Sokółka có phải là một trò lừa đảo không?”

Meloni, Sergio. 2014. *I miracoli eucaristici e le radici Cristiane dell'Europa* [Phép lạ Thánh Thể và cội nguồn Kitô giáo của Châu Âu]. tái bản lần thứ 3. ESD Edizioni Studio Domenicano. Bộ sưu tập đầy đủ nhất về các phép lạ Thánh Thể dựa trên một cuộc triển lãm thành công vòng quanh thế giới (viết bằng tiếng Ý). Các sự kiện Sokółka gần đây hơn đã được đưa vào kể từ phiên bản thứ ba từ trang 520 đến trang 525.

Tesoriero, Ron và Lee Han. 2013. *Unseen New Evidence: The Origin of Life Under the Microscope* [Bằng chứng mới chưa từng thấy: Nguồn gốc của sự sống dưới kính hiển vi]. Australia: Ron Tesoriero. Tình tiết Sokółka nằm ở chương 9. Ron Tesoriero và Mike Willesee đã tới Ba Lan để gặp Giáo sư Sulkowski và Sobaniec-Lotowska.

Ghi chú

(68) Kính hiển vi điện tử dẫn động sử dụng chùm hạt điện tử được gia tốc thay vì đèn phát sáng. Điều này cho phép độ phóng đại cao hơn nhiều so với độ phóng đại có thể đạt được bằng ánh sáng.

(69) *Myofibrils* [sợi cơ] là đơn vị cơ bóp cơ bản giống như hình que bên trong tế bào cơ. Chúng không phải là tế bào cơ mà là thành phần tế bào của tế bào cơ.

(70) *Neoplastic* là thuật ngữ y học để mô tả các mô bất thường hoặc ung thư hoặc sắp chuyển thành ung thư.

(71) *PubMed* là công cụ tìm kiếm trực tuyến miễn phí, chính thống để truy cập các bài báo về khoa học đời sống và các chủ đề y sinh. Cơ sở dữ liệu được duy trì bởi Thư viện Y khoa Quốc gia Hoa Kỳ.

(72) *Pediatric hepatology* [Gan học nhi khoa] là chuyên khoa y tế tập trung vào bệnh gan ở trẻ em.

(73) *Gastroenterology* [vị tràng học] là chuyên khoa y tế tập trung vào các bệnh về đường tiêu hóa.

Chương V: Legnica (2013)

Một bất ngờ khác đến từ Ba Lan. Chỉ 5 năm sau biến cố Sokółka, một tình tiết mới đã diễn ra, một tình tiết rất giống cả về cách nó diễn ra lẫn những kết luận khoa học rút ra từ đó. Ý nghĩa đằng sau sự nhân mạng này của Thiên đàng đối với cùng một dân tộc và trên cùng một vùng đất vẫn chưa được biết. Đó có thể là một giải thưởng hay một lời cảnh cáo? Có phải Ba Lan đã nhận được một lời cảnh cáo tuyệt vời để chống lại chủ nghĩa thế tục mang tính hủy diệt đang gia tăng và tránh nhượng bộ trước sự xu nịnh của chủ nghĩa duy hiện đại? Suy cho cùng, Ba Lan đã rèn luyện khả năng phục hồi của mình qua một lịch sử đau khổ và vẫn chưa bị thế giới phương Tây “tự do” làm tha hóa hoàn toàn. Thay vào đó, có phải thông điệp thần thiêng là một lời kêu gọi hoán cải đối với người Ba Lan để bù đắp cho những thiếu sót của họ trong Đức tin, cũng như việc họ ngày càng bỏ bê và băng hoại các giá trị tôn giáo?

Legnica là một thành phố có một trăm nghìn dân ở Lower Silesia, phía tây nam Ba Lan. Điều đáng lưu ý là nó nằm ở cực đối diện của đất nước với Sokółka. Nó là một phần của Đức cho đến Thế chiến thứ hai. Sau chiến tranh, Ba Lan bị chia cắt rồi sáp nhập lại với quy mô nhỏ hơn một chút và di chuyển vài trăm km về phía tây để làm hài lòng Stalin và các cường quốc đã giành chiến thắng trong cuộc xung đột thế giới. Việc di dời bắt buộc này đã gây ra những hy sinh to lớn cho hàng triệu người dân Đức và Ba Lan. Do đó, Liegnitz của Đức đã trở thành Legnica của Ba Lan. Ở Legnica, trọng tâm của chúng tôi là khu dân cư thuộc tầng lớp lao động, không xa trung tâm thành phố và nhà thờ giáo xứ Thánh Hyacinth theo phong cách tân Gothic trang nhã. Vào ngày lễ Giáng sinh năm 2013, Thánh lễ sáng đầu tiên đã được cử hành. Ở đó, cùng một biến cố từng diễn ra ở Sokółka năm năm trước lại diễn ra: một bánh thánh vô tình rơi xuống đất, chính xác hơn là trên một tấm thảm, trong không gian thánh thiêng của cung thánh. Đó là bánh thánh vừa được nhúng vào rượu thánh và khi chạm đất đã trở nên bần thiêu. Sau đó, vị linh mục quyết định, giống như ở Sokółka, làm theo thủ tục mà chúng ta đã biết, và ngài đặt bánh thánh vào một hộp đựng, một chén kim loại, với nước máy đơn giản để hòa tan. Chén thánh sau đó được giữ trong nhà tạm vài ngày. Vào ngày 5 tháng 1 năm 2014, một linh mục khác, người lớn tuổi nhất trong cộng đồng, kiểm tra bình thánh và nhận thấy một phần bánh thánh hình lưới liềm, kích thước khoảng 0.5 x 1.5 cm, đã tách ra khỏi phần còn lại của bánh không men và được chuyển sang màu đỏ. Bạn có thể xem một số bức ảnh rất rõ ràng cho thấy các giai đoạn khác nhau của hiện tượng này trên trang web của giáo xứ. Đức cha Stefan Cichy, giám mục của Legnica vào thời điểm đó, đã được thông báo và ngài yêu cầu tiếp tục quan sát. Sau hai tuần, phần màu của bánh thánh vẫn còn nổi trên mặt nước, trong khi phần còn lại đã tan hoàn toàn. Vào giai đoạn đó, giám mục đã thành lập một ủy ban gồm bốn chuyên gia để theo dõi các biến cố.

Với sự cho phép của vị giám mục, ủy ban đã bắt đầu một số cuộc điều tra khoa học. Vào ngày 26 tháng 1 năm 2014, một số mẫu vi mô của chất liệu đã được lấy và phân tích bước đầu tại Đại học Wrocław gần đó. Sau đó, chúng được gửi đi thử nghiệm thêm tại Đại học Szczecin.

Vào ngày 10 tháng 2 năm 2014, chất liệu sinh học màu đỏ sẫm có khả năng kháng cự và bí ẩn đã được lấy ra khỏi mặt nước và đặt trên một tấm khăn thánh, trên đó nó vẫn được gắn vào. Ban đầu, nó trông giống như một chiếc nút màu đỏ nổi lên gần giống hình trái tim, mặc dù nó đã thu nhỏ kích thước vài mm do khô đi trong những tuần tiếp theo và cuối cùng có hình dáng như hiện tại và kể từ đó vẫn không thay đổi.

Trong báo cáo chính thức do giáo phận công bố, chúng ta có thể đọc bản tóm tắt các phát hiện khoa học:

“Cục Pháp y có thể đưa ra kết luận như sau: ‘Hình ảnh mô bệnh học cho thấy các mảnh mô chứa các phân cơ vân bị phân mảnh. Hình ảnh mà mô được kiểm tra nhìn chung giống nhất với... đó là của cơ tim... thể hiện những thay đổi thường đi kèm với trạng thái đau đớn.’ Xét nghiệm DNA xác nhận rằng mô này có nguồn gốc từ con người”.

Vào tháng 1 năm 2016, Đức Giám Mục Zbigniew Kiernikowski, người đã kế nhiệm Đức cha Cichy, đã trình bày báo cáo vụ việc cho Bộ Giáo lý Đức tin tại Vatican. Cuối cùng, vào ngày 10 tháng 4 năm 2016, ngài đã công bố một tuyên bố cho rằng biên cố Thánh Thể xảy ra tại giáo xứ Thánh Hyacinth có những đặc tính của một phép lạ. Ngài yêu cầu Cha Andrzej Ziombra sắp xếp một địa điểm thích hợp cho việc trưng bày thánh tích và sự tôn kính của các tín hữu trong cùng một nhà thờ. Hơn nữa, ngài yêu cầu những vị khách tương lai sẽ được cung cấp thông tin đầy đủ và các buổi dạy giáo lý thường xuyên cũng sẽ diễn ra. Cuối cùng, một cuốn nhật ký được lập ra để ghi lại bất cứ ân sủng nào mà tín hữu nhận được, như thường được thực hiện đối với bất cứ sự kiện phép lạ nào khác. Vào mùa hè năm 2016, mặt nhật đựng thánh tích đã được long trọng chuyển đến nhà nguyện Lòng Chúa Thương Xót ở một gian bên trong cùng một nhà thờ Thánh Hyacinth. Nhiều người hành hương hiện đang đến thăm nhà thờ từ toàn bộ khu vực xung quanh, và thông lệ là linh mục giáo xứ vẫn dành thời gian với du khách vào cuối Thánh lễ để giải thích những gì đã xảy ra vào năm 2013.

Một văn bản tham khảo, do Giáo phận Legnica biên tập, đã được cung cấp vào năm 2017. Nó bao gồm những lời chứng nguyên gốc cũng như một bộ sưu tập ảnh phong phú.

Bên cạnh những tài liệu chính thức này, bây giờ tôi sẽ thảo luận thêm một số chi tiết về các nghiên cứu khoa học mà cá nhân tôi đã được biết bởi Bác sĩ Barbara Engel, trưởng khoa tim mạch tại bệnh viện Legnica. Bà cũng là một trong những thành viên của ủy ban khoa học do Đức cha Cichy thành lập.

Mười lăm mẫu vật đã được lấy từ mảnh bánh thánh và chính xác là để tránh những tranh cãi diễn ra ở Sokółka, quy trình lấy mẫu diễn ra với sự có mặt của các nhân chứng và được ghi lại bằng hình ảnh từng bước một. Một số mẫu đối chứng cũng được chuẩn bị với bánh, rượu và nước máy không được truyền phép. Những thứ này đã được chuẩn bị cẩn thận bằng cách sử dụng các bánh được lấy từ cùng một lô sản xuất với bánh thánh truyền phép sắp được xét nghiệm. Thử nghiệm ban đầu được giao cho Viện Pháp y ở Wrocław gần đó và cho thấy những điều sau:

1. Chất liệu đã bị phân hủy do quá trình tự phân hủy đáng kể và do tồn tại trong nước trong một thời gian dài. Tuy nhiên, cấu trúc mô học nhìn thấy dưới kính hiển vi phù hợp nhất với mô cơ vân. Thật không may, sự suy thoái mô đáng kể đã ngăn cản sự xác nhận hóa mô miễn dịch dứt khoát của giả thuyết này.
2. Mô không được làm từ vi khuẩn. Vi khuẩn có mặt chỉ đại diện cho sự ô nhiễm cục bộ không đáng kể. Đặc biệt, không có vi khuẩn nào được biết là có khả năng tạo ra chất tạo màu như *Serratia marcescens*.
3. Không có sự nhiễm nấm đáng kể: Thuốc nhuộm bạc của Grocott, dành riêng cho nấm, nấm men, tảo và bào tử, thực sự mang lại kết quả âm tính.

4. Không thu được khuếch đại DNA bằng kỹ thuật PCR.

5. Việc biến bán thánh thành mô được kiểm tra được cho là không thể giải thích được về mặt khoa học.

Không hoàn toàn hài lòng với kết quả chưa hoàn thiện ở Wrocław, ủy ban khoa học đã quay sang Đại học Szczecin - nơi đã sẵn sàng để thử nghiệm thêm - và yêu cầu đưa ra ý kiến thứ hai sau vài tháng. Các slide kính hiển vi tương tự được chuẩn bị ở Wrocław, báo cáo Wrocław và một mảnh chất liệu ban đầu được bảo quản bằng parafin còn sót lại đã được chuyển tiếp đến Szczecin. Các phương pháp phân tích mô bệnh học khác nhau đã được sử dụng ở đó và một nỗ lực phát hiện DNA khác đã được thực hiện. Tóm lại, những điều sau đây đã được chứng minh:

1. Kiểm tra bằng kính hiển vi dưới tia cực tím, với bộ lọc màu cam, cuối cùng đã cho phép xác định nguồn gốc cơ tim của mô cơ, với các dấu hiệu phân mảnh rõ ràng. Những hình ảnh hiển vi đó rất giống với những hình ảnh của Sokółka.

2. Tại Đại học Szczecin cũng vậy, xét nghiệm bằng các dấu hiệu hóa mô miễn dịch cụ thể cho kết quả âm tính.

3. Điều đáng ngạc nhiên là người ta đã tìm thấy các mảnh DNA hạt nhân và ty lạp thể đủ để chứng minh nguồn gốc của mô con người mà không còn nghi ngờ gì nữa. Các nhà nghiên cứu và giáo phận đã giữ bí mật thêm thông tin chi tiết về các xét nghiệm DNA này do lo ngại về sự hiểu lầm và chủ nghĩa giết gân không thích đáng.

Như ở Sokółka, mặc dù khía cạnh vĩ mô của thánh tích trông giống như cục máu đông, nhưng không tìm thấy tế bào máu và khả năng có sự hiện diện của kháng nguyên nhóm máu ABO cũng không được kiểm tra. Tuy nhiên, chúng tôi biết rằng ngay cả khi không có tế bào máu, xét nghiệm đó vẫn có thể được thực hiện về mặt lý thuyết (như đã được thực hiện ở Lanciano), vì kháng nguyên ABO không chỉ giới hạn ở các tế bào hồng cầu mà còn hiện diện ở các loại tế bào khác của cơ thể.

Thư mục

Sanktuarium sw Jacka. 2019. *Sanktuarium sw Jacka w Legnicy* [Thánh địa Saint Jacek ở Legnica]. Trang mạng. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.jacek-legnicasanktuarium.pl/info/en>. Phiên bản tiếng Anh của trang web Giáo xứ Thánh Hyacinth về sự kiện Thánh Thể kèm theo những bức ảnh và tuyên bố chính thức trước công chúng của Đức Giám Mục vào ngày 10 tháng 4 năm 2016.

Kandra, Greg. 2016. “Miracolo eucaristico ở Polonia phê duyệt dal vescovo.[Phép lạ Thánh Thể ở Ba Lan phê duyệt của Giám Mục]” *Aleteia*. Trang mạng. Truy cập ngày 27 tháng 6 năm 2020. https://it.aleteia.org/2016/04/19/miracolo-eucaristico-in-poloniaapprovato-dal-vescovo/?utm_campaign=NL_it&utm_source=daily_newsletter&utm_medium=mail&utm_content=NL_it-Apr%2019,%202016%2010:36%20am. Báo cáo tóm tắt các sự kiện ngày 19 tháng 4 năm 2016 của hãng thông tấn Ý Aleteia.

Cenci, Federico. 2016. “Polonia: un’ostia Presenta ‘le caratteristiche di un miracolo eucaristico.[Ba Lan: một bánh thánh cho thấy những đặc điểm của phép lạ Thánh Thể]” *Zenit*. Trang mạng. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://it.zenit.org/2016/04/20/polonia-unostia-Presenta-le-caratteristichedi-un-miracolo-eucaristico/>. Báo cáo tóm tắt các sự kiện ngày 20 tháng 4 năm 2016 của hãng thông tấn Zenit của Ý.

Truyền hình Legnica Dami. 2016. “O cudzie coraz głośniej.[Điều lạ lẫm ngày càng lớn hơn]” *YouTube*. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.youtube.com/watch?v=Vms6tomfSvU>. Video tóm tắt buổi họp báo giới thiệu phép lạ.

Kiernikowski, Zbigniew. 2017. *Bóg przemówił w Legnicy* [Chúa phán bằng tiếng Legnica]. Kraków: Wydawnictwo M. Báo cáo tóm tắt chính thức về các biến cố Legnica do giáo phận ban hành và xuất bản vào năm 2017. Phần nghiên cứu y học và khoa học của nó rất chính xác, mặc dù rất cô đọng.

Chương VI. Các phép lạ Thánh Thể có thể xảy ra mà bị Giáo quyền phản đối một cách không thể giải thích được: Campoalegre (2006) và Buffalo (2018)

Tôi đã đề cập đến việc Cha Raymundo Reyna Esteban, khi còn là một linh mục trẻ ở Cộng hòa Dominica, đã từng chứng kiến một biến cố lạ lùng có thể xảy ra trước phép lạ Tixtla: một bánh thánh đã được truyền phép, dường như đang chảy máu, tuy nhiên đã bị phá hủy bằng cách để nó hòa tan trong nước, y như đã được yêu cầu bởi giám mục địa phương. Đây chắc chắn là một cốt truyện quan trọng để hiểu sự nhiệt tình “thánh thiện” và sự thiếu “thận trọng” của Cha Rayito khi, nhiều năm sau, ngài lập tức trưng bày bánh thánh Tixtla đang chảy máu cho sáu trăm nhân chứng đang tham dự Thánh lễ. Bằng cách đó, phép lạ Tixtla mới và còn cần được công nhận - một biến cố lạ lùng thứ hai trong cuộc sống của Cha Rayito - chắc chắn không bị kiểm duyệt. Thay vào đó, nó được bảo vệ khỏi sự thận trọng quá mức mà – chúng ta phải thừa nhận – thường thấy ở các cơ quan chức năng của Giáo hội, một sự thận trọng mà Cha Rayito đáng buồn đã từng trải qua.

Bộ phim tài liệu Úc năm 2017 *Máu của Chúa Kitô* mà tôi đã đề cập cũng bao gồm một báo cáo về một biến cố lạ lùng đáng tin cậy khác ở Nam Mỹ. Việc này diễn ra tại nhà thờ giáo xứ nghèo Đức Mẹ Tình Yêu Thiên Chúa ở Campoalegre, miền trung Colombia, thuộc Giáo phận Neiva. Ở đó, trong Tuần Thánh năm 2006, một nữ tu của Dòng Con Đức Mẹ Tình Yêu Thiên Chúa có trụ sở tại Rôma phát hiện ra rằng một bánh thánh đã được truyền phép dường như đã chảy máu khi được đựng trong một hộp kim loại hình trụ nhỏ. Cha José Fidel Medina Salinas, cha xứ vào thời điểm đó - hiện đang sống tại trụ sở chính của dòng ở Rome - đã xác nhận với tôi tính chính xác của những gì được báo cáo trong phim tài liệu Úc. Ngài nói với tôi rằng Đức Cha Ramón Darío Molina Jaramillo, giám mục của Neiva vào thời điểm đó, rất thận trọng nhưng nhìn chung ủng hộ tính xác thực của biến cố và đề nghị bảo quản bánh thánh trong một nhà tạm một cách hết sức tôn kính. Không có sự phản đối nào đối với một cuộc nghiên cứu khoa học và chỉ vài ngày sau biến cố này, một người bạn bác sĩ của cha xứ đã xác nhận rằng chất lỏng có trên bánh thánh là máu.

Ngay sau đó, như thường lệ ở Nam Mỹ, Bác sĩ Ricardo Castañón Gómez đã tham gia. Vào mùa hè năm 2006, Bác sĩ Castañón đã lấy mẫu thánh tích và bắt đầu điều tra. Cha Fidel nói với tôi rằng những cuộc điều tra đó mang lại những kết quả rất đáng lưu ý, bao gồm cả những phát hiện chưa từng có so với các phép lạ Thánh Thể khác. Tuy nhiên, thật không may, không có kết quả nào được tiết lộ cho công chúng. Hơn nữa, bác sĩ Castañón chưa bao giờ công bố bất cứ tài liệu nào về Campoalegre, cũng như chưa bao giờ nói về nó tại bất cứ hội nghị công khai nào. Tôi cho rằng đó là vì ông chưa bao giờ được chính thức cho phép làm như vậy.

Tuy nhiên, chúng tôi biết rằng Mike Willesee và nhóm Đài Số Bảy Úc của ông đã ở Campoalegre vào khoảng giữa năm 2015 và 2016. Ở đó, họ đã phỏng vấn Cha Juan Ricardo Yangua Lapouble, người đã kế vị Cha Fidel làm linh mục chánh xứ tại giáo xứ Đức Mẹ Tình Yêu Thiên Chúa. Ngoài ra, họ còn quay video khoảnh khắc một mảnh của bánh thánh dính máu năm 2006 vẫn được bảo quản tốt được lấy mẫu để tiến hành các cuộc điều tra mới. Trong bộ phim tài liệu của mình, Willesee sau đó tiếp tục “đâm chúng tôi” bằng một tiết lộ quá đáng. Vào năm 2012, Đức Cha Froilán Tiberio Casas Ortiz đã trở thành giám mục mới của Neiva, thay thế Đức Cha Molina. Vì một lý do nào đó, vị giám mục mới đã có thái độ thù địch với điều được coi là phép lạ thánh thể - đến mức ngài đã đích thân đến Campoalegre và

tự mình phá hủy bánh thánh, trước mặt cha xứ chết lặng người, rồi chôn nó trong vườn. Sau đó, Willesee cố gắng liên lạc với Giáo phận Neiva để yêu cầu giải thích nhưng không thành công. Tôi cũng đã viết một lá thư yêu cầu thông tin tương tự vào tháng 8 năm 2020 nhưng chưa bao giờ nhận được phản hồi nào.

Chúng tôi biết thêm rằng nhóm Úc đã điều tra mảnh vỡ do Willesee lấy ở Campoalegre, từ đó thu được một kết quả không thể giải thích được, chính vì lý do này, kết quả này tương thích với các biến cố thực sự lạ lùng khác. Không đi sâu vào chi tiết, bộ phim tài liệu đề cập đến sự hiện diện của các tế bào bạch cầu - và do đó là máu - với DNA có thể nhận biết được, ngay cả với kỹ thuật tốt nhất hiện có trong thời gian gần đây, vẫn thách thức tất cả các xét nghiệm nhận dạng thông thường (Tôi sẽ thảo luận về loại kết quả tái diễn này và ý nghĩa của nó sẽ được mở rộng hơn ở chương sau).

Những gì đã xảy ra ở Campoalegre là một sự kiện chưa từng có: một phép lạ khả hữu đã không còn hiện hữu, mà tài liệu khoa học về nó đã tồn tại lâu hơn nó. Tuy nhiên, kết quả trong các tài liệu này vẫn chưa được tiết lộ hoặc chỉ được tiết lộ sơ bộ liên quan đến các cuộc điều tra của Úc. Biết đâu một ngày nào đó, Giáo quyền sẽ mở lại hồ sơ về Campoalegre để xem xét lại biến cố, bắt đầu từ những dữ kiện khoa học hiện có. Với tư cách một người Công Giáo, tôi hy vọng rằng trường hợp đáng lo ngại này sẽ được làm sáng tỏ và một hành động công lý và đền bù sẽ được thực hiện đối với một hành vi lạm dụng xấu xa có thể có.

Vào giữa tháng 11 năm 2018, tại Nhà thờ Thánh Vincent de Paul ở Springbrook, thuộc Giáo phận Buffalo, bang New York, một bánh thánh đã truyền phép đã vô tình rơi xuống sàn trong Thánh lễ. Một phó tế đã thực hiện thủ tục thông thường mà chúng ta quen thuộc: ông đặt bánh thánh vào bình thủy tinh đầy nước, có nắp kim loại và khóa bình trong nhà tạm. Chỉ vài ngày sau, vào ngày 30 tháng 11, Cha Karl Loeb, cha xứ cùng với một phụ tá kiểm tra lại bình đựng: nước gần như đã bốc hơi hoàn toàn, mặc dù một phần bánh thánh màu trắng chưa hòa tan hoàn toàn hình lưỡi liềm ở phía dưới đã chuyển sang màu đỏ tươi. Màu của chất mới sau đó chuyển sang màu nâu vài ngày sau đó. Có những bức ảnh chất lượng đầy đủ về bánh thánh có sẵn trên mạng làm bằng chứng tài liệu về những gì đã xảy ra. Linh mục giáo xứ ngay lập tức thông báo cho giám mục địa phương, Đức Cha Richard Malone, và Giám Mục Phụ Tá của ngài, Edward Grosz. Câu trả lời thật đáng bối rối: vì bánh thánh đã tan biến (một tiền đề rõ ràng là sai, mâu thuẫn trực tiếp với những bức ảnh có sẵn), Chúa Giêsu không thể hiện diện được nữa, và do đó cần phải tiêu hủy những gì còn sót lại. Hầu hết là Đức Giám Mục Malone đã thúc đẩy theo hướng đó, vì Đức Giám Mục Phụ Tá Grosz sau đó đã nói về những sự thật này với vẻ không hài lòng. Bị ràng buộc bởi lời thề vâng phục vị giám mục của mình, Cha Karl sau đó đã vô cùng miễn cưỡng phá hủy điều có thể là một phép lạ thánh thể.

Tuy nhiên, điều mà Giám mục Malone đã đánh giá thấp là phản ứng của cộng đồng Công Giáo Hoa Kỳ. Tình tiết không hề bị giấu kín: vào tháng 12 năm 2018, mạng truyền hình Công Giáo EWTN hùng mạnh đã dành riêng chương trình có thẩm quyền *The World Over* cho những gì vừa xảy ra ở Buffalo. Buổi phát sóng bao gồm một cuộc phỏng vấn với Lisa Benzer, một giáo dân ở xứ Thánh Vincent de Paul và một nhân chứng.

Thật ngạc nhiên khi đọc hàng trăm bình luận trực tuyến của các tín hữu Công Giáo trong báo cáo này, tất nhiên, nhiều người trong số họ đến từ những người Công Giáo ở Giáo phận Buffalo. Những điều này giống như một điệp khúc thể hiện sự không tán thành và hoang mang. “Tại sao giám mục không đồng ý thực hiện một số cuộc điều tra đơn giản?” “Tại sao Ngài lại tức đi nguồn ân sủng có thể có của chúng ta?” Chủ đề chung dẫn đến vụ tai tiếng là việc từ chối thực hiện bất cứ thử nghiệm khoa học nào: Có lẽ đó là một sự ô nhiễm tự nhiên,

nhưng tại sao lại cấm các cuộc điều tra có thể xác định được điều đó?

Tại sao một giám mục lại muốn phá hủy một phép lạ Thánh Thể có thể xảy ra? Thay vào đó, há một vị giám mục thánh thiện không nên vui mừng và hy vọng rằng khả năng xảy ra một biến cố thực sự lạ lùng trong giáo phận của mình có thể đánh thức lại đức tin hâm hẩm của đoàn chiên của mình hay sao? Điều này không dễ trả lời. Trong một số trường hợp, một giám mục biết rõ đàn chiên và lãnh địa của mình có thể hoặc phải giữ một mức độ hoài nghi lành mạnh đối với những hiện tượng tâm linh “quá mức” sắc mùi dị giáo. Tuy nhiên, cả sự kiện Campoalegre và Buffalo dường như đều không phù hợp với loại đáng ngờ này vì bất cứ lý do cụ thể nào.

Vào cuối năm 2018, Giáo phận Buffalo vướng vào một cơn bão, với Đức Cha Malone bận rộn bảo vệ mình trước cáo buộc che đậy vô số vụ lạm dụng tình dục. Vì lẽ đó, vào tháng 11/2019, Đức Cha Malone đã phải nộp đơn xin từ chức. Có lẽ người ta lo sợ rằng một phép lạ Thánh Thể có thể làm cho giáo phận càng trở thành hiển hiện hơn với giới truyền thông, một điều, ngược lại, sẽ làm nổi bật các thủ tục tố tụng mà giáo phận đang buồn bã cố gắng che giấu?

Đối với trường hợp ở Nam Mỹ, Mike Willesee thay vào đó đã đưa ra giả thuyết về một thành kiến về ý thức hệ: vị giám mục sợ rằng một phép lạ Thánh Thể có thể gây ra “những tranh cãi” trong Giáo hội. Trong Giáo Hội Công Giáo? Những tranh cãi có thể làm gián đoạn cuộc đối thoại đại kết? Chúng ta đừng giấu giếm điều này với nhau, bạn đọc thân mến. Ở đây chúng ta đang bước vào một lãnh thổ mờ mờ ảo ảo, nơi mà việc thiếu đức tin thậm chí có thể biến thành sự căm ghét chống những hồng phúc thánh thiêng nhất mà chúng ta có, và cuối cùng là chống lại chính đức tin.

Thư mục

7NEWS Spotlight. 2019. *Science's Search for Jesus: 7NEWS Spotlight* [Khoa học tìm kiếm Chúa Giêsu: Tiêu điểm 7TIN TỨC]. Phim tài liệu. YouTube. Truy cập ngày 12 tháng 6 năm 2021. <https://www.youtube.com/watch?v=mWmdXqlhjSs>.

Phim tài liệu của Mike Willesee từ loạt phim phát sóng Đêm Chúa nhật vào ngày 9 tháng 4 năm 2017, trên Đài Số 7 của Úc. Báo cáo về Campoalegre và hình ảnh di tích được lấy mẫu là từ phút 14:37 đến phút 18:17.

Arroyo, Raymond. 2018. "A Eucharistic Miracle in Buffalo? — *The World Over, Television Program* [Phép lạ Thánh Thể ở Buffalo? - The World Over, Chương trình truyền hình]" EWTN. YouTube. Truy cập ngày 29 tháng 9 năm 2020. <https://www.youtube.com/watch?v=X22I-fz8x9U>

Chương VII. Tại sao tôi không quan tâm đến Betania (Venezuela, 1991)

Vào ngày 8 tháng 12 năm 1991, tại một trang trại tên là Finca Betania, cách Caracas 65 km về phía nam, một phần của bánh thánh được một linh mục truyền phép được cho là đã chảy máu trong Thánh Lễ. Sự việc đã được chứng kiến bởi hàng ngàn tín hữu, và bánh thánh vẫn còn được bảo tồn và trưng bày tại một tu viện gần đó. Giám mục địa phương, Đức Cha Pio Bello Ricardo, ngay lập tức bắt đầu một cuộc điều tra cũng bao gồm một cuộc điều tra khoa học được giao cho Cục Pháp y Caracas. Ngay từ rất sớm, vào tháng 2 năm 1992, ngài đã công nhận phép lạ Thánh Thể là có thật.

Tuy nhiên, tôi đã bỏ qua tình tiết này vì hai lý do, ngay cả khi ban đầu nó thực sự là một phần trong dự án nghiên cứu của tôi.

Đầu tiên, không có bản báo cáo nào về các cuộc điều tra ở Caracas - thậm chí không ở dạng tóm tắt hoặc trích đoạn - được xuất bản dưới dạng ấn phẩm, ít nhất là theo hiểu biết của tôi. Những tin tức trực tuyến rất nông cạn và thiếu chính xác. Hiện tại, việc đích thân đến Venezuela để điều tra sự thật sẽ không phải là điều khôn ngoan vì lý do chính trị rõ ràng.

Nhưng trên hết, cá nhân tôi có nhiều nghi ngờ về tính chính trực về mặt tinh thần của người phụ nữ Venezuela mà chung quanh bà “hiện tượng Betania” đang gia tăng. Sau khi tự nghiên cứu về câu chuyện và “sức thu hút” của Maria Esperanza Bianchini, tôi không thể hiểu được trong lương tâm mình làm thế nào mà một phép lạ thánh thể thực sự lại có thể xảy ra trong bối cảnh tâm linh tầm thường, lập lờ - và đôi khi không chính thống - của thị nhân đó.

Với tất cả sự chân thành, tôi chỉ có thể bày tỏ sự bối rối của mình khi đối diện với biến cố lạ lùng này. Tôi nghi ngờ nguồn gốc siêu nhiên của nó, nhưng tôi giữ lại phán xét của mình.

Chương VIII. Những tấm khăn Khổ Nạn

Tôi tin rằng nay là lúc nên chuyển sang một chủ đề khác, mặc dù chủ đề này phần nào bổ sung cho chủ đề về phép lạ Thánh Thể. Các Khăn Khổ Nạn là những khăn cổ xưa được Giáo Hội tôn kính trong nhiều thế kỷ như thánh tích, vì vừa tiếp xúc với Thân Thể Chúa Cứu Thế vừa thấm đẫm Máu của Người. Tính xác thực của chúng chắc chắn không phải là tín điều của Đức tin, đặc biệt là sau các cuộc kiểm tra niên đại bằng carbon-14 gây tranh cãi mà chúng phải chịu. Tuy nhiên, tôi thấy không thể tha thứ được nếu quên đi hoặc coi thường truyền thống đã truyền lại những tấm vải này cho chúng ta bằng tình yêu và sự tận tâm, và tôi thấy thật thiếu trung thực và nông cạn khi nhắm mắt làm ngơ trước những kết quả đáng ngạc nhiên của khoa học đã nghiên cứu chúng một cách sâu rộng.

Mối liên hệ với các phép lạ Thánh Thể là điều hiển nhiên: đó là việc tìm kiếm các dấu vết sinh học mà theo giả thuyết có thể thuộc về cùng một người. Việc khám phá ra những yếu tố nhất quán giữa các tấm vải hoặc giữa tấm vải và thánh tích Thánh Thể sẽ củng cố lẫn nhau tính thể giá của mỗi phát hiện khoa học.

Nếu hầu hết mọi người đều biết - ít nhất là ở mức độ hời hợt - về Tấm vải liệm Turin, thì rất ít người, ngay cả trong số những người Công Giáo, biết về Khăn Lau Mặt [Khăn Mặt] (74) ở Oviedo. Nhưng khi nhắc đến Áo dài thất ngang lưng thánh ở Argenteuil thì hầu như không ai biết đến sự hiện hữu của nó. Tuy nhiên, chúng ta cần phải dừng lại một chút trên những tấm vải này - đặc biệt là hai tấm vải cuối cùng, ít được biết đến hơn - để đào sâu sự hiểu biết của chúng ta về các phép lạ Thánh Thể. Những tấm vải Khổ nạn thực sự sẽ hỗ trợ chúng ta gần giống như những “nhân chứng” để mang lại cho chúng ta cái nhìn sâu sắc hơn về các chủ đề của một vài chương tiếp theo, đặc biệt là những chủ đề về máu và DNA.

Tấm vải liệm Turin



Như mọi người đều biết, Khăn liệm Turin là tấm vải dùng để bọc thi hài Chúa Giêsu trong ngôi mộ. Tôi không ngại tiết lộ cho độc giả niềm tin chắc chắn của tôi về tính xác thực của Tấm Khăn Liệm: tấm vải không những có lẽ mà còn thực đã bao bọc Chúa Kitô. Tôi có thể nói điều này dựa trên một lượng lớn dữ kiện khoa học có sức thuyết phục. Rốt cuộc, đây là quan điểm của chính Giáo Hội Công Giáo cho đến khi xác định niên đại bằng carbon-14 năm 1988.

Tám vải liệm là một di tích không giống ai. Nó sở hữu tính chân thực “nội tại”. Để làm rõ, tôi sẽ bắt đầu bằng cách nói rằng Tám vải liệm hoàn hảo đến từng chi tiết: một thí dụ rõ ràng về điều này là hình ảnh con người của nó là một bức ảnh âm bản được mã hóa ba chiều thể hiện một tính hiện thực có thể vượt qua mọi phong cách nghệ thuật. Nó chân thực hơn nhiều so với cả những nỗ lực táo bạo nhất trong việc tái tạo nó có thể đã được hình thành bởi tâm trí của một kẻ giả mạo thời trung cổ cực kỳ xuất sắc vào năm 1300 sau Công nguyên. Điều này là do hình ảnh của nó chính xác ở tất cả các chi tiết giải phẫu và bệnh sinh lý học. Vải lanh còn chứa dấu vết của máu người thật, cũng như các yếu tố môi trường khoáng chất và thực vật mà chúng ta mới bắt đầu phân tích trong bốn mươi năm qua. Những điều này chứng tỏ mức độ phức tạp không thể phù hợp với việc chế tạo đồ giả tầm thường. Nói cách khác, nó là một *unicum*, một phát hiện “có một không hai” trên Trái đất. Đó là bởi vì, cho đến ngày nay, chúng ta vẫn không thể hiểu được hình ảnh của Tám vải liệm có thể được tạo ra như thế nào, chứ đừng nói đến việc làm thế nào ai đó có thể tìm ra cách tái tạo nó. Về vấn đề này, tôi nên chỉ ra những nỗ lực thất bại vụng về và buồn cười về mặt khoa học của nhà hóa học người Ý Luigi Garlaschelli.

Do đó, Tám vải liệm đang đi trước nền khoa học tốt nhất mà chúng ta dám thách thức. Nó là một vật thể đã đứng cảm tồn tại qua nhiều thế kỷ, như thể được ban tặng một cuộc sống riêng. Nó đã sống sót sau thời kỳ bài trừ thánh tượng; nó đã rời khỏi Constantinople trước cuộc xâm lược của Thổ Nhĩ Kỳ; nó đã trốn thoát khỏi Pháp, nơi đáng lẽ nó không thể sống sót sau Cách mạng Pháp; nó đã sống sót sau những trận hỏa hoạn và thử thách để con người ở thời hiện đại có thể cảm thấy xúc động trước hình ảnh khuôn mặt uy nghiêm và cao siêu nhất từng tồn tại, sau những bức ảnh nổi tiếng được chụp bởi Secondo Pia vào năm 1898. Tám vải liệm thực sự sẽ vẫn không thể giải thích được, không thể, không thể tái tạo được bất chấp bất cứ kết quả xác định niên đại nào bằng phóng xạ carbon. Những hạn chế của việc xác định niên đại bằng carbon-14 được thực hiện vào năm 1988 trên Khăn liệm Thánh thiêng là cực kỳ thô thiển. Tôi chân thành khuyên bất cứ độc giả nào không sợ phải đối diện với một sự thật khó chịu và bị kiểm duyệt hãy tự mình nghiên cứu một cách trung thực về chủ đề này.

Những hạn chế này là do quy trình mơ hồ được sử dụng để lấy mẫu vải ban đầu và các mẫu đối chứng. Ngoài ra còn có những hạn chế liên quan đến việc không tuân thủ thử nghiệm gây mù và thực tế là các thử nghiệm không được thực hiện đồng thời trong ba phòng thí nghiệm được chỉ định nơi chúng được thực hiện. Như được trình bày ở phần sau, các phòng thí nghiệm có cơ hội nói chuyện với nhau trước khi công bố kết quả của họ. Hơn nữa, có một sự thiên lệch rất lớn liên quan đến diện tích của tám vải được chọn để lấy mẫu: góc trên bên trái. Đó là một khu vực khác biệt đáng kể so với phần còn lại của Tám vải liệm, như đã được Raymond Rogers chứng tỏ một cách không thể chối cãi vào năm 2005. Điều này được chứng minh bằng sự hiện diện của vanillin (75) trong các nút tăng trưởng của sợi lanh, việc phát hiện ra một lớp sắc tố alizarin trên bề mặt, vết keo của cây keo và sự hiện diện của bông trộn vào sợi lanh nguyên thủy — rõ ràng tất cả những chất gây ô nhiễm gần đây hơn đã làm sai lệch kết quả. Cuối cùng, có những hạn chế rõ ràng trong phân tích thống kê. Bài báo ngắn gọn và thiếu thông tin năm 1989 trên tạp chí *Nature* đã không che giấu được sự thiếu đồng nhất của dữ kiện (76) thu được từ Tám Khăn Liệm. Điều này bất chấp nhiều tái hiệu chuẩn [recalibrations] thích hợp đã được áp dụng cho toán học và lỗi hùng biện hời hợt của bài báo, cho rằng kết quả của nó phải là “bằng chứng thuyết phục”. Thay vào đó, dữ kiện thực tế tiết lộ rằng mảnh vải liệm, không giống như các mẫu đối chứng khác, hoạt động bất thường, như thể nó được tạo thành từ hai hoặc ba loại vải khác nhau cùng một lúc.

Chỉ đến năm 2017, Bảo tàng Anh mới tiết lộ tất cả dữ kiện thô ban đầu từ ba phòng thí

nghiệm liên quan đến dự án xác định niên đại sau một cuộc điều tra pháp lý cụ thể. Do đó, tính không đồng nhất về mặt thống kê của các kết quả đã được chứng minh thậm chí còn mạnh mẽ hơn, cùng với sự không đáng tin cậy của việc xác định niên đại bằng carbon-14 sau cùng. Cần lưu ý rằng việc đánh giá dữ kiện thô này đã được công bố vào năm 2019 trên *Archaeometry*, một tạp chí khoa học uy tín được xuất bản một cách trớ trêu bởi Đại học Oxford, một trong ba trung tâm thực hiện việc xác định niên đại bằng carbon-14 lần đầu tiên vào năm 1988.

Thật vậy, thực tế là một loại ô nhiễm không ngẫu nhiên và không đồng nhất mà là tuyến tính [linear] đã ảnh hưởng đến mảnh Khăn liệm được phân tích và gây ra lỗi hệ thống rõ ràng (77) trong việc phân bố carbon-14 trên trục dọc của nó (tức là trục của toàn bộ hình ảnh mặt trước của Tấm vải liệm, chạy từ chân về phía đầu). Tấm vải, bắt đầu từ mảnh được phân tích ở Oxford và chuyển sang mảnh được thử nghiệm ở Zurich và mảnh định niên đại ở Tucson, dường như trẻ hơn khoảng một thế kỷ trên mỗi vài cm khi di chuyển về phía bên phải. Đây là một điều bất thường vô lý đáng lẽ phải khiến bất cứ nhà thống kê nào có chút thận trọng phải từ chối phán xét và hủy bỏ việc thử nghiệm.

Lý do cho xu hướng theo chiều dọc kỳ lạ này là gì? Có rất nhiều giả thuyết. Giả thuyết đáng tin cậy nhất, được hỗ trợ bởi nhiều phát hiện có thẩm quyền và độc lập, dường như là phát hiện về sự ô nhiễm bởi các sợi vải gần đây hơn được thêm vào để tăng cường hoặc thay thế các phần mất đi của vải, rõ ràng trong việc tăng tỷ lệ trong các mảnh được lấy mẫu khi di chuyển từ trái sang phải. Thật không may, đối với một người bình thường ở thời đại chúng ta, ngay cả khi họ thực sự cảm động vì tò mò, thì sau cuộc thử nghiệm carbon-14 năm 1988, Tấm vải liệm chắc chắn là một “đồ giả thời Trung cổ” phải được coi là ngang hàng với một số hiện tượng kỳ lạ khảo cổ học kỳ quái nào đó, một mẫu vật đã được thuần hóa và gần như được hiểu đầy đủ, hay nhất là xứng đáng được làm một bộ phim tài liệu cảnh cáo chúng ta về sự căm giận quá mức của con người. Tôi thừa nhận, một cách cay đắng sâu xa, “tấm màn” ý thức hệ và kỹ trị đang che phủ, trong thời đại chúng ta, Tấm màn quan trọng nhất của mọi thời đại. Cả những người Công Giáo Rôma chắc chắn cũng là nạn nhân của sự giả tạo này và càng bị lừa nhiều hơn khi họ ủng hộ một đức tin “thuần túy”, duy tâm và “phi xác thật”, thích làm ngơ các thánh tích rỉ máu và những dấu hiệu quá hào phóng từ Thiên đàng. Tuy nhiên, tôi tin chắc rằng khoảnh khắc của sự thật sẽ quay trở lại và Tấm Khăn Liệm sẽ giành lại vị trí xứng đáng và địa vị mà nó xứng đáng có được.

Khăn liệm đầu (sudarium) ở Oviedo



Khăn liệm đầu hay khăn mặt là một tấm vải lanh cổ xưa dính máu, có kích thước 83 x 53 cm, đã được lưu giữ ở Tây Ban Nha ít nhất một nghìn năm trong nhà thờ ở Oviedo. Theo truyền

thống, nó được tôn kính như tấm vải quấn quanh đầu Chúa Giê-su sau khi chết, che khuôn mặt bị đánh đập của Người để tỏ lòng tôn kính và lau khô vết thương của Người. Giống như Tấm vải liệm, Khăn Mặt cũng đã được xác định niên đại bằng carbon-14. Bốn cuộc kiểm tra niên đại, được thực hiện từ năm 1990 đến năm 2007, dường như đều thống nhất về độ tuổi lịch sử vào khoảng năm 700 sau Công Nguyên, mặc dù một trong bốn kết quả phải bị bác bỏ để có được một cuộc kiểm tra tính đồng nhất về mặt thống kê. Người ta đã chứng minh rõ ràng rằng việc xác định niên đại bằng carbon-14 không phải lúc nào cũng đáng tin cậy. Một thí dụ thông thường về điều này là mẫu kiểm soát mù được sử dụng trong giao thức “hoàn hảo” được sử dụng để xác định niên đại của Khăn Mặt ở Oviedo vào năm 2007 bởi Beta Analytic ở Miami: một cách khá nản lòng, tấm vải lanh của một xác ướp linh mục Ai Cập đến từ Tannis, thuộc về Vương triều Ai Cập thứ 21 trong khoảng thời gian từ 1110 đến 950 trước Công nguyên, hóa ra không kéo dài được ba nghìn năm tuổi như mong đợi. Thay vào đó, nó được ước tính bằng thực nghiệm chỉ khoảng ba trăm năm tuổi, trong khoảng thời gian từ năm 1660 đến năm 1960 sau Công nguyên. Tuy nhiên, đối diện với bốn kết quả xác định niên đại khác nhau, trong đó ít nhất ba kết quả phù hợp, việc chấp nhận phán quyết khoa học dường như là điều hợp thường thức: Khăn Mặt ở Oviedo không thể thuộc về thế kỷ thứ nhất sau Công Nguyên, và do đó nó không thể là gì khác ngoài một trong nhiều di vật giả đã được chứng nhận lưu truyền rộng rãi vào thời Trung cổ. Đây cũng là quan điểm của riêng tôi, ít nhất là cho đến khi tôi tìm hiểu sâu hơn về các tài liệu khoa học gần đây.

Việc tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này sẽ đòi hỏi phải thừa nhận rằng Khăn Mặt phải được chế tạo với mức độ tinh vi và chú ý đến từng chi tiết, khó phù hợp với sự giả mạo đơn giản từ thế kỷ thứ bảy và thứ tám. Hơn nữa, có quá nhiều điểm trùng hợp với Tấm vải liệm thành Turin (chẳng hạn như cùng nhóm máu), đến mức người ta có thể tự hỏi liệu chúng có được tạo ra bởi cùng một “thợ rèn” hay không. Nhưng làm sao điều đó có thể khả hữu nếu hai tấm vải có niên đại khác nhau (như được gợi ý bởi phương pháp xác định niên đại bằng carbon-14) cũng như nguồn gốc địa lý khác nhau?

Ta hãy bắt đầu bằng cách phân tích các vết máu. Máu là máu thật, có nguồn gốc từ con người. Sau nghiên cứu sâu rộng về Khăn Mặt trong hai mươi năm qua, giờ đây người ta có thể tái tạo lại các chi tiết của diễn trình tạo ra những vết máu đó. Nói ngắn gọn, tôi sẽ chỉ tập trung vào hai loại vết đen: vết được gọi là ở trung tâm và vết giống như chấm [point].

Quan trọng nhất và lớn hơn là những vết bản ở trung tâm do chứng phù [edema] phổi (78) rò rỉ từ mũi và miệng sau khi chết, sau đó lan ra ria mép, râu, mũi và trán. Trong bối cảnh tương tự, các vết giống như ngón tay có thể được phân biệt, tương thích với áp lực bên ngoài do áp lực của hai bàn tay cố gắng vỗ nhẹ vào mũi và miệng. Có thể xây dựng lại thứ tự hình thành các vết đen. Trình tự bắt đầu với một cái đầu nghiêng 70 độ về phía trước và nghiêng sang phải 20 độ, sau đó được đặt úp xuống một bề mặt cứng, theo trình tự tương thích với cái chết trên cây thánh giá, sau đó được đưa xuống khỏi nó.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang mối quan hệ với Tấm vải liệm thành Turin: trước tiên cần phải nói rằng các vết đen trên Khăn Mặt thực sự không phác thảo một khuôn mặt để nhận biết, ngoại trừ hình dáng của tai phải, không thể nhìn thấy trên Tấm vải liệm. Ngoài ra, về mặt so sánh nhân trắc học [anthropometric], (79) vết máu trên Khăn liệm Turin cần được phân biệt với hình ảnh khuôn mặt đầy đủ và màu nhiệm của nó. Điều thực sự chính xác là tìm kiếm sự chồng chéo trực tiếp giữa các vết máu trên Tấm vải liệm và các vết máu trên Khăn Mặt, dựa trên diễn trình chung tạo ra chúng: việc ra đen trên một miếng vải do tiếp xúc sau khi được quấn quanh đầu. Nhưng đây không phải là lý lẽ bệnh vực hình ảnh khuôn mặt trên Tấm vải liệm, một khuôn mặt ắt phải được tái tạo ba chiều trước khi bất cứ dấu hiệu phù hợp

nào có thể có trên Khăn Mặt có thể được xác minh. Thật vậy, các nhà nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Khăn liệm [sindonology] Tây Ban Nha (EDICES) đã thiết lập được mức độ phù hợp về mặt giải phẫu của hình dạng và chiều dài của mũi, lỗ mũi, đường chân mày, miệng, cằm và râu. Đặc biệt, sự chùng chéo ở vùng trán rất nổi bật, trong đó vết đen trung tâm trên Khăn Mặt bám sát đường viền của cả lông mày phải (ở phần dưới) và đường chân tóc trên Tấm vải liệm (ở phần trên). Đáng khác, còn đáng ngạc nhiên hơn nữa, đường viền bên trong của vết đen trung tâm trên Khăn Mặt trùng với vết hình epsilon [ϵ] nổi tiếng trên Tấm Vải Liệm (hoặc, giống như hình ảnh phản chiếu của nó, vết hình số 3 trên âm bản ảnh của nó). Hơn nữa, một vết máu nằm ở mặt trong của lông mày trái thể hiện một “hành vi” khá kỳ lạ, xứng đáng là một câu đố phức tạp và oái oăm: trung tâm của nó ở Oviedo, trong khi đường viền của nó lại ở Turin.

Tôi mời độc giả xem bộ phim tài liệu trực tuyến và cuộc phỏng vấn với Giáo sư César Barta, được đề cập trong thư mục của tôi, cho thấy những hình ảnh rõ ràng hơn bất cứ văn bản nào mô tả những chi tiết này, cũng như cuộc phỏng vấn với Giáo sư Jorge Rodríguez, bao gồm tái tạo ba chiều khuôn mặt của Tấm vải liệm.

Các vết đốm là tập hợp các đốm nhỏ và được phân ranh giới rõ ràng. Chúng nằm ở một đầu của Khăn Mặt, trong khu vực tiếp xúc với gáy. Máu tạo nên chúng - không giống như máu của các vết đen trung tâm (80) - là máu tươi nguyên chất: màu trung tâm sẫm hơn và quầng huyết thanh (81) xung quanh các cạnh của vết đen phản ánh những gì có thể xảy ra với sự co lại của cục máu đông - cục máu đông có nguồn gốc từ máu tươi rỉ ra từ những vết thương hở. (82) Chúng là những vết mà thoạt nhìn đã trùng khớp với một hình ảnh tương tự đang sau gáy của người trên Tấm Khăn Liệm, theo truyền thống được cho là vết thương do mào gai gây ra. Bằng cách sử dụng phần mềm chuyên dụng, các nhà nghiên cứu Tây Ban Nha đã chứng minh rằng sự chùng chéo chính xác của một phần hình ảnh sau gáy của Tấm vải liệm với các vết giống như đốm của Khăn Mặt, dẫn đến sự trùng khớp về mặt không gian đáng ngạc nhiên của sáu trên tám điểm tham chiếu nếu được quay 19 độ. Việc trình diễn này cũng là lý do để xem phim tài liệu của Barta, mặc dù đây không phải là tất cả: giống như trên mặt của Tấm vải liệm, cũng có vết đất bám trên chóp mũi của hình ảnh Khăn Mặt. Đây có thể là bằng chứng của việc rơi xuống đất mà không thể đứng đất bằng đôi tay dang rộng. Điều đáng lưu ý là, tàn dư của đất tương thích với đất ở Giêrusalem hơn là với đất ở Oviedo. Rải rác khắp tấm vải có dấu vết của lô hội và chất thay thế cho mộc dược. Có các loại phấn hoa Địa Trung Hải, bao gồm cả hạt phấn hoa *Helichrysum*, đây cũng là loại phấn hoa được phát hiện rộng rãi nhất trên Tấm vải liệm. Hơn nữa, cùng một hạt phấn hoa được bao phủ trong máu, do đó chúng tỏ sự hiện diện của nó ngay từ giờ đầu tiên khi Khăn Mặt được sử dụng, trái ngược với việc bổ sung sau đó. Theo khám phá vang dội gần đây của Tiến sĩ Marzia Boi, phát hiện về hạt phấn hoa cũng xác nhận việc sử dụng cùng loại dầu và dầu thơm trên cả người đàn ông của Khăn Mặt và người đàn ông của Tấm vải liệm. Tóm lại, cũng giống như Tấm vải liệm, kết quả xác định niên đại bằng carbon 14 của Khăn Mặt cần phải được đặt câu hỏi dựa trên nhiều phát hiện khoa học khác ủng hộ tính xác thực của nó. Khăn Mặt là một di vật cực kỳ tinh vi và một kẻ giả mạo giả định đã tạo ra nó vào năm 700 sau Công nguyên sẽ cần phải chứng minh kiến thức đặc biệt và không thể giải thích được về bệnh lý sinh học, y học pháp y, y học truyền máu, nhân chủng học, thực vật học và thậm chí cả địa chất học.

Chiếc áo dài thánh ở Argenteuil



Cuối cùng chúng ta hãy tập trung vào thánh tích Khô nạn thứ ba và ít được biết đến, mặc dù có thể giá: những mảnh vỡ của chiếc áo không được may mà Chúa Giêsu đã mặc khi lên Đồi Canvê. Theo trình thuật Tin Mừng, đây cũng là chiếc áo dài mà quân lính bắt thăm dưới chân Thập Giá.

Chiếc áo dài ở Argenteuil hiện được bảo quản tại Vương cung thánh đường Saint-Denis ở Argenteuil, cách Paris 12 km về phía tây bắc. Đó là một bộ quần áo làm bằng len cừ, dài 122 cm và rộng 90 cm tính đến nách. Nó được tạo thành từ hai mươi mảnh riêng biệt, hai trong số đó có kích thước lớn hơn. Dấu hiệu lão hóa khá rõ ràng và đáng tiếc là hầu hết phần phía trước đã bị mất. Tuy nhiên, kiểu dáng tổng thể của bộ trang phục vẫn có thể được đánh giá cao, bao gồm một phần viền quanh cổ và chỉ một chút phần tay áo bị mất. Giống như trang phục được mô tả trong Tin Mừng Gioan, nó là một loại vải đơn nhất, không gián đoạn, liền mạch, có sợi dọc và sợi ngang được dệt với nhau thành một kiểu dệt trơn, (83) tương thích với công việc của một khung dệt gia dụng cổ xưa. Len có phẩm chất trung bình, được kéo thành sợi Z-twist chắc chắn và đồng đều, do đó tạo ra loại vải gọn sóng mịn, lý tưởng cho quần áo bên trong. Sợi được xử lý bằng phen kali (chất cố định thuốc nhuộm) và sau đó nhuộm màu đỏ đậm hơn, nhờ đó thu được màu nâu đỏ đồng nhất. Đây cũng là màu của sắc tố alizarin đã được tìm thấy ở góc trên bên trái của Tấm vải liệm đã trải qua quá trình xác định niên đại bằng carbon phóng xạ. Tất cả những đặc điểm của loại vải này chắc chắn đã phù hợp với nguồn gốc giả định từ Palestine vào thế kỷ thứ nhất.

Sự hiện diện của Áo dài ở Argenteuil đã được ghi lại từ năm 1156. Tuy nhiên, truyền thống thậm chí còn đưa chúng ta quay trở lại xa hơn với Charlemagne: hoàng đế có lẽ đã nhận được chiếc áo quý giá trực tiếp từ nữ hoàng Byzantine Irene, và sau đó ông tặng nó cho con gái Théodrade, viện mẫu của đan viện “Humilité-de-Notre-Dame” ở Argenteuil. Trên thực tế, một tài liệu được lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Paris chứng thực việc tặng một mảnh áo dài từ Argenteuil cho Tu viện Thánh Medard de Soissons vào khoảng năm 840.

Các sự kiện lịch sử liên quan đến áo dài rất rắc rối. Bộ quần áo đã được giấu đi nhiều lần để tránh bị cướp bởi người Norman và người Huguenot. Nó đã bị mất và được tìm thấy lại. Tuy nhiên, khoảnh khắc cảm kích nhất là trong Cách mạng Pháp năm 1793, khi Cha Ozet, tu viện trưởng và linh mục giáo xứ Argenteuil, đã buộc phải thực hiện các biện pháp cực đoan: ông cắt thánh tích liền mạch thành nhiều mảnh, phân phát một số cho những giáo dân đáng tin cậy và chôn hai mảnh lớn dưới đất trồng trong khu vườn nhà xứ của ngài. Sau đó, ngài ngồi tù hai năm trong “nhà tù nhân dân” và ngay sau khi được trả tự do, ngài đã cố gắng thu hồi tất cả các mảnh của Áo dài. Ít nhiều, ngài đã ghép lại phần phía sau, nhưng những phần quan

trọng ở phía trước được cho là đã bị mất vĩnh viễn.

Chiếc áo dài cũng không thể thoát khỏi việc xác định niên đại bằng carbon-14. Vào tháng 10 năm 2013, chính quyền địa phương (84) và vị giám mục đã bí mật sắp xếp các cuộc điều tra khoa học bao gồm việc thử nghiệm carbon phóng xạ. Thử nghiệm vừa nhắc định niên hiệu của chiếc áo dài trong khoảng các năm 530–650 sau Công Nguyên. Việc phân tích được thực hiện bởi Ủy ban Năng lượng Nguyên tử (CEA) của Paris-Saclay trong điều kiện không bị hỏa mù, vì các nhà nghiên cứu biết chính xác những gì họ đang thử nghiệm. Đúng như dự đoán, các tờ báo địa phương đã nhanh chóng tung tin ra công chúng: Chiếc áo thánh cổ xưa của Argenteuil hẳn phải là đồ giả thời Trung cổ cần được cất vào “gác mái lịch sử” cùng với nhiều “thứ tốt đẹp lập dị vô hại” khác. Than ôi, con người hiện đại cần thoát khỏi quá nhiều di sản cổ xưa để có được nhận thức mới và trưởng thành hơn. Không bị thuyết phục, các giáo sư Gérard Lucotte và André Marion, hai nhà nghiên cứu độc lập chính của Áo dài ở Argenteuil, đã tổ chức một cuộc nghiên cứu định niên đại bằng carbon phóng xạ thứ hai vào năm sau trong điều kiện “hỏa mù”, bởi Archéolabs ở Grenoble: kết quả là năm 670–880 sau Công Nguyên.

Rõ ràng, có điều gì đó không đúng: hai kết quả định niên đại, thực sự thu được từ cùng một mảnh có tên “S2a”, hoàn toàn không trùng lặp, thậm chí bằng cách kéo dài khoảng tin cậy thêm hai độ lệch chuẩn (có nghĩa là bao gồm 95.4% tất cả các trường hợp có thể xảy ra). Chiếc áo dài này hoặc có từ trước năm 650 sau Công nguyên hoặc có từ sau năm 670 sau Công nguyên - một việc định niên đại bằng carbon phóng xạ làm mất hiệu lực của việc kia! Không cần phải nói, một lần nữa, rằng những kết quả này bộc lộ điểm yếu nội tại của phương pháp xác định niên đại bằng carbon phóng xạ khi áp dụng cho các loại vải cổ. Giáo sư Lucotte đã cố gắng đạt được những hiểu biết sâu sắc hơn về vấn đề này và tiếp tục sử dụng phương pháp quang phổ tia X85 để kiểm tra mười sợi áo dài từng trải qua quá trình chuẩn bị tiêu chuẩn để xác định niên đại bằng carbon-14. Người ta thực sự đã biết rõ ràng, trước khi đo các đồng vị cacbon-14, (86) thỉnh thoảng cần phải loại bỏ tới hơn một nửa trọng lượng ban đầu của mẫu. Điều này được thực hiện bằng cách rửa sạch mọi chất ô nhiễm hữu cơ thông qua trình tự giao thức “axit-bazơ-axit” ba lần với các loại rượu và dung môi cụ thể. Tuy nhiên, đáng chú ý nhất là bất cứ carbon nào có ở dạng canxi carbonat (87) cũng bị rửa trôi để tránh làm sai lệch kết quả, vì vải chắc chắn đã tiếp xúc với nó trong nhiều thế kỷ. Giáo sư Lucotte tự tin rằng len có thể hấp thụ nhiều nước hơn - và canxi carbonat thường hòa tan trong đó - hơn vải lanh hoặc bông. Ông đã chứng minh quan điểm của mình bằng phương pháp quang phổ: việc giải thích “các gai” lưu huỳnh (88) và canxi trong quang phổ do mẫu Áo dài phát ra đã xác nhận rằng, ngay cả sau các quy trình “làm sạch” chuẩn bị thông thường, một phần ba lượng canxi carbonat ban đầu vẫn còn sót lại trong mẫu, với hiệu ứng lệch “làm trẻ hóa vải” rõ ràng và không phù hợp. Bất chấp các thí nghiệm của Tiến sĩ Lucotte, vẫn còn khó khăn, nếu không muốn nói là không thể, làm sáng tỏ tất cả các nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt trong kết quả xác định niên đại bằng phép đo phóng xạ của Áo dài. Nhưng có lẽ còn khó khăn hơn đối với dư luận, như với Tấm vải liệm Turin, để gạt bỏ danh tiếng “giả mạo thời Trung cổ” vốn đã có từ lâu gắn liền với di tích hấp dẫn này.

Các nghiên cứu bằng kính hiển vi điện tử quét và quang phổ tia X do Giáo sư Lucotte thực hiện trên bụi, phân hoa và tẩy động lại trên Áo dài cũng rất đáng lưu ý: các loài sinh học mà ông xác định được, ngoại trừ những trường hợp ô nhiễm sau này, đều tương thích với nguồn gốc Địa Trung Hải, khí hậu ẩm áp và khô ráo, đất đai khô cằn và giống sa mạc. Tuy nhiên, phát hiện kích thích nhất về mặt khoa học là sự hiện diện cực kỳ dồi dào của máu người trên Áo dài (cùng nhóm máu với Tấm vải liệm và Khăn Mặt). Đó là một khám phá gần đây: màu nâu đỏ của vải che giấu những vết máu mà sự hiện diện của chúng có thể được cảm nhận

bằng cách chạm vào. Những người đã có đặc quyền kiểm tra áo dài nhớ lại cảm giác các miếng vải cứng hơn và dày hơn. Dưới kính hiển vi điện tử, ngay cả những sợi len không được lấy từ những mảng giàu máu đó vẫn được bao phủ bởi các tế bào hồng cầu, thường thành từng nhóm hàng trăm chiếc, tích tụ thành từng cục nhỏ. Trong những trường hợp khác, các tế bào hồng cầu xếp thành hàng, như thể vẽ đường đi của mao mạch. Chúng là những tế bào hồng cầu có kích thước nhỏ hơn so với bình thường, từ 5 đến 6 micron, thay vì 7 đến 8 micron sinh lý: điều này có thể dễ dàng giải thích là do tình trạng mất nước qua nhiều thế kỷ.

Giáo sư André Marion, nhà vật lý hạt nhân và kỹ sư tại Trung tâm Khoa học Quốc gia (CNRS), đã nghiên cứu vị trí của vết máu trên Áo dài. Ông kết luận rằng người đàn ông mặc áo dài bị tra tấn chắc chắn phải bị chặt một cây thánh giá trọn vẹn trên vai trái, như được thể hiện trên hình tượng truyền thống, chứ không chỉ là một thanh ngang như đôi khi chúng ta vẫn tin. Hơn nữa, việc tái tạo ba chiều tương tự và kiên nhẫn các vết máu trên hình ảnh phía sau của Tấm vải liệm đã cho phép Marion chứng minh sự trùng lặp gần như hoàn toàn của các vết máu trên Áo dài với các vết máu trên Tấm vải liệm, một điểm phải được xem xét để ủng hộ tính xác thực tương ứng của cả hai thánh tích.

Cuối cùng, Áo dài không chỉ chứa các tế bào hồng cầu mà còn chứa các tế bào bạch cầu và nang lông chứa DNA. Một lần nữa, Giáo sư Lucotte, một chuyên gia không thể nghi ngờ về di truyền học, người tiên phong về kỹ thuật lai phân tử và là người phát hiện ra các đơn bội nhiễm sắc thể Y ban đầu, đã nghiên cứu rộng rãi về DNA của người đàn ông mặc áo dài trong những năm gần đây. Đáng chú ý là ông đã thu được một bộ nhận dạng di truyền cực kỳ chính xác và ấn tượng từ nó. Chúng ta sẽ thảo luận chi tiết về điều này ở một trong những chương sắp tới.

Thư mục

Damon, P., D. Donahue, B. Gore và cộng sự, 1989. “Radiocarbon Dating of the Shroud of Turin [Xác định niên đại bằng carbon phóng xạ của Tấm vải liệm Turin].” *Nature*, 337: 611–615. Bài viết chính thức về việc định niên đại bằng phép đo phóng xạ của Tấm vải liệm.

Marino, J. và M. Benford. 2000. “Evidence for the Skewing of the C-14 Dating of the Shroud of Turin Due to Repairs [Bằng chứng về việc Xiên lệch niên đại C-14 của Tấm vải liệm Turin do sửa chữa]” *Worldwide Congress “Sindone 2000, Orvieto, Ý*. Báo cáo của vợ chồng Marino về những bằng chứng ban đầu của lý thuyết hàn gắn vô hình tại đại hội Orvieto.

Rogers, Raymond. 2005. “Studies on the Radiocarbon Sample from the Shroud of Turin [Nghiên cứu về mẫu carbon phóng xạ từ Tấm vải liệm Turin]” *Thermochimica Acta* 425 (1–2): 189–194.

Thành quả từ công việc dừng cảm của Rogers, cuốn sách này được xuất bản chỉ vài tuần trước khi ông qua đời vì một căn bệnh nan y.

Van Haelst, Remi. 1997. “Radiocarbon Dating the Shroud: A Critical Statistical Analysis [Xác định niên đại của tấm vải liệm bằng carbon phóng xạ: Một phân tích thống kê quan trọng]” *Shroud.com*. Trang mạng. Nước Bỉ. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.shroud.com/vanhels3.htm>. Nhà hóa học người Bỉ thảo luận một cách thành thạo và cẩn thận về những sai sót trong phân tích thống kê trên tạp chí Nature.

Brunati, Ernesto. 2005. “Altro che rammendi! La datazione della Sindone e’ tutta un falso [Không có gì ngoài việc sửa chữa! Niên đại của Tấm vải liệm hoàn toàn là giả]” *Collegamento pro Sindone Internet*. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <http://www.sindone.info/BRUNATI1.PDF>. Kỹ sư người Ý đã tìm thấy bằng chứng về việc cố ý giả mạo các mẫu định niên đại bằng phóng xạ bằng cách xem xét các lỗi thống kê.

Rinaldi, Gian Marco. 2012. “La statistica della datazione della Sindone.[Số liệu thống kê về niên đại của Tấm vải liệm]” *Gian Marco Rinaldi*. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. https://www.academia.edu/35904379/La_statistica_della_datazione_della_Sindone_2012. Tác giả và nhà toán học bảo vệ phiên bản chính thức của việc xác định niên đại bằng phép đo phóng xạ bằng cách nhận ra và cố gắng tích hợp các khoảng trống thống kê của nó.

Walsh, Bryan và Larry Schwalbe. 2020. “An Instructive Inter-Laboratory Comparison: The 1988 Radiocarbon Dating of the Shroud of Turin [So sánh giữa các phòng thí nghiệm mang tính hướng dẫn: Xác định niên đại bằng carbon phóng xạ của Tấm vải liệm thành Turin năm 1988].” *Journal of Archaeological Science: Reports* 29: 340. Walsh, Bryan. 1999. “The 1988 Shroud of Turin Radiocarbon Tests Reconsidered, Part I [Xem xét lại các cuộc thử nghiệm carbon phóng xạ trên tấm vải liệm ở Turin năm 1988, Phần I].” *Internet Archive WayBack Machine*. Richmond, Virginia. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. http://web.archive.org/web/20040422010105/http://members.aol.com/turi_n99/radiocarbon-a.htm. Phần 1 trình bày thống kê về tính không đồng nhất của các mẫu và mối quan hệ tuyến tính giữa niên đại và vị trí của các mẫu trên Tấm Khăn Liệm.

Riani, Marco, Giulio Fanti, Fabio Crosilla và Anthony Atkinson. 2010, “Statistica Robusta và Radiodatazione della Sindone [Thống kê Robusta và xác định bức xạ của Tấm Vải liệm].” *Sis-Magazine* 1 (1). Bài báo chứng minh tác động tuyến tính và có hệ thống của ô nhiễm tự nhiên đối với việc xác định niên đại bằng phép đo phóng xạ năm 1988 bằng các kỹ thuật

thống kê mạnh mẽ.

Casabianca, Tristan, Emanuela Marinelli, Giuseppe Pernagallo, và Benedetto Torrisi, 2019. “Radiocarbon Dating of the Turin Shroud: New Evidence from Raw Data [Xác định niên đại bằng carbon phóng xạ của Tấm Vải liệm Turin: Bằng chứng mới từ dữ liệu thô].” *Archaeometry* 61(5), 1223–1231. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://doi.org/10.1111/arcm.12467>. Bài báo gây tiếng vang trong đó các kết quả thô do ba phòng thí nghiệm tham gia vào dự án xác định niên đại bằng carbon phóng xạ của Tấm vải liệm tạo ra cuối cùng đã được phân tích một cách nghiêm túc.

Fanti, Giulio và Saverio Gaeta. 2013, *Il Mistero della Sindone: Le sorprendenti Scoperte Scientifiche sull'enigma del telo di Gesù* [Màu nhiệm Tấm Vải liệm: Những khám phá khoa học đáng ngạc nhiên về bí ẩn tấm vải liệm Chúa Giêsu]. Tái bản lần thứ nhất, Biblioteca Universale Rizzoli. Sách ủng hộ tính xác thực của Tấm vải liệm với dữ kiện được cập nhật.

Augé, Javier Briansó. 1997. *El Santo Sudario de la Catedral de Oviedo* [Tấm vải liệm thánh của Nhà thờ Oviedo]. Graficas Summa.

Chiapusso, J. I. 2007. “Sudario de Oviedo y Palinogia [Tấm vải liệm Oviedo và Palinogia].” trong *Oviedo, relicario de la cristianidad: Actas del II Congreso Internacional sobre el Sudario de Oviedo* [Oviedo, thánh tích của Kitô giáo: Kỷ yếu của Đại hội quốc tế lần thứ hai về Khăn liệm Oviedo]. Tái bản lần thứ nhất, 125–135. Đại học Oviedo. Một kho thông tin về Khăn Mặt ở Oviedo có trong hồ sơ của Đại hội quốc tế lần thứ hai về Khăn liệm (tháng 4 năm 2007).

Chiapusso, J. I. 2016. “Sudario de Oviedo y Palinogia [Tấm vải liệm Oviedo và Palinogia].” *Territorio Sociedad Poder II*: 125–135.

Gil, César Barta. 2007. “Datación radiocarbónica del Sudario de Oviedo [Dữ kiện carbon phóng xạ của Tấm vải liệm Oviedo].” trong *Oviedo, relicario de la cristianidad: Actas del II Congreso Internacional sobre el Sudario de Oviedo* [Oviedo, thánh tích của Kitô giáo: Kỷ yếu của Đại hội quốc tế lần thứ hai về Khăn liệm Oviedo]. Tái bản lần thứ nhất, 137–155. Đại học Oviedo.

Ortego, F. M. 2007. “Otros estudios de carácter químico và biológico: datación del Lienzo [Các nghiên cứu hóa học và sinh học khác: dữ kiện Lienzo].” trong *Oviedo, relicario de la cristianidad: Actas del II Congreso Internacional sobre el Sudario de Oviedo* [Oviedo, thánh tích của Kitô giáo: Kỷ yếu của Đại hội quốc tế lần thứ hai về Khăn liệm Oviedo]. Tái bản lần thứ nhất, 159–166. Đại học Oviedo.

Moreno, G. H. và M. O. Corsini. 2007. ““Consideraciones geométricas sobre la formación central de manchas del Sudario de Oviedo [Những cân nhắc về mặt hình học về sự hình thành trung tâm của các mảng trên Tấm vải liệm Oviedo].” trong *Oviedo, relicario de la cristianidad: Actas del II Congreso Internacional sobre el Sudario de Oviedo* [Oviedo, thánh tích của Kitô giáo: Kỷ yếu của Đại hội quốc tế lần thứ hai về Khăn liệm Oviedo]. Tái bản lần thứ nhất, 237–265. Đại học Oviedo.

Blanco, J. D. V. 2007. “Síntesis: Cómo se utilizó el Sudario de Oviedo? [Tóm tắt: Tấm vải liệm Oviedo được sử dụng như thế nào]” trong *Oviedo, relicario de la cristianidad: Actas del II Congreso Internacional sobre el Sudario de Oviedo* [Oviedo, thánh tích của Kitô giáo: Kỷ

yếu của Đại hội quốc tế lần thứ hai về Khăn liệm Oviedo]. Tái bản lần thứ nhất, 279–294, Đại học Oviedo.

Gil, César Barta. 2007. “Aproximación del EDICES al estudio comparativo del Sudario de Oviedo: Síndone de Turin [Sự gần đúng của EDICES với nghiên cứu so sánh về Tấm vải liệm Oviedo: Khăn vải Turin]” trong *Oviedo, thánh tích của Kitô giáo: Kỳ yếu của Đại hội quốc tế lần thứ hai về Khăn liệm Oviedo*. Tái bản lần thứ nhất, 393–423. Đại học Oviedo.

HMTelevision. 2016. “Entre profesionales: El Sudario de Oviedo 6/7 [Giữa các chuyên gia: Khăn liệm ở Oviedo 6/7].” *YouTube*. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. https://www.youtube.com/watch?v=YFukUGbW_1Y. Tập 6 của bộ phim tài liệu Tây Ban Nha có cuộc phỏng vấn Giáo sư César Barta Gil.

HMTelevision. 2016. “Entre profesionales: El Sudario de Oviedo y la Síndone 7/7 [Giữa các chuyên gia: Khăn liệm ở Oviedo 7/7].” *YouTube*. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.youtube.com/watch?v=gRYbBpjT6MY&t=6s>. Tập 7 của bộ phim tài liệu Tây Ban Nha có cuộc phỏng vấn Giáo sư César Barta Gil.

Supercatolico. 2015. “Científicos demuestran el mismo origen del Sudario de Oviedo y la Sábana Santa [Các nhà khoa học chứng minh nguồn gốc giống nhau của Tấm vải liệm Oviedo và Tấm vải liệm Sábana].” *YouTube*. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.youtube.com/watch?v=HdBJ0wm2UXQ>. Cuộc phỏng vấn với Giáo sư Jorge Manuel Rodríguez Almenar của Cha Javier Alonso. Đặc biệt quan trọng ở phút 15:55 với những hình ảnh chồng các vết của Khăn Mặt lên hình ảnh ba chiều của mặt Khăn Liệm.

Marion, André và Gérard Lucotte. 2006. *Le linceul de Turin et la tunique d'Argenteuil: Le point sur l'enquête* [Tấm vải liệm Turin và áo dài Argenteuil: Cập nhật cuộc điều tra]. Tái bản lần thứ nhất. Paris: Éditions des Presses de la Renaissance. Lịch sử áo dài ở Argenteuil và những phát hiện gần đây nhất của các nhà nghiên cứu tích cực nhất của Pháp trong lĩnh vực này.

Lucotte, Gérard và Philippe Bornet. 2007. *Sanguis Christi: Le sang du Chúa Kitô. Une enquête sur la tunique d'Argenteuil* [Sanguis Christi: Máu Chúa Kitô. Một cuộc điều tra về áo dài Argenteuil]. Guy Trédaniel Éditeur. Nhà di truyền học người Pháp kể lại mọi điều ông khám phá được về thánh tích Argenteuil.

Trang mạng chính thức về Áo dài thánh của Chúa Kitô lưu giữ tại Argenteuil. 2020. Trang mạng. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <http://saintetunique.com/>.

Trang mạng chính thức của Áo dài thánh ở Argenteuil. Các báo cáo lịch sử và khoa học có sẵn trên trang mạng này.

KTOTV. 2016. “Restauration de la Sainte Tunique d'Argenteuil [Phục hồi Áo dài Thánh của Argenteuil].” *YouTube*. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.youtube.com/watch?v=Uf2wGzhXmo8>. Báo cáo về sự phục hồi gần đây Áo dài bởi Claire Beugnot.

Gross, Philippe. 2016. “Installation Sainte Tunique [An vị áo dài thánh].” *YouTube*. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021, <https://www.youtube.com/watch?v=0dOXlfmt1Xw>. Hình ảnh ngày an vị Áo dài 24/03/2016.

KTOTV. 2016. “La Sainte Tunique d’Argenteuil [Áo dài ở Argenteuil].” *YouTube*. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.youtube.com/watch?v=1azKaLj56to>. Các cuộc phỏng vấn trên truyền hình Công Giáo Pháp của nhà sử học Jean-Christian Petitfils với Cha Guy-Emmanuel Carriot, linh mục giáo xứ Argenteuil, và Giám mục Stanislas Lalanne của Pontoise.

Ghi chú

(74) Khăn Mặt là từ tiếng Latinh [sudarium] có nghĩa là vải thấm mồ hôi.

(75) Vanillin là thành phần chính của cây đậu vanilla.

(76) Trong thống kê, tính đồng nhất dữ kiện [data homogeneity] là một khái niệm nảy sinh khi mô tả các thuộc tính của tập dữ kiện. Dữ kiện đồng nhất có xu hướng được “nhóm thành cụm” xung quanh một giá trị tương tự. Điều này có nghĩa là, mặc dù không thể tránh khỏi sai số thực nghiệm, nhưng thí nghiệm đã thành công trong việc đo lường một biến số duy nhất. Thay vào đó, trong một tập dữ kiện không đồng nhất, dữ kiện thử nghiệm được tập hợp xung quanh các giá trị khác nhau. Nếu điều này xảy ra ở mức độ lớn, nhà khoa học nên bắt đầu tự hỏi liệu mình có thực sự đang vô tình đo các biến số ẩn dấu khác nhau hay không, thay vì chỉ đơn giản đối diện với lỗi thực nghiệm nghiêm trọng lặp đi lặp lại.

(77) Sai số hệ thống [Systematic error], theo định nghĩa, có thể dự đoán được và thường không đổi hoặc tỷ lệ thuận với giá trị thực. Một khi đã xác định được thì có thể dễ dàng sửa chữa.

(78) Phù phổi [Pulmonary edema] là sự tích tụ chất lỏng trong mô và khoang khí của phổi. Nguyên nhân phổ biến nhất là do suy tim và có thể gây khó thở nghiêm trọng và tử vong.

(79) Nhân trắc học [Anthropometry] là nghiên cứu khoa học về số đo và tỷ lệ của cơ thể con người.

(80) Các vết đen ở trung tâm là dấu vết của dịch phù phổi. Chất lỏng màu hồng sùi bọt này được mô tả một cách cổ điển là chảy nước và dính máu.

(81) Quầng huyết thanh [Serous haloes] sẽ phát sinh khi tiếp xúc với chất lỏng huyết thanh. Chất lỏng huyết thanh là tất cả các loại chất lỏng cơ thể màu vàng nhạt giống như huyết thanh. Ngược lại, huyết thanh là thành phần nước của máu - giàu protein và muối khoáng - có thể quan sát được nếu máu đông lại trong ống nghiệm: tế bào máu tích tụ ở phía dưới, cục máu đông hình thành ở phía trên tế bào máu, và huyết thanh là chất lỏng màu vàng nổi lên trên cả hai.

(82) Nếu để máu đông trên vải, giống như trong ống nghiệm, thành phần tế bào của nó sẽ đông lại ở giữa vết đen, trong khi thành phần huyết thanh dạng nước của nó sẽ tạo thành quầng sáng xung quanh bằng cách “thấm hút” ra ngoài dọc theo các sợi vải.

(83) Kiểu dệt trơn là kiểu dệt trong đó các sợi dọc được giữ cố định trên khung dệt, trong khi các sợi ngang đan chéo qua và dưới mỗi sợi dọc.

(84) Chiếc áo dài được xếp vào loại “di tích lịch sử” và kể từ năm 1905, nó đã thuộc về đất

nước Pháp hơn là Giáo hội, một cách rất hãnh diện thể tục.

(85) Quang phổ tia X là một kỹ thuật phát hiện và đo các photon hoặc các hạt ánh sáng có độ dài sóng trong phần tia X của phổ điện từ. Khi tia X chiếu vào một mẫu nhất định, mẫu này sẽ hấp thụ năng lượng ánh sáng và sau đó phát ra quang phổ ánh sáng của riêng nó. Khi được giải thích, phổ phát xạ sẽ cung cấp thông tin về thành phần hóa học của mẫu vật.

(86) Đồng vị [Isotopes] là các biến thể của một nguyên tố hóa học đặc thù. Các biến thể này khác nhau về số lượng các hạt neutron chứa trong hạt nhân của chúng - do đó, tất cả các đồng vị của một nguyên tố nhất định đều có cùng số proton nhưng có số neutron khác nhau trong mỗi nguyên tử. Một số phiên bản đồng vị xuất hiện tự nhiên của một nguyên tố, như carbon-14, có đặc tính phóng xạ.

(87) Canxi carbonat là loại đá vôi thường hòa tan trong nước. Tất nhiên, một số nguyên tử carbon trong canxi carbonat sẽ có mặt tự nhiên đồng vị phóng xạ carbon-14. Vì vậy, mẫu bị nhiễm bản bởi đá vôi sẽ có xu hướng “làm trẻ hóa” tuổi của mẫu vật theo phương pháp xác định niên đại bằng carbon-14.

(88) Giáo sư Lucotte quan tâm đến lượng lưu huỳnh tăng vọt vì chất này có trong protein keratin, là khối xây dựng của tóc len. Do đó, lượng lưu huỳnh tăng đột biến có thể được sử dụng như một tham chiếu đáng tin cậy do vật liệu thực tế cần phân tích phát ra, thay vì các chất gây ô nhiễm khác.

Chương IX. Trái tim

Chúng tôi chỉ xem xét lại năm sự kiện Thánh Thể, những sự kiện duy nhất đã trải qua thử nghiệm khoa học với các báo cáo được công bố trong những thập niên qua. Một mẫu gồm năm điều là một mẫu rất nhỏ so với hàng trăm và hàng trăm sự kiện lạ lùng được ghi lại trong biên niên sử thiêng liêng. Tuy nhiên, điều không thể bỏ qua là mô cơ tim được tìm thấy một cách đáng chú ý trong cả năm phép lạ này. Ngay cả khi chất liệu này mềm và phát triển từ bánh thánh đã truyền phép trông giống như cục máu đông - như trong các trường hợp mới nhất vào năm 2008 và 2013 ở Ba Lan - các phân tích sau đó đã loại trừ sự hiện diện của máu nhưng cho thấy các mẫu hoàn toàn được làm từ mô cơ tim. Vào ngày 7 tháng 1 năm 2009, ngay cả Giáo sư Sobaniec-Lotowska, ở Sokółka, cũng tin rằng bà đã lấy các mẫu máu đông cục nhỏ nhưng phải thay đổi quyết định vài ngày sau đó, đứng trước bằng chứng từ các phân tích mô học của chính mình.

Tại sao trái tim?

Các Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ gần đây đã nhắc nhở chúng ta rằng toàn thể Mình, Máu, Linh hồn và Thiên tính của Chúa chúng ta hiện diện một cách mầu nhiệm trong “bất cứ mảnh bánh thánh đã truyền phép nào hoặc trong bất cứ giọt Máu Quý Giá nào.” (89) Trong thời đại mù chữ tôn giáo ngày càng gia tăng này, tôi sẽ chỉ ra một lần nữa rằng từ góc độ thần học, không chỉ bánh trở thành Mình Chúa Giêsu, mà còn cả Máu của Người. Tương tự như vậy, rượu không chỉ trở thành Máu, mà còn trở thành toàn bộ Mình Chúa (như Thánh Tôma Aquinô đã làm sáng tỏ một cách tuyệt vời trong *Summa theologica* III, q. 76, a. 1). Điều này là do sự cùng hiện hữu và kết hợp tự nhiên của Mình và Máu trong Ngôi vị Chúa Giêsu Kitô. Những sự phản đối, hầu hết có nguồn gốc từ phái Hus (Hussite), (90) về sự “không trọn vẹn” của việc rước lễ Công Giáo – điều mà các tín hữu bình thường thường chỉ lãnh nhận dưới hình bánh hữu hình – vì thế là vô nghĩa. Trong cuộc điều tra Tixtla năm 2009, chúng tôi đã chứng kiến việc xác định nhiều mô của con người trong Mình Thánh đã được truyền phép, bao gồm máu với các tế bào hồng cầu và bạch cầu cùng với cơ tim, tế bào mỡ và có thể nói là tế bào trung mô.

Do đó, phép lạ Tixtla là sự xác nhận khoa học trực tiếp về nguyên tắc thần học này, một nguyên tắc không thể dễ dàng bác bỏ.

Nhưng ta hãy quay trở lại với trái tim. Việc tìm thấy bất cứ mô người nào trong Mình Thánh đã truyền phép chắc chắn là một sự kiện không thể giải thích được về mặt khoa học. Điều này bất chấp sự phân loại mô học của mô: mô cơ cũng “lạ lùng” không kém mô biểu mô [epithelial], mô liên kết [connective] hoặc mô thần kinh khi được tìm thấy trong bánh mì không men của bánh thánh nguyên khởi được làm bằng bột mì và nước. Vì vậy, một mảnh da, một mảnh phổi, một mảnh não cũng sẽ “khó hiểu” không kém một mảnh trái tim. Tuy nhiên, sự ưa thích của Thiên Đàng đối với cơ quan vừa kể hết sức rõ ràng.

Xuyên suốt mọi nền văn hóa và thời đại, trái tim đã đại diện cho một điều vượt xa chức năng của nó là máy bơm cơ bắp của hệ tuần hoàn. Nó chỉ được “hạ cấp” một cách hợp lý thành khái niệm duy vật này vào năm 1628 với việc xuất bản cuốn *De motu cordis* (Về chuyển động của trái tim) của William Harvey. Đối với con người hiện đại, quá thông thường là việc tính biểu tượng của trái tim đã bị giản lược thành một tranh biểu cảm xúc [emoticon] chỉ phong cách, thành một cơ quan và vị trí của cảm giác và cảm xúc được đặt đối nghịch với cái đầu quan trọng hơn nhiều, trụ sở của lý trí và suy nghĩ. Tôi vẫn còn nhớ phản ứng dị dạng

và dễ hiểu của bà Washkansky khi, vào tháng 12 năm 1967, bà bày tỏ nỗi lo lắng và lo âu về việc chồng mình không còn yêu bà nữa khi ông sẽ tỉnh dậy sau cuộc phẫu thuật ghép tim với trái tim của một người khác. Tôi nghĩ chúng ta nên tránh xa tính biểu tượng này, phù hợp hơn với các nhạc sĩ nhạc pop người Ý, những người đã lạm dụng nhiều vần điệu giữa các từ tiếng Ý có nghĩa là *trái tim* và *tình yêu* (*cuore* và *amore*) để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này.

Một phần trải nghiệm của mọi người là cảm nhận được sự hiện diện của một cơ quan đang đập ở vị trí trung tâm và được bảo vệ ở giữa ngực, bên trong lồng xương sườn bảo vệ chắc chắn của chúng ta. Chuyển động không ngừng của trái tim đơn giản là không thể thiếu đối với sự sống - việc ngừng tim ngay lập tức dẫn đến cái chết - và chúng ta cảm thấy nhịp tim tăng nhanh khi chúng ta bị giật mình, không chỉ do nỗ lực thể chất mà còn do môi liên hệ chặt chẽ của trái tim với suy nghĩ và cảm xúc của chúng ta. Vì vậy, trái tim dễ dàng phù hợp với một biểu tượng quan trọng hơn, được người xưa hiểu rõ, mà chúng ta cũng tìm thấy trong truyền thống Kinh thánh. Như thế, trái tim tượng trưng cho hai khía cạnh chủ yếu và bổ sung cho nhau trong đời sống nội tâm của con người:

1. Nó đại diện cho trung tâm của hữu thể con người. Đó là trụ sở thân mật và ưu tiên của ý chí và các ý hướng sâu sắc nhất của một con người. Nó là cốt lõi trên đó sự thống nhất và toàn vẹn của một cá nhân phụ thuộc vào và là nơi đón nhận dòng chảy của toàn bộ hiện hữu cụ thể của nhân loại (Karl Rahner diễn giải một phần).

2. Nó là sự giao diện giữa bản chất thể xác và tinh thần của con người, vượt qua thuyết nhị nguyên của Platông về thể xác và linh hồn. Vì vậy, trái tim cũng trở thành trụ sở của lòng đạo, một cửa sổ mở ra đón nhận siêu việt.

Trong Kinh thánh cũng vậy, hạn từ *trái tim* - xuất hiện gần một nghìn lần - hiếm khi có nghĩa là cơ quan vật lý đang đập trong lồng ngực. Thay vào đó, nó thường tượng trưng cho một khả năng bên trong của con người, chẳng hạn như khả năng nhận biết, phân định, ghi nhớ - hay đơn giản hơn, nó cho thấy con người như một tổng thể, một toàn bộ mà chỉ có Thiên Chúa mới có thể biết đầy đủ. Chúng ta hãy đi sâu hơn vào mẫu nhiệm chúng ta ưa thích trái tim này. Đức Giáo Hoàng Piô XII vĩ đại, trong thông điệp *Haurietis aquas* [các con sẽ múc nước] năm 1956, dành riêng cho việc tôn sùng Thánh Tâm Chúa Giêsu, đã coi trái tim của Chúa Kitô là “phần cao quý nhất” trong bản chất con người của Người. Ngài tuyên bố điều này mặc dù thừa nhận rằng tất cả các phần của Thân Mình Chúa Giêsu Kitô đều được kết hợp về mặt ngôi vị (91) với Ngôi Lời, và do đó xứng đáng được tôn thờ và sùng kính như Ngôi Hai của Ba Ngôi Chí Thánh. Việc sùng kính các phần cụ thể của Thân Mình Chúa Giêsu thực sự đã xuất hiện trong Kitô giáo qua nhiều thế kỷ: Thánh Tâm, Thánh Nhan, Các Vết Thương của Chúa. Ngay cả khi được đổi mới phần nào trong lòng sùng kính rộng rãi đối với Lòng Thương Xót Chúa được Thánh Faustina cổ vũ, điều vẫn đáng tiếc là ngày nay lòng sùng kính phổ biến đối với Thánh Tâm Chúa đã gần như bị lãng quên. Tuy nhiên, nó chắc chắn đáng để bình luận về nó, vì nó từng là xương sống của một nền linh đạo phổ biến được nhiều người bình thường hiểu rõ, được các nhà huyền nhiệm xác nhận và được hỗ trợ bởi một hệ thống thần học mạnh mẽ. Do đó, những hình ảnh về Thánh Tâm hiện diện ở hầu hết các giáo hội và cho đến gần đây, chúng có thể được tìm thấy trong mọi gia đình Công Giáo. Hình ảnh của nó thực sự tóm tắt mẫu nhiệm Cứu Chuộc một cách rất hữu hiệu và mạnh mẽ.

Chúng ta hãy thực sự tập trung vào những hình ảnh đại diện phổ biến hơn của nó, chẳng hạn như những hình ảnh của Batoni (92) hay Morgari, (93) được các chuyên gia nghệ thuật cho là tầm thường và gây khó chịu: khuôn mặt thanh bình của Chúa Kitô, cái nhìn yêu thương và xuyên thấu của Người dành cho bất cứ ai nhìn vào Người khi Người chỉ vào trung tâm trên

ngực Người với đôi tay vẫn mang dấu đinh của Cuộc Khổ Nạn. Trong những mô tả này, trái tim của Người bị đâm bởi một ngọn giáo, đôi mào gai nhưng vẫn cháy bỏng tình yêu dành cho nhân loại, đằng sau một Thập giá. Lòng sùng kính Thánh Tâm là một lòng sùng kính có nguồn gốc từ Kinh thánh và được nhắc đến trong các trước tác giáo phụ. Tuy nhiên, nó chỉ thực sự đạt được đà vào thế kỷ XVII, với những cuộc hiện ra với Thánh Margaret Mary Alacoque. Linh đạo Thánh Tâm tôn vinh tình yêu thương xót của Thiên Chúa một cách rất cụ thể nhờ hình ảnh trái tim: đó là lời kêu gọi sám hối và đền tội. Như đã thấy trước kế hoạch khôn lường của Thiên Chúa, Thánh Tâm chắc chắn đã giúp cứu rỗi vô số linh hồn.

Một vài khái niệm giải phẫu

Mô cơ rất cần thiết cho đời sống động vật và có thể được tổ chức thành các cơ quan cơ thực tế để cho phép tính di chuyển. Ngoài ra, nó cũng có thể hình thành các bó hoặc lớp cơ mịn hơn bao quanh các cơ quan nội tạng để hỗ trợ hoạt động bình thường của chúng, chẳng hạn như nhu động [peristalsis] (94) trong ruột. Có ba loại mô cơ có thể dễ dàng phân biệt với nhau về mặt mô học:

1. *Cơ xương có vân* [Striated skeletal muscle] tạo thành cơ dưới sự điều khiển tự nguyện. Nó được định nghĩa là có vân vì nó được tạo thành từ các sợi cơ actin và myosin song song hoàn toàn hiển thị các dải sáng và tối vuông góc. Các tế bào cơ, chứa nhiều sợi cơ, hợp nhất với nhau, tạo thành các sợi cơ hình trụ bằng cách chia sẻ các nhân chứa DNA ở ngoại vi và lệch tâm. Mô này được gọi là xương vì nó tạo nên các cơ liên kết các xương của thân, đầu và các chi với nhau, cho phép các chuyển động qua lại của chúng được điều khiển bởi hệ thần kinh trung ương.

2. *Cơ trơn* [smooth muscle] được tạo thành từ các tế bào hình trụ đơn nhất với các nhân nằm ở trung tâm. Không có đường vân có thứ tự nào có thể được nhận ra trong các sợi cơ bên trong tế bào của nó. Mô thường co bóp chậm và nhịp nhàng khi được kích thích bởi hệ thần kinh tự chủ. (96)

3. *Mô cơ tim* [Heart muscle tissue] có một số đặc điểm trung gian: nó có vân, ngay cả khi theo cách kém đều đặn và đồng đều hơn so với cơ xương. Các tế bào của nó được nối với nhau nhưng không hợp nhất. Chúng vẫn khác biệt với nhau và hạt nhân nằm ở trung tâm của chúng không được chia sẻ. Thông thường, các tế bào cơ tim có xu hướng phân nhánh, tạo ra các phần phụ mà chúng sử dụng để kết nối với các tế bào lân cận khác ở các chi. Nhìn chung, chúng tạo ra một loại “lưới cơ bắp” với các bộ phận nối độc đáo, chắc chắn và dễ nhận biết, được gọi là các đĩa xen kẽ, tại các điểm tiếp xúc. Các mô tự co bóp, được điều khiển bởi các tế bào tạo nhịp tim chuyên biệt. Chúng tạo ra và truyền tín hiệu điện khắp tim bằng phương pháp tự kích thích định kỳ. Tuy nhiên, hoạt động nhịp độ của chúng bị ảnh hưởng bởi các tín hiệu từ hệ thống thần kinh tự trị và các hormone tuần hoàn như adrenaline.

Mô cơ tim

Cấu trúc tế bào có vân độc đáo và khung tổng thể không thể nhầm lẫn của mô cơ tim sẽ giúp nhận biết tương đối dễ dàng dưới kính hiển vi ánh sáng sau khi nhuộm đầy đủ. Kính hiển vi điện tử sau đó có thể phóng to hơn nữa để xác định các chi tiết dưới tế bào độc đáo. Cuối cùng, hóa mô miễn dịch có thể phát hiện các protein cụ thể, bên trong tế bào hoặc trên bề mặt của nó, đưa ra xác nhận phân tử sâu hơn về danh tính của mô. Tuy nhiên, từ những tường thuật về các phép lạ Thánh Thể mà chúng ta đang nghiên cứu, chúng ta đã biết rằng những mô lạ lùng này dường như có khả năng tự bảo quản theo một cách thách thức mọi kỳ vọng

của khoa học: các thánh tích thường được đặt trong các mặt nhật trong suốt, ít nhiều có khả năng thấm nước ở nhiệt độ phòng và được trưng bày cho các tín hữu sốt sáng. Chúng chưa bao giờ được đóng kín trong ống nghiệm vô trùng ở nhiệt độ âm 80 độ! Những điều kiện tồi tệ nhất là những điều kiện mà mô Buenos Aires năm 1996 phải chịu đựng. Nó được bảo quản trong một tháng trong nước máy thông thường và sau đó trong nhiều năm trong nước cất. Nước cất chắc chắn sẽ phá hủy sự thẩm lọc [osmotic] của bất cứ mô sinh học nào chỉ trong thời gian vài ngày.

Trong tất cả năm trường hợp chúng ta đang xem xét, việc xác định mô cơ tim luôn đạt được sau khi nghiên cứu cẩn thận và chẩn đoán phân biệt kỹ lưỡng. (97) Chúng ta hãy xem xét từng trường hợp một.

Ở Lanciano, mặc dù không có khả năng nhuộm nhân tế bào và không có vân, nhưng mô cổ xưa này rõ ràng có nguồn gốc trung bì [mesodermal] (98) và hiển thị các mối nối hợp bào [syncytial] (99) được hình thành bởi các sợi tế bào thông qua các phân nhánh và liên kết qua lại, nhiều đặc điểm điển hình của mô cơ tim (như trong báo cáo nguyên khởi của Giáo sư Odoardo Linoli). Nhưng không chỉ hình dáng hiển vi của mô từ Lanciano mới gợi ý về bản chất tim của nó: toàn bộ cấu trúc vĩ mô của Thịt gọi lại một mặt cắt ngang của toàn bộ trái tim, hoàn chỉnh với các chi tiết bao gồm mạch máu động mạch và tĩnh mạch, dây thần kinh phế vị [vagus] và lớp nội mô [endothelial] lót bên trong buồng tim. Giáo sư Linoli đã chia sẻ với Giáo sư Ruggero Bertelli từ Siena chẩn đoán dứt khoát và chắc chắn của ông: đó là mô tim của *con người*, được xác nhận bằng xét nghiệm Uhlenhuth. (100)

Khoảng tháng 3 năm 2000, nghiên cứu ở Buenos Aires về mẫu *muestra humeda* [mẫu ướt] từ biến cố năm 1996 được giao cho Tiến sĩ Robert Lawrence, giám định viên pháp y người California tại Hiệp hội Bệnh lý Delta ở Stockton, người đã chuẩn bị các phiến kính hiển vi. Tiến sĩ Lawrence mô tả một mô bị thoái hóa và khó nhận biết mà ông cho rằng đó là da. Điều khiến ông chú ý là mức độ thâm nhập cao của các tế bào bạch cầu, một đặc điểm quan trọng của tình trạng viêm. Trong những tháng và năm tiếp theo, những *slides* tương tự được chiếu cho các chuyên gia khác xem, và một trong số họ đã đưa ra giả thuyết về mô cơ. Kính nghiệm phi thường của Giáo sư Zugibe, trưởng khoa pháp y và bác sĩ tim mạch tại Quận Rockland ở New York, cuối cùng đã được yêu cầu để đưa ra một chẩn đoán chính xác. Nhiều năm sau, ngay cả bác sĩ Lawrence cũng đồng ý với chẩn đoán của Giáo sư Zugibe tại một cuộc họp ở St. Francisco.

Đối với phép lạ Tixtla cũng vậy, các phiến kính hiển vi được chuẩn bị bởi hai phòng thí nghiệm khác nhau ở Mexico và Guatemala cho thấy một mô khó xác định. Các tế bào đặc biệt bị suy thoái do quá trình tự hủy diệt: các vân và các đĩa xen kẽ bị mất và nhân không phải lúc nào cũng ở trung tâm. Tuy nhiên, cấu trúc tổng thể của các tế bào dài, hầu hết song song và thường xuyên phân nhánh, liên kết trực tiếp với các sợi lân cận không thể không gợi nhớ hình dáng của cơ tim. Tiến sĩ Eduardo Sánchez Lazo tuyên bố rằng các xét nghiệm hóa mô miễn dịch - thật không may là không chỉ rõ xét nghiệm nào - đã xác nhận bản chất tim của mô và phát hiện này đã được đưa vào báo cáo cuối cùng của phòng thí nghiệm Mexico. Ngược lại, Tiến sĩ Carlos Parellada thông báo với chúng ta rằng các phiến kính Guatemala không phản ứng với các thăm dò mô hóa học desmin và myosin (101), và điều này được cho là do tình trạng kém của mô. Cuối cùng, bác sĩ tim mạch Colombia, Tiến sĩ Marco Blanquicett Anaya đã nhận ra cấu trúc mô của mô cơ tim bị nhồi máu và viêm: nói cách khác, mô tim có lẽ đã bị lên con đầu tim.

Tại Sokółka, Giáo sư Stanisław Sulkowski và Giáo sư Maria Elżbieta SobaniecŁotowska tại

Đại học Białystok đã kết luận trong báo cáo khoa học của họ rằng mô mà họ phân tích có nguồn gốc từ tim “hoặc ít nhất, trong số tất cả các mô khác của sinh vật sống, mô cơ tim là cái giống nó nhất.” Như họ đã giải thích, các sợi của nó cho thấy các hạt nhân nằm ở trung tâm.

Hơn nữa, tàn dư của các đĩa xen kẽ và bó sợi cơ mỏng manh có thể được lượng giá dưới kính hiển vi điện tử.

Cuối cùng, liên quan đến phép lạ Legnica, các cuộc điều tra ban đầu được thực hiện tại Đại học Wrocław đã ngay lập tức mô tả một vật liệu giống như mô cơ có vân. Tuy nhiên, mẫu thiếu khả năng phản ứng với hai dấu hiệu hóa mô miễn dịch do sự thoái hóa mô trong bối cảnh tiếp xúc với nước kéo dài. Là một phần của thử nghiệm sâu hơn tại Đại học Szczecin, kính hiển vi ánh sáng cực tím có bộ lọc màu cam đã xác nhận bản chất tim của mô cơ bằng những hình ảnh rất giống với hình ảnh thu được ở Sokółka. Xét nghiệm DNA cuối cùng đã xác nhận nguồn gốc con người.

Trái tim đau khổ

Vì điều đã được thiết lập là mô cơ tim có vân đã được nhận diện trong tất cả năm phép lạ được chúng ta xem xét, giờ đây có thể rút ra một kết luận chẩn đoán mạnh mẽ dựa trên tất cả các nghiên cứu đã được thực hiện, ngoại trừ những nghiên cứu của Giáo sư Linoli về phép lạ cổ xưa ở Lanciano, đã làm không mang lại đủ thông tin lâm sàng cho mục đích này. Tuy nhiên, ngoại lệ dành cho Lanciano là khá dễ hiểu: việc chứng minh bản chất tim của mô mười ba trăm năm tuổi được lưu trữ trong một mặt nhật mà không có chất bảo quản đã là một kỳ công đáng kinh ngạc. Hơn nữa, các phân tích mô tốt hơn không thể được thực hiện một cách thực tế về phép lạ đó vào năm 1970. Thay vào đó, các mô cơ tim của Buenos Aires, Tixtla, Sokółka và Legnica đều tiết lộ các dấu hiệu bệnh lý chuyên biệt gợi ý đến một chẩn đoán vi sai [differential] phổ biến và hẹp: một số lượng hạn chế về các tình trạng y tế và chấn thương có thể làm phát sinh các đặc điểm bất thường được thấy trong các mô này - tất cả đều liên quan đến sự đau khổ tột cùng về thể chất, cảm xúc và tinh thần theo nghĩa rộng phi y khoa hơn. Thật đáng ngạc nhiên, những dấu hiệu đau khổ này vẫn có thể được lượng giá và phân biệt với các dấu hiệu thoái hóa và tự phân hủy mô ít chuyên biệt hơn liên quan đến thời gian. Những điều vừa kể chắc chắn sẽ trở nên trầm trọng hơn do tiếp xúc với các điều kiện bảo quản kém hoặc thậm chí bất lợi - đặc biệt là ở Buenos Aires và Tixtla - trong khoảng thời gian kéo dài giữa sự xuất hiện của từng mô và việc lấy mẫu nó.

Chúng ta biết rằng mô tim được xác định trong bốn phép lạ này đến từ một trái tim đang trải qua nỗi đau khủng khiếp, bị siết chặt bởi những cơn co thắt dữ dội: một trái tim - ít nhất là ở Buenos Aires và Tixtla - vẫn còn đau đớn vào thời điểm lấy mẫu mô học.

Bằng cách tích hợp kết quả của bốn cuộc điều tra, chúng ta có thể đưa ra chẩn đoán mô bệnh học chính xác dựa trên hai phát hiện chung chính:

1. Có dấu hiệu rõ ràng về sự phân mảnh và phân chia của các sợi cơ tim, đặc biệt là ở các mô Sokółka và Legnica được bảo quản tốt hơn. Hơn nữa, sự hoại tử dải co thắt [contraction band necrosis] cũng được mô tả trong các sợi tim của phép lạ Sokółka.
2. Có sự xâm nhập đáng kể của bạch cầu vào các mô ở Buenos Aires và Tixtla.

Chúng ta hãy cố gắng hiểu điều này tốt hơn. Khi nói đến sự *phân mảnh*, chúng ta muốn nói

đến sự đứt gãy hoàn toàn của một tế bào cơ tim theo chiều dài của nó, tại bất cứ thời điểm nào, thậm chí lặp đi lặp lại. Thay vào đó, chúng ta đang nói chính xác hơn về sự phân chia khi đề cập đến sự tách rời giữa các tế bào tại vị trí của các đĩa xen kẽ: các yếu tố kết nối chặt chẽ các sợi cơ với nhau, cho phép chúng co lại đồng thời. Cả hai loại chấn thương đều là một phần - hoặc đúng hơn, là kết quả cuối cùng của - một bức tranh mô bệnh học do sự co thắt đột biến và quá mức các sợi cơ. Liên quan đến những loại chấn thương này là tổn thương mô nghiêm trọng do hoại tử dải cơ thất, hay CBN. Điều này có đặc điểm ở các dải cơ thất dày lên trải dài theo trục ngắn của các sợi cơ tim, song song với các đĩa xen kẽ của chúng. Tất cả những thay đổi tế bào này cũng liên quan đến sự xuất hiện của các tế bào bạch cầu từ máu lưu thông, đầu tiên là một phản ứng phòng thủ và sau đó là phá hủy các cấu trúc không thể phục hồi. Điều này thường xảy ra theo một trình tự thời gian được ghi chép rất rõ ràng, bao gồm, ngay từ vài phút đầu tiên, sự xâm nhập của bạch cầu đa nhân [polymorphonuclear leukocytes], (102) sau đó được thay thế - ngay từ ngày đầu tiên - bởi bạch cầu đơn nhân và đại thực bào.(103)

Bức tranh bệnh lý mà chúng ta vừa mô tả là bệnh cơ tim do căng thẳng, mà các nhà giải phẫu bệnh học đã nhận diện, trong nhiều thập niên, ở những nạn nhân của các vụ tai nạn máy bay hoặc giết người sau khi bị đánh đập tàn bạo và những cái chết do đột quy hoặc ngạt thở - do đó, tất cả những tình huống trong đó một trái tim vốn khỏe mạnh trước đây sẽ phải đối diện với một căng thẳng cực kỳ mạnh về thể chất trong vài phút, vài giờ hoặc hiếm khi là vài ngày, hoặc thậm chí chỉ là căng thẳng về mặt cảm xúc, chẳng hạn như nỗi sợ hãi hoặc sự chấn chấn về cái chết sắp xảy ra. Cơ chế này, được ghi nhận bằng thực nghiệm trong các nghiên cứu trên động vật, liên quan đến việc tiếp xúc với lượng amin có hoạt tính sinh học [catecholamine] cao. (104) Chất này có thể vừa nội sinh (105) vừa được giải phóng cục bộ bởi hệ thần kinh giao cảm (106) các đầu dây thần kinh kích thích trực tiếp đến tim. Tổn thương mô được gây ra bởi dòng canxi (107) đi vào tế bào cơ tim và kích hoạt các tác nhân oxy hóa độc hại.

Bệnh cơ tim do căng thẳng đã được các bác sĩ tim mạch phân loại trong vài năm gần đây trong bối cảnh hội chứng *takotsubo* được chẩn đoán thường xuyên hơn bao giờ hết. Hạn từ gây tò mò này, có nghĩa đen là "nồi câu cá để bẫy bạch tuộc", dùng để chỉ những cái bẫy có hình dạng giống như những chiếc chậu đất sét vẫn được ngư dân Nhật Bản sử dụng để bắt những loài động vật chân đầu [cephalopods] ngon miệng. Sở dĩ hội chứng này được đặt tên theo những bẫy bạch tuộc này là vì khá thường xuyên, ở giai đoạn đầu của bệnh, trái tim bị ảnh hưởng có hình dạng giống một trong số chúng: phần trên của tâm thất trái co bóp quá mức, trông giống như một chiếc cổ hẹp. Thay vào đó, phần dưới của tâm thất phồng lên ra ngoài và đập ở mức tối thiểu, với “đỉnh” của trái tim thực sự đứng yên, giống như phần dưới cùng của một chiếc bình hai quai [amphora] cổ xưa.

Thuật ngữ *takotsubo* này chiếm ưu thế vì nó được các bác sĩ Nhật Bản sử dụng lần đầu tiên vào năm 1990 để mô tả một nhóm bệnh nhân bị ảnh hưởng bởi tình trạng này: họ thường là phụ nữ trung niên, có các triệu chứng, xét nghiệm máu và những thay đổi trên điện tâm đồ gợi ý đến một “con đau tim”, điều đáng ngạc nhiên là họ không chứng minh được bằng chứng tắc nghẽn động mạch vành của họ. Thay vào đó, điểm chung của tất cả những bệnh nhân này là sự hiện diện của một sự kiện gây căng thẳng cao độ, chẳng hạn như cái chết trong gia đình, đánh nhau hoặc tai nạn xe cơ giới trong vài phút hoặc vài giờ trước đó. May mắn thay, sau khi vượt qua giai đoạn cấp tính, những bệnh nhân này thường lấy lại khả năng co bóp tim bình thường trong những tuần tiếp theo và hồi phục tốt. Tuy nhiên, trong vài giờ và ngày đầu tiên, tình trạng có thể nghiêm trọng và dễ xảy ra các biến chứng như suy tim kèm phù phổi, nhịp tim bất thường nguy hiểm và có thể gây tử vong, thậm chí vỡ thành cơ tim đã

căng quá mức, dẫn đến tràn máu màng ngoài tim: trong tình trạng này, máu từ tim vỡ sẽ tích tụ trong khoảng trống giữa thành cơ tim và màng ngoài tim, một túi xơ bảo vệ bao bọc tim. Sự tích tụ máu liên tục cuối cùng sẽ tạo ra tác động nén lên tim, làm suy giảm khả năng bơm máu của tim. Tình trạng này được gọi là *chèn ép tim*, một tình trạng nhanh chóng dẫn đến tử vong nếu không được điều trị bằng phương pháp giảm áp; tình trạng này, chứ không phải chỉ là ngạt thở, có thể là nguyên nhân cuối cùng dẫn đến cái chết của Chúa Kitô trên Thập Giá.

Tôi sẽ chỉ gợi ý một chẩn đoán khác có thể xảy ra mặc dù ít xác suất xảy ra hơn, đặc biệt khi, từ quan điểm bệnh lý giải phẫu, cấu trúc bên trong của các tế bào cơ trong mô ít được xác định rõ ràng hơn: một “con đau tim cổ điển” do tắc nghẽn một trong các mạch máu vành chính mang máu đến tim. Trong trường hợp này cũng vậy, sẽ có sự xâm nhập của bạch cầu trung tính, sau đó là bạch cầu đơn nhân và đại thực bào. Các tế bào cơ tim sẽ trải qua điều gọi là hoại tử đông máu, (108) với sự mất đi các cấu trúc bên trong có thể nhận thấy được, nhưng ở trạng thái nghỉ ngơi, không có bằng chứng về sự co bóp và không có hoặc có sự xuất hiện tối thiểu của hoại tử với các dải co thắt hoặc CBN. Tuy nhiên, CBN có thể xuất hiện bất cứ khi nào mô nhồi máu được tái tưới máu: sự trở lại của nguồn cung cấp máu tươi do tắc nghẽn động mạch bị phá vỡ tự phát hoặc do trị liệu.

Chúng ta hãy quay lại nghe những lời của Giáo sư Frederick Zugibe được ghi lại khi ông đang xem mẫu Buenos Aires 1996 lần đầu tiên mà không biết nguồn gốc của nó:

Cơ tim này bị viêm; nó đã mất đi các đường vân và bị bạch cầu xâm nhập.... Trái tim của người này đã bị tổn thương và bị chấn thương. Lưu lượng máu bị suy giảm và một phần cơ tim đã bị hoại tử. Nó giống với những gì tôi thấy trong các vụ tai nạn trên đường, khi tim phải trải qua các thủ thuật hồi sức kéo dài, hoặc nó giống với những gì tôi thấy khi ai đó bị đánh nặng vào ngực.

Trong báo cáo cuối cùng vào tháng 3 năm 2005, Giáo sư Zugibe đã tuyên bố như sau:

Slide [kính hiển vi] bao gồm mô tim hiển thị những thay đổi thoái hóa... mất các đường vân, viêm mủ hạt nhân, tập hợp các tế bào viêm hỗn hợp bao gồm các tế bào viêm mãn tính (đại thực bào), là những tế bào chiếm ưu thế, trộn lẫn với số lượng nhỏ hơn các tế bào viêm cấp tính (bạch cầu, chủ yếu là bạch cầu đa nhân).

Những thay đổi thoái hóa này phù hợp với một cơn nhồi máu cơ tim gần đây kéo dài vài ngày do tắc nghẽn động mạch vành... do hình thành cục máu đông... hoặc chấn thương thành ngực. Việc xác định niên đại của tổn thương được bắt nguồn từ những phát hiện về sự chiếm ưu thế của các tế bào viêm mãn tính, sự thay đổi thoái hóa của cơ tim với mất các đường vân, sự *pyknosis* [sự kết đặc] của nhân, v.v.

Tiến sĩ Blanquicett Anaya - một bác sĩ tim mạch người Colombia mà Tiến sĩ Castañón đã cho xem mẫu Tixtla vào tháng 6 năm 2014 - cũng nhận ra sự hiện diện của các tế bào hồng cầu liên quan đến các tế bào viêm như bạch cầu trung tính, bạch cầu ái toan và một tế bào không bào có hình dạng đại thực bào, với các cấu trúc giống như sợi có nhân bị tự phân giải: một hình ảnh gợi ý mô tim bị nhồi máu hoặc mô chịu được áp lực sinh lý đáng kể, trong đó phản ứng viêm điển hình đang diễn ra.

Để kết luận, tôi sẽ nhắc lại rằng, bất kể chẩn đoán tổng thể như thế nào, sự phân mảnh và phân chia tế bào cơ tim là dấu hiệu không thể nghi ngờ của cơn đau cấp tính và đau đớn nhất, của những cơn co thắt quá nhanh và dữ dội đến mức có thể tự phá vỡ các tế bào cơ. Đây là

những vết thương chỉ có thể xảy ra ở một trái tim sắp chết, tiêu hao hết năng lực còn lại trước khi chết.

Còn sống?

Cuối cùng, một sự thật thực sự đáng kinh ngạc: Ngoại trừ di tích Lanciano cổ xưa và được ướp xác một cách mâu thuẫn, tất cả bốn mô còn lại chắc chắn đều bộc lộ các đặc điểm sống bất chấp sự xuống cấp và tự phân hủy đồng thời. Hãy mở rộng điều này.

Trong một cuộc phỏng vấn ngày 7 tháng 12 năm 2000, Tiến sĩ Lawrence - người đang nghiên cứu mẫu ở Buenos Aires năm 1996 - giải thích rằng ông đã cố gắng cố định các tế bào bạch cầu thực sự sống và hoạt động vào thời điểm lấy mẫu trên kính hiển vi. Hơn nữa, ông nhận xét rằng ông không thể giải thích làm thế nào mà những bạch cầu đó có thể tồn tại suốt ba năm trong nước mà không bị hòa tan, khi sự phá hủy của chúng thường chắc chắn xảy ra trong vòng vài phút, hoặc nhiều nhất là một giờ, sau khi bị tách khỏi sinh vật sống mà từ đó chúng phát xuất, hoặc sau khi nó chết. Bốn năm sau, Giáo sư Zugibe cũng bày tỏ cùng một quan điểm sau khi xem xét *slide* đó.

Tuy nhiên, ông cũng nhận xét về sự xâm nhập vào mô của bạch cầu, loại bạch cầu “thường không sống trong tim mà rời máu và hướng tới vị trí chấn thương hoặc vết thương”. Do đó, ông kết luận rằng “mẫu vẫn còn sống vào thời điểm nó được lấy”. Hơn nữa, ông cũng chỉ rõ rằng sau một thời gian dài ở trong nước, không chỉ các tế bào bạch cầu sẽ biến mất mà bất cứ tế bào nào khác của con người cũng sẽ không còn nhận ra được.

Ở Tixtla, một đại thực bào thậm chí còn được phát hiện trên *slide* kính hiển vi đang thực hiện nhiệm vụ thông thường của nó: nuốt các mảnh vụn tế bào. Quy trình chuẩn bị tiêu bản kính hiển vi đã làm gián đoạn sự sống của đại thực bào đó, ghi lại mãi mãi về sống động và năng động của nó, đồng thời tế bào chất [cytoplasm] của nó chứa đầy các khoảng không bào [vacuolations] lipid (109) vừa bị nuốt vào. Cần phải hiểu rằng phản ứng viêm giống như phản ứng chúng ta thấy ở các mô ở Buenos Aires và Tixtla là bằng chứng cho thấy sự hiện diện đồng thời của một sinh vật hoàn chỉnh vẫn đang sống với hệ thống miễn dịch đang hoạt động, một sinh vật có khả năng điều phối một chuỗi các biến cố phức tạp liên quan đến một số quần thể các tế bào hệ thống miễn dịch được kích thích và kích hoạt thích đáng.

Như thế, những phép lạ này không chỉ là sự xuất hiện của mô cơ tim “tử hư không” hay tách ra khỏi cơ thể mà nó thuộc về ban đầu. Ngược lại, mô lạ lùng này vẫn sống và hoạt động vì nó được kết nối một cách mâu thuẫn với một cơ thể hoàn chỉnh, vô hình. Điều này là do các tế bào bạch cầu không được sản xuất cục bộ trong mô bị viêm mà đến từ nơi khác, di chuyển đến đích nhờ dòng máu hoạt động và bị thu hút bởi phản ứng viêm. Bạch cầu cho chúng ta biết về toàn bộ cơ thể đang sống và cố gắng sửa chữa một trong những mô bị viêm và bị thương.

Trong những tuần sau sự kiện ở Buenos Aires năm 1992, một số cuộc điều tra ban đầu đã được tiến hành với rất nhiều thiện chí và rất ít phương tiện bởi Tiến sĩ Adhelma Myrian Segovia de Sasot, một nhà huyết học tại Bệnh viện J. M. Ramos Mejía trong cùng thành phố. Trong một báo cáo tháng 6 năm 1992, bác sĩ mô tả, vẫn còn tươi, mô sinh học đó, hiện đã khô, tạo thành thánh tích có thể nhìn thấy ngày nay ở Santa Maria tại Avenida La Plata. Khía cạnh vĩ mô của nó gợi nhớ đến cục máu đông, nhưng dưới độ phóng đại công suất thấp (x16) và không cần quy trình nhuộm màu, cấu trúc phân lớp được lượng giá và mô tả cẩn thận, mặc dù không được công nhận chính thức về mặt mô học. Trong cấu trúc của mô màu nhiệm đó,

Tiến sĩ Segovia de Sasot đã từng mô tả một khu vực mà trong tiếng Tây Ban Nha chính xác của bà là “*parecía latir rítmicamente*” - “đường như đang đập nhịp nhàng”. Chỉ một khu vực, và duy nhất một lần: không có máy quay nào ghi lại sự kiện, nhưng bà không thể không mô tả những gì mắt mình đã nhìn thấy, bất chấp khả năng khó xảy ra của nó. Tại sao một chuyên gia lại đặt danh tiếng của mình vào nguy hiểm và đe dọa uy tín của chính bà trong tư cách một bác sĩ huyết học bằng cách chứng kiến một sự kiện vô lý, nếu không phải bởi vì, bất chấp mọi thứ, đó đơn giản và thực sự là những gì bà thực sự nhìn thấy? Các tế bào duy nhất chuyển động nhịp nhàng là tế bào cơ. Đặc biệt, khả năng co bóp nhịp nhàng và tự động chỉ có ở tế bào cơ tim. Nếu chúng ta chấp nhận lời chứng bằng văn bản và có chữ ký của Tiến sĩ Segovia de Sasot - người không may qua đời vào năm 2000 - thì chúng ta sẽ phải chấp nhận bằng chứng, một bằng chứng ngồn ngàng, rằng những tế bào này, dù là cơ tim hay không, thực sự là còn sống.

Giáo sư Linoli có thể rút ra cùng một kết luận đáng kinh ngạc khi nghiên cứu hình dáng vĩ mô của Thịt Lanciano. Thánh tích hình tròn vẫn còn có trên các cạnh của nó khoảng mười bốn vết thủng gần như cách nhau bằng nhau được tạo ra bởi ghim hoặc đinh nhỏ, rất có thể được sử dụng tại một thời điểm nào đó trong quá khứ để bảo đảm thánh tích vẫn được gắn vào một số bề mặt hỗ trợ. Linoli nghĩ rằng “thủ tục đóng đinh” phải được thực hiện trong vài giờ đầu tiên sau khi phép lạ xảy ra, chính là để chống lại hiện tượng *rigor mortis* [xác chết cứng đờ], nếu không thì thánh tích sẽ bị vỡ nát. Hình dạng hiện tại của Thịt Lanciano là hình tròn, với phần rỗng ở giữa trống rỗng. Điều này không phải ngẫu nhiên mà đúng hơn, nó là kết quả của cấu trúc trái tim rỗng tự nhiên của chính nó được kết hợp bởi lực kéo căng liên quan đến xác chết cứng đờ “ly tâm”, do các móng tay tác động dọc theo đường viền của nó. Lực như vậy sẽ góp phần làm rách phần trung tâm không có đỉnh của nó, tạo ra một khoảng trống ở trung tâm thậm chí còn rộng hơn. Dựa trên lý thuyết xác chết cứng đờ này, Giáo sư Linoli cho rằng Thịt ở Lanciano chắc hẳn cũng còn sống vào thời điểm nó hiện ra một cách lạ lùng vào thế kỷ thứ tám.

Tóm lại, chúng ta đang phải đối diện với sự chập mạch của lý trí con người: các công cụ khoa học đang chứng minh một cách rõ ràng một thực tại sinh học được ban tặng tính phức tạp tao nhã của các mô sống. Tuy nhiên, những công cụ nghiêm ngặt đó hoàn toàn không thể xác định được những mô đó đến từ đâu và tại sao chúng tiếp tục miễn nhiễm phần nào khỏi sự phân hủy tự nhiên, bất chấp các quy luật sinh học. Làm sao một mảnh trái tim sống lại có thể xuất hiện giữa một miếng bánh? Và làm thế nào nó có thể tự bảo quản trong nhiều năm trong nước, hoặc thậm chí là nước cất, chỉ bị hư hỏng một phần “trong chuyển động chậm” trong khi vẫn có thể được thử nghiệm y tế và khoa học nhiều năm sau đó? Làm thế nào có thể giải thích được sự sống sót của các quần thể tế bào tạm thời - chẳng hạn như bạch cầu - và sức sống của chúng tại thời điểm lấy mẫu trong điều kiện không có dinh dưỡng và trong môi trường khắc nghiệt? Đó là một bài toán hóc búa không có giải đáp đối với một con người làm khoa học.

Đức tin mà Giáo Hội Công Giáo luôn tuyên xưng giờ đây đã đến để giải cứu chúng ta.

Các phép lạ Thánh Thể cho chúng ta biết về một Thân Thể bị thương, bị tra tấn đến chết trên thập giá ở ngoại ô Giêrusalem vào một ngày Thứ Sáu trước Lễ Phục Sinh trong khoảng thời gian từ năm 30 đến 33 sau Công nguyên. Trong tính bất cái nhiên gây ngạc nhiên của chúng, các phép lạ này đã tỏ lộ một cách thận trọng nhưng rõ ràng ai thực sự hiện diện trong Bí tích Thánh Thể cho bất cứ ai thực sự nỗ lực để hiểu chúng. Chúng nói về một sự hiện diện vượt qua những giới hạn của thời gian và không gian một cách mầu nhiệm: một sự hiện diện trong bất cứ nhà tạm nào ở bất cứ vĩ tuyến hay kinh tuyến nào trên khắp thế giới, một sự hiện diện

hôm nay cũng như ngày hôm qua hoặc sẽ như vậy vào ngày mai cho đến tận cùng thời gian. Minh Thánh Thể bị thương tích cũng là Minh Thánh Chúa đang vinh hiển ngự bên hữu Chúa Cha, cho dù đồng thời chịu đau khổ bằng cái chết bị thảm trên Đồi Golgotha trong hiện tại vĩnh cửu. Trong tư cách các công dân đương thời đầy tự hào của thế giới kỹ thuật số và kỹ thuật, chúng ta cũng có cơ hội sử dụng các công cụ khoa học cực kỳ mạnh mẽ để duy trì niềm tin vào trái tim sống động và đau khổ sẽ thống khổ cho đến ngày tận thế.

Tái bút

Tại Đại hội Quốc tế về Khăn Liệm Học [Sindonology] (110) gần đây nhất, được tổ chức tại Pasco, Washington, vào tháng 7 năm 2017, một bác sĩ tim mạch người Ý, Tiến sĩ Pietro Pescetelli, đã đề xuất một trình tự sinh lý bệnh học có thể dẫn đến cái chết của Chúa Giêsu thành Nadarét hoàn toàn phù hợp với những gì đã được thảo luận trong chương này. Bác sĩ tim mạch, bằng cách kết hợp dữ kiện “lâm sàng” có thể thu thập được từ Tin Mừng Thương Khó với bằng chứng “y tế-pháp lý” rút ra từ Tấm Khăn Liệm, đã thách thức lý thuyết phổ biến hiện nay về cái chết do sự ngạt thở của Đấng Chịu Đóng Đinh. Các Tin Mừng mô tả Chúa Giêsu là người tỉnh táo và sáng suốt đến phút cuối cùng, có thể nuốt, nói và thậm chí la lớn cho đến phút cuối cùng. Hơn nữa, như Tấm Khăn Liệm xác nhận, Tin Mừng Thánh Gioan mô tả cả Máu và nước chảy ra từ cạnh sườn bị đâm của Chúa Giêsu sau khi Người chết.

Vậy thì, theo Tiến sĩ Pescetelli, tất cả những điều này đều phù hợp với việc trái tim của Chúa Giêsu đang bị căng thẳng liên quan đến loại amin có hoạt tính sinh học [catecholamine], có khả năng bắt chước một cơn đau tim, ngay cả khi không mắc bệnh tắc nghẽn động mạch vành khó có thể xảy ra về mặt lâm sàng ở một thanh niên ba mươi tuổi. Căng thẳng sinh lý liên quan đến loại amin có hoạt tính sinh học này có thể nghiêm trọng đến mức thực sự gây ra tình trạng vỡ thành tâm thất của trái tim Chúa Giêsu. Điều này có thể dẫn đến việc tụ máu trong màng ngoài tim của Người, dẫn đến chèn ép màng ngoài tim và tử vong ngay lập tức. Sau khi chết, Máu tích lũy của Người đọng lại theo chiều dọc trong màng ngoài tim xung quanh tim trong vài giờ: nó trải qua quá trình lắng đọng như dự kiến, với thành phần tế bào lắng đọng ở phía dưới và huyết thanh trong suốt nổi lên trên. Sau khi viên đội trưởng đâm ngọn giáo vào khoang liên sườn [intercostal space] thứ sáu bên phải, Máu và huyết thanh như nước đã đổ ra từ cạnh sườn Chúa Giêsu, theo lời tường thuật trong Tin Mừng Thánh Gioan.

Thư mục

González-Crussi, Frank. 2009. *Carrying the Heart: Exploring the Worlds Within Us* [Mang theo trái tim: Khám phá thế giới bên trong chúng ta]. New York: Kaplan. Một nhà nghiên cứu bệnh học tự đặt câu hỏi về lịch sử, thực tại khoa học, biểu tượng và niềm tin của các cơ quan trong cơ thể.

Fineschi, Vittorio, Manolis Michalodimitrakis, Stefano D'Errico, et al. 2010. “Insight into Stress-Induced Cardiomyopathy and Sudden Cardiac Death Due to Stress: A Forensic Cardio-Pathologist Point of View [Cái nhìn sâu sắc về bệnh cơ tim do căng thẳng và đột tử do tim do căng thẳng: Quan điểm của một nhà nghiên cứu bệnh học tim mạch pháp y].” *Forensic Science International* 194 (1–3): 1–8.

Nugent, Kenneth, Menfil Orellana-Barrios và Dolores Buscemi. 2017. “Comprehensive Histological and Immunochemical Forensic Studies in Deaths Occurring in Custody Nghiên cứu pháp y toàn diện về mô học và miễn dịch hóa học ở những cái chết xảy ra trong trại giam.” *International Scholarly Research Notices* 2017 (1): 1–7.

Wittstein, Ilan, David Thiemann, Joao Lima, và những người khác. 2005. “Neurohumoral Features of Myocardial Stunning Due to Sudden Emotional Stress [Đặc điểm thần kinh thể dịch của tình trạng choáng cơ tim do căng thẳng cảm xúc đột ngột].” *The New England Journal of Medicine* 352 (6): 539–548.

Nef, Holger, Helge Möllmann, Sawa Kostin, và những người khác. 2007. “TakoTsubo Cardiomyopathy: Intraindividual Structural Analysis in the Acute Phase and After Functional Recovery [Bệnh cơ tim TakoTsubo: Phân tích cấu trúc cá nhân trong giai đoạn cấp tính và sau khi phục hồi chức năng].” *European Heart Journal* 28 (20): 2456–2464.

Mitchell, Andrew và Hàu tước Francois. 2017. “Can Takotsubo Cardiomyopathy Be Diagnosed by Autopsy? Report of a Presumed Case Presenting as Cardiac Rupture [Có thể chẩn đoán bệnh cơ tim Takotsubo bằng khám nghiệm tử thi không? Báo cáo về một trường hợp được cho là do vỡ tim].” *BMC Clinical Pathology* 17 (4).
<https://doi.org/10.1186/s12907-017-0045-0>.

Elsokkari, Ihab, Allan Cala, Sayek Khan và Andrew Hill. 2013. “Takosubo Cardiomyopathy: Not Always Innocent or Predictable — A Unique Post Mortem Insight [Bệnh cơ tim Takosubo: Không phải lúc nào cũng vô hại hoặc có thể dự đoán được - Một cái nhìn sâu sắc độc đáo sau khi khám nghiệm tử thi].” *International Journal of Cardiology* 167 (2): e46–48.

Radiant Light Broadcasting. 2017. Shroud of Turin Conference [Hội nghị Khăn liệm Turin] 2017. Ghi âm. YouTube. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021.
<https://www.youtube.com/watch?v=KkfTGXs9DKw&list=PLNXqdetrAZYxTFDcR8h1NFfhBLQq3Rrzp>. Video phỏng sự có tiêu đề “Physical causes of Jesus’ death [Nguyên nhân vật lý dẫn đến cái chết của Chúa Giêsu]” của Tiến sĩ Pietro Pescetelli tại Hội nghị Khăn liệm học 2017 (20/07/2017).

Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ. 2020. “The Real Presence of Jesus Christ in the Sacrament of the Eucharist: Basic Questions and Answers [Sự hiện diện thực sự của Chúa Giêsu Kitô trong Bí tích Thánh Thể: Những câu hỏi và câu trả lời cơ bản].” Lấy từ Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ. <https://www.usccb.org/prayer-and-worship/the-mass/order-of-mass/liturgy-of->

the-eucharist/the-real-presence-of-jesus-christ-in-the-sacrament-of-the-eucharist-basic-questions-and-answers.

Ghi chú

(89) Điều này giải thích tại sao việc bẻ Mình Thánh trong Thánh Lễ không làm tổn hại đến sự hiện diện của Chúa Kitô nói chung trong những phần nhỏ hơn của Bánh Thánh được phân phát khi Rước Lễ. Nó cũng giải thích tại sao máu và mô cơ tim có thể được xác định trong các mẫu vi mô được lấy từ các phép lạ Thánh Thể đã thảo luận ở các chương trước.

(90) Tà giáo Utraquist ở Bohemia là một nhánh của phong trào Hus ở khu vực ngày nay là Cộng hòa Séc. Nó nhấn mạnh rằng việc rước lễ phải được trao cho giáo dân dưới cả hai hình thức. Tương tự như vậy, hầu hết những người theo đạo Tin lành đều phủ nhận sự Hiện diện Thực sự, mặc dù khẳng nhận cả bánh và rượu.

(91) Sự kết hợp ngôi vị ám chỉ nhân tính và thiên tính của Chúa Kitô trong một *hypostasis* hoặc một ngôi vị, trong một cuộc sống cá nhân đơn nhất. Đó là công thức thần học căn bản nhất về sự hợp nhất của Ngôi Hai trong Ba Ngôi với nhân tính của Người.

(92) Pompeo Batoni là một họa sĩ người Ý vào những năm 1700 nổi tiếng với những bức chân dung (đặc biệt phổ biến ở Vương quốc Anh) cũng như những bức vẽ về Thánh Tâm.

(93) Luigi Morgari là một họa sĩ người Ý khác vào cuối những năm 1800 đến đầu những năm 1900, chủ yếu vẽ các bức bích họa và các chủ đề tôn giáo như Thánh Tâm.

(94) Nhu động [Peristalsis] là một chuỗi các cơn co thắt phối hợp giống như sóng để đẩy thức ăn vào hệ tiêu hóa.

(95) Actin và myosin là các protein chuyên biệt cho cơ, là một phần của bộ máy co bóp của tế bào cơ. Sợi tơ cơ [Myofibrils] là đơn vị co bóp trong mỗi tế bào cơ.

96 Hệ thống thần kinh tự trị kiểm soát tất cả các chức năng không tự chủ của cơ thể. Một số thành phần của nó nằm ở hệ thần kinh trung ương, và những thành phần khác nằm ở hệ thần kinh ngoại biên.

(97) Chẩn đoán vi phân là quá trình có hệ thống để phân biệt giữa hai hoặc nhiều mô có chung đặc điểm tương tự để xác định trạng thái bệnh lý của chúng. Nó cũng được sử dụng theo cách tương tự trong y học để phân biệt giữa các bệnh có dấu hiệu và triệu chứng tương tự và sau đó xác định chẩn đoán chính xác.

(98) Trung bì [mesoderm] là lớp mô tiền thân trong phôi tạo ra tất cả các loại mô cơ cũng như các mô khác.

(99) Hợp bào [syncytium] là một dạng mô gồm các tế bào được liên kết với nhau bằng các màng chuyên biệt có các mối nối khe hở, như được thấy trong các tế bào cơ tim và một số tế bào cơ trơn. Cấu trúc mô này cho phép truyền tín hiệu điện dẫn đến sự co cơ đồng bộ.

(100) Xét nghiệm Uhlenhuth là một phản ứng miễn dịch hiệu quả mặc dù hiện đã lỗi thời nhằm xác nhận nguồn gốc của mẫu máu ở người. Giáo sư Linoli đã áp dụng thử nghiệm tương tự lên mô cơ tim mà ông đang nghiên cứu và thu được kết quả khả quan.

(101) Desmin và myosin là các protein chuyên biệt cho bộ máy co bóp của tế bào cơ.

(102) Bạch cầu đa nhân là một nhóm rộng các tế bào bạch cầu có khả năng phản ứng cao bao gồm bạch cầu trung tính, bạch cầu ái kiềm và bạch cầu ái toan, đóng vai trò quan trọng trong phản ứng miễn dịch không chuyên biệt ngay lập tức hoặc bẩm sinh đối với các tác nhân gây nhiễm trùng hoặc gây thương tích.

(103) Đại thực bào có nguồn gốc từ bạch cầu đơn nhân. Chúng là những tế bào bạch cầu có khả năng thực bào, nhân chìm và “nuốt chửng” bất cứ mảnh vụn và cấu trúc bị thoái hóa nào.

(104) Loại amin có hoạt tính sinh học [Catecholamine] là một nhóm chất dẫn truyền thần kinh và hormone có cấu trúc hóa học tương tự. Chúng có nhiều tác dụng lên cả hệ thần kinh trung ương và ngoại biên cũng như các hiệu ứng trực tiếp lên nhiều cơ quan và chức năng của cơ thể. Nói rộng hơn, chúng tham gia vào các phản ứng chiến đấu hoặc bỏ chạy và cả căng thẳng sinh lý do bệnh tật hoặc chấn thương gây ra. Chúng có tác dụng kích thích thần kinh (như tăng sự tỉnh táo và kích động) và các tác dụng khác, chẳng hạn như tăng nhịp tim và huyết áp, giãn đồng tử, tăng lượng đường trong máu và những thay đổi khác nhau về mức độ co thắt mạch máu làm cản trở dòng máu chảy ra khỏi các cơ quan không cần thiết. Điển hình của các amin có hoạt tính sinh học bao gồm adrenaline (epinephrine), noradrenaline (norepinephrine) và dopamine.

(105) Amin có hoạt tính sinh học nội sinh được sản xuất bởi tuyến thượng thận nằm phía trên thận và được giải phóng vào hệ thống tuần hoàn máu, do đó phát huy tác dụng trên toàn bộ cơ thể.

(106) Hệ thống thần kinh thiện cảm là bộ phận chức năng của hệ thống thần kinh tự trị chịu trách nhiệm về các phản ứng sinh lý chiến đấu hoặc bỏ chạy.

(107) Dòng canxi đi vào tế bào nói chung là một cơ chế truyền tín hiệu quan trọng và có thể gây ra hậu quả tàn khốc nếu không được kiểm soát: nó có thể gây ra sự co cơ không kiểm soát được (co thắt) và giải phóng chất dẫn truyền thần kinh bị kích thích không kiểm soát được (khiến phản ứng chiến đấu hoặc bỏ chạy mất kiểm soát), và nó thậm chí có thể kích hoạt các cơ chế chuyên biệt bắt đầu quá trình tự hủy diệt tế bào.

(108) Hoại tử đông máu [Coagulative necrosis] là một loại hoại tử đặc thù. Các mô chết khác nhau có hình dạng khác nhau tùy thuộc vào loại mô ban đầu và nguyên nhân gây chết mô. Trong hoại tử đông máu, mô chết trông giống như cục máu đông.

(109) Tế bào chất [cytoplasm] là chất lỏng bên trong bất cứ tế bào nào. Tất cả các phản ứng bên trong tế bào đều diễn ra trong tế bào chất. Nhân tế bào và nhiều cơ quan tế bào [organelle] chuyên biệt cũng như nhiều cấu trúc tế bào khác đều lơ lửng trong tế bào chất. Không bào hoặc không bào hóa là bong bóng lưu trữ được tìm thấy trong tế bào. Chúng có thể có nhiều chức năng khác nhau, mặc dù trong đại thực bào, chúng đặc biệt chứa các mảnh vụn bị nhân chìm để được tiêu hóa về phương diện hóa học bên trong chúng.

(110) Khăn liệm học [Sindonology] là nghiên cứu chính thức về Tấm vải liệm Turin.

Chương X. Máu

Máu mang nặng tính biểu tượng, giống như trái tim và thậm chí có thể còn hơn thế nữa. Chất lỏng cơ thể màu nhiệm này đã mê hoặc mọi người ở mọi lứa tuổi. Màu đỏ tươi của máu động mạch giống hệt như màu của ngọn lửa đang bùng cháy, vốn được coi là đẹp nhất trên thế giới.

Từ xa xưa, máu đã được coi là quý giá đối với sự sống. Đặc tính đông lại của nó gây kinh ngạc cho tổ tiên chúng ta: họ biết rằng máu sẽ chỉ đông lại một cách màu nhiệm và nhanh chóng khi được yêu cầu, chỉ khi ở bên ngoài cơ thể, để ngăn chặn tình trạng chảy máu thêm. Khá rõ ràng, máu luôn có nghĩa là sự sống, trong khi chảy máu luôn gắn liền với sự yếu đuối và nguy cơ tử vong.

Quả thực, máu đổ trên mặt đất thường là bằng chứng đau lòng về một cái chết bạo lực và sự hy sinh tột cùng. Việc đổ máu động vật hoặc máu người sẽ xoa dịu các vị thần của tất cả các tôn giáo cổ xưa và được cho là cần thiết để duy trì hòa bình và hòa hợp trong xã hội. Các nhà nhân chủng học và sử học về các tôn giáo trên thế giới chứa đầy các bài viết về các chủ đề này trong toàn bộ các thư viện. Trong cả Do Thái giáo lẫn Hồi giáo, máu vẫn là chủ đề của các nghi lễ chuẩn bị thức ăn chuyên biệt và các quy tắc chính xác về việc giết mổ động vật. Chỉ có thể ăn thực phẩm *kosher* hoặc *halal*: những thực phẩm được làm từ thịt của động vật bị giết thịt do mất máu đầy đủ và nhanh chóng.

Chúng ta hãy quay trở lại với Kitô giáo. Việc tôn sùng Máu Châu Báu cổ xưa vẫn còn hiện hữu, mặc dù nó bị người Công giáo thời hiện đại lãng quên nhiều hơn so với việc tôn sùng Thánh Tâm Chúa. Điều đáng chú ý là Thánh Tôma Aquinô đã viết về điều đó trong bài thánh ca “*Adoro te devote*” [Con hết lòng thờ lạy Chúa] của ngài:

Me immundum munda tuo sanguine

Cujus una stilla salvum facere

Totum mundum quit ab omni scelere.

[Hãy thanh tẩy con, ô uest, bằng máu của Chúa,

chỉ một giọt có thể cứu

cả thế giới khỏi mọi tội lỗi].

Bí tích Thánh Thể là chủ đề tranh luận không ngừng của các nhà thần học và nhà huyền nhiệm mọi thời. Sự hy sinh, bạo lực, đau khổ và cái chết là những nền tảng khắc nghiệt, khó khăn và khó chịu của màu nhiệm thần thiêng này. Những điều này xung đột trực tiếp với các nguyên tắc văn hóa thế tục của chúng ta ở mức độ rất căn bản. Trong Thánh lễ Công giáo, bánh và rượu thực sự trở thành Mình và Máu Chúa Kitô và không chỉ tượng trưng cho Mình và Máu ấy. Do đó, chúng nói một ngôn ngữ hy sinh cực kỳ chói tai và vị tha, hoàn toàn trái ngược với sự ích kỷ và buông thả tập trung vào sự thỏa mãn bản thân vốn là cốt lõi của xã hội chúng ta. Máu đổ ra trong lễ hy sinh Thánh Thể là máu của một nạn nhân vô tội có Thân Thể bị treo trên Thập Giá.

Trong chương này, chúng ta sẽ khám phá việc làm thế nào các kết quả nghiên cứu khoa học được thực hiện trên các mẫu máu lấy từ các phép lạ Thánh Thể lại dẫn đến ngôn ngữ khắc

nghiệt của sự đau khổ vị tha này. Thật vậy, máu người thật đã được tìm thấy trong các mô ở Lanciano, Buenos Aires và Tixtla.

Lanciano

Ở Lanciano, mô được lưu truyền là Máu của phép lạ Thánh Thể và được bảo quản trong một chén thủy tinh quý giá được chia thành năm mảnh đông máu và khử nước, nặng tổng cộng 15.85 gram tất cả. Năm 1970, Giáo sư Linoli đã lấy một mẫu nặng 318 miligam chất “giống như đá và đất sét” này để làm rõ bản chất của nó và loài sinh vật mà từ đó nó phát xuất. Các phiến kính hiển vi được chuẩn bị bằng thiết bị vi phẫu (microtome) và nhuộm *hematoxylin* và *eosin* thông thường. Tuy nhiên, sau mười hai thế kỷ, các thành phần tế bào được xác định rõ ràng như tế bào hồng cầu hoặc bạch cầu không thể được nhận dạng dưới kính hiển vi ánh sáng. Vì vậy, Linoli đã tiến hành phân tích vi mô [*microchemical*].

Hai phản ứng nhằm phát hiện các tinh thể *hematin* và *hemochromogen* (111) đều mang lại kết quả âm tính, rất có thể là do toàn bộ mẫu bị suy thoái và biến tính. Tuy nhiên, xét nghiệm *orthotolidine*, tìm kiếm *oxidase*, (112) rất dương tính, mặc dù đó là kết quả có độ chuyên biệt thấp: nó có thể dương tính do sự hiện diện của máu thật, nhưng kết quả dương tính giả có thể thu được từ các mô khác phong phú trong lên men các sinh vật, chiết xuất thực vật hoặc kim loại nghiền mịn. Câu trả lời cuối cùng và không thể tranh cãi được đưa ra bằng phương pháp ghi sắc giấy [*paper chromatography*].¹¹³ Chất lỏng tách rửa chứa vật liệu phân tích tái tạo nhiều lần các mẫu dải ghi sắc được tạo ra bằng cách tách rửa các mẫu *hemoglobin* và *hematin* kiểm tiêu chuẩn đã biết. Thử nghiệm vòng chất kết tủa *Uhlenhuth* xác nhận rằng cả Máu và Thịt ở Lanciano đều thuộc về loài người, và thử nghiệm hấp thụ-tách rửa (114) đã xác định nhóm máu của cả Máu và Thịt.

Cuộc điều tra của Giáo sư Linoli lẽ ra đã có thể kết thúc thành công ở đó, nhưng hai cuộc xét nghiệm máu thông thường nữa đã được thực hiện. Đây là những xét nghiệm máu rất căn bản mà hầu hết mọi người đều phải thực hiện khi khám sức khỏe định kỳ: bằng điện phân và điện chuyển *protein*. Nội dung của các điện phân luôn có trong chất lỏng sinh học đã được định lượng: canxi, clorua, photpho, magiê, kali và natri. Đúng như dự đoán, việc mất nước quá mức của mẫu dẫn đến mất các nguyên tố này vào môi trường xung quanh qua nhiều thế kỷ. Tuy nhiên, kết quả xét nghiệm vẫn đáng lưu ý về mặt phẩm chất: tất cả các điện phân thông thường thường có trong máu cũng có trong mẫu Lanciano - hỗ trợ bản sắc máu của nó - nhưng ở nồng độ thấp đến mức không một giải thích về phương diện bệnh lý sinh học phản ánh sức khỏe và trạng thái lâm sàng của sinh vật gốc, được thực hiện. Canxi là ngoại lệ duy nhất: nó hiện diện quá mức, rất có thể là do ô nhiễm bên ngoài trong suốt nhiều thế kỷ.

Thay vào đó, kết quả điện chuyển *protein* lại rất đáng chú ý về mặt định lượng. Dịch tác rửa thu được từ mẫu Máu thực sự đậm đặc gấp 5 lần so với huyết thanh tươi thông thường và tỷ lệ tương đối của các *protein* huyết thanh thông thường phù hợp với cấu hình sinh lý hoàn hảo. Các tỷ lệ được báo cáo trong bảng dưới đây và trong căn bản đều nằm trong tầm bình thường:

Máu ở Lanciano Tầm bình thường

Albumin %	61.93	52–68
α -1 Globulin %	2.38	2.4–5.3
α -2 Globulin %	7.14	6.6–13.5
β Globulin %	7.14	8.5–14.5
γ Globulin %	21.42	10.7–21
Tỷ lệ Albumin/globulin	1.62	1.13–1.73

Điều này dường như gợi ý rằng người đàn ông có máu xuất hiện ở Lanciano phải có sức khỏe tốt, ít nhất là từ góc độ hệ thống miễn dịch và chuyển hóa *protein*.

Buenos Aires

Như chúng ta biết, máu người hiện diện trong hộp gồm đựng bánh thánh ngày 1 tháng 5 và trên một trong hai đĩa thánh được sử dụng vào ngày 10 tháng 5 năm 1992. Điều này đã được xác nhận bởi cả bác sĩ huyết học, bác sĩ Segovia de Sasot và bác sĩ ung thư, bác sĩ Botto. Bác sĩ Botto ngay lập tức được linh mục giáo xứ triệu tập và lấy một số chất liệu màu đỏ trên thành thùng chứa bị ô vào ngày 1 tháng 5. Các xét nghiệm được thực hiện tại bệnh viện El Buen Samaritano đã chứng minh sự hiện diện của huyết sắc tố. Mặc dù không có bằng chứng bằng văn bản nào về điều này nhưng bác sĩ huyết học Khoan đã xác nhận mẫu vật đó là máu, theo các chứng từ do bác sĩ Castañón thu thập. Rất khó để làm sáng tỏ các báo cáo của Bác sĩ Sasot: ba báo cáo có thể chưa hoàn chỉnh đã được sao chép dưới dạng hình ảnh sao chụp trong phần phụ lục cuốn sách của Bác sĩ Castañón về các sự kiện ở Buenos Aires. Bà đã kiểm tra cả một mẫu từ hộp gồm ngày 1 tháng 5 và một mẫu khác từ một trong những chiếc đĩa ngày 10 tháng 5 năm 1992. Bà quan sát mẫu vật của mình ở các giai đoạn khác nhau, ban đầu bà không biết nguồn gốc của chúng.

Trong một báo cáo ngày 29 tháng 10 năm 1995 - rất có thể liên quan đến sự kiện ngày 1 tháng 5 năm 1992 - Bác sĩ Sasot đã chứng minh một cách rõ ràng chất liệu mà bà đã kiểm tra là máu do những điều sau:

* Một vết máu kính hiển vi nhuộm *May-Grunwald Giemsa* cho thấy nhiều tế bào bạch cầu có thể nhận biết được, số lượng chênh lệch của chúng có thể được xác định. Điều này cho thấy có sự dư thừa tế bào *lympho* so với mức bình thường. Tuy nhiên, khá kỳ lạ là không có hồng cầu hay tiểu cầu: (115) một tình huống rất hiếm gặp trong ống nghiệm máu, ngay cả sau khi ly tâm, chứ đừng nói đến trong một sinh vật sống, nơi điều này không tương thích với sự sống.

* Nó chứa các *ion* natri và kali, mặc dù nồng độ chính xác của chúng không được nêu rõ.

* Nó chứa *enzyme lactate dehydrogenase* (LDH). (116)

* Nó chứa các *protein* có thể thu được mẫu điện chuyển: một mẫu sinh lý học, ngoại trừ việc giảm thành phần γ *globulins* (117).

Hơn nữa, trong một báo cáo khác vào tháng 6 năm 1992 của Bác sĩ Sasot về “chất liệu giống máu” được chụp ba ngày sau khi nó xuất hiện trên một tấm đĩa - tại một trong hai biển cố tối ngày 10 tháng 5 - một vết máu kính hiển vi nhuộm *May-Grunwald Giemsa* được chuẩn bị đã mang lại số lượng tế bào bạch cầu chên lệch rất giống, mặc dù không giống hệt, với số lượng báo cáo năm 1995. Bác sĩ Sasot kết thúc báo cáo của mình bằng cách xác nhận rằng mẫu được kiểm tra là máu người. Bất chấp những hạn chế tổng thể và gần đúng, các báo cáo của Bác sĩ Sasot vẫn đáng để khám phá thêm vì chúng tiết lộ những chi tiết quý giá và đáng ngạc nhiên sau khi phân tích cẩn thận hơn.

Trong những năm tiếp theo, chất liệu sinh học của thánh tích ngày 1 tháng 5 năm 1992 không may trải qua hiện tượng phân hủy và khi Cơ quan Phân tích Pháp y có trụ sở tại California phân tích mục số 1-1 vào năm 1999, xét nghiệm *orthotolidine* phát hiện máu cho kết quả âm tính. Bằng cách tiến hành thử nghiệm tương tự, Cơ quan Phân tích Pháp y cũng loại trừ sự hiện diện của máu trong mục số 1-2, thánh tích Buenos Aires năm 1996.

Tuy nhiên, sau đó, các *slide* kính hiển vi thu được từ mẫu này cho thấy mô tim “đang đau khổ”, chủ đề của chương trước của tôi. Mô đó đã bị các tế bào bạch cầu xâm nhập ngay cả khi không có hồng cầu, vốn thường chiếm phần lớn các tế bào có trong máu toàn phần.

Tixtla

Máu người và các mô khác hiện diện rõ ràng trong thánh tích Tixtla. Phòng thí nghiệm Gene-Ex của Bolivia đã xác định sự hiện diện của huyết sắc tố người trong mẫu vi mô bằng phương pháp ghi sắc miễn dịch. Khoảnh khắc cuộc thử nghiệm do Bác sĩ Susana Pinell thực hiện trong điều kiện hỏa mù thậm chí còn được quay phim và đăng tải trực tuyến. *Hemoglobin* chỉ có trong hồng cầu và không có trong tế bào sống nào khác. Do đó, sự hiện diện của máu trong Phép lạ Tixtla đó đã được chứng minh đầy đủ và rõ ràng.

Hơn nữa, hai phòng thí nghiệm khác, Corporativo Médico Legal ở Mỹ Tây Cơ và PatMed ở Guatemala, đã phân tích các mẫu nhuộm *hematoxylin* và *eosin* khác dưới kính hiển vi quang học. Không có tế bào hồng cầu hình hai mặt lõm điển hình (118) và không có nhân nào có thể được phân biệt hơn ba năm sau biển cố lạ lùng. Tuy nhiên, các cụm ưa axit tương thích với các khối hồng cầu đang trong quá trình tự phân hủy đã được đánh giá. Những điều này có thể phù hợp với các cục máu đông đã hình thành đầy đủ trước đó.

Điều đáng kinh ngạc là thay vào đó các tế bào bạch cầu đã được xác định. Điều này không thể giải thích một cách khoa học vì chúng sẽ tan biến trong vòng vài giờ sau khi chết. Thay vào đó, chúng hiện diện ở các quần thể khác nhau: bạch cầu trung tính, đại thực bào và bạch cầu ưa kiềm [*basophils*].

Hơn nữa, các nhà khoa học Mỹ Tây Cơ tại Corporativo Médico Legal cũng đã chứng minh được sự hiện diện của *myeloperoxidases* (119) và *glycophorin A*, (120) chuyên biệt của tế bào bạch cầu, một loại *protein* chỉ hiện diện trên bề mặt tế bào hồng cầu của con người. Cuối cùng, không thể phát hiện ra máu trong phép lạ ở Sokółka và Legnica. Chỉ có sự hiện diện của mô cơ tim mới có thể được chứng minh trong các thánh tích Ba Lan này.

Tăng bạch cầu lympho [lymphocytosis]

Ta hãy quay lại và xem xét lại các bài báo của Bác sĩ Adhelma Myrian Segovia de Sasot. Chúng ta nên chú ý đến một phát hiện quan trọng đã được chứng minh hai lần liên tiếp: đó là bệnh tăng bạch cầu *lympho*. Tăng bạch cầu *lympho* là sự gia tăng số lượng tế bào bạch cầu *lympho* so với các loại tế bào bạch cầu khác, đặc biệt là bạch cầu trung tính. Hai số lượng tế bào bạch cầu khác biệt được báo cáo dưới đây và dường như bắt nguồn từ hai sự kiện kỳ diệu khác nhau diễn ra cách nhau vài ngày trong cùng một giáo xứ ở Buenos Aires. Chúng giống nhau một cách đáng kinh ngạc, như thể cùng một thử nghiệm được lặp lại trên cùng một người:

Khác biệt về bạch cầu Ngày 1 tháng 5 năm 1992, Ngày 10 tháng 5 năm 1992, Tầm bình thường

Dải bạch cầu trung tính	2%	0%	0–3%
Bạch cầu trung tính phân đoạn	43%	49%	40–60%
Bạch cầu ái toan	6%	3%	1–4%
Bạch cầu ái kiềm	0%	0%	0.5–1%

Khác biệt về bạch cầu 1 tháng 5 năm 1992, 10 tháng 5 năm 1992, Tầm bình thường

Tế bào lympho	48%	47%	20–40%
Bạch cầu đơn nhân	1%	1%	2–8%

Hai người không thể ngẫu nhiên có số lượng tế bào bạch cầu giống nhau và thay đổi như nhau như vậy. Trong một thời điểm chính xác, mức độ tăng tế bào *lympho* về cơ bản giống hệt nhau đó phải cho thấy dấu hiệu “sinh học” của một cá nhân chuyên biệt đơn nhất. Do đó, bác sĩ Sasot đã trình bày hai cuộc điều tra, hai bản kính hiển vi và hai số lượng chênh lệch khác nhau mà rất có thể đến từ cùng một loại máu. Đó có thể là máu từ cùng một biến cố đã được kiểm tra hai lần, hoặc đó là máu từ cùng một người đã chảy máu trong hai lần khác nhau. Thật không may, không thể loại trừ giả thuyết đầu tiên do các ghi chú có sẵn không đủ rõ ràng. Tuy nhiên, nếu đúng, giả thuyết thứ hai chắc chắn sẽ củng cố tuyên bố về tính xác thực nội tại của cả hai phép lạ, gần như thể chúng ta đã chứng minh rằng cả hai mẫu đều thuộc cùng một nhóm máu hiếm.

Nhưng ý nghĩa của việc dư thừa số lượng tế bào *lympho* trong số lượng bạch cầu khác nhau là gì? Chúng ta nên nhớ lại rằng, trong số nhiều loại tế bào bạch cầu khác, tế bào *lympho B* chịu trách nhiệm đặc biệt trong việc sản xuất kháng thể, trong khi tế bào *lympho T* có khả năng tiêu diệt trực tiếp những kẻ xâm lược truyền nhiễm bên ngoài hoặc tế bào chủ bị nhầm mục tiêu tiêu diệt. Hai loại tế bào *lympho T*, tế bào T trợ giúp và tế bào tiêu diệt tự nhiên, hoặc tế bào NK, thực hiện các hành động phòng thủ này theo những cách khác nhau. Bác sĩ nên nghĩ gì khi chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh tăng bạch cầu *lympho*? Ở một người trưởng thành khỏe mạnh mà không có bất cứ triệu chứng hoặc dấu hiệu nhiễm trùng rõ ràng nào, đây sẽ không phải là một phát hiện được mong đợi. Nếu dai dẳng, nó có thể gợi ý đến một bệnh ung thư máu nghiêm trọng, chẳng hạn như ung thư hạch hoặc bệnh bạch cầu. Tuy nhiên, các đợt tăng bạch cầu *lympho* thoáng qua thường liên quan đến nhiễm *virus* hoặc vi khuẩn.

Trong bối cảnh các phép lạ Thánh Thể, đáng để xem xét một tình trạng chỉ được công nhận và nghiên cứu trong vài năm gần đây: bệnh tăng bạch cầu *lympho* do căng thẳng thoáng qua, hay TSL. Các báo cáo trường hợp lần đầu tiên được công bố về nó vào những năm 1980. Tình trạng này chủ yếu được chẩn đoán ở những bệnh nhân được đưa đến cơ sở hồi sức hoặc đơn vị chăm sóc đặc biệt do chấn thương, xuất huyết, sốc tim hoặc sốc nhiễm trùng. (121) Những bệnh nhân này đã tăng đáng kể số lượng tế bào *lympho* trong vài giờ đầu nhập viện, sau đó là số lượng tế bào *lympho* tăng hoàn toàn ngược lại và số lượng tế bào *lympho* thấp bất thường từ 24 đến 48 giờ sau đó. Mức độ tăng tế bào *lympho* tỷ lệ thuận với mức độ nghiêm trọng của các vết thương gây chấn thương, sau này được biểu thị chính thức dưới tên Điểm mức nghiêm trọng của chấn thương, hay ISS. Điểm ISS càng cao thì nguy cơ tử vong càng cao.

Cả loại *amin* có hoạt tính sinh học (catecholamines) do chính cơ thể sản xuất và những chất được sử dụng bằng thuốc đường như đều đóng một vai trò trong TSL, tương tự như vai trò của chúng trong bệnh cơ tim do căng thẳng. Sự khác biệt giữa các cơ chế kích hoạt và phản ứng cụ thể của các phân lớp tế bào *lympho* khác nhau hiện đang được nghiên cứu và so sánh giữa những cơ chế được thấy trong TSL và những cơ chế được biết đến nhiều hơn, được quan sát thấy trong các bệnh nhiễm trùng do *virus* hoặc vi khuẩn. Tuy nhiên, người ta đã chứng minh rõ ràng rằng việc giải phóng một lượng lớn loại *amin* có hoạt tính sinh học - đặc biệt là *adrenaline* - sẽ dẫn đến giải phóng các tế bào *lympho* tiêu diệt tự nhiên (NK) (122) trong máu. Những tế bào NK này, thường chiếm từ 5 đến 15% toàn bộ họ tế bào *lympho*, làm tăng nồng độ trong máu của chúng lên đến mười lần trong TSL và gây ra tình trạng tăng tế bào *lympho* để đáp ứng với các kích thích căng thẳng đáng kể: chúng bao gồm chấn thương về thể chất nhưng cũng có thể là tâm lý hoặc thậm chí lạm dụng thuốc kích thích tâm thần như MDMA hoặc “thuốc làm ngây ngất”.

Tế bào NK là một phần của phản ứng miễn dịch ban đầu do cơ thể thực hiện để đáp lại các tín hiệu về một cuộc tấn công hoặc mối đe dọa đối với tính toàn vẹn của cơ thể. Sự giải phóng chúng được coi là một phản ứng không chuyên biệt bẩm sinh trước khi có sự tham gia và kích hoạt của tế bào *lympho B*, tế bào *lympho T* gây độc và tế bào T trợ giúp. Tất cả các loại sau đều là một phần của phản ứng miễn dịch thích nghi phức tạp hơn, chuyên biệt cao và mạnh mẽ hơn nhưng bị trì hoãn - một phản ứng dựa vào sự bổ sung cụ thể giữa các kháng nguyên lạ và việc sản xuất kháng thể. Tuy nhiên, khi cơ thể đột ngột bị đe dọa bởi chấn thương hoặc tác nhân lây nhiễm, tế bào NK sẽ can thiệp ngay lập tức để tiêu diệt các tế bào bị nhiễm trùng hoặc bị tổn thương đến mức không thể sửa chữa được. Tế bào NK không phân biệt chính xác giữa các tế bào bị nhiễm bệnh hoặc bị tổn thương thuộc về sinh vật hoặc các tế

bào lympho nhiễm ngoại lai: chúng không thể phân biệt hoàn toàn bản thân với tế bào không phải của mình. Chúng có “giấy phép giết người” rộng rãi và cũng gây ra một số thiệt hại phụ ở một mức độ nào đó cho bánh thánh, với mục đích ngăn chặn sự lây nhiễm trong giai đoạn đầu của phản ứng miễn dịch.

Thật không may, số lượng tế bào *lympho* ở Buenos Aires chỉ là một giá trị bằng số, không có bất cứ chi tiết hình thái hoặc kiểu hình miễn dịch chính xác nào. Do đó, chúng ta sẽ không bao giờ biết liệu sự dư thừa tế bào *lympho* đó có thực sự và đặc biệt chủ yếu là do tế bào NK chứ không phải do một phân lớp tế bào *lympho* khác hay không. Do đó, không có giả thuyết chẩn đoán chính xác nào khác có thể được đưa ra ở giai đoạn này và xét nghiệm tế bào *lympho* Buenos Aires không thể được sử dụng để xác nhận chẩn đoán TSL một cách rõ ràng. Tuy nhiên, nó vẫn có thể gợi ý những hiểu biết y tế quan trọng này cho nhà nghiên cứu bệnh học pháp y.

Hạ đường huyết [Hypogammaglobulinemia]

Bây giờ chúng ta hãy tập trung vào phát hiện đáng lưu ý thứ hai, ẩn giữa những dòng chữ trong một trong những báo cáo của Bác sĩ Sasot. Vào tháng 10 năm 1995, bà viết rằng điện chuyển *protein* của mẫu máu mà bà phân tích mang lại thông tin "sinh lý học", ngoại trừ việc giảm γ -globulin. Bà nói về điều gì thế? Điện chuyển tách *protein plasma* (huyết thanh) (123) thành năm hoặc sáu nhóm, theo trọng lượng phân tử của chúng. Điều này cho phép chúng ta định lượng tỷ lệ phần trăm tương đối của *protein* thuộc từng nhóm này so với tổng số *protein* có trong mẫu huyết thanh.

Chúng ta đã xem qua một thí dụ về điện chuyển *protein* huyết thanh bình thường khi thảo luận về phép lạ ở Lanciano. Trong bảng đó, các *protein* trong máu như *albumin* và *globulin* được tách thành các phân lớp α -1, α -2, β và γ . *Globulin* nhóm γ chính xác là các kháng thể tuần hoàn được tạo ra bởi các tế bào huyết thanh có nguồn gốc từ tế bào *lympho B*. Chúng là các *protein* có khả năng liên kết các kháng nguyên cụ thể tiếp xúc với các tế bào lạ, chẳng hạn như vi khuẩn, trên cơ sở một-một. Bằng cách đó, vật thể lạ được ghi là “kẻ thù” và được giao cho các tế bào *lympho T* chịu trách nhiệm tiêu diệt nó: đó là cơ chế của điều gọi là miễn dịch chuyên biệt hoặc miễn dịch thích nghi, có khả năng kích hoạt chậm hơn nhưng độ chính xác cực cao, trái ngược hoàn toàn với khả năng miễn dịch bẩm sinh qua trung gian tế bào NK.

Do đó, hạ đường huyết, hoặc số lượng kháng thể lưu hành thấp, là tình trạng suy giảm miễn dịch khiến cơ thể ít có khả năng đáp ứng với nhiễm trùng. Đây là một tình trạng bệnh lý có nhiều nguyên nhân tiềm ẩn: có thể là bẩm sinh hoặc di truyền, chẳng hạn như bệnh suy giảm miễn dịch biến đổi thông thường (CVID) ở người trẻ tuổi, hoặc mắc phải do hậu quả của các bệnh về máu, gan hoặc thận. Thông thường, nó có thể liên quan, giống như chứng tăng bạch cầu *lympho*, với các yếu tố gây căng thẳng và mệt mỏi lớn - thí dụ, trong các trường hợp chấn thương nặng, chảy máu ồ ạt, bỏng hoặc đột quỵ nặng.

Trong nhiều thập niên, chúng ta đã thấy các trường hợp chứng minh sự khởi phát thường xuyên của tình trạng giảm *globulin* miễn dịch - đặc biệt là phân nhóm *IgG* γ -globulin (124) - từ ngày đầu tiên sau chấn thương nặng và khoảng một tuần sau đó. Đó là một hiện tượng thoáng qua, sau đó là lượng *IgG* tăng lên trong vài ngày tới và thậm chí là đỉnh phục hồi thực sự đối với phân lớp *IgM* (125) cùng lúc. Hạ đường huyết rõ ràng làm tăng nguy cơ nhiễm trùng, đặc biệt là đường hô hấp trên và có liên quan đến tỷ lệ tử vong tại bệnh viện cao hơn.

Các nguyên nhân chung của tình trạng thiếu hụt này thường là do mất *protein* (126) trong máu theo nhiều cơ chế khác nhau hoặc do sản xuất bị giảm thiểu bởi các tế bào huyết thanh, hoặc do cả hai.

Tóm lại, tăng tế bào *lympho* và giảm *gammaglobulin* máu là một mối liên kết không thông thường của các xét nghiệm bất thường trong phòng thí nghiệm. Chúng có thể được cho là do sự trùng hợp của hai bệnh lý xảy ra đồng thời: một thanh niên mắc COVID đang bị cảm lạnh thông thường, một thiếu niên mắc bệnh bạch cầu đơn nhân đang phát triển các biến chứng ở thận, hoặc hai khía cạnh của cùng một bệnh lý, chẳng hạn như một bệnh nhân lớn tuổi mắc bệnh bạch cầu *lymphocytic* mãn tính.

Tuy nhiên, chúng ta không nên bỏ lỡ một lời giải thích chẩn đoán khác có thể giải quyết hoàn hảo vấn đề nan giải trong chẩn đoán của chúng ta: chúng ta có thể đang đối diện với nạn nhân của một chấn thương nặng, có thể là hôn mê hoặc một bệnh nhân đang hồi phục sau một cuộc phẫu thuật phức tạp. Chúng ta có thể đang nhìn một người bị bỏng nặng hoặc bị sốc do nhiễm trùng. Nói tóm lại, kết quả xét nghiệm máu của chúng ta sẽ gợi ý về một bệnh nhân yếu đuối, một người nào đó đang cận kề sự sống và cái chết, đang trong phòng hồi sức hoặc trên giường chăm sóc đặc biệt. Trong tình huống lâm sàng này, sự kết hợp giữa tăng tế bào *lympho* và giảm *gammaglobulin* máu sẽ gợi ý cho bác sĩ điều trị rằng bệnh nhân của ông ta chắc chắn đã sống sót sau một chấn thương nặng một hoặc nhiều nhất là hai ngày trước đó. Trong bối cảnh này, tình trạng tăng tế bào *lympho* và giảm *gammaglobulin* máu khi đó được cho là sẽ diễn ra mạnh mẽ và thoáng qua: tình trạng tăng tế bào *lympho* rất có thể sẽ chuyển thành số lượng tế bào *lympho* thấp trong vòng 24 đến 48 giờ, trong khi tình trạng giảm *gammaglobulin* máu sẽ bình thường hóa trong vòng một tuần.

Trái tim của người đàn ông đang sống và đau khổ mà tôi mô tả ở chương trước bị đè nén bởi những cơn co thắt và thống khổ đau đớn. Tương tự như vậy, chúng ta có thể thấy cùng một “sự đau khổ” khi suy nghĩ về những phát hiện trong phòng thí nghiệm liên quan đến máu ở Buenos Aires năm 1992. Những phát hiện này dẫn đến những hiểu biết sâu sắc về lâm sàng hoàn toàn tương thích với bức tranh sinh lý bệnh học mà Tin Mừng Khổ Nạn truyền lại cho chúng ta: một người đàn ông, có sức khỏe hoàn toàn tốt cho đến ngày hôm trước, người sau đó bị chấn thương nặng và kiệt sức sau khi mất đi một lượng máu đáng kể.

Một người đọc rất cẩn thận chắc hẳn sẽ thắc mắc: Tại sao không tìm thấy hiện tượng hạ đường huyết trong máu ở Lanciano? Phân số γ huyết thanh, ước tính là 21.42 phần trăm, và tất cả các phân số α -1, α -2, β và *albumin* đều nằm trong phạm vi bình thường. Há không hợp lý hay sao khi mong đợi cùng những đặc điểm sinh lý bệnh học như ở cả Lanciano lẫn Buenos Aires nếu cả hai phép lạ đều chân chính? Câu trả lời không phải là một câu tầm phào. Đầu tiên, sẽ là không chính xác nếu so sánh một mẫu máu được kiểm tra chỉ vài ngày sau khi xuất hiện với một mẫu máu cổ đã đông lại nhiều thế kỷ trước khi thử nghiệm. Ở Buenos Aires, Bác sĩ Sasot vẫn có thể sử dụng các kỹ thuật thí nghiệm tương tự mà bà đã sử dụng để phân tích bất cứ mẫu máu tươi nào được thu thập gần đây. Điều đó có thể xảy ra vì mẫu của bà vẫn còn mới. Thay vào đó, giáo sư Linoli phải đối đầu với một thách thức rất khác: do mẫu vật đã cũ, ông phải điều chỉnh các kỹ thuật phân tích của mình, chủ yếu bằng cách pha loãng, để bù đắp cho các điều kiện mẫu khác nghiệt. Mặc dù các cuộc điều tra của Giáo sư Linoli hoàn toàn có giá trị từ quan điểm định tính, nhưng chúng chắc chắn kém tin cậy hơn từ góc độ định lượng. Về mặt phẩm chất, không thể nghi ngờ rằng phép lạ Lanciano chứa máu

người thật. Tuy nhiên, không thể đưa ra phán đoán lâm sàng chính xác nào về tình trạng sức khỏe của máu Lanciano ở giai đoạn này nếu không có dữ kiện định lượng đáng tin cậy.

Tuy nhiên, còn hơn điều này nữa: chúng ta phải luôn nhớ rằng những mô này, nếu thực sự lạ lùng, sẽ có những đặc tính vượt qua các quy luật sinh học chi phối cơ thể phàm trần của chúng ta. Thí dụ, chúng được ban tặng một mức độ bất khả hủy không thể giải thích được: mặc dù trải qua các hiện tượng thoái hóa thông thường, chúng dường như đang thực hiện điều này với một quán tính chậm hàng thiên niên kỷ một cách màu nhiệm. Nếu những mô này thực sự lạ lùng, chúng cũng có thể hoạt động theo ý chúng muốn ở một mức độ nào đó. Chúng không cần phải xin phép để vi phạm luật tự nhiên. Chúng tham gia vào các nghiên cứu khoa học của chúng ta và nói chuyện với chúng ta bằng một ngôn ngữ vô cùng nổi kết với Đức tin. Chúng cũng đưa ra nhiều manh mối khoa học để kích thích suy gẫm thần học và ước muốn biết Thiên Chúa của chúng ta. Tuy nhiên, không có lý do gì để mong đợi rằng mọi điều về bộ môn độc đáo “thần học sinh học thực nghiệm và ứng dụng” này phải được hiểu biết hoặc phải được con người hiểu biết. Chúng ta sẽ đánh giá cao những nguyên tắc này trong các chương tiếp theo: một mặt chúng ta sẽ tìm thấy sự mạch lạc đáng khích lệ trong việc xác định cùng một nhóm máu trong tất cả các mô lạ lùng. Tuy nhiên, mặt khác, các phân tích DNA thực sự đã thử thách sự kiên nhẫn và lý trí của các nhà khoa học. Vậy thì chúng ta hãy tiếp tục cuộc hành trình của mình với lòng khiêm nhường.

Tái bút

Cũng giống như trái tim, Tấm vải liệm Turin cũng nói lên điều gì đó về máu. Tấm vải lanh của Turin vấy máu. Điều này đã được chứng minh vượt qua mọi nghi ngờ hợp lý bởi các nghiên cứu năm 1980 do Alan Adler và John Heller thuộc Hiệp hội STURP thực hiện. Sau đó, sự hiện diện của *hydroxyproline* và lượng *bilirubin* dư thừa trong máu của Khăn Liệm cũng được xác nhận. *Hydroxyproline*, một loại *axit amin* có trong cấu trúc chất tạo keo (collagen), chỉ xuất hiện trong máu sau những nỗ lực cơ bắp rất mãnh liệt hoặc thời gian căng kéo dài.

Thay vào đó, *bilirubin* là sản phẩm thoái hóa của huyết sắc tố có trong hồng cầu. Tăng *bilirubin* máu - tình trạng dư thừa *bilirubin* trong máu - có thể do nhiều nguyên nhân mà bất cứ bác sĩ y khoa nào cũng biết. Rất thông thường, việc phát hiện *bilirubin* tăng cao được kết hợp với các xét nghiệm khác trong phòng thí nghiệm để đưa ra kết luận về sức khỏe và chức năng của gan. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự tích tụ sắc tố *bilirubin* trong máu thực sự có thể là do chấn thương nặng. Điều này là do chấn thương và chảy máu khiến hồng cầu thoát ra khỏi mạch máu và đi vào các mô, nơi chúng bị phá vỡ, từ đó giải phóng huyết sắc tố. Tình huống này cũng có thể trở nên phức tạp hơn do suy giảm chức năng gan trong bối cảnh hội chứng sau chấn thương.(127)

Bên cạnh sự hiện diện của sắc tố *bilirubin* (màu cam hoặc vàng nhạt), một nghiên cứu gần đây thậm chí còn xác định được sự hiện diện của sắc tố *biliverdin* (xám nhạt) trên một sợi vải Khăn liệm bị ố màu. *Biliverdin* là sản phẩm thoái hóa đầu tiên của *hemoglobin* (sắc tố chứa chất sắt của hồng cầu). Việc sản xuất nó được tăng cường về mặt *enzym* trong quá trình tổn thương mô, đặc biệt là khi bị chấn thương. Sự phân hủy *hemoglobin* thành *biliverdin* được tăng cường này được cho là có lợi cho cơ thể do tác dụng chữa bệnh chống oxy hóa mạnh của chính *biliverdin*. Bạn đọc thân mến, như bạn có thể thấy, ngay cả *hydroxyproline*, *bilirubin* và *biliverdin* của Tấm vải liệm cũng đang kể cho chúng ta một câu chuyện về bạo lực, tra tấn, nhục nhã và đau khổ cùng cực.

Thư mục

- Thommasen, Harvey, William Boyko, Julio Montaner và những người khác. 1986. “Absolute Lymphocytosis Associated with Nonsurgical Trauma [Tế bào lympho tuyệt đối liên quan đến chấn thương không phẫu thuật].” *American Journal of Clinical Pathology* 86 (4): 480–483. Nghiên cứu chứng minh mối liên quan thường xuyên giữa chấn thương và chảy máu với những thay đổi về huyết học được đặc trưng bởi tình trạng tăng tế bào *lympho* ban đầu, sau đó là số lượng tế bào *lympho* thấp trong 24 giờ đầu.
- Teggatz, J. R., J. Parkin và L. Peterson. 1987. “Transient Atypical Lymphocytosis in Patients with Emergency Medical Conditions [Tăng bạch cầu *lympho* không điển hình thoáng qua ở bệnh nhân có tình trạng bệnh lý khẩn cấp].” *Archives of Pathology & Laboratory Medicine* 111 (8): 712–714.
- Pinkerton, P., B. McLellan, M. Quantz và J. Robinson. 1989. “Acute Lymphocytosis After Trauma — Early Recognition of the High-Risk Patient? [Tăng bạch cầu *lympho* cấp tính sau chấn thương - Nhận biết sớm bệnh nhân có nguy cơ cao]” *Journal of Trauma* 29 (6): 749–751.
- Karandikar, Nitin, Erin Hotchkiss, Robert McKenna và Steven Kroft. 2002. “Transient Stress Lymphocytosis: An Immunophenotypic Characterization of the Most Common Cause of Newly Identified Adult Lymphocytosis in a Tertiary Hospital [Tế bào *lympho* do căng thẳng thoáng qua: Một kiểu hình miễn dịch Đặc điểm của nguyên nhân phổ biến nhất gây ra bệnh tăng bạch cầu *lympho* ở người trưởng thành mới được xác định ở bệnh viện cấp ba].” *American Journal of Clinical Pathology* 117 (5): 819–825.
- Benschop, Robert, Mario Rodriguez-Feuerhahn và Manfred Schedlowski. 1996. “Catecholamine-Induced Leukocytosis: Early Observations, Current Research, and Future Directions [Tăng bạch cầu do loại amin có hoạt tính sinh học gây ra: Những quan sát ban đầu, nghiên cứu hiện tại và định hướng trong tương lai].” *Brain, Behavior, and Immunity* 10 (2): 77–91.
- Bigler, Marc, Simon Egli, Cédric Hysek và những người khác. 2015. “Stress-Induced In Vivo Recruitment of Human Cytotoxic Natural Killer Cells Favors Subsets with Distinct Receptor Profiles and Associates with Increased Epinephrine Levels [Căng thẳng gây ra trong sinh vật Việc tuyển dụng các tế bào tiêu diệt tự nhiên gây độc tế bào ở người có lợi cho các tập hợp phụ với cấu hình tiếp thu khác biệt và các bình diện *epinephrine* tăng lên].” *PLoS Một* 23 (10).
- Auer, L. và W. Petek. 1976. “Serum Globulin Changes in Patients with Craniocerebral Trauma [Thay đổi *Globulin* huyết thanh ở bệnh nhân chấn thương sọ não].” *Journal of Neurology, Neurosurgery, and Psychiatry* 39 (11): 1076–1080.
- Faist, E., W. Ertel, C. Baker và G. Heberer. 1989. “Terminal B-Cell Maturation and Immunoglobulin (Ig) Synthesis In Vitro in Patients with Major Injury [Sự trưởng thành tế bào B giai đoạn cuối và tổng hợp *globulin* miễn dịch (Ig) trong ống nghiệm ở bệnh nhân bị chấn thương nặng].” *Journal of Trauma* 29 (1): 2–9.
- Wilson, N., Y. Wu và J. Bastian. 1994. “Immunoglobulins and IgG Subclasses in Children Following Severe Head Injury [Các *globulin* miễn dịch và phân nhóm IgG ở trẻ em sau chấn thương đầu nghiêm trọng].” *Intensive Care Medicine* 20 (7): 508–510. Nghiên cứu này chứng

minh rằng 50% bệnh nhân bị thiếu hụt IgG và IgM trong tuần đầu tiên, sau đó là IgM tăng 383% vào ngày thứ bảy.

Prucha, M., R. Zazula, I. Herold và cộng sự. 2014. “Presence of Hypogammaglobulinemia in Patients with Severe Sepsis, Septic Shock, and SIRS Is Associated with Increased Mortality [Sự hiện diện của hạ đường huyết ở bệnh nhân nhiễm trùng huyết nặng, sốc nhiễm trùng và SIRS có liên quan đến tỷ lệ tử vong gia tăng].” *Journal of Infection* 68 (3): 297–299.

Liesz, Arthur, Stefan Roth, Markus Zorn và những người khác. 2015. “Acquired Immunoglobulin G Deficiency in Stroke Patients and Experimental Brain Ischemia [Thiếu hụt *Globulin* miễn dịch mắc phải ở bệnh nhân đột quỵ và thiếu máu não thực nghiệm].” *Experimental Neurology* 271 (1): 46–52. Nghiên cứu này chứng minh sự giảm tạm thời của IgG trong bảy ngày đầu tiên, khi tình trạng hạ đường huyết rõ rệt hơn. Điều này thường liên quan đến nhiễm trùng do vi khuẩn.

Da Rocha Mafra, Olivia, Elirez da Silva, Tania Santos Gian, và những người khác. 2010. “Hydroxyproline Levels in Young Adults Undergoing Muscular Stretching and Neural Mobilization [Mức độ *hydroxyproline* ở thanh niên trải qua quá trình kéo căng cơ bắp và huy động thần kinh].” *Journal of Medical Biochemistry* 29 (1): 39–43. Nghiên cứu chứng minh rằng việc kéo căng cơ thể và kích hoạt thần kinh làm tăng nồng độ *hydroxyproline* trong nước tiểu lên hơn gấp đôi.

Labori, K. và M. Raeder. 2004. “Diagnostic Approach to the Patient with Jaundice following Trauma [Phương pháp chẩn đoán bệnh nhân vàng da sau chấn thương].” *Scandinavian Journal of Surgery* 93 (3): 176–183.

Laude, Jean-Pierre và Giulio Fanti. 2017. “Raman and Energy Dispersive Spectroscopy (EDS) Analyses of a Microsubstance Adhering to a Fiber of the Turin Shroud [Raman và Năng lượng Phân tích quang phổ tán sắc (EDS) về vi chất bám vào sợi của tấm vải liệm Turin].” *Applied Spectroscopy* 71 (10): 2313–2324.

Ghi chú

(111) Nói rộng ra, những xét nghiệm này sàng lọc sự hiện diện của phân tử sắc tố *heme* chứa sắt có trong huyết sắc tố, *protein* vận chuyển oxy có trong hồng cầu.

(112) Thử nghiệm *orthotolidine* là một cách khác để kiểm tra độ bền của hoạt động *peroxidasechemical* nhóm *heme*. Hoạt động của *peroxidase* là khả năng tăng tốc độ phân hủy các phân tử *peroxide*.

(113) Phép Ghi Sắc (Chromatography) là một kỹ thuật trong phòng thí nghiệm được sử dụng để tách các thành phần của hỗn hợp: Chất sau được hòa tan trong chất lỏng gọi là giai đoạn động, hoặc chất lỏng tách rửa, đưa nó qua cấu trúc chứa vật liệu khác gọi là giai đoạn tĩnh. Các thành phần, bị kéo theo giai đoạn động, tách ra thành các dải riêng biệt ở các vị trí khác nhau dọc theo môi trường đứng yên.

(114) Xét nghiệm hấp thụ-tách rửa [*absorption-elution*] là một kỹ thuật phân tích khác để xác định các kháng nguyên chuyên biệt cho nhóm máu. Nó được giải thích chi tiết hơn trong chương tiếp theo.

(115) Tiểu cầu [*Platelets*] là những mảnh tế bào có trong máu có vai trò giúp hình thành cục máu đông.

(116) LDH là viết tắt của *lactate dehydrogenase*, một phân tử *enzyme protein* nằm bên trong hầu hết các tế bào sống có liên quan đến việc điều hòa năng lượng tạo ra các phản ứng hóa học.

(117) *Gamma globulin*, hay γ -*globulin*, là các kháng thể được hệ thống miễn dịch sử dụng để chống nhiễm trùng.

(118) Các tế bào hồng cầu thường có hình tròn, dẹt và lõm ở cả hai bên.

(119) *Myeloperoxidase* là *enzyme* chỉ có trong một số tế bào bạch cầu: bạch cầu hạt của dòng tủy. Thí dụ, *myeloperoxidase* có vai trò quan trọng trong phản ứng bùng phát hô hấp của bạch cầu trung tính với các tác nhân lây nhiễm: phản ứng này tạo ra và giải phóng một số loài gốc tự do có tính phản ứng cao và độc hại, tiêu diệt kẻ xâm lược về mặt hóa học và có thể, ở mức độ thấp hơn, gây ra một số mức độ thiệt hại có hại cho cả các mô chủ.

(120) *Glycophorin A* là một loại *protein* nằm đặc biệt trên màng tế bào hồng cầu, xác định nhóm máu nhỏ MN của chúng.

(121) Định nghĩa y học về kích sóc khác với ý nghĩa của nó trong cách nói thông thường: bất kể nguyên nhân căn bản của nó là gì, kích sóc cho thấy tình trạng thiếu máu toàn thân đến tất cả các mô và cơ quan ngoại vi của cơ thể. Nếu không được điều trị kịp thời, bệnh có thể dễ dàng chuyển sang giai đoạn nặng hơn không thể phục hồi, nhanh chóng dẫn đến tử vong. Việc cung cấp máu không đầy đủ về mặt hệ thống có thể thường do chấn thương, chảy máu quá nhiều hoặc suy bơm tim.

(122) Các tế bào *lympho* sát thủ tự nhiên, hay NK, có thể được nhận biết rõ ràng trên cơ sở phân tử do sự hiện diện của các thụ thể CD56 cụ thể trên màng tế bào của chúng.

(123) Huyết thanh là thành phần chất lỏng màu vàng của máu giữ các tế bào máu của máu toàn phần ở trạng thái lơ lửng. Nó là phần chất lỏng của máu mang tế bào và *protein* đi khắp cơ thể.

(124) *IgG γ -globulin* là phân lớp kháng thể được sản xuất sau cùng, sau khi các kháng thể thuộc phân lớp *IgM* đã được cung cấp. Kháng thể *IgG* mất nhiều thời gian hơn để được sản xuất nhưng có tính chuyên biệt cao hơn kháng thể *IgM*.

(125) *IgM γ -globulin* là một phân lớp khác của *globulin* miễn dịch thường thực hiện nỗ lực đầu tiên trong việc liên kết các kháng nguyên mới có độ chuyên biệt thấp.

(126) *Protein* trong máu có thể bị mất do chảy máu hoặc dịch chuyển giữa máu lưu thông và dịch tẩm trong tất cả các tế bào. Những thay đổi này thường là do tính thấm quá mức của các mạch máu mao mạch nhỏ ở các mô ngoại biên.

(127) Hội chứng hậu chấn thương đề cập đến nhiều thay đổi sinh lý bệnh đa hệ bất thường xảy ra trong cơ thể sau chấn thương lớn.

(128) Chất chống oxy hóa (*Antioxidants*) là những chất bảo vệ tế bào chống lại các gốc tự do. Các gốc tự do là loại hóa chất có khả năng phản ứng cao, gây tổn hại mô, có thể được tạo ra vì nhiều lý do, nhưng chấn thương mô và viêm chắc chắn là nguyên nhân phổ biến của sự hình thành gốc tự do.

Chương XI. Nhóm máu AB

Mọi nỗ lực xác định nhóm máu ABO của bất cứ mẫu mô nào lấy từ phép lạ Thánh Thể đều dẫn đến việc xác định nhóm AB. Cụ thể, những nỗ lực này được thực hiện trên các mẫu từ phép lạ Lanciano và Tixtla. Tương tự như vậy, vết máu trên Ba tấm vải Khổ nạn nổi tiếng nhất - Khăn liệm Turin, khăn Trùm Mặt ở Oviedo, và Áo dài Argenteuil - cũng thuộc loại AB. Luôn là cùng một nhóm - và cùng là nhóm hiếm nhất.

Như chúng ta sẽ thấy, đây đơn giản là một phát hiện đáng kinh ngạc hỗ trợ mạnh mẽ cho tính xác thực hỗ tương của những biến cố này.

Mấy dòng vấn tắt có tính giáo khoa

Nhiều độc giả có thể quen thuộc với bốn nhóm máu trong hệ thống phân loại ABO chính - cụ thể là nhóm A, B, AB và O. Từ thời đi học hoặc từ kinh nghiệm hiến máu của bản thân, chúng ta cũng có thể nhớ được truyền máu nào cho phép ghép các cặp: từ A đến A và AB, từ B đến B và AB. Nhóm máu O có thể được truyền cho những người thuộc bất cứ nhóm máu nào trong tư cách “người hiến tặng chung”. Người có nhóm máu AB có thể nhận bất cứ loại máu nào nhưng chỉ có thể hiến máu của chính mình cho người cùng nhóm máu.

Vậy chính xác những nhóm máu này là gì? Tại sao chúng hiện hữu? Khoa học đã đưa ra câu trả lời chính xác cho câu hỏi đầu tiên trong khi vẫn đang tìm ra câu trả lời cho câu hỏi thứ hai.

Ngay cả trong thời cổ xưa, người ta đã đoán rằng việc truyền máu từ người hoặc động vật hiến tặng cho người hấp hối vì chảy máu ồ ạt có thể hữu ích. Thật không may, gần như mọi nỗ lực đều kết thúc tồi tệ. Người ta kể rằng Đức Giáo hoàng Innocent VIII – sắp qua đời vào năm 1492 – đã được truyền máu từ ba đứa trẻ: cùng ngày đó, cả Đức giáo hoàng lẫn ba em bé đều qua đời trong khi bác sĩ chạy trốn khỏi Rome! Năm 1829, bác sĩ phụ khoa người Anh, James Blundell, đã cứu một người mẹ mới sinh con bằng cách truyền máu từ chồng mình cho bà bằng một ống chích chuyên dụng. Trải nghiệm lâm sàng sau này của ông bao gồm thêm mười lần truyền máu nữa: công bằng mà nói thì năm lần trong số đó đã thành công, trong khi số còn lại dẫn đến kết cục chết người.

Bước ngoặt xảy ra vào khoảng giữa năm 1900 và 1901, khi Karl Landsteiner, một bác sĩ người Áo, đã xác định được ba nhóm máu khác nhau trong số các phụ tá của ông. Những thứ này có thể được trộn lẫn với nhau mà không bị dính kết [agglutination]- nghĩa là không hình thành các khối tế bào hồng cầu rắn lắng xuống và phân hủy ở đáy ống nghiệm. Ông hiểu rằng quá trình tương tự sẽ dẫn đến những hậu quả tai hại và chết người nếu diễn ra bên trong dòng máu của một sinh vật sống trong trường hợp truyền máu không tương thích. Ông đã phát hiện ra nhóm máu A, B và O, điều này cuối cùng đã mang lại giải thưởng Nobel y học rất xứng đáng cho ông vào năm 1930, và ngay sau đó, ông cũng phát hiện ra nhóm AB. Do đó, một lượng lớn máu có thể được truyền cho những người bị thương trong các bệnh viện dã chiến một cách tương đối an toàn trong Thế chiến thứ nhất. Sau đó, Bác sĩ Landsteiner và Alexander Wiener đã phát hiện ra nhóm máu Rh vào năm 1940. Tên của nó xuất phát từ loại khỉ *rhesus* nơi nhân tố Rh lần đầu tiên được tìm thấy.

Ngày nay, chúng ta biết khoảng hơn 30 loại hệ thống phân loại nhóm máu mà chúng ta gọi là thứ yếu, vì tác động của chúng đối với sự an toàn của việc truyền máu sẽ ít nghiêm trọng hơn nhiều trong trường hợp không khớp nhóm máu. Tuy nhiên, cho đến ngày nay, hai hệ thống phân loại chính ABO và Rh vẫn là những hệ thống quan trọng nhất nhằm mục đích đối chứng máu hoặc bất cứ loại sản phẩm máu nào khác được truyền. Các nguyên tắc đối chứng tương tự cũng áp dụng cho việc lựa chọn các cơ quan hoặc mô rắn để cấy ghép: xét cho cùng, máu là một mô và truyền máu thực chất là một loại cấy ghép mô.

Vậy thì những yếu tố hóa học nào quyết định nhóm máu hệ ABO?

Chúng là các *oligosaccharides* hoặc chuỗi ngắn các phân tử đường liên kết về phương diện hóa học. Chúng được phơi bày trên bề mặt của tất cả các tế bào hồng cầu ở bất cứ người nào. Chúng hiện diện rất nhiều: vài trăm nghìn phân tử - đôi khi lên tới từ một đến hai triệu - trên mỗi tế bào hồng cầu. Hơn nữa, chúng còn hiện diện trên bề mặt của các loại tế bào cơ thể khác và có thể được phân lập trong các chất tiết của cơ thể như nước bọt, nước mắt và mồ hôi. Những hóa chất này cũng là những kháng nguyên tiềm năng: nếu được sản xuất bởi cá nhân và tiếp xúc trên tế bào cơ thể của chính họ, chúng sẽ được hệ thống miễn dịch của một người công nhận là thuộc về *chính họ*. Vì vậy, hệ thống miễn dịch sẽ không tạo ra phản ứng kháng thể chống lại các tế bào thuộc cơ thể của chính nó.

Tuy nhiên, người ta biết rằng nếu tế bào hồng cầu của một cá nhân không bộc lộ kháng nguyên A - chẳng hạn như vì máu của người đó thuộc loại B - thì hệ thống miễn dịch của người đó chắc chắn sẽ phát triển các kháng thể chống A và các kháng thể này sẽ hiện diện xuyên suốt cuộc sống. Tại sao điều này lại xảy ra ở tất cả mọi người ngay cả khi không tiếp xúc trực tiếp với máu ngoại lai? Câu trả lời là hệ thống miễn dịch của mọi người chắc chắn sẽ tiếp xúc với các kháng nguyên rất giống với kháng nguyên ABO. Chúng được truyền trên các loại *virus* và vi khuẩn thông thường mà tất cả con người gặp phải trong vài tháng đầu đời. Những “cuộc gặp gỡ miễn dịch” ban đầu này với các kháng nguyên rất giống nhau dẫn đến sự phát triển của các kháng thể có khả năng liên kết đối chứng [cross-bind] một cách hiệu quả với tất cả các kháng nguyên ABO của các nhóm máu ngoại lai. Do đó, nếu một người thuộc nhóm B bị truyền nhầm với máu nhóm A, người đó sẽ không may có phản ứng miễn dịch chống lại các tế bào hồng cầu được truyền. Tuy nhiên, hậu quả nghiêm trọng của sự không tương thích như vậy chủ yếu là do sự dính kết cơ học, trước khi phát triển phản ứng viêm hoàn toàn của tế bào *lympho*. (129)

Dính kết [*agglutination*] cơ học là một quá trình đơn giản hơn với những hậu quả thảm khốc: nó gây ra phản ứng vón cục mà tôi đã đề cập trước đó, một phản ứng thậm chí có thể nhìn thấy bằng mắt thường trong ống nghiệm. Điều này xảy ra vì các tế bào hồng cầu lạ được liên kết hóa học với nhau bởi các kháng thể của vật chủ vốn đã có sẵn trong máu. Kết quả là sự hình thành các khối hồng cầu nguy hiểm và công kênh. Những khối lớn này kết tủa hoặc lắng đọng bên trong các mạch máu, ngăn chặn chúng một cách hiệu quả ở khắp mọi nơi trong cơ thể. Ngày nay, các phòng thí nghiệm có thể xác định nhóm máu ABO một cách dễ dàng và nhanh chóng bằng xét nghiệm dính kết. Điều này chỉ liên quan đến việc chuẩn bị một phiến kính có hai giọt máu riêng biệt để phân tích. Một lượng nhỏ huyết thanh “chống-A” có kháng thể chống A được thêm vào một trong hai giọt. Tương tự, một lượng nhỏ huyết thanh “chống B” có kháng thể chống B sau đó được thêm vào lượng còn lại. Nếu không có phản ứng xảy ra thì nhóm máu sẽ là O; nếu dính kết chỉ xảy ra sau khi thêm huyết thanh chống A thì nhóm

máu sẽ là A; nếu máu chỉ phản ứng với kháng thể chống B thì nhóm đó sẽ là B, còn nếu phản ứng với cả hai huyết thanh thì nhóm đó sẽ là AB.

Cũng có thể kiểm tra đối chứng và xác minh xem kháng thể nào có trong huyết thanh của máu được phân tích bằng cách quan sát phản ứng của nó khi trộn với các tế bào hồng cầu của một nhóm đã biết. Hơn nữa, ngày nay chúng ta cũng biết về thành phần hóa học chính xác của kháng nguyên ABO, các biến thể khác nhau có thể có của chúng (A1, A2, v.v.) và các phần DNA trên nhiễm sắc thể số 9 cần thiết cho quá trình tổng hợp của chúng. Kiến thức này cho phép phát triển các phương pháp thay thế để xác định nhóm máu của mô hoặc cá nhân bên cạnh việc xét nghiệm dính kết tiêu chuẩn.

Ở đây tôi nên nói rằng mỗi người đều có hai gen hoặc hai đoạn thông tin DNA bổ sung xác định nhóm máu ABO tổng thể của mình: hai gen này thực sự được mang trên hai phiên bản ghép đôi của nhiễm sắc thể số 9, với một nhiễm sắc thể có nguồn gốc từ cha và nhiễm sắc thể kia từ mẹ. Hơn nữa, gen A và B là gen trội, còn O là gen lặn [recessive]. Điều này có nghĩa là, nếu gen của một người là AA, thì người đó có tính đồng hợp tử [homozygous] (130) và rõ ràng nhóm máu sẽ là A. Tuy nhiên, ngay cả cặp AO dị hợp tử [heterozygous] - tức là gen A từ cha và O từ mẹ, hoặc ngược lại - sẽ cho kết quả là nhóm máu A. Nhóm máu của một đứa trẻ chỉ có thể là O nếu nó được thừa hưởng sản phẩm gen O từ cả bố lẫn mẹ. Tương tự như vậy, một đứa trẻ chỉ có thể mang nhóm máu AB khi thừa hưởng kháng nguyên A từ bố hoặc mẹ và kháng nguyên B từ bố và mẹ kia. Nhìn chung, các phiên bản khác nhau của một gen được gọi là *alen* (alleles). Thí dụ, ba *alen* rõ ràng hiện diện trong hệ thống ABO - A, B và O - nhưng chỉ có hai trong số chúng có thể “chiếm” hai “vị trí” sẵn có trên mỗi cặp nhiễm sắc thể được thừa hưởng từ bố và mẹ. Bảng dưới đây tóm tắt tất cả các mối quan hệ có thể có giữa kiểu gen [*genotypes*] và kiểu hình [*phenotypes*]—nghĩa là giữa các cặp gen và cách chúng được biểu hiện:

Kiểu gen Kiểu hình

AA	A
AO	A
BB	B
BO	B
AB	AB
OO	O

Trước sự ra đời của các kỹ thuật giải trình tự DNA hiện đại và tinh vi, kiến thức về hệ thống ABO đã được sử dụng để đưa ra kết luận đáng tin cậy về quan hệ cha con và mẹ con của các cá nhân. Mặc dù quan hệ cha con và mẹ con không thể được xác định một cách chắc chắn,

nhưng vẫn có thể loại trừ chúng một cách dứt khoát trong một số trường hợp. Ví dụ, người cha nhóm A và mẹ nhóm O không thể có con nhóm B.

Các nhóm máu ABO được phân bố như thế nào trong dân số nhân bản?

Năm 1954, Arthur Mourant công bố một tập bản đồ địa lý thực tế với các kết quả được thu thập một cách có hệ thống từ khoảng nửa triệu cuộc thử nghiệm được thực hiện trên khắp thế giới. Những phát hiện của ông chủ yếu là về dân cư bản địa, ngoại trừ những người thực dân phương Tây và những cuộc di cư trong vài thế kỷ qua. Kho dữ liệu này trở nên vô giá đối với các nhà nhân chủng học: các nhóm máu nói lên sự đa dạng phức tạp và hấp dẫn của con người, tuân theo một qui tắc vô hình và không thể thay đổi mà con người chưa biết đến trước năm 1900.

Chắc chắn cần phải chỉ ra rằng sự phân bố nhóm máu vượt qua mọi sự phân biệt chủng tộc dựa trên màu da hoặc các dữ kiện nhân hình học khác. Trên quy mô hoàn cầu, *alen* phổ biến nhất là O ở 63% dân số, tiếp theo là A ở 21% và B ở 16% tổng số người. Dữ kiện của Mourant cho thấy *alen* O luôn hiện diện ở hơn 50% dân số thế giới. Vào thời điểm nghiên cứu, nhóm máu O chiếm 95 đến 100 phần trăm dân số ở Trung và Nam Mỹ, mặc dù nó vẫn rất phổ biến ở phần còn lại của thế giới. Tiếp theo là nhóm A, phổ biến nhất ở Châu Âu, miền Tây nước Nga, Trung Đông, Nhật Bản và Úc. Nhóm B ít phổ biến hơn được đại diện nhiều hơn ở miền trung nước Nga, miền trung và miền đông châu Á và Ấn Độ. Chỉ ở một số khu vực ở Châu Phi, tỷ lệ lưu hành của nhóm B mới vượt quá tỷ lệ của nhóm A. Cuối cùng, nhóm AB có ít đại diện nhất trên toàn thế giới. Nó chỉ là một miếng bánh nhỏ, hiếm khi vượt quá 5% ở những quần thể có cả A và B.

Trong dân số thế giới ngày nay, tỷ lệ tương đối của các nhóm ABO được liệt kê trong bảng dưới đây:

O	40–45%
A	35–40%
B	4–11%
AB	1–5%

Nhóm AB cho đến nay là nhóm hiếm nhất. Chỉ ở một số nhóm dân cư châu Á, tỷ lệ này mới đạt và vượt quá 10%: đây là những nhóm dân cư trong đó cả nhóm A và B đều tương đối phổ biến với cái giá phải trả là O. Một ví dụ là trường hợp người Nhật Ainu sinh sống trên đảo Hokkaido, phía bắc Nhật Bản. Họ giữ kỷ lục về tỷ lệ mắc bệnh AB từ 17 đến 18%, tương tự như một số khu vực chuyên biệt khác của Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc. Ở châu Âu, tỷ lệ lưu hành AB đạt 10% ở người Roma thuộc Hungary và vẫn còn tương đối cao ở Ba Lan (9%), cũng như ở Cộng hòa Séc và Phần Lan. Thật đáng lưu ý khi chỉ ra con số 8% ở Israel ngày nay.

Nhóm máu được xác định như thế nào trong pháp y?

Từ lâu, pháp y đã giải quyết vấn đề xác định nhóm ABO của các dấu vết máu đông, mất nước, phân hủy tìm thấy tại hiện trường vụ án. Các nhà khoa học pháp y nhận thức rõ rằng việc đạt được mục tiêu này không thể xác định chính xác thủ phạm, đặc biệt khi nhóm máu là phổ biến. Tuy nhiên, việc xác định nhóm máu thường có thể loại trừ dứt điểm những nghi phạm thuộc các nhóm máu hoàn toàn khác nhau. Tuy nhiên, các kỹ thuật nhận dạng DNA được phát triển trong 10 đến 20 năm qua chắc chắn đã vượt qua những hạn chế của việc xác định nhóm máu: hồ sơ di truyền thu được bằng phân tích STR cho phép nhận dạng một cá nhân với mức độ chính xác gần 100%. Điều này có thể đạt được chỉ bằng cách kiểm tra một mẫu tóc hoặc dấu vết vô hình của các tế bào da mà tất cả chúng ta để lại. Tuy nhiên, trong nhiều thập niên, Hercule Poirot và Miss Marple - những người không được tiếp cận với các kỹ thuật DNA - chỉ đơn giản dựa vào việc xác định nhóm máu.

Tôi nên chỉ ra rằng các tế bào hồng cầu trong vết máu khô cũ có xu hướng phân hủy và vỡ nhanh chóng. Vì vậy, các xét nghiệm dính kết thông thường, đơn giản và nhanh chóng được sử dụng cho máu tươi không thể được sử dụng trong những trường hợp này. Tuy nhiên, người ta đã chứng minh rằng kháng nguyên ABO có thể chống lại tình trạng mất nước trong thời gian dài, có thể là nhiều năm. Ngay cả khi có một lượng máu nhỏ, vẫn có thể quan sát phản ứng giữa các kháng thể chuyên biệt và mẫu bằng cách sử dụng các phương pháp phân tích nhất định. Những phương pháp này được thiết kế đặc biệt cho các xét nghiệm đầy thử thách này: chúng có thể “khuếch đại” và phát hiện bất cứ lượng dấu vết nào của kháng nguyên ABO có thể phát hiện được có trong các mẫu. Vì lý do này, chúng đã được sử dụng thành công ngay cả trên các mô cổ có nguồn gốc từ xác ướp hoặc lăng mộ từ hai đến ba nghìn năm tuổi. Hơn nữa, chúng ta không được quên rằng, ngoài việc được tìm thấy trên tế bào hồng cầu, kháng nguyên ABO còn có mặt trong nhiều mô khác như xương, cơ và răng.

Phép lạ ở Lanciano

Tất nhiên, đánh giá khoa học năm 1970 được giao cho Giáo sư Odoardo Linoli cũng liên quan đến việc xác định nhóm máu của phép lạ. Phương pháp phân tích của Linoli và kết quả của ông đã được ghi chép và xuất bản kỹ lưỡng. Chúng có sẵn, cùng với bằng chứng hình ảnh phong phú.

Nói tóm lại, ông đã sử dụng phương pháp tách rửa hấp thụ và sau đó có thể phát biểu như sau trong báo cáo cuối cùng của mình: “Thử nghiệm tách rửa hấp thụ tinh tế cho phép kết luận một cách khách quan với sự chắc chắn hoàn toàn rằng cả Máu và Thịt của phép lạ thánh thể Lanciano thuộc cùng nhóm máu AB.”

Phép lạ của Tixtla

Bác sĩ Castañón Gómez giám sát các cuộc điều tra lâm sàng năm 2009 trên bánh thánh đã bị chảy máu ba năm trước. Ông gửi các mẫu máu ông tự mang đến hai phòng thí nghiệm khác nhau để phát hiện các thành phần máu và thu được kết quả tương thích. Các báo cáo trên giấy viết thư có tiêu đề [letterhead] kèm theo các bức ảnh được Bác sĩ Castañón trích dẫn trong thư mục sao chép lại trong các văn bản. Báo cáo cuối cùng do Phòng thí nghiệm pháp lý Corporativo Médico của Thành phố Mexico do Bác sĩ Eduardo Sánchez Lazo đứng đầu đưa ra đã tuyên bố như sau: “Được phép xét nghiệm hóa mô miễn dịch nêu rõ đầy đủ sự chắc chắn và khách quan rằng [máu] thuộc nhóm AB.”

Tương tự, năm 2010, phòng thí nghiệm Gene-Ex do Bác sĩ Susana Pinell Prado di La Paz (Bolivia) đứng đầu cũng chứng minh mẫu máu thuộc nhóm AB. Kết quả một lần nữa đạt được bằng các kỹ thuật hóa mô miễn dịch được thực hiện sau khi khôi phục lại mẫu đã khử nước bằng dung dịch muối. Hơn nữa, cho đến nay, lần đầu tiên trên thế giới có một phát hiện độc đáo và đáng kinh ngạc đến từ phòng thí nghiệm của Bác sĩ Pinell Prado: máu được phát hiện là Rh âm tính. Đích thân Bác sĩ Pinell đã nói với tôi về kết quả năm 2010 của bà, đồng thời nhắc lại rằng bà chưa được thông báo về nguồn gốc của mẫu mà bà đang phân tích. Khi tôi chúc mừng bà vì là người đầu tiên trên thế giới xác định được nhóm máu Rh của Chúa Kitô, bà đã không nói gì vì khiêm tốn. Phát hiện của bà chắc chắn sẽ cần phải kiểm tra thêm. Tuy nhiên, nếu được xác nhận bằng các thử nghiệm trong tương lai được thực hiện trên các mẫu từ các phép lạ Thánh Thể hoặc thánh tích Khổ nạn khác, thì đó sẽ là một khám phá đáng chú ý. Nếu nhóm máu AB Rh âm cực kỳ hiếm được xác định một cách có hệ thống trong nhiều phép lạ và thánh tích, điều đó sẽ nâng cao tiêu chuẩn hơn nhiều đối với bất cứ ai tranh cãi về tính xác thực của chúng: việc tìm thấy một nhóm máu hiếm như vậy sẽ là một trường hợp ngẫu nhiên cực kỳ khó xảy ra trong nhiều mẫu vật “giả”. Tôi xin nhắc nhở người đọc rằng 15% nhân loại có Rh âm. Sau khi làm phép tính, chỉ có 0.75% nhân loại có AB Rh âm tính: chỉ khoảng 1 trên 133 người.

Khăn liệm Turin

Chỉ trong những năm 1980–1981, các nhà khoa học John Heller và Alan Adler từ Hiệp hội STURP mới chứng minh được sự hiện diện của máu trên Tấm khăn liệm. Sau phát hiện này, máu cũng được xác nhận là có nguồn gốc từ con người. Giáo sư Pierluigi Baima Bollone ở Turin là nhà nghiên cứu bệnh học đầu tiên chứng minh rằng máu của Tấm khăn liệm thuộc loại AB vào năm 1982. Ông đã phân tích 12 sợi vải được lấy vào ngày 9 tháng 10 năm 1978, bằng cách so sánh các sợi có nguồn gốc từ các vùng có vết máu với các sợi khác có nguồn gốc từ khu vực “trung tính” của Tấm vải liệm. Những chỗ dính máu là vùng được gọi là đai máu, tên gọi này do máu rỉ ra từ vết thương do ngọn giáo của viên đội trưởng ở bên phải và chảy ra sau lưng.

Các mẫu đối chứng cũng được chuẩn bị: bốn mẫu làm từ sợi vải nhuộm máu tươi và một mẫu làm từ sợi vải nhuộm máu cổ, có nguồn gốc từ một chiếc bình đựng tro cốt của người Ai Cập từ năm 1200 trước Công nguyên. Mỗi mẫu kiểm soát máu tươi được nhuộm bằng máu thuộc loại ABO khác nhau. Giáo sư Baima Bollone đã quan sát thấy phản ứng ++ chống lại kháng nguyên A và phản ứng +++ mạnh hơn chống lại kháng nguyên B trên các sợi dính máu của Tấm khăn liệm. Ngược lại, không thể quan sát thấy phản ứng nào khi kiểm tra các sợi của Tấm khăn liệm được lấy từ “khu vực trung tính” và các sợi của Ai Cập. Có lẽ, các sợi Ai Cập hẳn có máu nhóm O. Tất nhiên, các mẫu kiểm soát máu tươi khác hiển thị rất mạnh hoặc không có phản ứng tùy thuộc vào loại máu đặc thù của chúng.

Trong cùng nghiên cứu đó, Giáo sư Baima Bollone cũng đưa ra kết quả phân tích nhóm ngược lại: tìm kiếm kháng thể chống A hoặc chống B trong các mẫu của Khăn liệm. Kết quả âm tính về sự hiện diện của một trong hai loại kháng thể phù hợp với máu của Tấm khăn liệm thuộc loại AB, mặc dù phát hiện đó yếu về mặt phương pháp vì không thể phân biệt được với âm tính giả. Chỉ hai năm sau, vào năm 1984, Baima Bollone mới hoàn thiện việc xác định nhóm máu của Tấm khăn liệm bằng cách sử dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang đáng tin cậy hơn nhiều: cho các mẫu đã được bù nước [rehydrated] vào huyết thanh chứa một loại kháng thể đơn nhất. Cuối cùng, ông cũng cải tiến kỹ thuật của mình bằng cách sử dụng kháng

thể chống O bên cạnh kháng thể chống A và chống B để chủ động phát hiện các “kháng nguyên” O. (131) Điều này trái ngược với việc chỉ giả định rằng các kháng nguyên O phải hiện diện bất cứ khi nào không quan sát thấy phản ứng sau khi tiếp xúc với cả kháng thể chống A và chống B. Kết quả mới của ông là sự xác nhận đầy đủ rằng nhóm máu của Tấm khăn liệm là AB. Tất nhiên, các sợi từ “vùng trung tính” không dính máu sẽ không phản ứng với bất cứ loại kháng thể nào trong ba loại kháng thể.

Năm 1998, Bác sĩ Leoncio Garza-Valdes tại Đại học San Antonio (Texas) đã thực hiện một nghiên cứu tương tự trên các mảnh khăn liệm khác. Trên thực tế, đó là một loạt nghiên cứu chưa bao giờ được giám mục thành Turin cho phép. Thay vào đó, ông vẫn thực hiện chúng cùng với những “đồng phạm” đang sở hữu những mảnh Khăn liệm “còn sót lại” có nguồn gốc từ cuộc lấy mẫu năm 1988 nhằm mục đích xác định niên đại bằng carbon-14. Trong cuốn sách có tựa đề *The DNA of God? [DNA của Thiên Chúa?]*, Garza-Valdes tuyên bố rằng bằng phân tích hóa mô miễn dịch, mẫu máu mà ông sử dụng đã phản ứng với kháng thể chống B và không phản ứng với kháng thể chống O: kết quả tương thích với các nhóm máu B hoặc AB. Không rõ tại sao ông không bao giờ thử nghiệm mẫu của mình bằng kháng thể chống A, nhưng điều này - như chúng ta sẽ thấy trong chương tiếp theo - phù hợp với sự thiếu suy nghĩ mà ông đã thể hiện trong các nghiên cứu khác.

Giống như tất cả những tuyên bố về Tấm khăn liệm, việc xác định nhóm máu của nó cũng dẫn đến những cuộc tranh cãi bất tận giữa các chuyên gia về Tấm khăn liệm và những người hoài nghi. Một sự phản đối ban đầu bắt nguồn từ sự ô nhiễm sinh học nhất định của Tấm khăn liệm qua nhiều thế kỷ: có bao nhiêu bàn tay chạm vào mép của nó, đã khâu và vá nó? Đã bao nhiêu môi hôn nó? Có bao nhiêu con mắt đã khóc vì nó? Có bao nhiêu côn trùng, bọ ve và hạt phấn hoa định cư trong đó? Có bao nhiêu vi khuẩn và nấm phát triển trên đó? Được biết, kháng nguyên ABO có mặt trên nhiều mô động vật và con người. Do đó, có thể có sự ô nhiễm ABO có khả năng gây ra kết quả huyết thanh dương tính giả, dẫn đến việc xác định nhóm máu không chính xác cho máu vẫn có trên Khăn Liệm. Tuy nhiên, nếu đúng như vậy, Giáo sư Baima Bollone sẽ thu được kết quả huyết thanh dương tính không chỉ đối với các sợi dính máu mà còn đối với các sợi Vải liệm kiểm chứng ở “vùng trung tính” không dính máu. Tất nhiên, một phản bác nữa có thể là sự kiện việc ô nhiễm vi khuẩn được cho là sẽ chính xác hơn ở những vùng có vết máu; sự phản bác này không có tính quyết định, nhưng không dễ dàng bác bỏ được.

Một sự phản bác bổ sung có thể nảy sinh từ xu hướng của một số xét nghiệm huyết thanh học, đặc biệt là những xét nghiệm lỗi thời hơn, mang lại kết quả dương tính giả. Những điều này có thể đã phát hiện quá mức các nhóm A, B và AB so với nhóm O. Thật vậy, điều này có lẽ đã xảy ra trong một nghiên cứu của Israel về bộ xương vào năm 1977: kỹ thuật ức chế hấp thụ [absorption-inhibition] của họ đã đánh giá quá cao 51% mẫu xương của họ là AB. Tuy nhiên, nhiều kết quả thử nghiệm với những phát hiện nhất quán hiện đang hội tụ từ một số nghiên cứu được thực hiện không chỉ trên Tấm khăn liệm mà còn - như chúng ta sẽ thấy - trên khăn Khăn Mặt ở Oviedo và Áo dài Argenteuil. Qua nhiều năm, các thử nghiệm ngày càng phức tạp hơn và được thực hiện ở các phòng thí nghiệm khác nhau, với các phương pháp và thuốc thử khác nhau. Do đó, nguy cơ chung về việc xác định nhóm máu không chính xác đối với các mẫu máu được phân tích này ngày càng trở nên nhỏ.

Khăn trùm Mặt ở Oviedo

Đối với thánh tích này cũng vậy, vào năm 1985, Giáo sư Baima Bollone là nhà khoa học đầu tiên xác định máu của nó thuộc nhóm AB. Có bảy sợi chỉ bắt nguồn từ những vùng dính máu, thêm mười hai sợi nữa từ các cạnh của Khăn trùm Mặt và chất liệu khác trên băng dính, ông đã sử dụng một kỹ thuật tương tự như kỹ thuật mà ông đã sử dụng cho Tấm khăn liệm. Một lần nữa, Giáo sư Bollone đã chứng minh được rằng máu của Khăn trùm Mặt thuộc nhóm AB với xác suất cao.

Năm 1993, Bác sĩ Villalaín Blanco và Bác sĩ Heras Moreno đã trình bày các thử nghiệm của họ về vết máu và mẫu đối chứng của Khăn trùm Mặt tại đại hội cổ sinh vật học quốc gia ở Valencia. Họ thu được kháng nguyên B mạnh và kháng nguyên A yếu từ vải dính máu. Tuy nhiên, họ cũng thu được một số kết quả dương tính với kháng nguyên B từ vải không dính máu. Do đó, họ đã đo lượng kháng thể chống B tuyệt đối có trong hai mẫu và con số này cao hơn về mặt thống kê ở những vùng dính máu. Do đó, cuối cùng họ có thể kết luận rằng nhóm máu chính xác là AB.

Một lần nữa, vào cuối năm 1993, bác sĩ huyết học người Ý, Carlo Goldoni, đã trình bày kết quả của chính ông thu được bằng hai phương pháp đều chỉ ra nhóm máu AB.

Áo dài thánh của Argenteuil

Giáo sư Gérard Lucotte, nhà di truyền học xuất sắc người Pháp và chắc chắn là chuyên gia vĩ đại nhất về Áo dài Argenteuil, đã viết về hai cuộc điều tra nhằm xác định nhóm máu của nhiều tế bào hồng cầu có trên thánh tích trong cuốn sách *Sanguis Christi* (Máu Chúa Kitô) năm 2007 của ông. Đầu tiên, một nghiên cứu năm 1985 của Bác sĩ Saint-Prix cho rằng máu của Áo Dài thuộc loại AB, mặc dù kỹ thuật miễn dịch-huyết học “cổ điển” của nó vẫn chưa được giải thích đầy đủ. Sau đó, nhà di truyền học hăng hái đã làm độc giả ngạc nhiên với một điều mang tính đột phá bằng cách thờ ơ gợi ý trong chú thích cuối trang (số 127 trên trang 149) rằng vào những năm 2000, Giáo sư Lucotte đã sử dụng kỹ thuật đo tế bào dòng chảy [flow cytometry] trong phòng thí nghiệm đa năng cho mục đích xác định nhóm máu. Được tiếp cận với số lượng dồi dào tế bào hồng cầu nguyên vẹn, ông đã buộc nói chúng - bất cứ khi nào chúng có kháng nguyên bề mặt thích hợp - vào kháng thể huỳnh quang đơn dòng chống A và chống B. Sau đó, ông để các tế bào hồng cầu này chảy qua một tia laser. Sự hiện diện của kháng thể huỳnh quang có thể được phát hiện bằng máy dò ánh sáng giúp định lượng chính xác các tế bào. Kết quả là sự phân bố mật độ tế bào ở mức cao nhất gấp đôi đối với cả hồng cầu được coi là chống A và chống B: bằng chứng rõ ràng rằng máu thuộc nhóm AB. Đây không phải là kết quả do sự hiện diện của nhiều loại tế bào hồng cầu trong máu của nhiều người, cho ra kết quả AB không chính xác khi trộn lẫn với nhau. Như chúng ta sẽ thấy trong chương tiếp theo, Lý do là Giáo sư Lucotte cũng đã thu được một hồ sơ di truyền đơn nhất của tất cả các tế bào bạch cầu (132) có trong mẫu chất liệu của ông. Do đó, ông đã chứng minh rằng tất cả các tế bào hồng cầu mà ông phân tích cũng thuộc về một người duy nhất.

Tại sao lại là nhóm AB?

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang câu hỏi tế nhị hơn mà chúng ta không thể trì hoãn được nữa: Tại sao Máu của Chúa chúng ta lại thuộc loại AB? Phải chăng có một ý nghĩa màu nhiệm đặc thù nào đằng sau nhóm máu này mà về nó Dan Brown có thể viết cuốn sách bán chạy tiếp theo của ông ta chăng? Tôi nghĩ điều này cần được làm rõ ngay lập tức và chắc

chấn: bất cứ nhóm máu nào cũng có thể được chấp nhận. Mỗi giọt Máu quý giá nhất của Người đều có một giá trị vô hạn, hoàn toàn vượt xa các loại kháng nguyên hiện diện trên các tế bào hồng cầu của Chúa. Tuy nhiên, nếu một ngày nào đó, các kỹ thuật sinh học phức tạp mới dẫn đến việc khám phá ra rằng Máu Chúa Giêsu thực sự thuộc loại A, thì chắc chắn đó sẽ là một đòn giáng mạnh vào độ tin cậy của các phép lạ Thánh Thể của Lanciano và Tixtla, cũng như của các thánh tích Khổ Nạn. Tuy nhiên, niềm tin của Kitô giáo vào quyền năng cứu rỗi của sự hy sinh của Chúa Kitô sẽ không bị suy giảm chút nào.

Nói thế rồi, điều tuy nhiên vẫn khá rõ ràng là dù chúng ta có tin hay không thì nhóm máu của Chúa Giêsu thành Nadarét vẫn là mối quan tâm của chúng ta, bởi vì chúng ta quan tâm đến mọi điều về Con người này. Còn hơn thế nữa bởi vì chúng ta đang nói về Máu đổ ra trong sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử thế giới và - đối với những người có niềm tin - trong lịch sử cá nhân của mỗi con người. Nếu, trong tư cách những con người, chúng ta muốn tham gia, phân tích và xuất bản các bài báo khoa học về nhóm máu của xác ướp Tutankhamun (nhóm máu phụ A, A2), thì tại sao chúng ta không nên quan tâm nhiều hơn đến Chúa Giêsu'?

Máu Thật, một nhóm máu thật, chảy trong huyết quản của Chúa Giêsu. Điều này là do Chúa Giêsu Kitô là một con người có thật, và nhóm máu của Người giống với nhóm máu của hàng triệu người khác sống trước và sau Người: đó không phải là một loại nhóm máu độc nhất hay “ngoài hành tinh”.

Như thế, chúng ta hãy đi sâu vào một số suy tư về nhóm máu AB của Chúa Giêsu.

Nhóm máu đáng tin cậy

Nhóm máu AB đã tồn tại từ hai nghìn năm trước và nó tồn tại ở Palestine. Không cần thiết phải dựa vào các giả thuyết tiến hóa cho rằng nhóm A và B đã có mặt trong quá khứ xa xôi vài triệu năm trước để chứng minh điều này. Thay vào đó, người ta có thể tin tưởng rằng nhóm AB phải tồn tại ít nhất hai thiên niên kỷ bằng cách đơn giản phản ánh sự phân bố rộng rãi trên toàn thế giới hiện nay của ba *alen* ABO. Mức độ mà các *alen* này gắn bó chặt chẽ với nhau trong các quần thể Á-Âu và Châu Phi ngày nay không thể giải thích được trừ khi các nhóm ABO khác nhau cũng cùng hiện hữu trong các quần thể cổ thời. Nếu một nhóm máu thực sự mới xuất hiện và chỉ “vừa” xuất hiện, chẳng hạn như một nghìn năm trước, thì sự lan rộng của nó sẽ chưa lan rộng đến những khu vực rộng lớn trên hành tinh, hoặc sẽ hầu như không đến được những khu vực đó. Do đó, nhóm AB không phải là nhóm máu hoàn toàn mới bắt nguồn từ một đột biến mới, mà đúng hơn, nó chỉ đơn giản xuất hiện - như một nhóm thiểu số không thể tránh khỏi - bất cứ khi nào các *alen* A và B lần đầu tiên xuất hiện trong cùng một khu vực. Hơn nữa, bằng chứng trực tiếp về sự hiện diện của nhóm A và B ở khu vực Trung Đông và Địa Trung Hải hơn một nghìn năm trước đã được tìm thấy trong các xác ướp cổ thời.

Quả không thừa thãi khi nhấn mạnh rằng sự hiện diện của nhóm AB ở Palestine hai nghìn năm trước là đáng tin cậy về mặt lịch sử. Trên thực tế, ngay cả trong thời gian gần đây, Charles Freeman, một nhà sử học và học giả nổi tiếng người Anh, đã lao vào cuộc tranh luận này bằng cách đưa ra tuyên bố của mình rằng nhóm AB “là nhóm gần đây nhất về mặt tiến hóa” và không thể xuất hiện sớm hơn thế kỷ thứ chín sau Công nguyên, khi dân số da trắng loại A và dân số châu Á loại B của dân tộc Mông Cổ có thể “trộn lẫn” với nhau. Chống lại tất cả các bằng chứng khoa học, Freeman kiên quyết nhấn mạnh đến lý thuyết gây tranh cãi của Tiến sĩ Peter D'Adamo (133), nhưng mục tiêu thực sự của ông là làm hoen ô tính xác thực

của Tấm khăn liệm, vì - theo ông - tấm khăn liệm này đã được chính quyền Giáo hội tạo ra một cách nghệ thuật vào thế kỷ 14 để kích thích lòng đạo đức bình dân. Khi phục vụ mục đích chứng minh nguồn gốc thời trung cổ của Tấm khăn liệm, học giả Oxford thậm chí còn không ngần ngại chấp nhận các lý thuyết giả khoa học của D'Adamo.

Để kết luận, cần đề cập đến một nghiên cứu ủng hộ độ tin cậy của nhóm AB có thể được coi là “dứt khoát” hoặc thậm chí là “quá mức”. Năm 1977, Đại học Tel Aviv công bố một bản phân tích về 68 bộ xương của người Do Thái được chôn cất ở Giêrusalem vào thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên và ở En Gedi - một ốc đảo và cộng đồng nông thôn trên Biển Chết - vào thế kỷ thứ tư sau Công nguyên. Trong số 55 xương đùi trên đó các kháng nguyên ABO được nhận diện, có 17 xương thuộc loại A, 8 xương thuộc loại B, 2 xương thuộc loại O, và con số không lồ 28 (51% tổng số) là AB. Với sự phân bố nhóm máu bất thường, các tác giả đã đưa ra giả thuyết về sự tồn tại của một quần thể Địa Trung Hải cổ thời có tỷ lệ *alen* A và B cao hơn so với *alen* O. Tuy nhiên, thực tế hơn, nghiên cứu đã đánh giá quá cao mức độ phổ biến của nhóm AB. Theo đề xuất của một nghiên cứu của Pháp mười năm sau, nếu phương pháp miễn dịch huỳnh quang cụ thể hơn có sẵn vào thời điểm đó, nhiều cá thể AB sẽ được phân loại lại thành các nhóm máu khác. Một thông tin gây tò mò: vào cuối cuộc nghiên cứu ở Tel Aviv, tất cả những chiếc xương được phân tích đều được trân trọng trả về ngôi mộ ban đầu thay vì để lại trong bảo tàng. Tốt cho các nhà nghiên cứu Israel!

Nhóm máu hiếm

Trong số bốn nhóm ABO, nhóm AB chắc chắn là hiếm nhất. Nó không tự lan truyền như nhóm A và B chiếm ưu thế hoặc như nhóm O lặn. Điều này là do người AB chỉ có thể truyền *alen* A hoặc B cho con cái của mình, trong khi không có thứ gọi là *alen* AB. Do đó, sự tồn tại của nhóm AB phụ thuộc vào sự hiện hữu trước đó của nhóm A và B. Do đó, AB không bao giờ có thể trở thành nhóm trội vượt nhất. Nhiều nhất, nó có thể phổ biến hơn một chút ở những nhóm dân cư trong đó A và B chiếm tỷ lệ tương đối nhiều hơn O. Trong thế giới thực, những tình trạng này chỉ xảy ra ở người Ainu Nhật Bản và ở một số khu vực Trung hoặc Tây Á khác, nơi mà Tỷ lệ lưu hành AB đạt tới nhưng không bao giờ vượt quá 20%. Đây là một giá trị phần trăm rất cao khi xét rằng ước tính hiện tại về tỷ lệ lưu hành AB trong dân số thế giới là không quá 5% tổng số người đang sống.

Do đó, sự hiếm có và quý giá được xếp vào nhóm AB. Nếu có nhóm máu quý tộc thì chắc chắn sẽ là nhóm AB. AB rất phù hợp để trở thành nhóm máu quý giá và hoàng gia nhất trong lịch sử nhân loại.

Sự hiếm có của nhóm AB, như chúng ta sẽ sớm thảo luận, làm cho khả năng về mặt thống kê các phép lạ thánh thể và thánh tích là “giả” là cực kỳ nhỏ. Điều này là do tất cả những phép lạ liên quan đến nhóm máu đã biết và tất cả di tích mà chúng ta đã thảo luận đều thuộc nhóm máu AB, ngay cả những phép lạ có nguồn gốc từ những thời điểm lịch sử rất khác nhau, khi khái niệm về nhóm máu vẫn chưa được khám phá.

“Sự trùng hợp ngẫu nhiên” AB khiến cho một vụ lừa đảo ngẫu hứng trắng trợn rất khó xảy ra: một người giữ phòng thánh phạm thánh hoặc một linh mục không xứng đáng xỏ ngón tay của mình để nhuộm máu Minh Thánh nhằm mô phỏng một phép lạ sẽ khó có thể tạo ra một mẫu vật AB một cách ngẫu nhiên. Nhóm máu cũng có thể được sử dụng như một yếu tố phân biệt khi đánh giá các hình tượng thánh được cho là đã rơi nước mắt hoặc chảy máu. Xét nghiệm kháng thể dễ dàng và nhanh chóng xác định nhóm máu từ mẫu máu hoặc thậm chí là nước

mắt. Chúng đơn giản và tương đối rẻ tiền, đồng thời cung cấp câu trả lời ngay lập tức, không giống như việc lập hồ sơ DNA. May mắn thay, chủ đề về những bức tượng và hình ảnh khác lóc lác nằm ngoài phạm vi thảo luận của tôi: đó là một cánh đồng mà kẻ thù gieo rắc sự bối rối và bất an. Người ta nên nghĩ gì về bức tượng Đức Trinh Nữ Maria đầu tiên khóc ra máu B rồi đến máu O, trong khi nhóm nước mắt và mồ hôi trong cùng một hình ảnh là AB? Bình luận về trường hợp đó, một nhà thần học cho rằng “cả Chúa Giêsu lẫn Đức Maria đều có thể thuộc mọi nhóm máu của con cái họ”. Tôi chắc chắn không bị thuyết phục.

Thật không may, tính chuyên biệt của nhóm AB cũng có thể được sử dụng theo cách ngược lại: nếu một kẻ giả mạo thời hiện đại cố gắng tạo ra một phép lạ Thánh Thể giả, người đó sẽ cần phải sử dụng máu AB. Ngoài ra, người giả mạo ít nhất phải xuất trình một số loại giấy chứng nhận y tế chứng minh quan điểm tương tự. Bằng cách đó, máu giả của người đó sẽ cùng “nhóm máu được tìm thấy trên Khăn Liệm Thánh và trong phép lạ ở Lanciano”. Tôi không phóng đại: đây chính là điều người ta đang nói đến liên quan đến một Mình Thánh đẫm máu được tạo ra ở Ostina (Florence) vào tháng 5 năm 2003. Đó không phải là một sự kiện được Giáo hội công nhận, và việc thảo luận về nó sẽ không làm được gì khác hơn là củng cố những tiết lộ về một nhà ngoại cảm ba hoa dị giáo không xứng đáng được quảng cáo thêm nữa.

Nhóm máu hoàn chỉnh

Dù nhóm AB có phải là nhóm xuất hiện cuối cùng trong lịch sử nhân loại hay không thì nó vẫn là nhóm hoàn chỉnh nhất vì nó bao gồm tất cả những nhóm khác. Điều đáng chú ý là nhóm AB không “bỏ bê” nhóm O vì kháng nguyên O cũng có mặt ở các cá thể AB. Điều này là do kháng nguyên O thực chất là một phân tử chuỗi đường ngắn mà chỉ cần thêm một nguyên tố đường bổ sung để tạo thành kháng nguyên A hoặc B. Nếu chúng ta muốn đọc thêm về nhóm AB với một số suy nghĩ trừu tượng, chúng ta có thể coi đó như một phép ẩn dụ về Con Người Mới, về “sự viên mãn của Đấng làm cho tất cả được viên mãn” (Eph 1:23). Tương tự, nó có thể là một phép ẩn dụ về Adam Mới, về điểm khởi đầu và đích đến, vì “mọi vật đều được tạo dựng nhờ Người và cho Người” (Cl 1:16). Vào thế kỷ thứ hai, Thánh Irênê đã tuyên bố: “Chúa Kitô đã thu thập trong mình tất cả máu đổ ra của tất cả những người công chính và của các vị tiên tri, những người đã hiện hữu từ đầu” (*Adversus haereses* V, 14.1; cf. V, 14.2). Theo quan điểm thần học này, chắc chắn khá phù hợp khi máu của Chúa Giêsu thuộc nhóm máu AB.

Điều này lặp lại học thuyết của Chân phước John Duns Scotus, một nhà thần học dòng Phanxicô người Scotland ở thế kỷ thứ mười ba, người đã đưa ra giả thuyết rằng Chúa Giêsu, Ngôi thứ hai của Chúa Ba Ngôi, sẽ nhập thể ngay cả khi Adam không phạm tội ngay từ đầu. Nếu đúng như vậy thì mục đích Nhập Thể của Chúa Giêsu sẽ là để “tóm tắt” trong chính Người toàn bộ sự sáng tạo. Tuy nhiên, do hậu quả của Tội Nguyên Tổ, việc Chúa Kitô tóm tắt lại cũng mang tính chất cứu chuộc mọi người.

Nguồn gốc cha và mẹ riêng biệt

Nhóm AB là nhóm duy nhất được tạo thành từ hai đối tác nội và ngoại loại trừ lẫn nhau. Nếu *alen* A được thừa hưởng từ cha thì *alen* B phải được thừa hưởng từ mẹ và ngược lại, không được phép lựa chọn nào khác. Đối với tất cả các nhóm máu khác, không thể phân biệt rõ ràng sự đóng góp của cha và mẹ: sự hiện diện của *alen* O lặn luôn có thể xảy ra ở bố mẹ nhóm A hoặc B và do đó cũng có thể xảy ra ở con cái của họ. Vì điều này, chẳng hạn, sẽ không thể

biết bố hoặc mẹ nào đã truyền *alen* nào cho con trai có kiểu gen AO mà bố mẹ đều là AO. Tương tự như vậy, một đứa con trai thuộc nhóm O phải thừa hưởng hai *alen* O, mặc dù nguồn gốc từ cha và mẹ của chúng không thể phân biệt được.

Qua “dấu ấn sinh học” này, chúng ta có thể thấy hình ảnh của một di sản kép và riêng biệt từ cha và mẹ thuộc về người đàn ông được sinh ra bởi một người phụ nữ do tác động của Chúa Thánh Thần. Nhóm máu của Chúa Giêsu thành Nadarét - có *alen* cha và mẹ khác nhau - đại diện, theo một cách nào đó, tính hai mặt của bản chất con người và thần linh của Người trong sự thống nhất của Ngôi vị của Người. Thay vào đó, theo thuật ngữ sinh học chặt chẽ, nhóm AB nói về bản chất người của Đấng Cứu Thế, nhắc nhở chúng ta rằng Người phải có một Người Cha ngoài Người Mẹ Chí Thánh của Người.

Điều chúng ta đang đối diện ở đây là mâu thuẫn nhập thể thiên giới: một mâu thuẫn không thể dò thấu được từ góc độ khoa học. Chúa Giêsu không được thụ thai bằng phương pháp sinh sản đơn tính [parthenogenesis] - nghĩa là, Người không phải là dòng vô tính [clone] của Mẹ Người - mà thay vào đó, việc Nhập thể của Người cũng cần có một giao tử đực, một giao tử không được tạo ra bởi bất cứ người đàn ông nào. Tuy nhiên, bất chấp nguồn gốc thần linh của nó, giao tử này phải là một giao tử hoàn toàn bình thường và giống con người để bảo đảm Đấng Cứu Rỗi của chúng ta thực sự là một người đàn ông đích thực.

Nếu không, ngoài mọi cân nhắc về mặt thần học, nếu Chúa Giêsu là một sinh sản vô tính của Mẹ Người thì Người sẽ là nữ. Từ khi sinh ra, Hai Nhi Giêsu không thể phân biệt được với bất cứ một trong hàng tỷ trẻ em được sinh ra trước và sau Người, tất cả - ngoại trừ Adam và Eva - là con trai và con gái của cha mẹ chúng. Vì vậy, nhóm AB mời gọi chúng ta suy niệm về mâu thuẫn Chúa Kitô, Thiên Chúa thật và con người thật, như đã được công thức hóa trong tín điều của Công đồng Canxêdoan.

Loại máu tiếp nhận phổ quát

Từ góc độ khả năng tương thích khi truyền máu, Máu Chúa Giêsu không phải là điều chúng ta mong đợi. Sự hào phóng và biến bản thân thành một món quà được trao tặng vô điều kiện cho tất cả mọi người là những đặc điểm của nhóm O: “nhóm tặng dữ phổ quát”, một nhóm càng phổ quát hơn nếu cũng có Rh âm. Thay vào đó, nhóm AB là “người tiếp nhận phổ quát” chỉ có thể hiến tặng bản thân một cách “ích kỷ” cho các cá nhân khác trong nhóm AB.

Vậy chúng ta hãy mở rộng phép ẩn dụ truyền máu này: Máu của Chúa Kitô giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi (*Khải huyền* 1:5) và sự chết. Hơn nữa, trong sách Khải Huyền, những người trong đám đông được cứu mặc áo trắng được giặt trong Máu Chiên Con (7:14). Có thể nói, chỉ có nhóm máu AB “tiếp nhận phổ quát” mới có thể hoạt động như một “dung môi phổ quát”, trong đó bất cứ loại máu nào của bất cứ và mọi người đều có thể được trộn lẫn để được thanh lọc. Máu AB chào đón máu của chính chúng ta mà không phản ứng lại. Bằng cách đó, máu của chúng ta hòa tan trong Máu Người có thể được nâng lên tính quý giá vô hạn của Người. Trong nhóm máu chào đón tất cả những máu khác, chúng ta cũng có thể tìm thấy sự liên quan đến dòng máu quý giá của các vị tử đạo góp phần hoàn thành hy tế Khổ Nạn diễn ra trên Núi Golgotha. Tổng quát hơn, chúng ta có thể suy niệm về nỗi đau khổ thể xác của mỗi Kitô hữu, mà nếu được sẵn lòng chấp nhận và dâng hiến, có thể hoàn thành một cách mâu thuẫn nỗi đau khổ cứu chuộc của Chúa Kitô (*C1* 1:24).

Một quả bom thống kê

Bây giờ là lúc tập trung vào phát hiện thống kê về sự hiện diện không phải ngẫu nhiên của máu AB trong các mẫu vật mà chúng ta đã thảo luận. Tôi xin nhắc nhở độc giả rằng không có xét nghiệm xác định nhóm máu nào được thực hiện đối với các phép lạ Thánh Thể ở Buenos Aires, Sokółka và Legnica. Ở Buenos Aires, điều này là do số lượng mẫu vật được lấy rất ít và việc phân tích DNA được ưu tiên nhiều hơn. Thay vào đó, ở Ba Lan, điều này là do các thử nghiệm khác đã được thực hiện được coi là đủ để chứng minh tính chất lạ lùng của các sự kiện. Tuy nhiên, bất cứ nơi nào nhóm máu được xác định ở Lanciano, ở Tixtla và trên ba Tấm vải Khổ Nạn chính, nhóm máu đó đều được tìm thấy - không có ngoại lệ.

Có năm mẫu máu từ các vật liệu khác nhau, từ những thời điểm lịch sử rất khác nhau và từ những nơi xa xôi. Bốn trong số đó đã được truyền lại cho chúng ta từ thời lịch sử khi các nhóm máu thậm chí còn chưa hiện hữu. Do đó, những người giả mạo không thể chọn nhóm máu thích hợp với mục đích mọi lần được. Tuy nhiên, cả năm mẫu, theo các thử nghiệm thường được lặp lại nhiều lần, với các kỹ thuật khác nhau và trong các phòng thí nghiệm khác nhau đều thuộc loại AB.

Đây có thể là cơ hội ngẫu nhiên? Hãy áp dụng một vài công thức thống kê đơn giản.

Tôi xin nhắc lại rằng 5 phần trăm - một trong số hai mươi - là xác suất trung bình ngày nay để thuộc nhóm AB đối với bất cứ cá nhân nào thuộc bất cứ dân tộc da trắng nào. Không có lý do gì để tin rằng cùng một xác suất cơ bản sẽ khác nhiều so với hai mươi thế kỷ trước. Nếu sự kiện ngẫu nhiên “thuộc nhóm AB” xảy ra trong hai trường hợp riêng biệt thì đó sẽ là một thống kê tầm thường khi biết rằng xác suất tổng thể của điều đó sẽ được tính bằng cách nhân hai xác suất đó với nhau. Đó là $1/20 \times 1/20$, bằng 1 trên 400, v.v. cho bất cứ biến cố nào khác.

Xác suất xảy ra ba sự kiện AB khi đó sẽ là $1/20 \times 1/20 \times 1/20$, tức là 1 trên 8,000: đây sẽ là khả năng ba kẻ giả mạo thời Trung cổ đã chế tạo một cách độc lập cả ba thánh tích giả như Tấm khăn liệm, khăn trùm Mặt và chiếc áo dài và nhuộm tất cả chúng bằng máu người AB. Không chỉ vậy, ba người giả mạo khác nhau sẽ phải làm điều này ba lần cách nhau vài thế kỷ và cách nhau vài nghìn km. Sau đó, kết hợp điều đó với việc chọn ngẫu nhiên ba tình nguyện viên còn sống và thuận ý, những người ngẫu nhiên thuộc nhóm AB. Chúng ta nên thừa nhận rằng xác suất 1 trên 8,000 không hẳn là một sự trùng hợp tầm thường mà là một sự kiện mà chúng ta tri nhận là rất xa vời và khó xảy ra. Đặt chuyện này vào viễn cảnh, người ta ước tính rằng khả năng tử vong do tai nạn xe hơi trong 12 tháng tiếp theo ở Hoa Kỳ là 1 trên 7,700, một tỷ lệ rất tương tự. Bất chấp may rủi này, tất cả chúng ta vẫn tiếp tục lái xe mà không thực sự lo lắng về việc tử vong, vì chúng ta cho rằng khả năng này rất xa vời và khó xảy ra, mặc dù các đại lý bảo hiểm thân thiện của chúng ta luôn nhắc nhở chúng ta về rủi ro đó vì nó liên quan trực tiếp đến lựa chọn lái xe của chúng ta. Nếu chúng ta chắc chắn về tính ngẫu nhiên của máu AB trên ba thánh tích giả mạo đó, thì chúng ta cũng chắc chắn như vậy về cái chết không thể tránh khỏi và sắp xảy ra trên đường trong vòng một năm! Luận lý của chúng ta sẽ thuyết phục chúng ta từ bỏ ngay bất cứ chuyến du lịch nào ngoại trừ việc đi bộ, đạp máy bay hoặc đạp xe lửa.

Hãy lấy một ví dụ hài hước và ít bệnh lý hơn: trong trò chơi Lotto Ý, cơ hội ghi được ba số liên tiếp, bằng cách chỉ đặt cuộc vào ba số một lần và trên một bánh xe Lotto duy nhất, được ước tính là 1 trên 11,748. Thành thật mà nói, điều này hiếm đến mức “trúng số độc đắc” sẽ là một sự may mắn trong đời, mặc dù nó chỉ ít phổ biến hơn một lần rưỡi so với khả năng ngẫu

nhiên ba thánh tích mang cùng nhóm máu AB. Nếu chúng ta nghĩ điều đó là bình thường thì đã đến lúc ghé qua cửa hàng cá cược, nơi thực sự có rất nhiều tiền mặt đang chờ đợi chúng ta.

Nếu chúng ta cũng coi thánh tích Lanciano là giả, như được chế tác vào đầu thời Trung cổ âm u, thì chúng ta nên nhân với 20 lần xác suất “không khí loãng” trước đó: chúng ta sẽ có 1 cơ hội trong 160,000. Đây chính xác không phải là một sự kiện phổ biến: xác suất tử vong do bị sét đánh trong suốt cuộc đời - theo cùng số liệu của Mỹ - được ước tính là 1 trên 79,746. Điều đó có nghĩa là việc bị sét đánh dễ chết gấp đôi so với việc thừa nhận rằng sự tái diễn độc lập của nhóm AB trong bốn mẫu vật thời Trung cổ của chúng ta là do tình cờ. Có lẽ sẽ không ngoan nếu những người bạn theo chủ nghĩa thể tục và duy lý của chúng ta lắp đặt một số cột thu lôi trên mái nhà của họ.

Bằng cách tính đến sự kiện Tixtla năm 2006, xác suất xảy ra sự trùng hợp ngẫu nhiên gấp 5 lần nhóm AB đạt đến con số mà chúng ta thực sự không thể tưởng tượng được: 1 trên 3,200,000. Trên một ngưỡng nhận thức nhất định, nhận thức của chúng ta về hàng nghìn, hàng triệu và hàng tỷ biến thành một số mờ ảo có kích thước bằng đại dương trôi nổi trên đầu chúng ta và chúng ta không thể tranh luận gì thêm về nó.

n số liên tiếp Phần trăm p xác suất của sự kiện Xác suất các biến cố một may rủi (tổng = 1) trong

1	5	0.05	20
2	0.25	0.0025	400
3	0.0125	0.000125	8,000
4	0.000625	0.00000625	160,000
5	0.00003125	0.0000003125	3,200,000

Nếu DNA, như chúng ta sẽ thấy trong chương tiếp theo, không thể đưa ra bằng chứng số học thuyết phục như vậy - có lẽ do ý muốn thần linh kết hợp với sự thận trọng và khiêm tốn của con người - tuy nhiên, chúng ta phải thừa nhận rằng nhóm AB tạo ra một trở ngại khá cồng kềnh dành cho những người đang cố gắng phá hủy tính xác thực của các tấm khăn Khổ nạn và những sự kiện Thánh Thể này. Đây là lý do tại sao không ai dám đối đầu với lập luận thống kê này về Tấm khăn liệm, khăn trùm Mặt và Áo dài. Thay vào đó, những người phản đối chúng thường thách thức việc xác định nhóm AB bằng những tuyên bố khá nông cạn như “Tất cả các loại vải cổ đều là AB”, “Nhóm AB không hiện hữu ở Palestine hai nghìn năm trước”, v.v. Cuối cùng, thay vào đó, các cuộc điều tra về phép lạ Thánh Thể bị bỏ qua. Danh

tiếng của các phòng thí nghiệm và các nhà nghiên cứu đã phân tích chúng bị phá hoại mà không dành thời gian ngày nay để xem xét kết quả của họ.

Mặt khác, điều mà tôi vẫn không thể hiểu được là thái độ quá thận trọng và phục tùng của các nhà chức trách tôn giáo: việc phát hiện sự phù hợp về nhóm máu thực sự là một “quả bom thống kê” mà Giáo hội Công giáo có thể kích nổ với niềm tin lớn hơn trong cuộc chiến hộ giáo của mình. Ai biết được liệu người đọc, tại thời điểm này, có đang gặp phải một sự bất hòa nào đó về nhận thức hay không: Nếu tính xác thực của những loại vải và mô tế bào này được chứng minh với độ tin cậy 99.99996875% do sự phù hợp của nhóm máu, thì tại sao lại không có ai nói về chúng?

Những mẫu vật này thực tế đã được phân tích vào những năm 1970 và 1980, cách đây một thời gian. Bây giờ chúng ta là thế hệ thứ hai trong toàn bộ lịch sử Kitô giáo đang phải đối diện với những phát hiện mạnh mẽ và chưa từng có này. Chẳng phải đã đến lúc gạt bỏ sự nhút nhát của cha anh chúng ta hay sao?

Thư mục

Hosoi, Eiji. 2008. “Biological and Clinical Aspects of ABO Blood Group System [Các khía cạnh sinh học và lâm sàng của hệ thống nhóm máu ABO].” *Journal of Medical Investigation* 55 (3–4): 174–182.

Yamamoto, Fumiichiro, Henrik Clausen, Thayer White, John Marken và Sen-itiroh Hakomori. 1990. “Molecular Genetic Basis of the Histo-Blood Group ABO System [Cơ sở di truyền phân tử của hệ thống nhóm máu ABO].” *Nature* 345: 229–233. Khám phá căn bản về sự khác biệt trong trình tự di truyền của nhiễm sắc thể số 9, làm cơ sở cho ba *alen* A, B và O khác nhau.

Segurel, Laure, Emma Thompson, Timothée Flutre, và những người khác. 2012. “The ABO Blood Group Is a Trans-species Polymorphism in Primates [Nhóm máu ABO là sự đa hình xuyên loài ở loài linh trưởng].” *Proceedings of the National Academy of Sciences of the United States of America* 109 (45): 18493–18498.

Garratty, G. 2005. “Relationship of Blood Groups to Disease: Do Blood Group Antigens Have a Biological Role? [Mối quan hệ giữa các nhóm máu với bệnh tật: Kháng nguyên nhóm máu có vai trò sinh học không]” *Revista médica del Instituto Mexicano del Seguro Social* 43 (1): 113–121.

Mourant, A. E. 1954. *The Distribution of the Human Blood Groups* [Sự phân bố các nhóm máu ở người]. Oxford: Blackwells.

Bạn sẽ tìm thấy thông tin chi tiết trong “Blood Groups and Human Groups: Collecting and Calibrating Genetic Data after World War II [Nhóm máu và nhóm người: Thu thập và hiệu chỉnh dữ kiện di truyền sau Thế chiến thứ hai]” của Jenny Bangham. Nghiên cứu lớn đầu tiên có tầm quan trọng lịch sử to lớn về sự phân bố nhóm máu của con người trong dân số bản địa trên toàn thế giới.

D'Adamo, Peter. 2019. “Blood Groups and the History of Peoples [Nhóm máu và lịch sử các dân tộc].” Dadamo.com. Trang mạng. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <http://www.dadamo.com/txt/index.pl?1010>.

Klys, M., B. Opolska-Bogusz và B. Prochnicka. 1999. “A Serological and Histological Study of the Egyptian Mummy ‘Iset Iri Hets’ from the Ptolemaic Period III–I B.C [Một nghiên cứu huyết thanh học và Nghiên cứu mô học về Xác ướp Ai Cập 'Iset Iri Hets' từ Thời kỳ Ptolemaic III–I trước Công nguyên].” *Forensic Science International* 99 (3): 229–233.

Kitano, Takashi, Antoine Blancher và Naruya Saitou. 2012. “The Functional A Allele Was Resurrected via Recombination in the Human ABO Blood Group Gene [Alen chức năng A đã được phục hồi thông qua tái tổ hợp trong gen nhóm máu ABO của con người].” *Molecular Biology and Evolution* 29 (7):1791–1796.

Nghiên cứu di truyền củng cố sự hiện hữu của chỉ một *alen* A tổ tiên đối với loài người đầu tiên mà B và O được tạo ra thông qua đột biến. Nó cho rằng nhóm A nguyên thủy thoát đầu đã bị mất và sau đó xuất hiện trở lại khoảng ba trăm năm trước, nhờ sự kết hợp lại của nhóm B và O.

Allison, M., A. Hossaini, N. Castro và những người khác. 1976. “ABO Blood Groups in Peruvian Mummies I: An Evaluation of Techniques [Nhóm máu ABO ở xác ướp Peru I: Đánh giá kỹ thuật].” *American Journal of Physical Anthropology* 44 (1): 55–61.

Bằng chứng về sự hiện hữu của nhóm A, B và AB ở Peru thời tiền Colombia với kỹ thuật huyết thanh học AI, AE và MA.

Allison, M., A. Hossaini, J. Munizaga và R. Fung. 1978. “ABO Blood Groups in Chilean and Peruvian Mummies II: Results of Agglutination Inhibition Technique [Nhóm máu ABO ở xác ướp Chile và Peru II: Kết quả của kỹ thuật ức chế dính kết].” *American Journal of Physical Anthropology* 49 (1) 139–142.

Nghiên cứu cho thấy có thể tìm thấy tất cả các nhóm ABO trong xác ướp Peru từ năm 3000 trước Công nguyên đến năm 1400 sau Công nguyên bằng phương pháp AI. Ngược lại, ở các xác ướp Chile, họ tìm thấy máu A hoặc máu O, nhưng không tìm thấy máu B hay máu AB.

Sharma, Shikha. 2010. “ABO Blood Grouping: Methods and Procedures [Nhóm máu ABO: Phương pháp và quy trình].” Bài viết công nghệ sinh học. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.biotecharticles.com/Others-Article/ABO-Blood-Grouping-Methods-and-Procedures-473.html>.

Hummel, Susanne, Diane Schmidt, Melanie Kahle và Bernd Herrmann. 2002. “ABO Blood Group Genotyping of Ancient DNA by PCR-RFLP [Xác định kiểu gen nhóm máu ABO của DNA cổ bằng phương pháp PCR-RFLP].” *International Journal of Legal Medicine* 116 (6): 327–333. Nghiên cứu xuất sắc của nhóm Giáo sư Hummel. Năm 2002, họ đã chứng minh rằng các nhóm máu còn sót lại của con người từ thời kỳ đồ đồng có thể được xác định bằng cách giải trình tự trực tiếp các phần của nhiễm sắc thể số 9.

Linoli, Odoardo. 1992. *Ricerche istologiche, immunologiche e biochimiche sulla carne e sul sangue del miracolo eucaristico di Lanciano (VIII secolo)* [Nghiên cứu mô học, miễn dịch và sinh hóa về thịt và máu của phép lạ Thánh Thể Lanciano (thế kỷ 8)] tái bản lần thứ nhất. Ý: Edizioni S.M.E.L.

Nghiên cứu từ năm 1971 tích hợp với dữ kiện từ năm 1981. Cuốn sách bao gồm các cuộc điều tra về việc xác định nhóm máu của Thịt và Máu ở Lanciano.

Castañón Gómez, Ricardo. 2014. *Crónica de un milagro eucarístico: Esplendor en Tixtla Chilpancingo, Mexico* [Biên niên sử Phép lạ Thánh Thể: Sự huy hoàng ở Tixtla Chilpancingo, Mexico]. Grupo Internacional para la Paz.

Cuốn sách đáng lưu ý về các sự kiện Tixtla, bao gồm cả việc chứng minh nhóm máu của cùng một thánh tích.

Kearse, Kelly. 2012. “Blood on the Shroud of Turin: An Immunological Review [Máu trên Khăn liệm Turin: Một đánh giá về miễn dịch học].” Shroud.com. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021. <https://www.shroud.com/pdfs/kearse.pdf>.

Garza-Valdes, Leoncio. 1998. *The DNA of God? [DNA của Chúa?]* New York: Bantam Doubleday Dell.

Lucotte, Gérard và Philippe Bornet. 2007. *Sanguis Christi: Le sang du Christ. Une enquête sur la tunique d'Argenteuil* [Máu Chúa Kitô: Máu Chúa Kitô. Một cuộc điều tra về Áo thánh

ở Argenteuil]. Guy Trédaniel Éditeur. Sách tham khảo về Áo dài ở Argenteuil. Hai loại xét nghiệm được đề cập liên quan đến việc xác định nhóm máu.

Crainic, K., M. Durigon và R. Oriol. 1989. “ABO Tissue Antigens of Egyptian Mummies [Kháng nguyên mô ABO của xác ướp Ai Cập *Forensic Science International* 43 (2): 113–124. Nghiên cứu của Pháp trên 14 xác ướp đồng thời so sánh ba phương pháp xác định nhóm máu khác nhau (AE, AM và IHF) cũng như phương pháp miễn dịch huỳnh quang.

Micle, S., E. Kobilyansky, M. Nathan và những người khác. 1977. “ABO-Typing of Ancient Skeletons from Israel [Lên mẫu ABO các bộ xương cổ từ Israel].” *American Journal of Physical Anthropology* 47: 89–91.

Ghi chú

(129) Phản ứng tiêu chuẩn của tế bào *lympho* sẽ là việc tuyển dụng các tế bào bạch cầu thuộc lớp tế bào *lympho* phức tạp hơn để tiêu diệt nhắm vào bất cứ chất liệu được gắn thẻ kháng thể nào. Kháng thể không có khả năng phá hủy những gì chúng gắn thẻ. Sự phá hủy thực sự đòi hỏi sự có mặt của các tế bào *lympho* nhận biết các kháng thể gắn thẻ.

(130) Đồng hợp tử [Homozygous] có nghĩa là mang hai bản sao (hoặc *alen*) giống hệt nhau từ bố và mẹ của một gen nhất định, trong trường hợp này là gen xác định nhóm máu. Thay vào đó, dị hợp tử [Heterozygous] có nghĩa là mang các biến thể cha và mẹ khác nhau của cùng một gen.

(131) Nói một cách chính xác, kháng nguyên O không phải là kháng nguyên thực sự của con người, vì chuỗi phân tử đường của chúng không có khả năng tạo ra phản ứng miễn dịch. Tuy nhiên, kháng thể chống lại chúng vẫn có thể được tạo ra một cách nhân tạo để sử dụng trong phòng thí nghiệm.

(132) Hồng cầu không chứa bất cứ DNA nào vì chúng không có nhân. Tuy nhiên, các tế bào bạch cầu chắc chắn có và DNA của chúng có nghĩa là giống hệt nhau nếu thuộc về cùng một người.

(133) Bác sĩ Peter D'Adamo là một người Mỹ áp dụng thiên nhiên liệu pháp [naturopath] và là người đề xuất chế độ ăn kiêng theo nhóm máu của chính mình, chế độ ăn này không dựa trên bất cứ bằng chứng khoa học nào.

Chương XII. DNA

Các điểm giáo khoa vắn tắt

Mọi tế bào của con người đều chứa đựng chất liệu di truyền DNA, trong nhân của nó.(134) DNA của loài người được chia thành hai mươi ba cặp nhiễm sắc thể. Nó là một sợi xoắn kép cực kỳ dài được tạo thành từ các chuỗi bổ sung của các khối xây dựng *nucleotide* ghép đôi. Mỗi *nucleotide* được tạo thành từ cùng một phân tử đường, một nhóm photphat và một trong bốn bazơ có thể, mỗi bazơ chứa nitơ: *adenine*, *thymine*, *guanine* và *cytosine*. Chúng được viết tắt bằng các chữ cái đầu - A, T, G và C - để đơn giản hóa. Trình tự của các bazơ này xác định rõ ràng thứ tự các axit amin phải được lắp ráp để tổng hợp từng loại protein tế bào cụ thể. Điều này xảy ra nhờ ngôn ngữ mã hóa, mã di truyền, liên kết một bộ ba *nucleotide* với một loại axit amin duy nhất. Mỗi bộ ba được tạo thành từ ba bazơ nitơ liên tiếp trên sợi DNA. Mã này có tính dư thừa, nghĩa là có nhiều bộ ba khác nhau cùng mã hóa cho một axit amin. Thật vậy, có 64 cách kết hợp bộ ba có thể xảy ra: AAA, AAC, v.v., cho đến TTT. Mỗi loại chỉ có thể mã hóa một trong hai mươi axit amin hiện hữu trong thiên nhiên. Ngoại lệ duy nhất là một số lượng hạn chế các bộ ba không mã hóa đóng vai trò là tín hiệu phiên mã [transcription] “bắt đầu” và “dừng”. Mã này rõ ràng và phổ quát. Nó y như nhau đối với tất cả các tế bào của con người, động vật, thực vật hoặc vi khuẩn sống trên Trái đất.

Gen là mọi phần của sợi *nucleotide* (hợp chất được tạo nên bởi *acid phosphoric*) DNA mã hóa trình tự axit amin đầy đủ của toàn bộ protein. Có khoảng hai mươi đến hai mươi hai nghìn gen trong DNA của con người: một con số rất giống với số lượng gen ở các loài khác. Một phát hiện ban đầu mà các nhà nghiên cứu thấy khá bối rối là trong số ba tỷ cặp *nucleotide* trong bộ gen đơn bội của con người,(135) chỉ có 1.5% thực sự là một phần của chuỗi gen. Phần còn lại được dán nhãn DNA rác [junk DNA] vì ý nghĩa và mục đích của nó vẫn chưa được hiểu rõ. Cho đến ngày nay, những đoạn không lờ DNA của con người dường như không có bất cứ vai trò nào được biết đến và được tạo thành từ hàng loạt chuỗi lặp lại vô cùng dài và cằn cỗi. Tuy nhiên, pháp y dựa vào DNA lặp đi lặp lại này để nhận diện con người.

DNA chứa rất nhiều khoa học giả [pseudoscience] thần thoại trong trí tưởng tượng của những người bình thường thời hiện đại. Khoa học giả này miêu tả DNA là phân tử chứa đựng toàn bộ *yếu tính* của mỗi sinh vật, như thể nó là trụ sở mới của linh hồn: linh hồn của mỗi người và tâm hồn của một dân tộc. Chúng ta nói “Nó nằm trong DNA của tôi” khi nói về bất cứ điều gì mà chúng ta tin là sâu sắc và tự phát về hành vi của mình. Trở thành thánh, nhà thơ, nhà hàng hải, hoặc - tầm thường hơn - để tránh nấu mì ống quá chín vốn nằm trong DNA của người Ý”

DNA trong pháp y

Một phần kiến thức rất quan trọng của chúng ta về cấu trúc và chức năng của DNA - cùng với sự sẵn có rộng rãi của công nghệ PCR và điện chuyển trên gel - là khả năng nhận dạng từng con người đang sống trên thế giới với độ chính xác cực cao và độc quyền. Điều này có thể được thực hiện với số lượng nhỏ các mẫu sinh học. Phản ứng chuỗi *polymerase* (PCR) dễ dàng khuếch đại các đoạn DNA cụ thể bằng cách tạo ra hàng triệu đến hàng tỷ bản sao của chúng. PCR có thể được thực hiện bất cứ khi nào có hai điều kiện sau:

1. Một lượng dấu vết của trình tự DNA nhất định có trong mẫu cần phân tích.
2. Đã biết các chuỗi *nucleotide* ở đầu và cuối đoạn DNA tìm kiếm.

Do đó, PCR có hai mục đích:

1. Xác định xem một số chuỗi DNA cụ thể có hiện diện trong một mẫu chưa biết hay không
2. Tạo ra số lượng rất lớn các bản sao của chuỗi DNA được mong đợi, sau đó có thể được sử dụng để chạy nhiều xét nghiệm phân tử khác (điều này giúp loại bỏ mọi lo ngại về việc hết mẫu có sẵn)

Mặt khác, điện chuyển DNA trên gel - tương tự như điện chuyển protein - tách các đoạn DNA trong mẫu theo trọng lượng phân tử của chúng. Điều này tỷ lệ thuận với số lượng *nucleotide* mà chúng được tạo thành. Những kỹ thuật DNA cơ bản này đặt nền móng cho phân tích STR.

STR là gì? Nên kiên nhẫn hơn một chút với các thuật ngữ này. Chúng ta vừa thấy rằng, thật đáng ngạc nhiên, hầu hết DNA của con người không được tạo thành từ các gen quý giá ban tặng cho chúng ta đôi mắt xanh hoặc tăng cường chỉ số IQ. Thay vào đó, phần lớn nó được tạo thành từ những đoạn dài gây bối rối và nhầm lẫn của các chuỗi ngắn từ 2 đến 5 *nucleotide* có thể được lặp lại, chẳng hạn, từ 5 đến 50 lần liên tiếp. Các chuỗi này được gọi là Lặp lại Song song Ngắn hoặc STR [Short Tandem Repeats]. Ví dụ: STR D7S820 được tìm thấy ở một vị trí nhất định trên nhiễm sắc thể 7 và đó là chuỗi GATA (guanine-adenine-thymine-adenine) được lặp lại từ năm đến mười sáu lần, như trong GATAGATAGATAGATAGATA, v.v. Rõ ràng đây không phải là một chuỗi thuộc gen mã hóa và sẽ không có gì khác biệt nếu nó được lặp lại sáu, chín hoặc mười bốn lần ở một người đặc thù. Đây là một qui luật tổng quát: các đột biến và biến thể DNA mà y học pháp y quan tâm luôn “vô dụng” xét theo quan điểm phiên mã [transcriptional]. Điều này là do chúng trung tính và không có tác động gì đến sức khỏe và thể lực của cá nhân. Do đó, chúng có thể được duy trì ở các thế hệ sau vì chúng không mang lại lợi thế hay bất lợi về mặt tiến hóa.

Trong số lượng lớn các biến thể DNA đó, các phòng thí nghiệm y học pháp y trên khắp thế giới đã đồng ý tập trung vào khoảng 10 STR mà họ đã chia sẻ và lập danh mục vào cuối những năm 1990.

Ban đầu, Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol) khá hài lòng với bảy STR cho mỗi hồ sơ nhận dạng. Thay vào đó, Scotland Yard thường yêu cầu 10 STR cộng với *amelogenin*. Sau đó, Hệ thống chỉ số DNA kết hợp của FBI (còn được gọi là CODIS) đã trở thành tiêu chuẩn lập hồ sơ DNA quốc tế: nó bao gồm 13 STR và *amelogenin*. *Amelogenin* không phải là STR mà là một gen thực sự mã hóa *protein amelogenin*, có liên quan đến việc sản xuất men răng. Giống như bất cứ gen nào khác trong bộ gen lưỡng bội [diploid], nó nằm dưới dạng một cặp *alen* trên cả nhiễm sắc thể giới tính X và Y. Phiên bản *alen* nhiễm sắc thể Y của nó dài 112 *nucleotide*, trong khi phiên bản *alen* nhiễm sắc thể X khác của nó được biết là đã trải qua quá trình xóa 6 *nucleotide* và do đó nó chỉ dài 106 bazơ. Sự khác biệt về chiều dài này cho phép xác định giới tính của một cá thể bằng phương pháp điện chuyển DNA: một dải dày có trọng lượng 106 bazơ nếu là nữ hoặc hai dải mỏng hơn có trọng lượng 106 và 112 bazơ nếu là nam.

Tại Hoa Kỳ, hàng triệu công dân có liên hệ với hệ thống tư pháp hình sự đã được thêm hồ sơ CODIS của họ vào cơ sở dữ liệu không lỗi của liên bang.

Hệ thống CODIS

Tên STR **Chuỗi lặp lại** **Số Chromosome** **Số song song lặp lại**

CSF1PO	AGAT	5	5–16
FGA	Bắt đầu với TTTC	4	12.2–51.2
TH01	AATG	11	3–14
TPOX	AATG	2	4–16
VWA	TCTA/TCTG	12	10–25
D3S1358	TCTA/TCTG	3	8–20
D5S818	AGAT	5	6–18
D7S820	GATA	7	5–16
D8S1179	TCTA/TCTG	8	7–20
D13S317	TATC	13	5–17
D16S539	GATA	16	4–16
D18S51	AGAA	18	7–39.2
D21S11	Bắt đầu với TCTA	21	12–41.2

Tất cả những từ viết tắt và con số này có thể trông phức tạp, nhưng quá trình xác định một người bằng hệ thống CODIS hoặc bất cứ hệ thống tương tự nào khác lại dễ hiểu một cách đáng ngạc nhiên. Đối với mỗi loại chuỗi STR được biết hiện hữu nơi người, mỗi người sẽ có hai cặp alen STR. Một alen sẽ nằm trên nhiễm sắc thể của người bố và alen kia sẽ nằm trên

nhiệm sắc thể của người mẹ tương ứng. Các alen này chỉ khác nhau về số lượng bản sao STR. Do đó, mỗi người có hai số lặp lại cho mỗi STR. Chỉ có thể!

Thí dụ: hãy lấy STR CSF1PO trên nhiễm sắc thể số 5: Ông Đỏ có 9 và 10 lần lặp lại, Bà Trắng có 8 và 15 lần lặp lại, Ông Đen có 9 và 12, v.v. Không còn nghi ngờ gì nữa, nếu mỗi lần chỉ sử dụng một STR thì sẽ có sự chòng chẹo rất lớn với nhiều sự trùng khớp giống hệt nhau giữa mọi người, đặc biệt là họ hàng. Vì lý do này, để tránh sai sót, các hệ thống nhận dạng này đã được mở rộng từ bảy lên mười, rồi mười ba và bây giờ là hai mươi STR cùng một lúc. (136) Việc tăng số lượng STR được xem xét dẫn đến sức mạnh kiểm tra tăng vọt. Điều này giúp có thể xác định một người cụ thể về cơ bản mà không có khả năng xảy ra sai lỗi. Một người có thể được xác định trong số mười nghìn người, ngoại trừ những người cùng huyết thống, chỉ với bốn STR: một kết quả ấn tượng, nhưng vẫn quá thiếu chính xác để buộc tội ai đó trước tòa. Tuy nhiên, với tổng cộng 13 STR, xác suất trận đấu được tăng lên đủ cao để thể hiện sự chắc chắn hợp lý.

Bob Blackett, một nhà khoa học phòng thí nghiệm pháp y người Mỹ, đã tính toán rằng chỉ có một người đàn ông có kích thước 7.7 x 10 mũ 15 mới có hồ sơ CODIS tiêu chuẩn giống hệt hồ sơ của ông. Ông tính toán điều đó bằng cách biết tần số tương đối của 13 cặp alen STR của chính ông trong quần thể người da trắng. Sẽ phải mất một triệu hành tinh có kích thước bằng Trái đất để tìm một người đàn ông khác có hồ sơ CODIS giống như Bob Blackett! Tất nhiên, điều này giả định rằng mỗi hành tinh đó có bảy tỷ người sinh sống, dân số thế giới hiện nay. Khi đó, chúng ta có thể đánh giá cao rằng xét nghiệm DNA dựa trên ít nhất 10 STR về cơ bản sẽ là một bằng chứng không thể bác bỏ trước tòa án. Vì những lý do chính đáng này, việc lập hồ sơ STR còn được gọi là “lấy dấu vân tay DNA”.

DNA ti lập thể [mitochondrial DNA]

Cho đến nay, chúng ta đã thảo luận về cái gọi là DNA *hạt nhân*, DNA chứa trong nhân tế bào và chiếm phần lớn bộ gen của con người. Tuy nhiên, có một lượng rất nhỏ DNA khá quan trọng về mặt khoa học: DNA ty lập thể (mtDNA), chứa trong ty lập thể. Ty lập thể là các vi thể [organelle] bên trong tế bào tạo ra năng lượng cần thiết cho tất cả các quá trình quan trọng của tế bào, rất giống các nhà máy điện. Điều đáng lưu ý là ty lập thể thường lưu trữ từ hai đến mười bản sao DNA của chính chúng. MtDNA được sử dụng để tổng hợp một số, nhưng không phải tất cả, các thành phần của ty lập thể. Trong mtDNA, chuỗi xoắn kép DNA không được tổ chức thành nhiễm sắc thể mà thay vào đó, nó tạo thành một sợi vòng khép kín, giống như DNA của loại vi khuẩn “cổ xưa” hơn. MtDNA được tạo thành từ 16,569 cặp *nucleotide*, một con số rất nhỏ so với ba tỷ cặp *nucleotide* của DNA hạt nhân. Chuỗi *nucleotide* của mtDNA và tất cả các biến thể của nó đều được biết rất rõ, cùng với 37 gen mã hóa mà nó chứa. Cấu trúc đơn giản và “phôi bày” của mtDNA khiến nó dễ bị đột biến *nucleotide* đơn hơn từ 10 đến 20 lần so với cấu trúc chuỗi xoắn kép của DNA hạt nhân. Tuy nhiên, về mặt tuyệt đối, toàn bộ chuỗi mtDNA khá ngắn và tương đối có ít đột biến hiện hữu có khả năng ảnh hưởng đến nó.

Tuy nhiên, điều làm cho mtDNA trở nên độc đáo là tính di truyền từ mẹ của nó: nó chỉ có thể được thừa kế từ mẹ mà không có sự đóng góp của người cha. Điều này là do mtDNA chỉ được tìm thấy trong giao tử của mẹ và không giống như những gì xảy ra trong quá trình truyền gen hạt nhân, nó không trải qua bất cứ sự tái tổ hợp và phối trộn nào với gen tương đương của cha. Thay vào đó, nó được truyền từ người mẹ sang tất cả các con một cách giống hệt nhau, không thay đổi qua các thế hệ. Tính năng này rất hữu ích trong việc nghiên cứu lịch

sử nhân loại. Giống như một “cỗ máy thời gian” đáng kinh ngạc, nó cho phép các nhà nghiên cứu truy tìm nguồn gốc của loài người và phát triển các lý thuyết về cách con người di cư xuyên lục địa trong quá khứ xa xôi. MtDNA là một công cụ linh hoạt giúp làm sáng tỏ các mối quan hệ họ hàng ngày nay đang gắn kết các dân tộc và sắc tộc khác nhau. Thật vậy, một cây phả hệ mẫu hệ thực sự của con người có thể được xây dựng lại dựa trên các mô hình truyền loại đơn bội [haplotype]. Các loại đơn bội không là gì khác ngoài các mẫu đột biến DNA ngẫu nhiên và không quan trọng được truyền lại như một dấu nhận dạng [signature], từ mẹ sang con, ít nhất là về mặt mtDNA.

Đặc biệt, có ba vùng mtDNA cụ thể - còn được gọi là vùng siêu biến (HVR) - nơi tập trung các kiểu đơn bội này: HVR1 (từ *nucleotide* 16024 đến *nucleotide* 16383), HVR2 (từ *nucleotide* 57 đến *nucleotide* 372) và HVR3 (từ *nucleotide* 438 đến *nucleotide* 574). Trung bình, có từ bảy đến mười lăm đột biến trong mtDNA của bất cứ người hiện đại nào. Chúng đã được các bà mẹ của chúng ta phổ biến trong suốt hàng thiên niên kỷ. Từ nghiên cứu về các đột biến trọng điểm này, bất cứ ai trong chúng ta cũng có thể được phân loại thành một nhóm đơn bội cụ thể: ví dụ: các nhóm đơn bội H, J, K, N1, T, U4, U5, V, X và W phổ biến nhất ở Châu Âu. Một mẫu gồm 2,799 người Ý hóa ra có 40.2% H, 8.2% T2 và 8.1% J. Qua nhiều năm, các nghiên cứu về các biến thể mtDNA đã được cải tiến hơn nữa: các chuỗi khác đã được đưa vào cho phép xác định các nhóm nhỏ đơn bội chính xác hơn nhiều. Thí dụ, nhóm đơn bội H rộng sau đó được phân biệt thành các nhóm phụ H2a, H2a2a hoặc thậm chí H2a2a1, v.v.

Từ quan điểm pháp y, không giống như hệ thống CODIS, mtDNA không cho phép nhận dạng một con người: thực sự, trừ khi xuất hiện đột biến mới, anh em, anh em họ và tất cả con cháu của cùng một bà cố sẽ chia sẻ mtDNA giống nhau. Do đó, giá trị điều tra của mtDNA không phải là khả năng buộc tội nghi phạm một cách dứt khoát, mà đúng hơn là loại trừ bất cứ ai có mtDNA khác. Nó cũng có thể đưa ra ước tính hợp lý về chủng tộc của nghi phạm.

Cuối cùng, điều quan trọng là phải đánh giá cao rằng mtDNA có khả năng chống phân hủy cao hơn so với DNA hạt nhân. Nhiều bản sao cũng có mặt trong cùng một ô - thậm chí lên tới mười nghìn. Những đặc điểm này làm cho việc nghiên cứu mtDNA trở nên đặc biệt hữu ích đối với bác sĩ pháp y đang nghiên cứu về số lượng dấu vết của mẫu vật sinh học cổ xưa hoặc đang bị phân hủy.

DNA của nhiễm sắc thể nam Y

Các đặc điểm của DNA hạt nhân nhiễm sắc thể Y - giống như của mtDNA - cũng rất độc đáo và thu hút sự quan tâm lớn về mặt khoa học và y tế vì nhiều tác động lan tỏa của chúng đối với cổ nhân chủng học và y học pháp y. Như chúng ta đã biết, ở loài người có 22 cặp nhiễm sắc thể không giới tính được gọi là nhiễm sắc thể thường, được đánh số từ 1–22 và một cặp nhiễm sắc thể giới tính X và Y. Một cá nhân là nữ nếu mang cặp XX hoặc nam nếu mang cặp XY. Do đó, chính sự hiện diện của X hoặc Y trong tinh trùng thụ tinh sẽ quyết định giới tính của hợp tử. Không giống như 22 cặp nhiễm sắc thể thường khác, nhiễm sắc thể X và Y có cấu trúc khác nhau và mang các gen khác nhau. Do đó, không có sự kiện tái tổ hợp chéo lớn nào thực sự có thể xảy ra ở con đực XY, ngoại trừ các gen nằm ở các đầu mút của “cánh” nhiễm sắc thể. (137) Do hậu quả của điều này, nhiễm sắc thể Y, đặc biệt là ở phần giữa hầu hết không tái tổ hợp của nó, hoạt động như một “hình ảnh phản chiếu” của mtDNA: nó gần như chỉ được truyền từ cha sang con trai mà không có sự thay đổi nào từ sự can thiệp di truyền của mẹ.

Do đó, nhiễm sắc thể Y mang lại nhiều lợi thế nghiên cứu so với mtDNA. Quả thực, sau những nghiên cứu sâu hơn, giống như một loại “hộp đen” di truyền, nó hóa ra lại là một công cụ mạnh mẽ và chính xác hơn để làm sáng tỏ nguồn gốc của loài người. Dù là một trong những nhiễm sắc thể nhỏ nhất, Y vẫn được tạo thành từ hơn 59 triệu *nucleotide* so với chỉ 16,569 bazơ trong mỗi bản sao của mtDNA. Điều này làm tăng đáng kể số lượng biến thể DNA có sẵn có thể được nghiên cứu để theo dõi các nhóm đơn bội và nhóm đơn bội phụ của các quần thể khác nhau với độ chính xác cao hơn. Do đó, trong tương lai, chúng ta có thể phóng to [zoom] hơn nữa vào các đột biến điểm mới hoặc các nhiễm sắc thể Y mới, các STR chuyên biệt. Hiện nay, nhóm đơn bội Y phổ biến nhất ở Châu Âu là R1b, cùng với R1a và các nhóm đơn bội phụ I khác. Ở Ý, trong nhóm 6,145 nam giới, nhóm đơn bội phổ biến nhất là R1b (39%), tiếp theo là J2 (15.5%) và E1b1b (13.5%). Điều đáng chú ý là tỷ lệ lưu hành I2a1 cao bất thường trên đảo Sardinia (37.5%) trái ngược hoàn toàn với tỷ lệ lưu hành toàn quốc là 3% ở phần còn lại của đất nước.

Từ góc độ pháp y, lợi ích của việc nghiên cứu nhiễm sắc thể Y bất cứ khi nào có thể là có thể truy cập được một số thông tin quý giá. Đầu tiên, nhiễm sắc thể Y xác nhận giới tính nam và nếu có đủ các kiểu đơn bội, nó có thể cung cấp ý tưởng về dân tộc của nghi phạm. Hơn nữa, như tôi đã gợi ý trước đây, nghiên cứu về nhóm đơn bội Y đang đạt được đà do phát hiện ra ngày càng nhiều biến thể phụ: trong toàn bộ nhiễm sắc thể, thực sự có vô số đột biến có thể xảy ra sẽ cho phép mở rộng cơ sở dữ liệu hơn nữa và kiến thức tương lai. Điều này sẽ dẫn đến một định nghĩa ngày càng chính xác hơn về hồ sơ DNA của nam giới, gần như đến mức có thể xác định được một người đàn ông trong số tất cả những người khác mà có thể không cần sử dụng hệ thống CODIS.

Những tưởng tượng về sinh vô tính

Điều này có thể gây ngạc nhiên, nhưng có một tiểu thể loại giả khoa học thực sự và đang phát triển dành riêng cho khả năng giả định về việc sinh vô tính [cloning] Chúa Giêsu Kitô. Nhiều tác giả đã thỏa sức tưởng tượng, có lẽ lấy cảm hứng từ những kết quả sơ bộ thu được từ việc phân tích những đoạn DNA cực ngắn được tìm thấy trong máu của Tấm khăn liệm vào những năm 1990. Nếu bạn thử tìm kiếm trực tuyến bằng cách nhập cả *clone* và *Chúa Giêsu* làm từ khóa, cửa hàng sách ảo Amazon sẽ tràn ngập bạn với một số lượng lớn tiểu thuyết, truyện kể và bộ ba. Âm mưu điển hình của họ liên quan đến việc một số nhà khoa học độc ác lấy được mẫu máu, thường là từ Tấm khăn liệm thành Turin hoặc đầu của Lưỡi Đòng. Sau đó, họ tìm cách trích xuất toàn bộ bộ gen của Chúa Giêsu và sử dụng nó để sinh vô tính một con người mới. Thông thường, “Chúa Giêsu mới” này được đưa vào thế giới ba mươi năm sau, khi xã hội đang trên bờ vực sụp đổ, một cuộc chiến tranh hạt nhân sắp bắt đầu, nghèo đói và bệnh tật tràn lan, và một thảm họa môi trường sắp xảy ra. Liệu người đàn ông mới với sức mạnh phi thường này có cứu được thế giới một lần nữa không? Chúng ta có nên nghi ngờ điều này không?

Hãy đề cập ngắn gọn về việc sinh vô tính. Nói tóm lại, đây là sự phát triển của một sinh vật mới có DNA giống hệt DNA của người hiến tặng trưởng thành, như thể sinh vô tính là một cặp song sinh đồng hợp tử giống hệt nhau. Quá trình này bao gồm việc chuyển nhân của một tế bào hiến tặng trưởng thành vào một quả trứng của cùng loài đã bị loại bỏ nhân. Nếu tế bào này sau đó biến thành một phôi thai có thể tự cấy vào tử cung và nếu nó vẫn tiếp tục phát triển, lớn lên và sinh ra thì một sinh vật đã được tạo ra. Mọi người chắc hẳn đã nghe nói về cừu Dolly, vào năm 1996, loài động vật có vú này đã trở thành động vật có vú vô tính đầu

tiên được sinh ra bằng phương pháp này. Tuy nhiên, có lẽ không phải ai cũng rõ ràng rằng đây là những kỹ thuật thử nghiệm có tỷ lệ thất bại cực cao: Dolly đã được “ché tạo” sau 277 lần thử.

Hơn nữa, động vật sinh vô tính được biết là yếu ớt hơn và sống ngắn hơn vì chúng được sinh ra với DNA đã trải qua quá trình lão hóa; DNA này “gần đến ngày hết hạn” vì nó đã bị ảnh hưởng bởi các đột biến môi trường và sự rút ngắn *telomere* sinh lý học. (138) Có nhiều lý do chưa rõ khác khiến tuổi thọ của các dòng vô tính ngắn hơn có khả năng liên quan đến các vấn đề về sinh lý phát triển phôi thai. Việc sinh vô tính nhân tạo chắc chắn sẽ đơn giản hóa hoặc loại bỏ các cơ chế kiểm soát quan trọng và bảo vệ tinh vi vốn có trong thiên nhiên. Nó giống như việc lắp động cơ của một chiếc Ferrari vào một chiếc Fiat 500 nhỏ bé: chiếc xe hạng phổ thông sẽ chạy nhanh hơn, nhưng không bao giờ nhanh bằng chiếc Ferrari nguyên bản và chắc chắn không có cùng tiêu chuẩn an toàn. Sau đó, có những “huyền thoại” sinh vô tính phổ biến khác cần phải bị phá bỏ: trước hết, một con vật - hay, lạ Chúa, một con người - được tạo ra thông qua sinh vô tính vẫn sẽ là một hữu thể *khác*. Một vật sinh vô tính sẽ không bao giờ chỉ đơn giản là một “cơ thể được đúc” mà linh hồn, lương tâm và trí thông minh của cá thể được sinh vô tính sẽ di cư vào đó. Không tạo vật nào có thể tiếp tục sống vĩnh viễn bằng cách nhảy từ vật sinh vô tính này sang vật sinh vô tính khác.

Một vật sinh vô tính thực tế tương đương với một cặp song sinh giống hệt nhau, mặc dù được ban tặng sự sống riêng và hoàn toàn khác biệt với người hiến tặng, giống như một đứa con trai khác biệt với cha mẹ của mình. Điểm mấu chốt là cho dù Giêsu sinh vô tính này có được sinh ra đi chăng nữa, giả sử cá thể này sống khỏe đến tuổi ba mươi đi chăng nữa, ông vẫn sẽ không khác bất cứ thành viên nào khác của loài *Homo sapiens*: ông không thể đi trên mặt nước. Thật vậy, chúng ta thậm chí không thể cho rằng khuôn mặt của ông thực sự trông giống khuôn mặt của Đấng Cứu Thế: “Copy Cat”, con mèo đã thuần hóa đầu tiên được sinh vô tính, sau 80 lần thử, vào năm 2001 ở Texas, đã không thực sự trông giống Rainbow, con mèo mà từ đó nó được sinh vô tính. Cả màu lông lẫn tính cách của nó đều không giống. Một công ty kỹ thuật sinh học có trụ sở tại California, Genetic Savings & Clone, Inc., đã tài trợ cho dự án với hy vọng khởi động một doanh nghiệp sinh vô tính thú cưng với mức giá khiêm tốn là 50,000 Mỹ kim cho mỗi con chó con hoặc mèo con được sinh vô tính.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi doanh nghiệp này phải đóng cửa vào năm 2006 do thiếu yêu cầu.

Cuộc thám hiểm của Ron Wyatt

Nhân dịp xuất bản lần thứ ba bằng tiếng Ý và lần xuất bản đầu tiên bằng tiếng Anh của cuốn sách của tôi, tôi nghĩ sẽ rất đáng để thêm một phần về những cuộc điều tra bí ẩn được thực hiện bởi Ronald Eldon Wyatt, một nhà khảo cổ học Cơ Đốc Phục Lâm tài tử. Trong vài năm gần đây, nhiều độc giả Ý đã yêu cầu tôi giải thích rõ hơn về nhà nghiên cứu đáng ngờ nhưng hấp dẫn này và các lý thuyết của ông. Tôi tưởng tượng rằng những độc giả nói tiếng Anh của tôi có lẽ sẽ tò mò về ông này ở mức độ cao hơn nữa.

Tôi không khỏi cảm thông với y tá người Tennessee này, người đã thực sự biến huyền thoại “Indiana Jones” thành hiện thực, hơn bất cứ nhà thám hiểm hay nhà khảo cổ học nào khác. Trong những chuyến du hành tự tài trợ của mình, ông đã khám phá được tất cả những điều chưa được khám phá mà không có bất cứ mối liên hệ nào với thế giới khảo cổ học chính thống: địa điểm Con tàu Nôê, nơi chính xác nơi người Do Thái vượt qua Biển Đỏ, tàn tích

của Sodom và Gomorrah, và Núi Sinai thực sự. Những khám phá của Ron Wyatt đã được đánh dấu bằng những dấu lạ và tầm nhìn thiên đường dọc đường đi của ông. Chúng khuyến khích ông kiên trì trong việc khai quật trong những lúc khó khăn.

Tuy nhiên, đỉnh cao trong sự nghiệp khảo cổ học của Wyatt là vào đầu những năm 1980: ông tuyên bố đã tìm thấy địa điểm thực sự nơi Chúa Giêsu bị đóng đinh và, dưới lòng đất sáu mét bên dưới nó, là một hang động chứa đồ đạc của Đền thờ Solomon. Những thứ này, cùng với Hòm giao ước, lẽ ra đã được tiên tri Giêrêmia cất giữ trong hang động nhằm cố gắng cứu chúng khỏi sự hủy diệt sắp do Nêbucôđônôso gây ra. Ron Wyatt đã tìm thấy một vết nứt trên đá, do trận động đất xảy ra vào thời điểm Chúa bị đóng đinh, như Tin Mừng đã mô tả. Vết nứt hóa ra nối liền cái hố đào trên mặt đất, nơi cây Thánh Giá được trồng, với hang động bên dưới, nơi cất giữ Hòm Giao Ước. Máu của Đấng Cứu Rỗi sẽ nhỏ giọt qua lối đi này và vào Tòa Thương Xót, trên đỉnh của Hòm Giao Ước. Do đó, Ron đã can đảm thu thập một vài mảnh máu đóng vảy trên đá và gửi chúng đi xét nghiệm. Bạn đọc thân mến, xin đừng bận tâm yêu cầu bằng chứng chụp ảnh của Wyatt về Hòm Giao ước và Bảng Luật được lưu trữ bên trong nó. Tất cả những gì bạn sẽ nhận được là một số hình ảnh được làm mờ một cách kỳ diệu. Nhưng đừng sợ: chỉ cần một chút kiên nhẫn, tất cả những khám phá này sẽ được hiển thị rõ ràng và không lưỡng nghi cho chúng ta - khi thế giới đã sẵn sàng.

Có các bản ghi âm và video trực tuyến về một số hội nghị nơi Ron Wyatt nói về lượng máu mà ông đã thu thập được. Bằng giọng xúc động và run rẩy, ông giải thích tại sao máu vẫn tồn tại sau hai nghìn năm: trong phòng thí nghiệm của Israel, nó đã lấy lại được hình dáng và chức năng sinh lý ban đầu sau khi được bù nước đơn giản. Các nhà nghiên cứu Israel bối rối cũng ghi nhận sự hiện diện của chi 24 nhiễm sắc thể người trong mẫu máu, có lẽ bằng cách thực hiện phân tích kiểu hình nhân [karyotype] trên các tế bào bạch cầu: một bộ gen đơn bội, được tạo thành từ 23 nhiễm sắc thể - bao gồm cả nhiễm sắc thể giới tính X, như người ta mong đợi tìm thấy ở giao tử trứng cái - cộng với một nhiễm sắc thể Y duy nhất của người cha. Câu chuyện về 24 nhiễm sắc thể - 22 nhiễm sắc thể thường, cộng với nhiễm sắc thể giới tính X và Y - đã sống còn lâu hơn Ron Wyatt, người đã qua đời vào năm 1999, và nó đã trở nên nổi tiếng và được “công nhận” như một chứng minh “đáng tin cậy” về việc Sinh Đấng Trinh Đức Kitô: một sự thụ thai lạ lùng chỉ đòi hỏi sự can thiệp thần thiêng để đưa vào nhiễm sắc thể Y cần thiết để biện minh cho giới tính nam của Đấng Cứu Rỗi.

Một lần nữa, quý độc giả thân mến, xin đừng mong nhận được bất cứ bằng chứng bằng văn bản hoặc quay phim nào về những thử nghiệm giặt gân trong phòng thí nghiệm này: nếu có thể giá, chúng lẽ ra phải được công bố trên một tạp chí khoa học hạng nhất. Ron Wyatt hẳn được thu hút bởi vẻ ngoài của ông, mặc một chiếc áo sơ mi kẻ sọc bên dưới một chiếc áo vest có nhiều túi rõ ràng là việc đóng vai Indiana Jones chân thực nhất.

Tôi thực sự ghét việc luôn trở thành một kẻ hãm tài [buzzkill] gây khó chịu, nhưng tôi phải nhắc nhở người đọc rằng không có con người nào thuộc loài *Homo sapiens* đã từng sống hoặc sẽ sống được với chỉ một nửa bộ gen con người của mình. Vâng, thực sự là trong vài năm gần đây các nhà khoa học đã tạo ra một số phôi người đơn bội trên các dòng tế bào gốc - mỗi dòng chứa 23 nhiễm sắc thể, 22 nhiễm sắc thể thường và một nhiễm sắc thể X - có thể sống còn và dị biệt hóa thành các tế bào mô chuyên biệt của cơ thể. Tuy nhiên, khó có thể tưởng tượng được rằng một phôi người hoàn chỉnh có thể phát triển từ một tế bào gốc đơn bội. Một bộ gen lưỡng bội, được tạo thành từ 46 nhiễm sắc thể, là điều không thể thiếu đối với sự sống của một con người bình thường. Vấn đề chính ngăn cản khả năng sống sót của

phôi đơn bội là hiện tượng in dấu: nhiều gen chỉ hoạt động ở nhiễm sắc thể của người cha hoặc người mẹ, trong khi các gen tương ứng của người mẹ và người cha bị im lặng do quá trình *methyl* hóa DNA.

Chúng ta biết về một số tình trạng y tế di truyền nghiêm trọng trong đó kiểu đáp ứng học [imprinting] đóng vai trò căn bản. Thí dụ, hội chứng Prader-Willi là do mất đi một đoạn chức năng của nhiễm sắc thể số 15 của người cha. Tuy nhiên, việc mất đi này không được bù đắp bằng các gen tương ứng học được và im lặng hiện diện trên phiên bản nhiễm sắc thể tương tự của mẹ. Thật không may, điều này dẫn đến một hội chứng có đặc điểm bởi khuyết tật trí thức, béo phì nghiêm trọng, thiếu năng tuyến sinh dục [hypogonadism], trương lực cơ thấp và tầm vóc thấp bé. Nếu việc thiếu một phần nhỏ nhiễm sắc thể 15 là nguyên nhân gây ra những thay đổi mạnh mẽ như vậy, thì chúng ta đừng tưởng tượng việc thiếu toàn bộ bộ gen của người cha ngoại trừ nhiễm sắc thể Y có thể dẫn đến hậu quả gì. Đây có lẽ không phải là một tình trạng di truyền tương thích với cuộc sống.

Vị Giêsu được Ron Wyatt mô tả sẽ không phải là một con người đích thực. Ông sẽ là một hình ảnh ba chiều sống động một cách lạ lùng bằng cách vi phạm hoàn toàn mọi quy luật tự nhiên. Nếu vị Giêsu thực sự chỉ có 24 nhiễm sắc thể thì ông đã không thực sự mang lấy bản chất con người của chúng ta. Điều này sẽ gây ra những hậu quả tàn khốc về mặt thần học và tâm linh cho tất cả những người tin Chúa, và tôi nghĩ mình không nên nói thêm gì nhiều về điều này.

Một quan sát cuối cùng: vị Giêsu của Ron Wyatt, vì chỉ có một bản sao duy nhất của nhiễm sắc thể số 9, nên có thể thuộc bất cứ nhóm máu nào ngoại trừ nhóm máu AB.

Bạn đọc thân mến, tôi hy vọng bạn cũng hiểu rằng những cuốn sách đã viết về DNA của Chúa Giêsu không thực sự làm sáng tỏ vấn đề này. Sau đó, chúng ta hãy điếm qua những phát hiện thực tế đã xuất hiện từ nghiên cứu khoa học về các phép lạ Thánh Thể và khăn Khổ nạn.

DNA của Phép lạ Thánh Thể

Vì những lý do lịch sử hiển nhiên, chúng ta sẽ không nghiên cứu phép lạ ở Lanciano. Kỹ thuật phân tích DNA đơn giản là không có sẵn vào thời điểm đánh giá khoa học năm 1970 cũng như khi các phân tích bổ sung năm 1981 được thực hiện. Hơn nữa, không ai có thể biết được những biến thể DNA nào mà họ đáng lẽ phải tìm kiếm.

Ngay cả ở Sokółka, các cuộc điều tra năm 2009 cũng tập trung vào mô bệnh học. Các Giáo sư Sobaniec-Lotowska và Sulkowski không thấy cần thiết phải thử bất cứ thử nghiệm nào về việc lập hồ sơ DNA. Có lẽ chỉ có một lượng nhỏ mẫu, và sự chứng minh vang dội về sự hiện diện của mô cơ tim được cho là đủ để phép lạ được Giáo triều Białystok công nhận.

Như thế, chúng ta sẽ chú ý đến các cuộc điều tra về các phép lạ ở Buenos Aires, Tixtla và Legnica.

Buenos Aires

Chúng ta hãy quay trở lại Giáo xứ Đức Bà. Vào ngày 5 tháng 10 năm 1999, Tiến sĩ Castañón đang lấy mẫu hai mẫu vật trong khi được Ron Tesoriero quay video: Mẫu số 1-1 được lấy từ lớp vỏ máu nhỏ từ tháng 5 năm 1992. Mẫu số 1-2 được lấy từ chất liệu tháng 8 năm 1996 được bảo quản trong nước cất.

Cả hai ông nghiệm vô trùng và kín đều được gửi đến Phòng phân tích pháp y ở Hayward, California, gần San Francisco. Phòng thí nghiệm được chọn vì danh tiếng và chuyên môn trong việc phân tích các mẫu rất nhỏ. Ở đó, chỉ có bác sĩ Vanora Kean biết về nguồn gốc của các mẫu, trong khi không đồng nghiệp nào của bà biết. Vào ngày 9 tháng 12 năm 1999, Bác sĩ Kean khuyên Bác sĩ Castañón rằng “số lượng tối thiểu DNA của con người” hiện diện trong cả hai mẫu số 1-1 và số 1-2, như một phát hiện sơ bộ. Cuộc điều tra vẫn tiếp tục nhưng kết quả thật đáng thất vọng. Các phương pháp trích xuất, định lượng, PCR và điện chuyển trên gel được sử dụng đã được giải thích đầy đủ trong báo cáo cuối cùng ngày 1 tháng 5 năm 2000 của Forensic Analytical. Chúng được trích dẫn trong phần phụ lục của cả cuốn sách của Bác sĩ Castañón và Ron Tesoriero. Chín trong số hiện tượng đa hình [polymorphisms]STR phổ biến nhất - tất cả đều thuộc hệ thống CODIS - cùng với hai gen *amelogenin* đã được tìm kiếm một cách vô ích: không thể xác định được gen nào và không thu được sản phẩm khuếch đại PCR nào.

Tuy nhiên, ít nhất là liên quan đến mẫu số 1-2, sự hiện diện của DNA trọng lượng phân tử cao chất lượng tốt đã được phát hiện. Đối diện với một kết quả không rõ ràng như vậy, các nhà nghiên cứu không thể đưa ra bất cứ kết luận chắc chắn nào. Họ chỉ có thể đưa ra giả thuyết này là mẫu mô có thể có nguồn gốc không phải từ con người. Như họ đã tuyên bố, “[Nó] có thể chứa DNA không phải của con người có chất lượng tốt.”

Tixtla

Như chúng ta đã biết, giáo triều địa phương đã giao phó các cuộc điều tra khoa học về phép lạ Tixtla cho Bác sĩ Castañón. Nhiều cuộc xét nghiệm đã được thực hiện từ năm 2009, trong đó có một nghiên cứu về DNA được lặp lại hai lần ở hai phòng thí nghiệm khác nhau: bởi Bác sĩ Sánchez Lazo tại Corporativo Médico Legal ở Mexico và bởi nhà sinh vật học Eyda de Campollo - liên kết với Đại học Mariano Gálvez - tại Guatemalan Instituto de Investigaciones Químicas, Biológicas, Biomédicas y Biofísicas, I2QB3. Thật vậy, cả hai mẫu được bảo quản trong *parafin* và gửi đến hai phòng thí nghiệm khác nhau đều cho kết quả âm tính như nhau. Theo báo cáo của Mexico, sự hiện diện của chất liệu di truyền đã được phát hiện. Tuy nhiên, không thể xác định được các chuỗi gen mã hóa đã biết và không có trình tự đánh dấu hồ sơ DNA hữu ích nào có thể được khuếch đại bằng PCR. Tương tự, báo cáo ngày 9 tháng 11 năm 2012 của Guatemala chỉ rõ rằng không thể nhận diện được hồ sơ di truyền hoàn chỉnh do điều kiện DNA kém: DNA đã bị phân hủy và phân mảnh hoàn toàn. Nghiên cứu bao gồm 15 STR và *amelogenin*, nhưng không có kết quả nào được báo cáo, thậm chí không có một báo cáo từng phần nào: rất có thể, không có gì có thể thực sự được khuếch đại hoặc nhận ra.

Bức tranh tổng thể nổi lên từ các cuộc điều tra ở Buenos Aires và Tixtla có phải là một bức tranh đáng thất vọng không? Chất liệu sinh học được phân tích luôn được mô tả là được bảo quản kém hoặc rất kém: nó đã để nhiều năm ở nhiệt độ phòng mà không có bất cứ chất bảo quản nào. Vậy có phải ít nhất chúng ta đã bỏ lỡ một cơ hội lịch sử khi không nhận diện được đặc điểm di truyền của các mô trong các phép lạ Thánh Thể đó? Làm sao mà chúng ta thậm chí không thể khuếch đại được một đa hình STR đơn lẻ? Phải chăng chính đặc điểm này - sự vắng mặt hoàn toàn của bất cứ kết quả phân tích DNA nào - thực sự gợi ý về một ý nghĩa ẩn giấu nhưng đáng ngạc nhiên?

Bác sĩ Castañón, người có vẻ am hiểu về điều này, đã không hề thất vọng khi biết về những kết quả DNA này. Ông và các cộng sự của ông đã điều tra khá nhiều vụ án khác trong vòng 20 đến 30 năm trước. Họ vẫn giữ thông tin về nhiều trường hợp này được giữ bí mật nghiêm

ngặt, vì chúng chưa được nghiên cứu đầy đủ hoặc chưa được Giáo quyền chính thức công nhận. Bác sĩ Castañón chắc chắn là một trong những nhân vật có thẩm quyền nhất trên thế giới về bất cứ vấn đề nào trong lĩnh vực nghiên cứu cực kỳ chuyên biệt này. Thật vậy, dựa trên kinh nghiệm của mình, ông tuyên bố rằng việc không thể lấy được hồ sơ DNA của một mẫu vật được cho là lạ lùng hiện là một “sự xác nhận” về tính xác thực và nguồn gốc siêu nhiên của nó. Nghịch lý thay, những tin xấu đến từ các phòng thí nghiệm di truyền lại thực sự là lý do khiến các nhà điều tra của Bác sĩ Castañón hài lòng. Họ sử dụng thuật ngữ biến bị điều khiển (control variable) để mô tả điều này. Cho đến nay, mỗi lần hồ sơ di truyền có thể được nhận diện trong các mẫu của họ, thì đó là do sự ô nhiễm không chủ ý, thường là do ai đó đã chạm vào thánh tích. Ngoài ra, họ không phải đối phó với một phép lạ mà đúng hơn là với một trò lừa đảo. Cứ như thể phép lạ ở Tixtla và Buenos Aires thực sự hệ ở việc trợ trợ kiểu khắc kỷ của các dấu lạ trên trời không thể giả mạo: những thánh tích không thể bị buộc phải tiết lộ điều mà chúng không muốn tiết lộ, hoặc có thể là điều gì đó *chúng không thể tiết lộ*, bất kể chúng phải chịu loại điều kiện thí nghiệm nào. Cũng giống như những con chó săn bị đánh bại, cả các thăm dò di truyền huỳnh quang và mỗi PCR đều trở về các nhà khoa học trắng tay: sau khi quét tất cả các sợi DNA đó để tìm vị trí gắn kết, họ vẫn không thể tìm thấy những “dấu nhận diện” điển hình luôn hiện diện ở tất cả DNA con người.

Giữa năm 2015 và 2016 - như được trình bày trong bộ phim tài liệu *The Blood of Christ: Proving the Existence of God* [Máu của Chúa Kitô: Chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa] - Mike Willesee đã lấy thêm các mẫu từ thánh tích Tixtla để phân tích di truyền. Bộ phim tài liệu đó, hình thức cuối cùng không do Willesee kiểm soát, đã kết thúc bằng một trò lừa đảo mang tính ý thức hệ khó hiểu bằng cách tuyên bố rằng DNA của phụ nữ được tìm thấy chính trong mô Tixtla. Để biết thêm thông tin chi tiết, tôi dành đoạn tái bút ở cuối chương 3 để làm sáng tỏ câu chuyện đáng buồn này. Thông tin chi tiết về kết quả thực sự thu được từ các phân tích được thực hiện tại Viện Pháp y Victoria không được công bố rộng rãi. Tuy nhiên, rõ ràng là nếu bất cứ kết quả hồ sơ di truyền nào - hoặc thậm chí là một phần - đã được nhận diện, ngoài kết quả DNA của phụ nữ bị phân bổ sai cho phép lạ Tixtla, thì bộ phim tài liệu của Úc đáng lẽ phải trình bày về khám phá đó một cách hết sức nhấn mạnh.

Vào khoảng năm 2016, để khắc phục vấn đề có thể xảy ra ô nhiễm DNA của các tế bào “lạ lùng” với tế bào da của những người chạm vào thánh tích, Mike Willesee đã chuyển sang phòng thí nghiệm Menarini Silicon Biosystems ở Bologna, Ý. Phòng thí nghiệm của Ý đã phát triển công nghệ DEPArray, một giải pháp kỹ thuật tiên tiến nguyên thủy được hình thành để nghiên cứu các mô ung thư, mặc dù hiện tại nó cũng đang được áp dụng thành công trong y học pháp y. DEPArray có thể nhận diện và phân tích riêng biệt từng tế bào trong một mẫu sinh học “phức tạp” và có khả năng bị ô nhiễm. Mỗi tế bào sau đó có thể được nhận dạng riêng lẻ, được định loại, và thực sự được đặt vào một ma trận điện chuyển. Bằng cách đó, không có bất cứ sự ô nhiễm nào, DNA của một tế bào có thể được phân tích để thu được hồ sơ di truyền của nó. Bác sĩ Francesca Fontana, tại Menarini Silicon Biosystems, sau đó có thể sử dụng kỹ thuật này để nghiên cứu ba mẫu mô lấy từ ba thánh tích Nam Mỹ khác nhau và được cho là lạ lùng, bao gồm một mảnh của bánh thánh Tixtla. Một bản tóm tắt tổng thể về kết quả thực sự có thể được thu thập từ cuốn tự truyện để lại của Mike Willesee, thay vì từ bộ phim tài liệu mơ hồ của Úc, không tiết lộ bất cứ dữ kiện chính xác nào: cả ba mẫu đều chứa máu người, với các tế bào bạch cầu chứa DNA chất lượng tốt. DNA được chiết xuất có chọn lọc từ nhân của các tế bào bạch cầu đơn lẻ và một lần nữa, trái với mọi dự đoán, chất liệu di truyền không cho phép xác định bất cứ đa hình STR nào.

Nghiên cứu mới về DNA ty lập thể

Như chúng ta đã biết, mtDNA – cực kỳ ngắn so với DNA hạt nhân và hiện diện ở nhiều bản sao trong mỗi tế bào – dễ dàng được tìm thấy hơn ở các mẫu vật cổ xưa hoặc đã bị thoái hóa. Thông qua trao đổi trực tiếp với Bác sĩ Castañón, tôi biết rằng ít nhất ông cũng đang xem xét việc nghiên cứu loại hình DNA này. Vào mùa hè năm 2016, ông cố gắng kết nối với một phòng thí nghiệm quan trọng của Châu Âu với mục đích tìm kiếm sự hiện diện của mtDNA trong các mẫu của mình.

Tương tự như vậy, Ron Tesoriero đã dành toàn bộ chương 23 trong cuốn sách *Unseen* của mình để mô tả sơ lược tiềm năng của mtDNA. Đó là sau khi ông thừa nhận sự thất bại của xét nghiệm DNA hạt nhân đối với phép lạ ở Buenos Aires, cũng như mẫu máu lấy từ một bức ảnh thánh thiêng ở Bolivia vào những năm 1990 mà ông đã nghiên cứu rộng rãi. Luật sư người Úc không thể không bộc lộ sự căm giận của mình trong việc nghiên cứu các thánh tích của Đức Trinh Nữ Maria và mẹ của ngài là Thánh Anna, với mục đích tìm ra mối tương quan giết gân nào đó. Không cần phải nói, những thánh tích đó có mùi hôi tanh và có thể là đồ giả thời Trung cổ hoặc truyền thuyết sùng đạo: lăng mộ Thánh Anna ở Apt (miền nam nước Pháp), hoặc một trong nhiều “sợi tóc” của Đức Trinh Nữ, giống như những sợi tóc được lưu giữ ở Messina hoặc Palmi (Nước Ý). Tôi không thể giấu được sự hoang mang của mình khi nghe về những dự án này, có lẽ phù hợp hơn với cuộc phiêu lưu tiếp theo của Indiana Jones hoặc cuốn tiểu thuyết tiếp theo của Dan Brown: chúng chắc chắn sẽ không phục vụ mục đích trân trọng thu thập thêm bất cứ hiểu biết sâu sắc nào về các sự kiện chúng ta đang thảo luận. Tuy nhiên, những khám phá gần đây buộc chúng ta phải coi những đề xuất nghiên cứu của Ron Tesoriero hoàn toàn không phải là giả khoa học:

1. Năm 2001, hồ sơ mtDNA đã được lấy thành công từ thi thể được cho là của Thánh sử Luca, được chôn cất ở Padua. Nhóm đơn bội [haplogroup] tiền HV - tương tự về mặt di truyền với những nhóm được tìm thấy ngày nay ở Syria và Thổ Nhĩ Kỳ - được cô lập từ một chiếc răng, và điều này hoàn toàn phù hợp với việc nhà truyền giáo sinh ra ở Antiokia vào những năm đầu tiên của thế kỷ thứ nhất sau Công Nguyên.

2. Mới đây, vào tháng 12 năm 2016, nhà di truyền học Gérard Lucotte đã công bố kết quả đáng kinh ngạc từ nghiên cứu về một búi tóc được cho là của Maria Mađalêna, mà thánh tích được cho là được lưu giữ tại Tu viện Thánh Maximin ở Provence (Pháp). Bên cạnh giới tính nữ - thu được từ các *amelogenin* DNA hạt nhân - ông đã xác định được toàn bộ chuỗi HVR1 của mtDNA, từ đó mô tả đặc điểm của 9 đột biến, xác định nhóm đơn bội K và chính xác hơn là nhóm đơn bội phụ K1a1b1a. Đây chính là nhóm đơn bội vẫn còn phổ biến nhất cho đến ngày nay ở người Do Thái Ashkenazi, vì đây là danh tính của một trong bốn “bà mẹ sáng lập” thần thoại của Ashkenazi. Hai mươi phần trăm tổng số người Do Thái ở cộng đồng tản mạn phương Tây đang sống ngày nay là con cháu của bà cố K1a1b1a sống cách đây từ hai đến ba nghìn năm.

Phải thừa nhận rằng di truyền học có khả năng khiến những câu chuyện tưởng chừng như truyền thuyết ngoan đạo hay truyện ngụ ngôn cổ xưa bỗng trở nên đáng tin và hợp lý.

Legnica

Ngay khi tôi đang viết chương này, tôi nhận được tin về kết quả phân tích DNA từ phép lạ thứ hai và rất gần đây ở Ba Lan. Tôi đã có cuộc trò chuyện cá nhân với Bác sĩ Barbara Engel, trưởng khoa tim mạch tại bệnh viện địa phương và tham gia vào cuộc điều tra, và với Cha

Krzysztof Wisniewski, cha linh hướng của chủng viện địa phương và được giáo phận bổ nhiệm làm chuyên gia thần học cho hồ sơ Thánh Hyacinth. Tôi đã nhận được xác nhận rằng cả hạt nhân và mtDNA đều được tìm thấy trong mô cơ tim của Legnica. Mặc dù tình trạng tồi của nó, nhưng do bị phân mảnh nặng nên vẫn có đủ DNA để chứng minh bản chất con người của mô. Trong loạt thử nghiệm xác nhận thứ hai - được thực hiện tại Đại học Szczecin - hai phần DNA hạt nhân thực sự có thể được cô lập và khuếch đại: hai đoạn, như đã giải thích, là một phần của hệ thống nhận dạng cá nhân. Rất có thể đây hẳn là STR, gần như chắc chắn thuộc hệ thống CODIS. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu và Giáo quyền ở Legnica vẫn giữ thái độ dè dặt tối đa kể từ khi phát hiện ra. Nỗi sợ hãi - như nó đã ám chỉ cho tôi - là nỗi sợ hãi đặt quá nhiều chú trọng vào các phát hiện di truyền, dẫn đến chủ nghĩa giết gân nông cạn, gây tổn hại đến ý nghĩa thiêng liêng sâu sắc hơn lẽ ra phải nảy sinh từ sự kiện năm 2013. Tuy nhiên, hai lần khuếch đại DNA là đủ để khẳng định chắc chắn rằng mô cơ tim thuộc về loài người, và thế là đủ. Việc chỉ tìm thấy hai chuỗi, trái ngược với mười đến hai mươi chuỗi vẫn thường được mong chờ, là phù hợp - như đã được làm rõ - với phẩm chất kém của mẫu mô ban đầu: nếu tìm thấy nhiều chuỗi hơn, điều đó sẽ dẫn đến nghi ngờ nhiễm DNA ngoại lai chất lượng tốt.

MtDNA cũng đã được nhận diện. Điều này có lẽ có thể làm nảy sinh một giả thuyết về nguồn gốc dân tộc của trái tim ở Legnica, mặc dù cho đến nay vẫn chưa có chuỗi *nucleotide*, không có đột biến và tất nhiên là không có phân loại nhóm đơn bội nào được biết đến.

Điều đó có nghĩa gì? Chắc hẳn bạn đọc đang thắc mắc: “Nhưng chuyện này ra sao? Bạn vừa thuyết phục chúng tôi rằng điều được mong đợi - và gần như không thể tránh khỏi - là không có chuỗi nào được biết đến trong DNA của các phép lạ Thánh Thể, và bây giờ những người này đã tìm thấy cả DNA hạt nhân lẫn mtDNA? Bạn đọc thân mến, chào mừng bạn đến với một lãnh thổ chưa được biết tới, một lục địa mới chưa được khám phá. Tôi chỉ có thể mô tả những gì đã xảy ra, những gì có thể nhìn thấy và đo lường được. Sau này, chúng ta sẽ cố gắng rút ra một số kết luận mang tính thăm dò, mang tính giả thuyết và không có nghĩa là dứt khoát. Trong khi đó, chúng ta hãy tìm kiếm những manh mối khác trong một loại đồ vật gây tò mò và dị thường khác: các tấm vải Khổ Nạn.

Tấm khăn liệm Turin

Sau khi chứng minh sự hiện diện của máu trên vải lanh vào những năm 1980, một số nhà nghiên cứu đã cố gắng tìm kiếm dấu vết DNA trong thập niên tiếp theo. Mặc dù các tế bào của con người bị thoái hóa nặng nề đã được tìm thấy, nhưng rất khó - nếu không nói là không thể - tìm thấy bất cứ thứ gì có ý nghĩa về mặt di truyền để xác định hồ sơ DNA của người đàn ông trong Tấm khăn liệm. Điều này cũng là do sự ô nhiễm nhất định do tiếp xúc nhiều với những người giữ Tấm khăn liệm và những người hành hương trong suốt nhiều thế kỷ. Lấy một thí dụ là các nữ tu Chambéry đã vá các vết cháy trên Tấm khăn liệm vào năm 1532. Chúng ta thực sự chỉ có thể đề cập đến hai nghiên cứu trong tài liệu khoa học, cả hai đều được thực hiện vào giữa những năm 1990. Thật tiếc là chúng ta đã “đốt cháy” những mẫu máu nhỏ quý giá được lấy từ Khăn Liệm quá sớm, vào thời điểm mà công nghệ PCR DNA vẫn còn sơ khai.

Năm 1995, một nhóm các nhà nghiên cứu y học pháp y do Giáo sư Marcello Canale, tại Đại học Genoa đứng đầu, đã thử áp dụng các kỹ thuật PCR mới vào DNA trên Khăn liệm và khăn trùm Mặt ở Oviedo lần đầu tiên. Chỉ trong một thời gian ngắn, vào mùa hè năm 1995, đã có tin đồn lan truyền về sự tương đồng hợp lý được tìm thấy giữa cấu hình di truyền trong máu

của hai thánh tích. Không đúng như vậy: cuộc phỏng vấn với Giáo sư Canale đăng trên tờ báo nhỏ *Who* của Ý vào tháng 7 năm 1995 đã bị bóp méo vì muốn tạo giật gân. Điều này được phát hiện chỉ vài tháng sau đó khi bài báo khoa học của các nhà nghiên cứu Genoa được đăng trên một tạp chí nhỏ của Ý chuyên nghiên cứu Khăn Liệm nhưng nay không có sẵn nữa. Tôi biết ơn tác giả đầu tiên, bác sĩ Lucia Casarino, đã tìm cho tôi một bản sao rất quý giá.

Các nhà nghiên cứu người Genoa — những người tiên phong trong lĩnh vực khoa học đây hứa hẹn này — đã tìm kiếm sự hiện diện của bốn STR và chuỗi *amelogenin* trong một vài sợi chỉ dính máu lấy từ khu vực của cả hai bàn chân phía sau hình ảnh Tấm khăn liệm. Họ cũng tìm kiếm những chuỗi tương tự ở một số sợi chỉ lỏng lẻo và không có vết bẩn được lấy từ các địa điểm khác gần các rìa hơn. Các mẫu đã được lấy vào thời điểm lấy mẫu năm 1978. Đồng thời, họ thực hiện các thử nghiệm tương tự trên một số sợi từ khăn trùm Mặt ở Oviedo. Trong số bốn STR mà họ đang tìm kiếm, hai STR hiện vẫn đang được sử dụng như một phần của hệ thống CODIS và tất cả các bộ dụng cụ phòng thí nghiệm phổ biến nhất. Hai cái còn lại, FES/FPS và F13A1, không còn quan trọng trong thực tế nữa.

Thật không may, các nhà nghiên cứu đã đưa ra lời giải thích rất ít ỏi về kết quả của họ. Họ chỉ công bố hình ảnh gốc của báo cáo khuếch đại của phân tích TH01 và FES/FPS STR: bản in đơn thuần được tạo ra bởi thiết bị trong phòng thí nghiệm PCR, với lời giải thích ngắn gọn nhất. Không có thông tin chi tiết nào về kết quả VWA, F13A1 và *amelogenin* được thảo luận. Trong cuộc thảo luận cực kỳ ngắn gọn của mình, họ giải thích rằng trong cả hai mẫu - từ cả Tấm khăn liệm và khăn trùm Mặt - và trong cả hai loại sợi - sợi sạch và sợi có vết máu - có thể phát hiện được các ô nhiễm DNA khác nhau. Điều này rõ ràng là do sự chòng chéo của hơn hai *alen* cho cùng một STR. Tương tự như vậy, như tôi có thể tự suy luận, sự ô nhiễm bởi các cá nhân nữ cũng là điều hiển nhiên, do tỷ lệ không cân bằng giữa *amelogenin* X và Y. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu Genoa không đề cập rõ ràng đến điều đó; thực ra, họ không hề đề cập đến *amelogenin* trong cuộc thảo luận của mình. Bằng cách tích hợp dữ kiện này với những lời giải thích được đưa ra trong một nghiên cứu khác của cùng các nhà nghiên cứu, được thực hiện cùng thời điểm, tôi vẫn có thể giải thích các dải trên hình ảnh điện chuyển trên chất đặc quán (gel) của chúng và định lượng số lần lặp lại cho mỗi STR như được liệt kê trong bảng bên dưới:

STR bp (cặp bazơ) STR lặp lại

TH01	Giữa 162 và 174	7, 9.3 (và có lẽ 10)
FES/FPS	Giữa 212 và 234	9, 10 (trởi vượt nhất), 11, 12, 13, 14
Amelogenins?	107	X

Công trình khoa học khác mà tôi đã đề cập là công trình của Bác sĩ Leoncio Garza-Valdes, xuất bản năm 1998. Garza-Valdes có một số hạt máu nhỏ ở vùng bàn tay trái được Alan Adler lấy mẫu vào năm 1978, và một số ít nữa vốn được lấy từ vùng phía sau đầu bởi Giáo sư Giovanni Riggi di Numana, nhà hóa học người Ý tham gia cắt mẫu để phân tích carbon-14

năm 1988. May mắn thay, trong dịp này Garza-Valdes không tự mình làm việc mà tìm kiếm sự hợp tác của Bác sĩ Victor Tryon. Vào thời điểm đó, Bác sĩ Tryon là chuyên gia về các kỹ thuật DNA mới nổi tại Đại học San Antonio (Texas). Theo lời khuyên của Tryon, một nỗ lực ban đầu đã được thực hiện nhằm cố gắng sao chép gen *betaglobin*, loại gen đặc biệt dễ tìm thấy trong DNA cổ thời. Chính Nancy Tryon, vợ của Victor Tryon, là người đã chứng minh - dù không biết nguồn gốc của mẫu - sự hiện diện của gen *betaglobin* trên Tấm khăn liệm, và bà cũng đã thu được chuỗi của 268 cặp bazơ liên tiếp đầu tiên của nó. Garza-Valdes tự hào báo cáo toàn bộ chuỗi trên trang 121 cuốn sách của mình và sử dụng phát hiện này - với khả năng tiếp thị nhạy bén - để làm động lực cho tựa sách hấp dẫn của mình. Nhờ thành công này, Garza-Valdes có thể yêu cầu Riggi cung cấp thêm các mẫu máu chứng minh sự hiện diện của cả *amelogenin* X và Y: một kết quả quan trọng để chứng minh giới tính nam của DNA được lấy mẫu. Cuốn sách của Garza-Valdes hướng tới công chúng nói chung và không cung cấp thêm chi tiết kỹ thuật nào về các kỹ thuật phòng thí nghiệm cụ thể đã được sử dụng cũng như không đề cập đến vấn đề ô nhiễm mẫu tiềm ẩn.

Trong một cuộc phỏng vấn năm 2004, nhà nghiên cứu có thẩm quyền Raymond Rogers đã đề cập đến một nghiên cứu mới và gần đây hơn về vết máu trên Tấm Khăn liệm được giao cho Giáo sư Andrew Merriwether tại Đại học Binghamton ở New York. Nghiên cứu không mang lại bất cứ kết quả nào vì máu được cho là quá cổ xưa, DNA quá phân mảnh và nguy cơ ô nhiễm là cực kỳ cao. Kết luận này đã được đích thân Bác sĩ Merriwether xác nhận với tôi. Tuy nhiên, nghiên cứu này không dẫn đến bất cứ ấn phẩm bằng văn bản nào.

Vào năm 2015, DNA của Tấm khăn liệm đã được đưa trở lại làm chủ đề thảo luận, mặc dù lần này dưới một chủ đề mới và hoàn toàn khác. Cho đến lúc đó, trọng tâm là nhận diện DNA của người đàn ông trong Tấm khăn liệm và cố gắng phân biệt nó với DNA của nhiều chất gây ô nhiễm sinh học khác có trên thánh tích. Tuy nhiên, trong năm đó, trọng tâm thực sự chuyển sang nghiên cứu DNA của chính các chất gây ô nhiễm sinh học: vô số dấu vết DNA của con người, động vật và thực vật để lại trên vải qua nhiều thế kỷ. Một bài báo mới của tác giả đầu tiên Bác sĩ Gianni Barcaccia, một nhà di truyền học tại Đại học Padua (Ý), đã được công bố một cách xứng đáng trên tạp chí uy tín *Nature*. Các nhà khoa học Ý đã nghiên cứu một cách có hệ thống tất cả các đoạn DNA có nguồn gốc thực vật cũng như dấu vết DNA ty lạp thể của động vật và con người được tìm thấy trong 5 mẫu bụi. Những thứ này được thu thập vào năm 1978 và 1988 bằng cách hút khoảng trống giữa Tấm khăn liệm và Tấm vải Holland đằng sau nó. Vải Holland là loại vải hỗ trợ cho Tấm khăn liệm đã được may trong nhiều thế kỷ. Các chuỗi *nucleotide* được nhận diện đã được so sánh một cách có hệ thống với các cơ sở dữ liệu cập nhật nhất và kết quả thật đáng ngạc nhiên.

Về mặt DNA thực vật, công trình này đã tích hợp các nghiên cứu lịch sử khác, chẳng hạn như nghiên cứu của Max Frei, Uri Baruch và những nghiên cứu gần đây của Gérard Lucotte. Sau này, Giáo sư Lucotte đã nhận ra sự hiện diện của phấn hoa trên Tấm vải liệm bằng cả kính hiển vi ánh sáng lẫn kính hiển vi điện tử. Mười chín loài thực vật riêng biệt điển hình của rừng châu Âu đã được nhận diện bởi Nhóm của Barcaccia, loài phổ biến nhất là vân sam [spruce], mặc dù các loại thực vật Địa Trung Hải như cỏ ba lá, cỏ lúa mạch đen và chuỗi cũng như các loại cây ăn được khác như rau diếp xoăn, hoa bia, dưa chua và nho đều có mặt. Nguồn gốc của các loài thực vật này nhất quán là ở Châu Âu, Trung Đông hoặc Bắc Phi, ngoại trừ loài *Robinia* ở Bắc Mỹ, đã được nhập khẩu thành công vào Cựu Thế giới trong vài thế kỷ qua, và một số loài cây lê và mận Châu Á đã lan rộng khắp Châu Âu và các vùng Địa Trung Hải vào thời Marco Polo. Chỉ có hai dấu vết DNA động vật được tìm thấy: một chuỗi

ngắn gọn của *Lanius meridionalis koenigi* (một loài chim sẻ làm tổ ở Nam Âu, Bắc Phi và các vùng Cận Đông) và một dấu vết bí ẩn tương thích với một con giun biển từ phía bắc Thái Bình Dương. Không có dấu vết của động vật có vú hoặc thú cưng được nhận diện.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang DNA của chất gây ô nhiễm ở người. Đúng như dự đoán, rất nhiều dấu vết của con người đã được để lại trên Tấm khăn liệm bởi tất cả những ai chạm vào nó, hôn nó hoặc khóc trên nó. Chín mươi ba chuỗi mtDNA đã được khuếch đại và 38 hồ sơ mtDNA khác nhau đã được nhận dạng bằng cách phân tích các vị trí mtDNA thường mang các biến thể cá thể nhất. Những hồ sơ như vậy là của những người khác nhau thuộc các nhóm đơn bội có mặt ở Châu Âu, phía bắc và phía đông châu Phi, Trung Đông và đáng ngạc nhiên là Ấn Độ. Các tác giả của nghiên cứu đề nghị coi các dấu vết được lấy mẫu từ mặt sau của tấm vải lanh là cổ xưa hơn và có ý nghĩa hơn nhằm mục đích xác định hành trình có thể có của thánh tích trong suốt lịch sử. Điều này được so sánh với những dấu vết được lấy từ các mép vải lanh, những khu vực được xử lý trong thời gian gần đây nhằm mục đích lấy mẫu vào những năm 1980. Từ tất cả những kết quả này, sự ô nhiễm DNA của con người dường như xuất phát từ bốn khu vực địa lý, với một số điểm trùng lặp:

*Trung Đông, với các nhóm đơn bội H13, H33 và R0a

* Đông Nam Châu Âu và Thổ Nhĩ Kỳ, với các nhóm đơn bội H1a, H2a và H13

* Tây Âu, bao gồm Pháp và Ý, với các nhóm đơn bội H1j và H3

* Ấn Độ, với nhóm đơn bội M56 và R8

Phát hiện bất ngờ của các nhóm đơn bội Ấn Độ đã khiến các tác giả đưa ra giả thuyết - như một giải pháp thay thế cho sự tiếp xúc giữa Tấm khăn liệm và những người hành hương Ấn Độ - việc dệt vải lanh của Tấm khăn liệm ở tiểu lục địa Nam Á. Về mặt ngoại giao, các tác giả coi số lượng lớn kết quả này tương thích với cả giả thuyết “hợp lý” về nguồn gốc thời trung cổ của Tấm khăn liệm - như được đề xuất bởi việc xác định niên đại bằng carbon-14 không đáng tin cậy - và giả thuyết “truyền thống” vốn cho rằng Tấm khăn liệm thực sự là khăn vải lanh liệm Chúa Kitô. Thật vậy, giả thuyết “truyền thống” gợi ý rằng vải lanh đến từ Giêrusalem, có lẽ đã vận chuyển qua Edessa và Constantinople trước khi đến Pháp và sau đó là Turin. Tôi tin rằng việc trả giá cho tính đúng đắn về mặt chính trị của “khoa học thế tục” bằng cách thừa nhận kết quả xác định niên đại bằng carbon-14 là một yêu cầu không thể tránh khỏi để công bố một nghiên cứu trên tạp chí *Nature*. Gió chắc chắn có thể mang phấn hoa hoặc các mảnh thực vật đông phương đến Lirey, Chambéry và Turin. Tương tự như vậy, sau năm 1353, đám đông người theo Kitô giáo ở Bắc Phi, Ethiopia, Trung Đông hoặc thậm chí Ấn Độ có thể đến châu Âu với tư cách là những người hành hương để chạm vào Tấm khăn liệm mới được sản xuất. Tuy nhiên, một người quan sát khách quan không thể bỏ lỡ việc nhận ra “trung tâm trọng lực” Địa Trung Hải và Trung Đông, nơi không chỉ các chất gây ô nhiễm DNA thực vật của Tấm khăn liệm mà, thậm chí còn hơn thế nữa, con người cũng bị hút về phía đó. Trung tâm trọng lực này tương thích hơn nhiều với nguồn gốc truyền thống của thánh tích.

Khăn trùm Mặt ở Oviedo

Năm 1995, ngoài 12 sợi vải Khăn Liệm, các nhà nghiên cứu Genoa của Giáo sư Canale đã nhận được 7 sợi chỉ được lấy chính thức từ Khăn Mặt ở Oviedo vào năm 1985. Máu đã được xác định trên 3 sợi trong số đó. Nghiên cứu Genoa, như đã được thảo luận về Tấm khăn liệm,

có mục đích đầy tham vọng là so sánh cả hai thánh tích. Vào năm 1995, các nhà nghiên cứu đã biết rằng máu trên cả Khăn Liệm và Khăn Mặt đều thuộc nhóm AB. Nếu hồ sơ di truyền tương thích được tìm thấy trong cả Tấm khăn liệm và Khăn Mặt, điều đó sẽ làm tăng đáng kể khả năng xác thực của cả hai thánh tích, đến mức chính kết quả xác định niên đại bằng carbon-14 của chúng sẽ bị nghi ngờ. Trong kết luận của nghiên cứu mà chúng ta đã biết, nhóm của Giáo sư Canale đã kết hợp các kết quả từ cả Khăn Mặt lẫn Khăn liệm: việc tìm kiếm bốn STR và *amelogenin* cho thấy dấu hiệu ô nhiễm trong tất cả các mẫu lấy từ cả hai loại vải. Điều này được chứng minh bằng việc các DNA chồng chéo từ nhiều người, bao gồm cả nam và nữ. Đối với Khăn Mặt cũng vậy, các nhà nghiên cứu một lần nữa chỉ trình bày dữ kiện thô dưới dạng hình ảnh của một chất đặc quán điện chuyển DNA duy nhất, cho thấy các mẫu dải cho TH01 và FES/FPS STR, mà không có bình luận nào khác. Từ hình ảnh đó, tôi có thể lấy dữ kiện trong bảng bên dưới:

STR bp (cặp bazơ) **Dải alenSTR**

TH01	154 to 170	-5, 6, 7, 8, 9-
FES/FPS	220 to 230	11, 12, 13
Amelogenins?	105	X

Như một nhắc nhở, tôi xin nhắc lại rằng chỉ có thể nhìn thấy một hoặc hai dải điện chuyển *alen* trên chất đặc quán nếu mẫu DNA chỉ thuộc về một người. Nếu có hai dải thì chúng phải có cường độ bằng nhau. Thay vào đó, ở đây, năm dải *alen* được nhìn thấy đối với TH01 STR và ba dải *alen* đối với FES/FPS STR. Đối với Tấm khăn liệm, không có dữ kiện nào về tính đa hình của VWA và F13A1 hoặc *amelogenin*: Tôi chỉ có thể đoán rằng dải 105 bp có thể liên quan đến *amelogenin*, mặc dù điều này vẫn chưa rõ ràng do không có bất cứ ghi chú giải thích nào.

Các cuộc thảo luận sâu hơn về DNA của Khăn Mặt lại diễn ra vào tháng 4 năm 2007, nhân dịp Hội nghị quốc tế về Khăn Mặt ở Oviedo, diễn ra tại cùng một thành phố của Tây Ban Nha. Chính Bác sĩ Antonio Alonso, một nhà sinh vật học và nhà di truyền học, đã nói về nó. Ông tiết lộ kết quả của cuộc điều tra mà ông giám sát ở Madrid vào năm 1994 và 2005. Vào tháng 5 năm 1994, theo yêu cầu của phân hội Nhà thờ Chính tòa Oviedo, tổng cộng có 12 sợi vải được lấy từ Khăn Mặt bằng kỹ thuật vô trùng. Ba sợi chỉ được lấy từ mỗi chỗ trong số hai chỗ dính máu nhiều nhất của tấm vải. Tương tự như vậy - như các mẫu đối chứng - ba sợi chỉ cũng được lấy từ mỗi khu vực trong số hai khu vực không dính máu, mặc dù chúng tiếp giáp với những khu vực có vết máu trước đây. Tất cả các mẫu này được cho là vẫn được bảo quản ở nhiệt độ âm 80 độ C tại Viện Độc chất Quốc gia ở Madrid. Năm 1994, các nhà nghiên cứu Tây Ban Nha đã thực hiện nỗ lực trích xuất DNA ban đầu từ hai sợi – một sợi dính máu và một sợi đối chứng – nhưng không thành công. Bác sĩ Alonso sau đó đã khôn ngoan quyết định câu giờ bằng cách để các mẫu nằm trong tủ đông của mình và chờ đợi những tiến bộ hơn nữa trong kỹ thuật phân tích DNA.

Hai sợi vải nữa đã bị hy sinh vào năm 2005: một lần nữa, một sợi dính máu và một sợi không dính máu. Một lần nữa, không có DNA hạt nhân nào có thể được cô lập. Tuy nhiên, dấu vết của mtDNA của con người bị thoái hóa đã được tìm thấy trong sợi dây dính máu. Bác sĩ Alonso đã có thể sao chép nhiều đoạn mtDNA có kích thước 100-140 bp với các đầu cực chồng lên nhau, mặc dù bản thân chúng chưa hoàn chỉnh. Giống như trong trò chơi đồ chữ, sau đó ông có thể tái tạo lại toàn bộ chuỗi mtDNA HV1 từ số bazơ 16,024 đến số bazơ 16,365.

Bác sĩ Alonso rất thận trọng: ông không loại trừ việc dấu vết mtDNA mà ông cô lập được từ sợi chỉ dính máu có thể là một chất gây ô nhiễm. Vì vậy, ông quyết định không công bố chuỗi mtDNA vì một loạt lý do chính đáng:

- * Ông không muốn gây giạt gân không phù hợp về một vấn đề tế nhị như vậy.
- * Ông thích chờ đợi các kết quả có tính xác nhận hơn nữa từ chất liệu Khăn Mặt khác, có thể thu được bằng các kỹ thuật phân tích DNA tiên tiến hơn có thể được cung cấp trong tương lai.
- * Ông không muốn tạo ra bất cứ tham khảo nào có thể ảnh hưởng hoặc làm hỏng tính độc lập và tính xác thực của các nghiên cứu trong tương lai về Khăn Mặt hoặc các thánh tích khác.

Đồng thời, ông khẳng định nắm móc và nắm trên sợi vải bằng cách chứng minh sự hiện diện của *Arachnomyces minimus* mtDNA trên sợi điều khiển. Tuy nhiên, ông không thể tái tạo mtDNA của cây lanh có sợi tạo nên vải Khăn Mặt, một điểm mà ông lưu ý để nêu bật sự khó khăn và khó đoán của những nghiên cứu này.

Áo dài thánh ở Argenteuil

Theo Giáo sư Gérard Lucotte - nhà di truyền học đã nghiên cứu nó nhiều hơn bất cứ ai khác trong ba mươi năm qua - chiếc áo dài thực sự được bao phủ bởi máu. Bên cạnh nhiều tế bào hồng cầu - thường được bảo quản đặc biệt tốt nhưng không chứa DNA theo định nghĩa - các tế bào khác được nhận diện trên thánh tích đã trở thành mục tiêu đầy hứa hẹn cho các nghiên cứu DNA: tế bào bạch cầu, các mảnh tế bào da và búi tóc. Thật vậy, Giáo sư Lucotte đã tiếp cận thánh tích vào năm 1986. Vào thời điểm đó, ông tập trung vào một phần vải đặc biệt bị dính chất lỏng hữu cơ. Ông lấy một số mẫu từ nó và xác định như sau:

- * Có dấu vết DNA trên áo dài. Một số có trọng lượng phân tử cao và do đó có thể phù hợp với tình trạng ô nhiễm gần đây, trong khi một số khác bị phân mảnh nhiều hơn, đúng như mong đợi với DNA cổ thời.
- * Một lượng lớn DNA cổ xưa có nguồn gốc từ con người: ví dụ, nó chứa chuỗi gen tạo ra *albumin* của con người, một loại *protein* phổ biến trong máu.
- * Một chuỗi nhiễm sắc thể Y điển hình đã được tìm thấy: do đó, đó là DNA của một cá thể nam.

Giáo sư Lucotte cũng thận trọng bảo quản các mẫu còn sót lại của mình trong tủ đông trong những năm tiếp theo. Như chúng ta đã biết, các kỹ thuật PCR có khả năng khuếch đại số lượng DNA tối thiểu không được các nhà khoa học sử dụng cho đến những năm 1990. Những kỹ thuật này đã đơn giản hóa đáng kể việc phân tích DNA và tăng khả năng chẩn đoán của chúng. Khoảng năm 2000, Lucotte đã tìm kiếm các gen *amelogenin* trong một phần chất liệu còn sót lại của mình và thu được hai dải đồng nhất lần lượt là 106 và 112 cặp bazơ, một sự

xác nhận thêm về giới tính nam của người mặc Áo dài. Hai dải cường độ bằng nhau đã loại trừ bất cứ sự ô nhiễm nữ tính nào. Trong thời gian gần đây hơn - nhờ chuyên môn sâu rộng của ông trong việc nghiên cứu các biến thể di truyền sắc thể Y - Giáo sư Lucott có thể chứng minh rằng DNA sắc thể Y mà ông cô lập thuộc về nhóm đơn bội J2. Đây là một phát hiện gây tiếng vang, nhóm đơn bội J2 gợi ý mạnh mẽ đến nguồn gốc Trung Đông và hoàn toàn tương thích với nguồn gốc Do Thái của người đàn ông mặc áo dài. Thật vậy, cho đến ngày nay, khoảng 40% nam giới Do Thái - cả Sephardi và Ashkenazi - đều có chung nhóm đơn bội J trong các phân nhóm J1 và J2 của nó. Đặc biệt, 25% tổng số người Do Thái thời hiện đại thuộc phân nhóm J2.

Hơn nữa, về nguồn gốc dân tộc, Lucotte thậm chí còn đạt được kết quả mạnh mẽ hơn. Ông đã chứng minh bản chất dị hợp tử (139) của các mẫu máu Áo Dài của mình đối với một căn bệnh di truyền chỉ xuất hiện ở những người gốc Địa Trung Hải, đặc biệt là người Do Thái Sephardi, người Armenia, người Thổ Nhĩ Kỳ và người Ả Rập: bệnh sốt gia đình Địa Trung Hải (FMF). FMF, như được biết đến từ năm 1997, là do đột biến gen mã hóa quá trình tổng hợp protein *pyrin*, (140) nằm trên nhiễm sắc thể 16. Những người đồng hợp tử thường xuyên bị các cơn sốt, đau bụng và khớp. Người đàn ông áo dài không bị ảnh hưởng bởi FMF; ông là một người dị hợp tử khỏe mạnh mang đột biến M694V FMF trên một trong số các bản sao nhiễm sắc thể 16. Một nghiên cứu năm 2000 của chính Lucotte đã chứng minh rằng mức độ phổ biến của gen FMF đột biến trong một mẫu gồm 702 người Do Thái đương thời là 10.9% ở người Do Thái Sephardi, 9.2% ở người Do Thái ở miền đông, nhưng chỉ 0.8% ở người Do Thái Ashkenazi.

Bây giờ chúng ta đã sẵn sàng cho buổi chung kết hoành tráng với một tiếng nổ lớn. Giữa năm 2000 và 2005 - đúng lúc các kết quả được công bố trong tập sách năm 2006 và 2007 được trích dẫn trong thư mục - Giáo sư Lucotte đã xác định thành công 17 dấu hiệu STR và các chuỗi *amelogenin* hai lần, bằng hai bộ dụng cụ thí nghiệm khác nhau. Trong số 17 STR, 13 thuộc hệ thống CODIS, trong khi 4 còn lại thì không. Hai bộ dụng cụ lần lượt phát hiện được 13 và 11 STR, trong đó có 10 STR được cả hai tìm thấy. Khi được phát hiện, các *alen* chỉ có một hoặc hai, do đó xác nhận rằng DNA chỉ có thể có nguồn gốc từ một người duy nhất và không bị lây nhiễm bởi người khác. Cả hai bộ đều mang lại kết quả trùng lặp nhất quán, không có ngoại lệ. Những STR không được phát hiện - chẳng hạn như CSF1PO - hoặc chỉ được phát hiện bởi một trong hai bộ dụng cụ tương ứng với các đoạn DNA dài hơn và do đó mỏng manh hơn. Khó khăn trong việc phát hiện chúng là bằng chứng rõ ràng về bản chất cổ xưa của DNA được kiểm tra. Đây là kết quả:

STRs Bộ “nhận dạng” Bộ “PowerPlex 16”

Amelogenins	X, Y	X, Y
CSF1PO	–	–
FGA	25, 25	25, 25
TH01	6, 7	6, 7
TPOX	8, 11	–
VWA	17, 17	17, 17
D3S1358	15, 18	15, 18
D5S818	11, 12	11, 12
D7S820	10, 12	10, 12
D8S1179	15, 15	15, 15
D13S317	8, 11	8, 11
D16S539	8, 13	–
D18S51	15, 15	15, 15
D21S11	30, 31.2	30, 31.2
D2S1338	–	–
D19S433	14, 14	–

STRs Bộ “nhận dạng” Bộ “PowerPlex 16”

PentaE	–	–
PentaD	–	13, 14

Một nhà di truyền học không khỏi rùng mình. Đây là những dữ kiện đã nhận diện một cách không mơ hồ - theo một cách độc đáo và không thể lặp lại - người đã mặc và chảy máu trên Áo dài ở Argenteuil. Nếu chúng ta kiểm tra đối chiếu tần số phân bố các *alen* trong hồ sơ này với các *alen* trong dân số Hoa Kỳ da trắng ngày nay, chúng ta sẽ thấy rằng xác suất để bất cứ người đàn ông nào trong nhóm đó ngẫu nhiên có hồ sơ di truyền của Áo dài ở Argenteuil sẽ là 3.21 đến lũy thừa âm 22. Nói cách khác, cứ ba nghìn tỷ tỷ - 3 theo sau là 21 số 0 - thì có một người đàn ông sẽ ngẫu nhiên có cấu hình di truyền giống như cấu hình được báo cáo trong bảng trên.

Khi cơ sở dữ kiện ngày càng lớn hơn về hồ sơ STR được biên soạn với mục đích lập bản đồ phân bố các đa hình này trong các quần thể trên thế giới, sự khác biệt nhỏ về tần số hồ sơ đã được ghi nhận giữa các nhóm dân tộc khác nhau. Vì vậy, manh mối về nguồn gốc địa lý của kẻ “bị truy nã” cũng được ẩn giấu trong hồ sơ CODIS của người này. Một trang web liên kết với Trung tâm Nghiên cứu Hệ thống Máy tính Tiên tiến (141) cung cấp một thuật toán cập nhật, bằng cách nhập số lượng *alen* STR thích hợp, sẽ tạo ra giả thuyết về nguồn gốc dân tộc của hồ sơ DNA được đề xuất. Nếu chúng ta nhập tất cả 13 *alen* đã biết của người đàn ông mặc áo dài — ngay cả khi chỉ 13 trong số 16 *alen* được yêu cầu — thì thuật toán sẽ tiết lộ cho chúng ta biết rằng nguồn gốc DNA của Người mặc áo dài là 85.3% Á-Âu, 11.5% Châu Á, và rất khó xảy ra 3.1% là người châu Phi hoặc cận Sahara.

Giáo sư Lucotte thừa nhận ông thực sự đặt tâm huyết vào việc đích thân tìm kiếm Chén Thánh, chứng minh rằng hồ sơ DNA hạt nhân tương tự có thể được tìm thấy trong các thánh tích Khổ nạn lớn khác. Ông đã liên lạc với các nhà nghiên cứu Khăn Mặt, mặc dù tôi tin rằng không có nhiều thành công. Thay vào đó, ông có thể kiểm tra bụi và mảnh vỡ của Tấm khăn liệm Turin và tìm cách lọt vào vòng trong của những nhà tội phạm học tích cực nhất. Trong vài năm gần đây, ông đã thực hiện nhiều nghiên cứu ban đầu về bụi, phấn hoa và tế bào có trên Tấm Khăn Liệm. Tuy nhiên, cho đến nay ông vẫn chưa tìm được Chén Thánh của mình.

Khi DNA đặt những kẻ giả mạo phép lạ vào tình thế khó xử

Xin cho phép tôi lạc một chút khỏi chủ đề phép lạ Thánh Thể chỉ để nhấn mạnh tiềm năng to lớn mà các phân tích di truyền có được trong việc vạch trần những giả mạo trong mảnh đất màu mỡ đáng tiếc của các hiện tượng phép lạ giả mạo. Tôi sẽ chỉ gợi ý một vài sự kiện, liệt kê chúng theo trình tự thời gian.

Vào tháng 5 năm 1994, tại Assemini, gần Cagliari (Sardinia) ở Ý, nước mắt máu chảy ra từ một bức tượng nhỏ trong căn bếp tại gia của gia đình Sarras. Sau nhiều năm tranh cãi và phản kháng, cặp vợ chồng Sarras đã đồng ý xét nghiệm DNA chứng minh một cách tàn nhẫn rằng máu trên bức tượng thuộc về “bà chủ nhà”, với bà, nó cũng mắc chứng rối loạn thiếu máu Địa Trung Hải về mặt di truyền, một chứng đang gia tăng ở Sardinia.

Chúng ta hãy nghe luật sư của gia đình nói rằng “nếu Đức Trinh Nữ có ý định hiện ra cách nào đó, ngài có thể đã sử dụng nước mắt hoặc máu của người thân thiết nhất với mình.”

Vào tháng 8 năm 1994, họa sĩ 19 tuổi Cinzia Zambrella, đến từ vùng Basilicata của Ý, đã nhận thấy những giọt máu chảy ra từ bức chân dung của Thánh Padre Pio mà cô đã tự vẽ và treo trong phòng ngủ của mình một năm trước đó. Bức chân dung sau đó được đưa đến nhà thờ các Thánh Cosmas và Damian ở Bernalda, nơi nó vẫn được lưu giữ. Máu sau đó được phân tích để chứng minh bản chất con người của nó. Điều thú vị là tu viện của Thánh Padre Pio ở San Giovanni Rotondo cũng có liên quan, vì tu viện này đã hào phóng cung cấp một

thánh tích có máu của vị thánh vĩ đại để so sánh. Các xét nghiệm di truyền sâu hơn đã chứng nhận rằng máu trên bức chân dung không phải của Thánh Padre Pio.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang hiện tượng rơi nước mắt gây tranh cãi nhất mà trong vài năm qua đã có tác động lớn nhất đến thế giới Công giáo, hoặc ít nhất là ở Ý: Civiltavecchia. Ở đó, vào tháng 2 năm 1995, những giọt máu chảy ra từ khuôn mặt của bức tượng Đức Trinh Nữ Maria được mua ở Medjugorje và cất giữ trong khu vườn của gia đình Gregori. Ngay sau đó, Giáo sư Angelo Fiori từ bệnh viện Policlinico Gemelli và Giáo sư Giancarlo Umani Ronchi từ Đại học Sapienza ở Rome đã xác nhận rằng nước mắt được tạo ra từ máu của một người đàn ông (luôn có một số nhà thần học sẵn sàng giải thích tại sao máu có thể có là nam giới về mặt di truyền). Các giáo sư cũng xác định được năm dạng đa hình DNA hạt nhân. Sau đó, các chuyên gia của cảnh sát Crimèpol cũng xác định được nhóm đơn bội mtDNA (những dữ kiện này vẫn được giữ bí mật). Theo cơ sở dữ kiện của FBI, chỉ có 5 STR và một nhóm đơn bội mtDNA về mặt kỹ thuật không phải là một hồ sơ nhận dạng cá nhân hoàn chỉnh, mặc dù nhìn chung chúng vẫn chiếm tỷ lệ phân biệt đối xử khá cao: Tiến sĩ Cảnh sát hình sự Aldo Spinella ước tính tỷ lệ này là 1/50,000. Sẽ chỉ có một người đàn ông Ý trong số năm mươi nghìn người ngẫu nhiên chia sẻ kết quả tương tự.

Thẩm phán Massimo Michelozzi đã yêu cầu Fabio Gregori và những người hàng xóm cùng huyết thống với anh ta trải qua xét nghiệm di truyền để loại trừ hành vi giả mạo, nhưng họ từ chối và thay vào đó đã kháng cáo thành công lên Tòa án Tối cao. Sự từ chối của họ xuất phát từ nỗi lo sợ về khả năng xảy ra kết quả dương tính giả, mà về mặt xác suất, tôi nên nhắc lại, sẽ vào khoảng một người so với quy mô của toàn bộ dân số Civitavecchia: một xác suất rất thấp sẽ thực sự không gây lo sợ cho người chưa thực sự phạm tội lừa đảo giả định. Tôi không muốn mạo hiểm đi sâu hơn nữa vào tình huống không mấy vui này, nhưng tôi muốn chỉ ra rằng ủy ban thần học thứ hai về các sự kiện Civiltavecchia, do Đức Hồng Y Ruini làm chủ tịch, đã tuyên bố vào năm 2005 rằng các sự kiện “không phù hợp với một nguyên nhân siêu nhiên,” một ý kiến chính thức của Giáo quyền vẫn còn áp dụng cho đến ngày nay. Ý kiến cá nhân của tôi liên quan đến vấn đề cụ thể của xét nghiệm di truyền là gia đình Gregori, ngay cả khi có thể thiếu sáng suốt, thiếu sự rộng lượng và xem ra không đẹp đối với công chúng. Hơn nữa, sự từ chối của họ cũng làm tăng thêm sự mơ hồ xung quanh toàn bộ sự kiện.

Julia Kim - còn được gọi là Julia Youn, họ thời con gái của cô - là một phụ nữ Hàn Quốc, kể từ năm 1985, cuộc đời của cô đã trải qua một chuỗi trải nghiệm thần bí không ngừng nghỉ: những hình ảnh và thông điệp riêng tư liên quan đến những hiện tượng mà người ngoài cuộc nhìn thấy. Những tấm bánh thánh rơi như mưa trước sự hiện diện của cô, các bức tượng di chuyển xung quanh, máu chảy ra từ các ảnh tượng thánh thiêng và mùi nước hoa tràn ngập. Tuy nhiên, điều mà nhờ đó, thị nhân Naju nổi tiếng nhất là một phép lạ đặc biệt thái quá và - xin cho phép tôi nói - một cách thực sự kinh tởm về phép lạ thánh thể: bánh thánh rước lễ - ai biết liệu đã được truyền phép hợp lệ hay chưa - tự biến thành thịt và máu tươi trong miệng cô ấy, mà Julia nuốt một cách dễ dàng (có lẽ trước tiên không cho những người có mặt xung quanh cô ấy xem những gì trong miệng của cô ấy, hoặc tốt hơn là trước ống kính máy ảnh của một nhiếp ảnh gia). Tất cả nền linh đạo của Julia Kim đã nhiều lần bị phẩm trật Giáo hội Công giáo lên án - vì một loạt lý do thần học chính đáng mà tôi sẽ không đề cập đến - đến mức bất cứ ai theo cô ấy đều phải chịu vạ tuyệt thông.

Lý do tôi đề cập đến Julia là vào mùa thu năm 2006, chín mẫu máu được thu thập từ năm 1995 đến năm 2006 đã được phân tích hai lần tại phòng thí nghiệm Humanpass Inc. ở Seoul.

Đây là những mẫu máu lấy từ ảnh tượng thánh hoặc bánh thánh đã chảy máu hoặc “mưa xuống”. Ngoài ra, máu được thu thập trực tiếp trong phòng ngủ của thị nhân hoặc thậm chí được chính Chúa Giêsu tặng cho cô ấy trong một chiếc khăn tay, v.v. Vàng, chín báo cáo đầy đủ và hoàn hảo đã được thu thập, nhất trí tuyên bố không còn nghi ngờ gì nữa rằng máu đó là của con người, về mặt di truyền là nam giới và thuộc về cùng một người. Để tham khảo trong tương lai - trước khi thông tin này có thể bị xóa khỏi trang web najumary.or.kr của Hàn Quốc - tôi đã sao chép hồ sơ di truyền thu được, được chứng minh bằng bằng chứng hình ảnh đáng tin cậy:

Amelogenins X, Y

CSF1PO	9, 11
FGA	23, 24
TH01	7, 9
TPOX	11, 11
VWA	17, 18
D3S1358	15, 15
D5S818	12, 12
D7S820	9 11
D8S1179	11, 13
D13S317	10, 11
D16S539	11, 11
D18S51	14, 16
D21S11	30, 30
D2S1338	19, 19

D19S433 15,
15.2

Tôi xin nhắc nhở độc giả có thể đang bối rối rằng, theo hiểu biết phổ biến, không có điều gọi là tội ác hoàn hảo. Đối với cùng một độc giả, tôi cũng nên chỉ ra rằng nếu chúng ta nhập hồ sơ di truyền này vào thuật toán mà tôi đã đề cập trong phần trước về Áo dài ở Argenteuil, chúng ta sẽ thu được kết quả về chủng tộc sau:

Xác Suất Vùng Dân số

Á Châu	74.3%
Hạ Sahar Châu Phi	13.1%
Âu Á	12.6%

Julia Kim không muốn nói cho chúng ta biết, nhưng chúng ta vừa phát hiện ra rằng Chúa Giêsu của cô ấy rất có thể là người Hàn Quốc!

Chúng ta hãy kết thúc cuộc thảo luận này bằng một ghi chú ít đau buồn hơn và nhiều màu sắc hơn: vào tháng 3 năm 2006, tại Nhà thờ Thánh Lucy ở Forlì, Ý, một số tín hữu lớn tuổi phát hiện ra rằng bức tượng Đức Trinh Nữ Lộ Đức có máu trên mặt. Hai năm sau, một thẩm phán kết án người cựu trông coi nhà thờ, một ông Vincenzo Di Costanzo, người Neapolitan 60 tuổi. Tất nhiên, chính cuộc xét nghiệm DNA đã khiến ông ta bị lột mặt nạ. Di Costanzo đã không có một cuộc sống dễ dàng và hy vọng rằng “phép lạ” sẽ thu hút những người hành hương, tiền boa và quyên góp. Tuy nhiên, anh ta vẫn cố gắng bào chữa một cách thảm hại bằng cách nói: “Chỉ có Chúa mới biết tại sao máu của tôi lại có ở đó! Thưa bác sĩ, tôi bị tiểu đường và phải tiêm insulin hàng ngày. Tôi mất máu khắp nơi!” Hình phạt của ông ta rất nhẹ: chỉ phạt 300 euro, mặc dù cuối cùng ông ta phải trả 6,000 euro sau khi cộng thêm chi phí xét nghiệm DNA.

Một vài suy gẫm kết luận

Tóm lại: DNA của Chúa Giêsu thành Nadarét thực sự như thế nào trong suốt cuộc đời của Người trên Trái đất? Liệu có thể đưa ra một số giả thuyết rất thận trọng không? Chúng ta sắp rón rén bước vào một vùng đất chưa được khám phá, nơi tôi sẽ cố gắng một cách trân trọng nhất để kết hợp các kết quả khoa học gần đây với các chân lý của Đức tin, được truyền lại bởi các thế hệ những người trung thành trước chúng ta.

Tôi sẽ đề xuất hai điểm tham chiếu chắc chắn về DNA của Chúa Giêsu:

1. Đó là DNA “bình thường”, tương tự về mọi mặt và không thể phân biệt được với bất cứ người nam nào khác thuộc loài *Homo sapiens*.
2. Nó thừa hưởng một nửa số nhiễm sắc thể từ Mẹ Người, Đức Maria.

Sự Nhập Thể của Chúa Kitô đã tượng trưng cho một mẫu nhiệm thiên đàng đối với các Kitô hữu mọi thời đại. Vào lúc những lời của Kinh Tin Kính Nixêa “đã nhập thể trong lòng Trinh Nữ Maria và đã làm người” được đọc lên, Thánh lễ hiện đại đòi hỏi phải cúi đầu hoặc cúi

thân trên. Thánh lễ của công đồng Tridentinô cũ thậm chí còn bao gồm việc quỳ gối vào lúc đó.

Chúa Giêsu có thể đã xuất hiện một cách lạ lùng, như một người trưởng thành, trên đường phố Palestine vào năm 30 sau CN. Thay vào đó, một phần không thể thiếu trong kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa hiển nhiên là việc Người đến sẽ diễn ra trong cung lòng một người phụ nữ, để Người có thể chia sẻ trọn vẹn bản tính con người của chúng ta, bao gồm cuộc sống như là phôi thai, bào thai, sinh ra đời và lớn lên trong một gia đình có cha có mẹ. Thiên Chúa thật nhưng cũng là con người thật. Hai bản tính, nhân loại và thần linh, trong một Ngôi vị duy nhất là điều mà tín điều đã dày công giảng dạy trong những thế kỷ đầu tiên của lịch sử Giáo hội.

Nó phải như thế do di sản giáo lý Công giáo mà tôi được thừa hưởng, nhưng tôi không thể không thấy các lý thuyết về một Chúa Giêsu “kỳ quặc”, với những dị thường về nhiễm sắc thể và một danh tính giới tính đáng nghi vấn, là kinh tởm. Làm sao Đấng mà qua đó “vạn vật được tạo thành” lại có thể hài lòng với một cơ thể dị thường khi từ trên trời xuống sống với những con người khác trong thời gian viên mãn? Khá có ý nghĩa, các Tin Mừng không bao giờ mô tả khía cạnh thể chất của Chúa Kitô, dù tán dương hay coi thường nó. Một vài thế hệ Kitô hữu đầu tiên - Justinô, Tertullianô, Clémentê thành Alexandria - dường như đề cao ý tưởng về một Chúa Giêsu “kỳ quặc” hoặc thậm chí “dị dạng”, điều này có lẽ là do lời của tiên tri Isaia về Người Tôi Tớ của Giêhôva, Đấng “không có hình dạng hoặc vẻ đẹp đẽ” (Is 53:2). Sau này, các Giáo phụ vĩ đại của Giáo hội sơ khai ở thế kỷ thứ tư - Ephrem người Syria, Gregoriô thành Nyssa, Gioan Chrysostomô - thay vào đó đã nói về Chúa Kitô là “Đấng đẹp nhất trong các con trai của loài người” (Tv 45:2). Nhìn chung, tôi nghĩ sẽ là lẽ thường nếu tin rằng ngoại hình của Chúa Giêsu hẳn là rất bình thường và không thể phân biệt được với bất cứ người đàn ông Do Thái bình thường nào khác ở thế kỷ thứ nhất.

Ở đây tôi muốn thêm một nhận xét thần học: Chúa Giêsu vừa là Lễ Vật [Victim] vừa là Thượng Tế trong hy lễ tối cao mang lại ơn cứu độ cho nhân loại. Theo nghi lễ của người Do Thái, tính hợp lệ của lễ hiến tế đòi hỏi cả hai vai trò đều phải do những đối tượng có cơ thể không tì vết đảm nhận. Không những các con vật, đặc biệt là chiên con của Lễ Vượt Qua, phải “không tì vết” mới được hiến tế (như trong sách Đệ nhị luật 15:21 hoặc sách Lêvi 22:20), mà còn cả *cohen*, thầy tế lễ. Ông phải là hậu duệ của Aaron, người ban đầu được ủy quyền dâng lễ vật trong Đền thờ, và ông không thể có một khuyết điểm nhỏ nhất về thể chất: ông không thể đi khập khiễng, không thể có tâm vóc thấp bé, hoặc có bất cứ dị tật nào ở cơ quan sinh dục. Ấy mới chỉ đề cập đến một số quy tắc truyền thống của giáo sĩ Do Thái.

Nếu là chân chính, Tấm khăn liệm cho chúng ta thấy hình dáng cơ thể nam giới khá cân đối và gần như lực lưỡng, bất chấp những dấu hiệu đau khổ của nó. Nếu chân chính, Áo dài ở Argenteuil cho chúng ta biết - thông qua DNA của lượng lớn máu chứa trong đó - về một người đàn ông có cấu tạo nhiễm sắc thể bình thường và hoàn toàn không thể phân biệt được với nhiễm sắc thể đồng bào của vị này. Vị này thậm chí còn chia sẻ với họ gen gây bệnh sốt Địa Trung Hải mang tính chất gia đình, như một người mang gen dị hợp tử khỏe mạnh.

Con của Mẹ Người

Một lần nữa, đây hẳn là một thành kiến của tôi, liên quan đến quá trình giáo dục Công giáo của tôi, nhưng đối với tôi, tôi thấy điều rất hợp lý là nếu Sự Nhập thể của Ngôi thứ hai trong Ba Ngôi Thiên Chúa phải diễn ra trong cung lòng Trinh Nữ Maria thì điều đó hẳn xảy ra qua

một tế bào trứng đã có sẵn trong cơ thể Người Mẹ vào thời điểm đó, do đó tôn trọng đầy đủ bản chất phụ nữ và sinh lý sinh sản của Người. Vào ngày Truyền Tin, Đức Trinh Nữ đã bằng lòng hoàn toàn trở thành “nữ tỳ của Chúa” một cách không hề dè dặt, như một người mẹ thực sự chứ không chỉ như một người đẻ dùm (surrogate). Tín điều Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội - nghĩa là Đức Maria đã được tha khỏi Tội Nguyên Tổ kể từ khi ngài được thụ thai trong lòng mẹ là thánh nữ Anna - cho phép người Công giáo có được một mức độ tự do tư tưởng đáng thềm muốn. Chính sự tự do đó đã cho phép họ thấy rằng việc Đức Trinh Nữ Maria dần thân về mặt vật chất và thể xác vào việc thụ thai và gắn bó với Con mình trong cung lòng là điều hoàn toàn tự nhiên.

Tôi xin nhắc nhở những độc giả nào không quá quan tâm đến những chi tiết thần học tế nhị: Chúa Kitô đã gánh lấy gánh nặng mọi tội lỗi mà tất cả mọi người trong quá khứ, hiện tại và tương lai đã phạm. Tuy nhiên, Người tuyệt đối sống không tội lỗi từ khi sinh ra, hay thậm chí từ khi được thụ thai, và suốt cuộc đời làm người của Người. Đây là một điều kiện thần học không thể tránh khỏi và thậm chí không thể thiếu đòi hỏi phải có để bảo đảm tính hữu hiệu của sự hy sinh của Người. Điều rõ ràng là việc Đức Maria tham gia vào việc thụ thai Con của ngài sau đó trở thành một vấn đề nan giải thực sự đối với những Kitô hữu không Công giáo, những người không tin vào Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội: Thân Mình tất yếu trong sạch và “ngoại lai” của Chúa Giêsu chắc chắn sẽ bị hư hỏng bởi bản chất con người của Đức Maria, như thể ngài sẽ truyền lại cho Người tội lỗi của Adam và Evà mà tất cả chúng ta đều mắc phải. Tuy nhiên, nói theo các thuật ngữ thực tế hơn và cũng theo sự nhạy cảm của Công giáo, ngay việc lớn lên của Chúa Con - trong Thân xác và Linh hồn - luôn tiếp xúc rất gần gũi với Mẹ Người - như thể Đức Trinh Nữ đã tham dự Bí tích Thánh Thể suốt chín tháng – cũng đòi Đức Maria phải được bảo vệ khỏi Nguyên Tội. Điều này vẫn đúng một cách độc lập với việc thụ thai Con qua việc Mẹ tham dự trọn vẹn vào việc Nhập Thể của Người trong cung lòng Mẹ. Nếu không, việc mang thai của ngài sẽ tương đương với việc rước lễ của một người chưa được rửa tội hoặc một người Công giáo sống trong tội trọng.

Vì vậy, tôi nghĩ sẽ hợp lý khi tin rằng Chúa Giêsu thành Nadarét phải có hình dáng giống Mẹ của Người, giống như tất cả trẻ em trên thế giới này đều trông giống mẹ của chúng. Sẽ không hợp lý nếu Thánh Gia phải chịu đựng sự bối rối - với người thân và những người trong làng của họ - khi Con của họ ngẫu nhiên trông hoàn toàn khác, như thể Người được ban cho họ bởi một Thiên Chúa chơi khăm.

Nhiều tác giả Byzantine từ thế kỷ thứ tám và thứ chín nói về truyền thống được truyền lại cho họ về sự tương đồng mạnh mẽ giữa Chúa Kitô và Mẹ Người. Thí dụ, trong bức thư Thượng Hội đồng gửi tới Hoàng đế Theophilus vào năm 836 và được viết bởi ba thượng phụ Christophơ của Alexandria, Gióp của Antiokia và Basilêô của Giêrusalem, ngoại hình bên ngoài của Chúa Kitô đã được mô tả chính xác theo lời kể của các tông đồ. Bức thư nói rằng “khuôn mặt của Người có màu lúa mì, giống với khuôn mặt của mẹ Người”. Một mô tả khác được đưa ra bởi Epiphaniô Đan sĩ, người đã viết: “Với khuôn mặt của Người không tròn trịa mà thay vào đó là thon dài, giống như khuôn mặt của Mẹ Người, người mà xét cho cùng, Người giống về mọi sự.” Vào thế kỷ 14, Nicephorô Callistô Xanthopolô tiếp tục những mô tả do những người đi trước đưa ra bằng cách viết: “Khuôn mặt của Người không tròn cũng không phải hình bầu dục và rất giống, đặc biệt là ở phần dưới, với khuôn mặt của Mẹ Người. . . . Cuối cùng, Người giống Đức Mẹ đồng trinh thần thiêng của Người trong mọi sự.”

Ở giai đoạn này, tôi rất muốn kêu gọi sự giúp đỡ của nhà thơ vĩ đại người Ý Dante Alighieri như một chứng nhân cho đức tin và lý luận đúng đắn. Ở câu 86, trong canto 32 của Paradiso, nhà thơ đã lên tới Empyrean, hay Thiên đàng cao nhất, và cuối cùng được phép nhìn thấy tất cả các vị thánh cùng một lúc, xếp thành hình một bông hồng vô nhiễm trong Phúc kiến Chúa Ba Ngôi của các ngài. Cánh hoa cao nhất và nổi bật nhất dành cho Nữ vương, và Dante được phép ngắm nhìn dung nhan Đức Maria:

Nhưng bây giờ hãy nhìn vào khuôn mặt

giống Chúa Kitô nhất; vì chỉ ánh sáng của nó

mới có thể khiến bạn sẵn sàng chiêm ngưỡng Chúa Kitô.

Sự giống nhau với Chúa Con không chỉ ở sự huy hoàng và phúc thật của Người. Nó còn có tính thể lý tuyệt vời. Để có thêm một số thể giá thần học vào những suy tư này, tôi rất vui được trích dẫn một đoạn văn của Thánh Gioan thành Đamát, một trong những Giáo phụ của Giáo hội Đông phương, sống ở thế kỷ thứ tám và đã đặt tín điều Đức Maria Mẹ Thiên Chúa vào những thuật ngữ sau đây:

Theo một nghĩa đúng đắn và thực chất, chúng ta tin Đức Trinh Nữ thánh thiện là Mẹ Thiên Chúa. Thực vậy, cũng như Đấng được sinh ra từ Mẹ là Thiên Chúa thật, Mẹ Thiên Chúa thật là Đấng đã sinh ra Thiên Chúa thật, Thiên Chúa đã nhập thể trong Mẹ. Và khi chúng ta nói rằng Thiên Chúa được sinh ra từ Mẹ, chắc chắn chúng ta không có ý nói rằng thần tính của Ngôi Lời bắt đầu hiện hữu khi được tạo nên bên trong Mẹ. Thay vào đó, chúng ta nói điều này bởi vì cùng một Lời Đức Chúa Trời - Đấng được Chúa Cha tạo ra từ trước mọi thời đại bên ngoài thời gian và Đấng đã ở với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần từ nguyên thủy - trong vài ngày qua, và để cứu chuộc chúng ta, tìm thấy một nơi ở trong bụng Mẹ và không trải qua bất cứ thay đổi nào, Người nhập thể trong Mẹ và được sinh ra từ Mẹ. Vì vậy, Thánh Trinh Nữ không sinh ra một con người đơn sơ, mà là Thiên Chúa đích thực. Và không chỉ có Đức Chúa Trời thật, mà còn có Đức Chúa Trời Nhập Thể. Tuy nhiên, Thiên Chúa Con không mang thân xác của Người từ trời xuống, đi qua Mẹ như thể Mẹ là một kênh dẫn, mà đúng hơn, Người đã nhận lấy thân xác của Người - đồng bản thể với thân xác của chúng ta - từ Mẹ, bằng cách ban cho nó sự nuôi dưỡng qua Ngôi Vị của Người.”

DNA của Chúa Thánh Thần

Thế còn DNA của người cha thì sao? Đấng Tạo Hóa của vũ trụ có thể gặp khó khăn gì trong việc cung cấp một cách lạ lùng một giao tử nam có đủ nhiễm sắc thể để thụ tinh cho một trong những tế bào trứng của Trinh nữ vào đúng địa điểm và thời gian? Từ quan điểm khoa học, sự đóng góp của nhiễm sắc thể của người cha là hoàn toàn cần thiết để sinh ra một đứa trẻ khỏe mạnh và hơn thế nữa để sinh ra một đứa con trai. Bộ gien của người cha là cần thiết để xác định sự khác biệt lành mạnh, sinh lý học và vượt trội giữa Thân xác và linh hồn của Con và của Mẹ Người.

Áo dài ở Argenteuil - nếu chân chính - tiết lộ các cặp số cho mỗi *alen* STR được phát hiện của nó. Mỗi số trong mỗi cặp cho biết chuỗi STR được lặp lại bao nhiêu lần trong mỗi phiên bản *alen* của STR đó. Nếu không có tham chiếu nào khác thì không thể phân biệt được nguồn gốc cha hay mẹ của từng con số trong mỗi cặp. Tuy nhiên, nguồn gốc của người cha được tiết lộ bất cứ khi nào số lượng trong mỗi cặp giống hệt nhau. Đây là trường hợp của các STR

FGA, VWA, D8S1179 hoặc D19S433. Bởi vì Mẹ và Con trai là đồng hợp tử về các STR cụ thể này, nên chúng ta có thể bắt đầu phác thảo một “hồ sơ di truyền” ban đầu về người cha cũng như người mẹ. Tôi tin rằng nếu chúng ta có thể có được hồ sơ CODIS hoàn chỉnh về DNA này - thứ lỗi cho thuật ngữ của tôi - về “Chúa Thánh Thần”, chúng ta có thể sẽ thấy nó khá trung bình hoặc đơn giản là đầy đủ. Chắc chắn nó sẽ không phải là “người ngoài hành tinh” hay “siêu nhân”.

Cuối cùng, chúng ta cũng biết được từ các nghiên cứu về Áo Dài rằng nhóm đơn bội J2 cụ thể được phát hiện một cách không mơ hồ, màu nhiệm nhưng đặc biệt trong nhiễm sắc thể Y của người cha. Chúng ta biết rằng nhóm đơn bội này gợi ý về một tính sắc tộc Do Thái và nó vẫn được hàng triệu đàn ông chia sẻ cho đến tận ngày nay.

Tổng quan về DNA của Phép lạ Thánh Thể

Bây giờ chúng ta hãy tự hỏi tại sao không có dạng đa hình STR hạt nhân nào được biết đến trong các phép lạ Thánh Thể mà chúng ta đã nghiên cứu cho đến nay, ngoại trừ ngoại lệ một phần và gần đây của Legnica. Tôi nghĩ có ba cách giải thích có thể đồng thời đúng:

1. Phẩm chất DNA rất kém

DNA của Buenos Aires và Tixtla thực sự được bảo quản ở dưới mức tối ưu, nếu không muốn nói là rất kém. Trên thực tế, chúng chưa được bảo tồn chút nào. Giống như tất cả các phép lạ Thánh Thể khác, không có kỹ thuật cất giữ hoặc bảo quản nào được sử dụng để bảo vệ chúng khỏi các chất gây ô nhiễm môi trường, vật lý hoặc sinh học. Điều này có thể hiểu được: phép lạ không phải là “hiện trường vụ án”, và các thánh tích không được bảo quản trong ni lông, bởi vì chúng là quà tặng của Thiên Chúa. Khả năng tự bảo tồn tự phát của chúng, nếu có, chính nó đã là một phần của bản chất lạ lùng của chúng.

Cách riêng, tôi xin nhắc nhớ rằng điều kiện bảo quản tồi tệ nhất là ở Buenos Aires: mô năm 1996 được bảo quản - ai mà biết tại sao - trong nước cất, về cơ bản là một chất độc tế bào. Hơn nữa, tất cả các báo cáo mà chúng tôi xem được đều mô tả các mô “đau khổ”, có DNA bị phân mảnh và thoái hóa. Do đó, khá đơn giản, không thể tìm thấy STR hợp lệ bởi vì, nếu xuất hiện ban đầu, sau đó chúng sẽ bị hỏng hoặc không thể đọc được do phân rã. Nếu đủ kiên nhẫn, có lẽ chúng ta sẽ gặp may mắn hơn ở phép lạ thánh thể “tiếp theo”, và phòng thí nghiệm di truyền cuối cùng có thể mang lại cho chúng ta sự hài lòng phần nào. Kết quả yếu kém của Legnica dường như đang đi theo hướng đó. Việc phát hiện chỉ có hai bộ khuếch đại STR - trong số ít nhất 10 đến 20 bộ khuếch đại đang được tìm kiếm - được các nhà nghiên cứu coi là kết quả mong đợi. Đó là một phát hiện tương thích với chất lượng kém của mẫu ban đầu. Nếu phát hiện thêm nhiều bộ khuếch đại STR thì mức độ nghi ngờ về ô nhiễm sẽ tăng lên.

2. Thiên Chúa ản mình

Là “những người Công giáo tốt lành” ngây thơ, chúng ta có thể thắc mắc tại sao những phép lạ này không trang bị cho mình một số DNA có khả năng kháng cự cao hơn để đối mặt với sự lục lọi của chúng ta nếu chúng thực sự có thật.

Điều đó có thực sự tạo thêm tổn phí không? Tôi đã đề cập đến những suy nghĩ của Bác sĩ Castañón trong đó ông coi việc thiếu kết quả DNA nhất quán - hoặc sự hiện diện của những kết quả không thể kết luận được - như một dấu hiệu nghịch lý thực sự về tính chân thực siêu nhiên của một phép lạ.

Điều gì sẽ xảy ra nếu tài sản này thực sự là một phép lạ? Suy cho cùng, Bí tích Thánh Thể là sự ẩn mình có chủ ý và kỳ diệu của Thiên Chúa dưới hình bánh và rượu. Trong những phép lạ thánh thể này, việc che giấu hồ sơ nhận dạng DNA của Thiên Chúa không thể được mô phỏng theo cách khác bởi bất cứ người giả mạo nhân bản nào. Vì vậy, liệu DNA thầm lặng này có phải là một phép lạ ẩn giấu bên trong những phép lạ? Nó thực sự có thể là một “dấu ấn nhận dạng” [signature] kín đáo và yêu thương trên trời bảo vệ đức tin và sự tự do của con người khỏi ánh sáng tràn ngập: một sự quá mức mà nếu không thì sẽ không thể chịu đựng được đối với con người. Là “những người ít đức tin”, chúng ta có thể giữ vững sự trùng hợp của nhóm AB trong cả hai phép lạ Lanciano và Tixtla. Điều này vì ít nhất chúng ta có thể đặt ra một số nghi ngờ về tính chính xác của kết quả nhóm máu, hoặc đơn giản vì sự chú ý của thế giới đang tập trung vào nơi khác. Điều này như vậy ngay cả khi “sự trùng hợp ngẫu nhiên” này tự nó đã khá mạnh mẽ và thậm chí còn hơn thế nữa nếu tính cả nhóm máu phù hợp của ba tấm được cho là vải Khổ Nạn. Tuy nhiên, một phát hiện chắc chắn về DNA sẽ không bị bỏ qua, và chúng ta không thể bỏ qua nó với tư cách là những con người thời hiện đại đang sống trong sự quyền rũ và sùng bái thần tượng của chuỗi xoắn kép nổi tiếng. Vậy thì đây có phải là lý do để Thiên Chúa cố tình làm suy yếu sự biểu lộ lạ lùng của Người không? Thế còn kết quả DNA của Legnica thì sao? Phải chăng Thiên Chúa đã tạo ra một ngoại lệ một phần đối với việc che giấu danh tính DNA của Người bằng cách dựa vào quyết định riêng của các nhà nghiên cứu?

3. DNA của các thân xác được tôn vinh

Thần học Công giáo đã cố gắng xác định - nếu có thể - một số đặc điểm mà thân xác vinh quang của chúng ta sẽ được hưởng vào thời điểm xác thịt sống lại. Một số manh mối đến trực tiếp từ Tin Mừng liên quan đến Sự Phục Sinh, trong đó Chúa Giêsu được cho là đã đi qua những cánh cửa khóa vào căn phòng nơi các tông đồ đang ở. Đôi khi Người ẩn giấu hoặc tỏ lộ Người ra, giống như trên đường đi Emmaus hoặc với Maria Magdalêna trong vườn. Người để cho mình được chạm vào và *đang sống*, mặc dù Người vẫn còn mang một số vết thương còn tươi từ cuộc Khổ nạn của Người. Người có thể ăn và lên Thiên đàng. Người là kết quả đầu tiên của số mệnh mà tất cả chúng ta được kêu gọi. Rõ ràng, tôi không chỉ đề cập đến sự bất tử của linh hồn mà còn đề cập đến sự sống lại thực sự của thể xác, mà linh hồn sẽ được đoàn tụ vào thời điểm Phán xét Cuối cùng, theo giáo lý Công giáo.

Nó sẽ không chỉ là sự hồi sinh cơ thể hiện tại của chúng ta, như đã xảy ra với Ladarô, con gái của Giaia, hay con trai của bà góa thành Naim trong Tin Mừng. Thay vào đó sẽ là sự phục sinh của một thân xác “được tôn vinh” với những đặc tính sinh học mới mẻ và siêu nhiên. Đó sẽ là một cơ thể tuyệt vời không già đi và chết đi nữa. Nó sẽ miễn dịch với mọi bệnh tật và không có bất cứ sự không hoàn hảo nào. Có lẽ nó sẽ giống như cơ thể mà tổ tiên Adam và Evà của chúng ta đã vui mừng trong vườn Địa Đàng, trước khi phạm tội. Không những thế, thân thể vinh hiển của chúng ta còn có thể kỳ diệu hơn nữa. Đó là vì những vết sẹo của cuộc đấu tranh cá nhân dẫn đến việc chúng ta chiến thắng tội lỗi nhờ sự trợ giúp của ân sủng Thiên Chúa cũng sẽ được tôn vinh.(142)

Suy tư thần học cũng cố gắng mô tả một số đặc điểm khác của thân xác vinh hiển. Các đặc điểm này là *không thể chịu đau khổ* [impassibility]: không có khả năng cảm thấy đau đớn hoặc miễn dịch trước mọi tác hại; *huy hoàng*: ánh sáng sẽ tỏa ra từ mọi người như một biểu hiện của niềm hạnh phúc trong tâm hồn; *linh hoạt* [agility]: sự tự do di chuyển tức thời không còn tuân theo các quy luật vật lý; *tinh tế*: sự phụ thuộc hoàn hảo của cơ thể vào linh hồn; và

một lần nữa sự *bất tử, sự toàn vẹn, đẹp đẽ*. Tôi xin giới thiệu cuốn sách *L'Eden, la resurrezione e la terra dei viventi* (Địa đàng, sự phục sinh và vùng đất của người sống), của Gianluca Marletta, cho những ai muốn đào sâu kiến thức về chủ đề này.

Rất tốt, thế còn DNA của cơ thể này sẽ như thế nào? Chúng ta có thể cho rằng nó cũng sẽ có được sự hoàn hảo tuyệt vời; nó sẽ không có các gen gây bệnh hoặc các gen mang lại những đặc điểm kém hoàn hảo, trong khi vẫn duy trì các biến thể cá nhân quá dồi dào và mối quan hệ họ hàng đứt khoát với các thân nhân của các thế hệ trước và sau. Thay vào đó, nếu nó duy trì chuỗi *nucleotide* hiện tại, nó sẽ có cơ chế kiểm soát có khả năng loại bỏ mọi tác động có hại gây ra bệnh tật, lão hóa và chết chóc trên Trái đất. Tôi dừng lại ở những xem xét vu vơ này bởi vì không có gì có thể ngăn cản chúng ta tưởng tượng “DNA được tôn vinh” sẽ như thế nào trong lãnh thổ chưa được khám phá này. Rất có thể, nó được giải phóng khỏi tất cả những “DNA rác rưởi” vô dụng lặp đi lặp lại mà loài người chưa bao giờ dám chủ động loại bỏ, kéo nó có thể mất các chuỗi nhỏ nào và có thể là các chuỗi cần thiết lân cận. Nếu những chuỗi dư thừa hoặc gây bệnh đó bị loại bỏ thì tất cả các đa hình STR cũng sẽ biến mất khỏi “DNA được tôn vinh”. Từ quan điểm phiên mã [transcriptional], STR thực sự vô nghĩa vì chúng không dẫn đến việc sản xuất bất cứ sản phẩm *protein* nào. Điều này thậm chí ngay cả khi chúng ta thấy chúng hữu ích như các điểm đánh dấu hồ sơ DNA trong y học pháp y. Giả thuyết gọn gàng và đơn giản này sau đó có thể giải thích tại sao DNA của một cơ thể sống lại và được tôn vinh lại không thể đáp ứng được các xét nghiệm nhận dạng di truyền thông thường. Rốt cuộc, chắc chắn rằng ngay cả tội ác nhỏ nhất cũng sẽ không xảy ra trên Thiên đàng và dịch vụ nhận dạng DNA của FBI sẽ không còn cần thiết nữa.

Khi đó, liệu việc tìm kiếm các gen mã hóa protein thực sự “hữu ích” trong DNA di vật của chúng ta có hợp lý hơn không? Điều này có thể xảy ra, mặc dù chúng ta đã biết về một ngoại lệ đối với “quy tắc” này: các kết quả luôn tiêu cực thu được từ mọi nỗ lực nhằm xác định các gen *amelogenin* trong các phép lạ Thánh Thể. Các gen *amelogenin* thực sự tạo ra các *protein* cần thiết cho sự hình thành men răng và chắc chắn không phải là “sự lặp lại vô dụng”, trừ khi chúng ta vui vẻ sống mà không có răng chức năng.

DNA và – nói chung hơn – các mô sinh học của các Khăn Khổ nạn có khác với các mô của Phép lạ Thánh Thể không?

Thật khó để đưa ra câu trả lời đứt khoát cho câu hỏi này nếu chỉ dựa vào một số ít và một phần những phát hiện thực nghiệm sẵn có. Thực sự, trong lãnh thổ màu nhiệm và chưa được khám phá này, một số kết quả thậm chí còn bị kiểm duyệt một cách thận trọng. Tuy nhiên, thần học Công giáo đã hỗ trợ chúng ta về chủ đề này bằng cách nhắc nhở chúng ta rằng sự hiện diện của Chúa Kitô trong thế giới có ba mặt. Kiểu hiện diện đầu tiên mang tính lịch sử: kiểu hiện diện của Chúa Giêsu ở Palestine vào thế kỷ thứ nhất. Cho đến khi Người chết trên Thập Giá, Minh và Máu Chúa Giêsu vẫn là của một con người phạm trần. Về mặt lý thuyết, khi đó chúng ta có thể sử dụng các công cụ khoa học hiện đại để cố gắng phân tích bất cứ dấu vết hài cốt nào của Người trên các thánh tích Khổ Nạn và sau hai nghìn năm, vẫn hy vọng tìm thấy một số kết quả hợp lý về mặt sinh học. Khi đó sẽ là một kỳ vọng hợp lý để có được một số kết quả di truyền một phần hoặc không đầy đủ - hoặc những kết quả hoàn toàn giả mạo, do ô nhiễm DNA - từ các thánh tích như Tấm khăn liệm Turin và Khăn Mặt ở Oviedo. Tương tự như vậy, cũng sẽ hợp lý nếu thu thập được những kết quả chắc chắn và thuyết phục như những kết quả thu được từ Áo dài ở Argenteuil.

Thay vào đó, hai loại hiện diện còn lại bị che giấu khỏi giác quan của chúng ta, những ngoại lệ dành cho các phép lạ và việc hiện ra. Chúng là sự hiện diện *bí tích* của Chúa Giêsu trong Bí tích Thánh Thể và sự hiện diện *tự nhiên* của Người trên Thiên đàng. Sự hiện diện sau là sự hiện diện trọn vẹn của Thân Thể phục sinh và vinh hiển của Người, ngự bên hữu Thiên Chúa Cha. Sau đó, chúng ta có thể mong đợi các phép lạ Thánh Thể biểu lộ sự hiện diện *bí tích* của Chúa Giêsu, một sự hiện diện nhất thiết phải khác với hai loại kia. Vậy thì chúng ta mong đợi tìm thấy những đặc điểm sinh học nào trong các mô của các phép lạ Thánh Thể? Theo định nghĩa, phép lạ là những hiện tượng gây ngạc nhiên và không thể giải thích được trong đó Thể Thần linh đột nhập vào thế giới này của chúng ta. Cuối cùng, các phép lạ có thể làm bất cứ điều gì chúng muốn và vượt qua mọi định luật sinh học, vật lý và hóa học như chúng muốn.

Thay vào đó, chúng ta cũng có thể thử nghĩ một cách khác về những “sự vi phạm” biểu kiến này đối với các quy luật tự nhiên: có lẽ những phép lạ thực sự cho thấy sự ứng nghiệm của những quy luật này vượt ra ngoài những ràng buộc của vũ trụ không-thời gian của chúng ta. Vì điều này, những dụng cụ khoa học phức tạp nhất của chúng ta thực sự có thể hoàn toàn vô dụng và không phù hợp cho việc nghiên cứu chúng bằng các phương tiện thông thường của chúng ta. Tuy nhiên, phép lạ không cố đánh lừa con người: nếu chúng xảy ra, đó là vì chúng muốn nhắc nhở chúng ta về một điều gì đó quan trọng, thường là một điều gì đó khá kịch tính và cấp bách.

Nói rộng ra, tôi tin rằng chúng ta có thể thu thập được hai nguyên tắc bổ sung cho nhau từ những nghiên cứu khoa học mà chúng ta đã thảo luận. Một mặt, có một ngôn ngữ của sự thật và tính nhất quán xuất hiện từ những phát hiện khoa học liên quan đến điều bí tích Thánh Thể muốn nói và *là*. Là một người Công giáo Rôma, tôi cảm thấy được nâng đỡ và an ủi bởi những gì khoa học cho đến nay có thể cho tôi biết về các sự kiện Lanciano, Buenos Aires, Tixtla và Ba Lan. Nghiên cứu khoa học về các mô có nguồn gốc từ những phép lạ này không liên quan đến những điều ngạc nhiên gây bối rối hoặc những phát hiện mơ hồ về mặt thần học. Thay vào đó, khái niệm về một trái tim sống động và thông khổ, một dòng máu “đau khổ”, và một nhóm máu nhất quán chỉ có thể nâng cao tinh thần cho người tín hữu.

Mặt khác, những mô lạ lùng này vẫn có thể duy trì sự tách biệt kiên cường và cao quý khỏi thực tại trần thế: chúng có thể sống còn trong điều kiện bảo quản rất kém hoặc bất lợi và cho thấy các đặc điểm mô học hoặc hóa mô miễn dịch không đầy đủ hoặc “im lặng” dường như đang lơ lửng giữa sự sống và cái chết. Gần như chế giễu, DNA của chúng dường như thoát khỏi các thăm dò phân tử được sử dụng trong các xét nghiệm nhận dạng thông thường. Vậy DNA “bí tích” này có điểm gì chung với DNA “lich sử” có nguồn gốc từ những dấu vết còn sót lại của hài cốt phàm trần của Chúa Kitô? Liệu nó có luôn giống nhau không, từ thử nghiệm này qua thử nghiệm khác? Liệu nó có thể thay đổi, ẩn giấu hay thậm chí trêu đùa sự tò mò của chúng ta không?

Tổ tiên của chúng ta đã tự hỏi mình một câu hỏi tương tự khi thắc mắc về số phận của Máu Chúa Kitô đổ ra trong cuộc Khổ nạn của Người. Thánh Tôma Aquinô tuyên bố rằng Máu đã đổ ra là một phần không thể thiếu của nhân tính trong thân xác của Chúa Kitô và được định sẵn sẽ được phục sinh cùng với phần còn lại của Thân Thể Người: nó chắc chắn sẽ được “tái hấp thụ” trong Thân Thể mới vinh hiển của Người vào buổi sáng Phục Sinh và do đó không còn hiện diện trên Trái đất. Năm 1462, Thánh Giacôbê thành Marches - một tu sĩ dòng Phanxicô - không đồng ý với quan niệm này, và điều này dẫn đến một trong nhiều cuộc tranh luận giữa Dòng Đaminh và dòng Phanxicô, khiến thần học Công giáo có một hương vị độc

đáo. Tấm Khăn Liệm và các tấm vải Khổ nạn khác, nếu chân chính, chứng tỏ sự hiện diện của máu người mà có lẽ - theo thuật ngữ thần học - không còn hiệp nhất theo ngôi vị với Ngôi Lời nữa. Thay vào đó, có vẻ như Máu này được để lại cho chúng ta như một “thánh tích” hoặc bằng chứng về giá chuộc mà Chúa Giêsu đã trả cho sự cứu rỗi của chúng ta.

Bạn đọc thân mến, đây là phần kết thúc cuộc khảo sát nhỏ của tôi. Nếu Chúa muốn, sẽ có nhiều thông tin hơn trong tương lai và có lẽ người khác sẽ tiếp quản công việc của tôi từ nơi tôi đã để lại và tiếp tục cuộc hành trình tiếp theo. Ngợi khen Chúa!

Thư mục

Venter, J. Craig, Mark Adams, Eugene Myers và những người khác. 2001. “The Sequence of the Human Genome [Chuỗi bộ gen của con người].” *Science* 291 (5507): 1304–1351. Buổi trình bày lịch sử về Dự án bộ gen người không lồ đã tiết lộ chuỗi hoàn chỉnh của DNA con người.

Noble, Denis. 2006. *The Music of Life: Biology Beyond the Genome* [Âm nhạc của cuộc sống: Sinh học ngoài bộ gen]. Oxford University Press. Tiểu luận đầy nhiệt tình xem xét lại vai trò của gen và DNA đối với sự phức tạp của các sinh vật sống.

Oppenheimer, Stephen. 2003. *The Real Eve: Modern Man's Journey Out of Africa* [Eva thực sự: Hành trình ra khỏi châu Phi của con người hiện đại]. New York: Basic Books.

Oppenheimer, Stephen. 2004. *Out of Eden: The Peopling of the World* [Ra khỏi vườn địa đàng: Việc trồng người trên thế giới]. London: Little, Brown Book Group. Câu chuyện say mê về cuộc chinh phục thế giới của loài người, dựa trên cây phả hệ ẩn giấu trong nhiễm sắc thể nam Y.

Coble, Michael, Odile Loreille, Mark Wadhams, và những người khác. 2009. “Mystery Solved: The Identification of the Two Missing Romanov Children Using DNA Analysis [Mâu nhiệm đã giải đáp: Nhận dạng hai đứa trẻ nhà Romanov mất tích bằng phân tích DNA].” *PLoS One* 4 (3), tr. e4838.

Tóm tắt tất cả các cuộc điều tra về DNA giúp xác định chắc chắn hài cốt của cả gia đình Romanov, sau những phát hiện từ năm 1991 đến năm 2007.

Woestendiek, John. 2010. *Dog, Inc.: The Uncanny Inside Story of Cloning Man's Best Friend* [Công ty Chó: Câu chuyện kỳ lạ bên trong về việc sinh vô tính người bạn thân nhất của con người]. New York: Avery Publishing.

Sagi Ido và Nissim Benvenisty. “Haploidy in Humans: An Evolutionary and Developmental Perspective [Tính đơn bội ở con người: Một quan điểm tiến hóa và phát triển].” *Developmental Cell* 41 (6): 581–589. <https://doi.org/10.1016/j.devcel.2017.04.019>. Bài báo về thực nghiệm đơn bội ở loài người. Một phần giải thích những rào cản tự nhiên khiến con người đơn bội không thể tồn tại được.

Castañón Gómez, Ricardo. 2011. *Más allá de la razón [Quá vô lý]*, tái bản lần thứ 3. México: Centro Internacional de Estudios Humanos. Cuốn sách hay nhất (bằng tiếng Tây Ban Nha) về việc điều tra các sự kiện ở Buenos Aires.

Tesoriero, Ron và Lee Han. 2013. *Unseen New Evidence: The Origin of Life Under the Microscope* [Bằng chứng mới chưa từng thấy: Nguồn gốc của sự sống dưới kính hiển vi]. Australia: Ron Tesoriero. Những suy tư cá nhân của luật sư người Úc liên quan đến cuộc điều tra các sự kiện ở Buenos Aires: ông đưa ra những đề cập thú vị đến tất cả các phép lạ Thánh Thể khác đã được nghiên cứu trong thời hiện đại.

Castañón Gómez, Ricardo. 2014. *Crónica de un milagro eucarístico: Esplendor en Tixtla Chilpancingo, Mexico* [Biên niên sử về phép lạ Thánh Thể: Sự huy hoàng ở Tixtla Chilpancingo, Mexico]. Grupo Internacional para la Paz. Cuốn sách hay nhất về các sự kiện từ Tixtla.

Kiernikowski, Zbigniew. 2017. *Bóg przemówił w Legnicy [Chúa phán bằng tiếng Legnica]*. Kraków: Wydawnictwo M. Bản tóm tắt chính thức về các sự kiện Legnica, do Giáo phận Legnica viết và xuất bản năm 2017.

Vernesi, Cristiano, Giulietta Di Benedetto, David Caramelli, và những người khác. 2001. “Genetic Characterization of the Body Attributed to the Evangelist [Đặc điểm hóa di truyền của cơ thể được gán cho tác giả Tin Mừng].” *Proceedings of the National Academy of Sciences of the United States of America* [Kỷ yếu của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ] 98 (23): 13460–13463.

Nghiên cứu về DNA ty lạp thể từ một chiếc răng trên cơ thể vẫn được liên kết với Tác giả Tin Mừng Luca, được tổ chức tại Nhà thờ St. Giustina ở Padua.

KakaTonyLa. 2012. *National Geographic HD: Head of John the Baptist* [National Geographic HD: Đầu Gioan Tẩy Giả]. Phim tài liệu. YouTube. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021.

https://www.youtube.com/watch?v=e-QjoorU03g&has_verified=1. Từ phút 39:40, Hannes Schroeder và Eske Willerslev (Đại học Copenhagen) phân tích trình tự DNA ty lạp thể của xương từ một di vật nghi là của Thánh Gioan Tẩy Giả. Trong phim, đột biến A188G được tiết lộ, tạo ra nhóm đơn bội J1c2.

Kênh lịch sử. 2017. *The Jesus Strand: A Search for DNA* [Dải của Chúa Giêsu: Tìm kiếm DNA]. Phim tài liệu. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021.

<https://www.dailymotion.com/video/x5m17zd>. Phim tài liệu của Kênh Lịch sử năm 2017 trong đó có một Mục sư Baptist khoa trương ở California và một nhà di truyền học Oxford đưa chúng ta vào cuộc hành trình khám phá các đoạn DNA trên thánh tích thánh thiêng. Than ôi, phong cách truyền hình khá nông cạn và nhịp độ nhanh. Tại đây, các nhà khoa học Đan Mạch tiết lộ rằng DNA ty lạp thể trước đây được cho là của Thánh Gioan Tẩy Giả là một sự ô nhiễm hiện đại.

Lucotte, Gérard. 2016. “The Mitochondrial DNA Mitotype of Sainte MarieMadeleine [Mẫu DNA ty lạp thể của Thánh Maria Mađalêna.” *International Journal of Sciences* 5 (12): 10–19. Tóm tắt phân tích DNA ty lạp thể từ hài cốt được cho là của Thánh Maria Mađalêna và khám phá giết gôn về việc chúng thuộc nhóm đơn bội Do Thái.

Casarino, L. và cộng sự. 1995. “Ricerca dei polimorfismi del DNA sulla sindone e sul Sudario di Oviedo [Nghiên cứu đa hình DNA trên Khăn liệm và Khăn mặt Oviedo]” *Sindone Nuova Serie* 8: 39–47. Nghiên cứu đầu tiên về tính đa hình DNA của Tấm khăn liệm.

De Stefano, F. 1996. “Automated Profiling of Multiplexed DNA Markers: An Italian Database of Four Co-amplified STRs Loci [Hồ sơ tự động của các điểm đánh dấu DNA đa kênh: Cơ sở dữ kiện của Ý về bốn chỗ STR được khuếch đại đồng thời.” *Advances in Forensic Hemogenetics* 6: 174–176.

Barcaccia, Gianni, Giulio Galla, Alessandro Achilli và những người khác. 2015. “Uncovering the Sources of DNA Found on the Turin Shroud [Khám phá nguồn DNA được tìm thấy trên tấm khăn liệm Turin].” *Scientific Reports* 5: 14484. Nghiên cứu ban đầu về tất cả dấu vết DNA ty lạp thể của thực vật, động vật và con người được tìm thấy trên Tấm khăn liệm Turin.

Alonso, A. và cộng sự. 2007. “El DNA del Sudario de Oviedo: Oviedo relicario de la cristianidad [DNA của Khăn mặt Oviedo: Thánh tích Oviedo của Kitô giáo].” trong *Oviedo, relicario de la cristianidad: Actas del II Congreso Internacional sobre el Sudario de Oviedo [Oviedo, thánh tích của Kitô giáo: Kỷ yếu của Đại hội quốc tế lần thứ hai về Khăn liệm Oviedo]*. Tái bản lần thứ nhất, 167–173. Thông tin liên lạc chính thức của Bác sĩ Alonso trong đó ông thừa nhận đã biết chuỗi DNA ty lạp thể của máu trên Khăn Mặt Oviedo.

Van Cauwelaert, Didier. 2005. *Cloner le Christ?* [Chúa Kitô sinh vô tính]. Tái bản lần thứ nhất. Canal Albin Michel. Một cuộc điều tra về khả năng không thể xảy ra của việc sinh vô tính Chúa Giêsu Kitô. Nó bao gồm một cuộc phỏng vấn với Giáo sư Lucotte, người dự đoán kết quả trên Áo dài ở Argenteuil.

Marion, André và Gérard Lucotte. 2006. *Le linceul de Turin et la tunique d’Argenteuil: Le point sur l’enquête [Tám khăn liệm Turin và áo dài Argenteuil: Cập nhật cuộc điều tra]*. Tái bản lần thứ nhất. Paris: Éditions des Presses de la Renaissance. Phần thứ hai của cuốn sách dành riêng cho những nghiên cứu ban đầu về Áo dài. Lần đầu tiên, mã CODIS của một thánh tích Khố Nạn được công bố.

Lucotte, Gérard và Philippe Bornet. 2007. *Sanguis Christi: Le sang du Christ. Une enquête sur la tunique d’Argenteuil* [Sanguis Christi: Máu Chúa Kitô. Một cuộc điều tra về áo dài Argenteuil]. Guy Trédaniel Éditeur. Nhà di truyền học người Pháp giải thích mọi điều ông biết và khám phá được về thánh tích Argenteuil.

Lucotte, Gérard. 2001. “Study of the Mutation M694V of Familial Mediterranean Fever in Jews [Nghiên cứu đột biến M694V của bệnh sốt Địa Trung Hải gia đình ở người Do Thái].” *Genetic Testing* 5 (1): 53–56.

Gharib, Georges. 1993. *Le icone di Cristo: Storia e culto [Các biểu tượng của Chúa Kitô: Lịch sử và sùng bái]*. Edizioni Città Nuova. Một kho tàng những câu trích dẫn của các giáo phụ liên quan đến ngoại hình của Chúa Giêsu và Mẹ Người.

Trang web không có tiêu đề. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021.

<http://www.najumary.or.kr/English/signs/preciousblood20.htm>. Trang web về các nghiên cứu di truyền liên quan đến sự kiện phi thường của Julia Kim.

Ghi chú

(134) Hồng cầu mất nhân trong quá trình biệt hóa từ tế bào tủy xương. Do đó, các tế bào hồng cầu trưởng thành là một ngoại lệ đối với quy tắc này.

(135) Bộ gen đơn giản có nghĩa là toàn bộ DNA lưỡng bội của con người, trong khi đơn bội có nghĩa là một nửa của toàn bộ bộ gen: chính xác hơn là một nửa được thừa hưởng từ mẹ hoặc nửa còn lại được thừa hưởng từ cha. Điều này là do tất cả các tế bào trong cơ thể con người - ngoại trừ tế bào giao tử sinh sản đơn bội - đều chứa hai bộ nhiễm sắc thể và do đó có hai bộ alen - hoặc các biến thể gen - cho mỗi gen cần thiết.

(136) Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, FBI đã công bố du nhập thêm bảy STR vào cơ sở dữ liệu CODIS của Hoa Kỳ.

(137) Trong một trong các giai đoạn của quá trình phân bào [meiosis] - sản xuất các tế bào giao tử chỉ bằng một nửa toàn bộ bộ gen - các cặp nhiễm sắc thể thường trao đổi các đầu nhiễm sắc thể trong một quá trình gọi là trao đổi chéo [crossing-over]. Mục đích của việc trao

đôi này là để tăng sự biến đổi di truyền giữa các cá thể. Tuy nhiên, nhiễm sắc thể Y chỉ có thể tham gia vào quá trình này ở một mức độ rất hạn chế do hình dạng của nó “thiếu một chi”. Vì vậy, gen của nó khó có thể được trao đổi với đối tác X, đặc biệt là những gen nằm gần phần giữa của nó.

(138) *Telomeres* là các chuỗi *nucleotide* lặp đi lặp lại nằm ở phần cuối của nhiễm sắc thể. Chúng rút ngắn lại sau mỗi vòng sao chép liên quan đến quá trình sinh sản tế bào. Được biết, sự rút ngắn *telomere* có liên quan đến lão hóa, tử vong và các bệnh liên quan đến lão hóa.

(139) Nhắc nhở: dị hợp tử [*heterozygous*] có nghĩa là mang các biến thể alen khác nhau của cùng một gen.

(140) *Pyrin*, hoặc *marenostrin*, được sản xuất trong một số tế bào bạch cầu có vai trò chính trong tình trạng viêm. Cấu trúc *protein* của nó cho phép nó tương tác với các phân tử khác có liên quan đến phản ứng viêm.

(141) Liên kết tới trang web PopAffiliator 2 là <http://cracs.fc.up.pt/~nf/popaffiliator2/> (rất tiếc là không có sẵn vào tháng 7 năm 2021).

(142) *Kintsugi* là một từ tiếng Nhật có nghĩa là “đồ mộc vàng”. Đó là nghệ thuật sửa chữa đồ gốm bị vỡ của Nhật Bản bằng cách vá lại những chỗ bị vỡ bằng sơn mài phủ bụi hoặc trộn với kim loại quý như vàng, bạc hoặc bạch kim. Theo thuật ngữ triết học, nó có nghĩa là coi sự hư hỏng và sửa chữa như một phần lịch sử của một đồ vật, chứ không phải là thứ gì đó để ngụy trang. Cùng một nguyên tắc cũng có thể được nhìn qua lăng kính Đức tin Công giáo: những vết thương trong thể xác và linh hồn chúng ta, thường do tội lỗi gây ra, sẽ không chỉ được chữa lành trong bản thân được vinh quang của chúng ta mà còn được làm cho đẹp đẽ.

Nhận xét cuối cùng

Vài lời nữa trước khi tạm biệt.

Khi kết thúc cuộc khảo sát này, tôi vẫn còn một cảm giác kỳ lạ khiến tôi phải suy gẫm lần cuối.

Rất nhiều cuộc thử nghiệm. Rất nhiều dữ kiện thu được chỉ từ năm biến cố Thánh Thể. Rất nhiều “sự trùng hợp” đáng kinh ngạc cho thấy rằng những mô sinh học này có nguồn gốc từ bánh thánh đã truyền phép chỉ về một con người đau khổ bị đóng đinh.

Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận rằng các phép lạ Thánh Thể có phần kỳ lạ so với những phép lạ khác. Chắc chắn chúng đã nâng đỡ người Công giáo ở mọi thời đại trong niềm tin vào Bí tích Thánh Thể. Quả thực, sự hiện diện của Con Thiên Chúa trong một chiếc bánh xóp nhỏ là một sự thật quá mức tin. Tuy nhiên, ánh sáng tỏa ra từ những phép lạ này không bao giờ chói lóa. Những phép lạ này đã bị kiềm chế. Chúng có tính tự giới hạn và không có ý nghiên nát kho báu cần thiết nhưng mong manh của đức tin bản thân chúng ta dưới sức nặng của sự phô trương quá mức. Bí tích Thánh Thể tối hậu muốn được tin. Nó không muốn trở thành một sự áp đặt lên các giác quan của chúng ta. Có lẽ đây là lý do tại sao các mẫu mô trên các phiến kính hiển vi luôn gợi ý nhiều đến mô cơ tim, nhưng bề ngoài của chúng không bao giờ giống như sách giáo khoa, không bao giờ trông như thể được lấy thẳng ra từ một bộ sách khoa toàn thư về mô bệnh học. Điều này là do các *protein* bề mặt thường bị phân hủy đến mức không còn được nhận biết ngay cả bởi các dấu hiệu hóa mô miễn dịch chuyên biệt nhất. Tương tự như vậy, các dạng đa hình DNA phổ biến gần như không bao giờ có thể được nhận diện.

Chúng ta hãy thử tưởng tượng điều này: giả sử cả DNA của Buenos Aires và Tixtla đều có thể được sắp xếp theo chuỗi và tìm thấy sự trùng khớp rõ ràng giữa hai DNA đó: nửa tá đa hình STR phù hợp sẽ đủ để thu được một kết quả trùng khớp với sai số chỉ một trong một triệu hoặc một phần tỷ. Điều này sẽ trở thành tin tức nóng hổi trên tất cả các cơ quan báo chí và mạng lưới hoàn cầu - CNN, BBC, Al Jazeera. Máu hoặc trái tim của cùng một người được tìm thấy chắc chắn hiện diện trong hai hoặc ba phép lạ Thánh Thể: cùng một người đã để lại dấu vết về sự hiện diện của Người cách nhau nhiều thế kỷ và trên các lục địa khác nhau trên khắp các đại dương. Điều này không gì khác hơn là sự chứng minh khoa học không thể chối cãi về tính xác thực của Bí tích Thánh Thể Công giáo.

Một sự kiện choáng ngợp như vậy sẽ gây rắc rối cho lương tâm của nhiều người và buộc tất cả mọi người nam nữ phải hướng về một Giáo hội Công giáo từng bị coi là lỗi thời, đang chết dần và xa lánh lịch sử. Ngày hôm sau, các nhà thờ Thệ Phản sẽ đóng cửa. Một tuần sau, Đức Đạt Lai Lạt Ma yêu cầu được rửa tội công khai. Một tháng sau, Thánh lễ một lần nữa được cử hành tại Hagia Sophia ở Istanbul, nơi sau đó một lần nữa còn được gọi là Byzantium. Mơ mộng đủ rồi - đây rõ ràng không phải là ý muốn của Chúa, ít nhất là không phải trong những điều kiện này, nếu không thì tất cả những điều này đã xảy ra rồi.

Vậy chúng ta còn nên nghĩ đến điều gì nữa? Làm sao chúng ta lại không ngưỡng mộ sự dịu dàng của một Thiên Chúa trong việc giữ sự khiêm tốn của Người, ngay cả khi thể hiện đầy đủ quyền năng của Người và vượt qua mọi quy luật tự nhiên để tỏ mình ra cho chúng ta thấy trong Bí tích Thánh Thể?

Hình Ảnh



Hòm bằng bạc và thủy tinh pha lê năm 1713 chứa thánh tích Lanciano

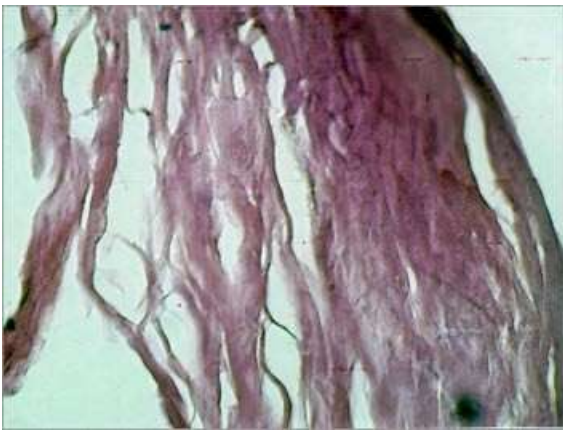


Thịt của Phép lạ Thánh Thể Lanciano: nó giữ nguyên hình tròn của Bánh Thánh và cũng là hình ảnh cắt ngang của một trái tim. Trong những năm nghiên cứu sau này, Giáo sư Linoli cho biết phần dày hơn ở phía dưới phải là phần còn lại của tâm thất trái, trong khi phần trên mỏng hơn thuộc về tâm thất phải.



Máu của phép lạ Lanciano, được tạo thành từ năm cục máu đông.

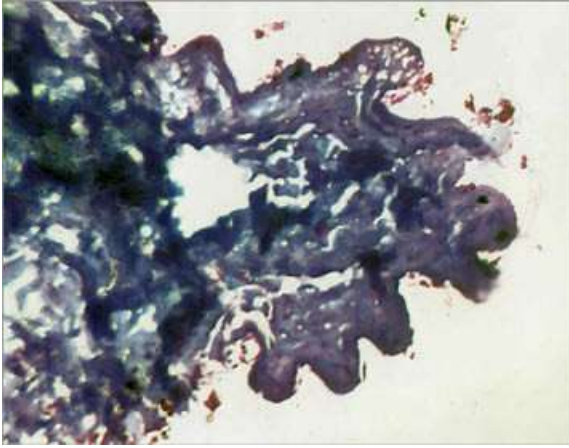
Sau đây là bốn hình ảnh hiển vi về Thịt và Máu của Lanciano, được lấy từ ấn phẩm của Giáo sư Linoli.



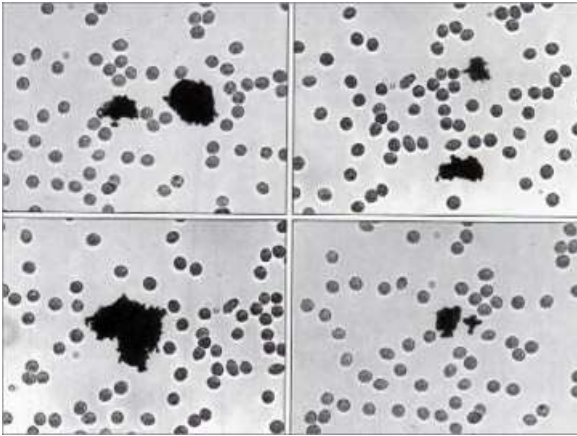
Nhuộm eosin, độ phóng đại x 200. Các bó chủ yếu là sợi dọc, gợi ý đến vùng bề mặt của cơ tim.



Nhuộm Mallory, độ phóng đại x 250. Giữa các sợi cơ tim, có thể nhìn thấy mạch máu động mạch ở bên phải và cấu trúc thần kinh ở bên trái.

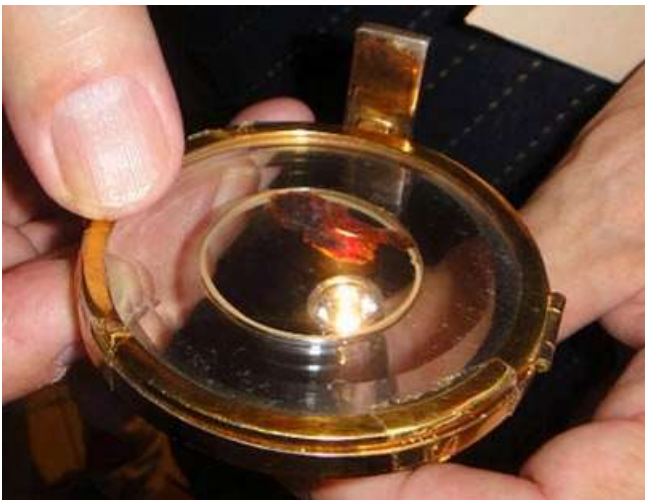


Nhuộm Mallory, độ phóng đại x 400. Bề ngoài “gồ ghề” của nội tâm mạc có thể được nhìn thấy trên bề mặt bên trong của mẫu tim cắt ngang này.



Phép thử hấp thụ-tách rửa, độ phóng đại x 80. Có bằng chứng về sự dính kết giữa huyết thanh kháng A ở bên trái và huyết thanh kháng B ở bên phải.

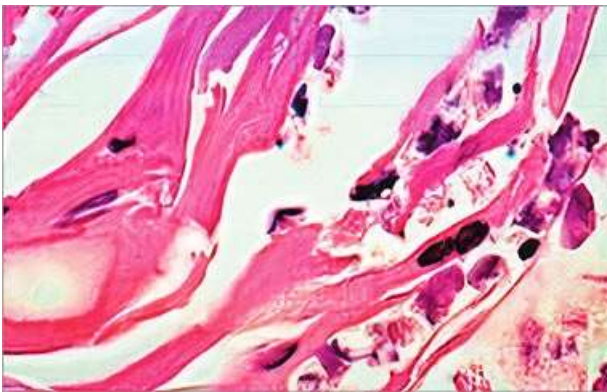
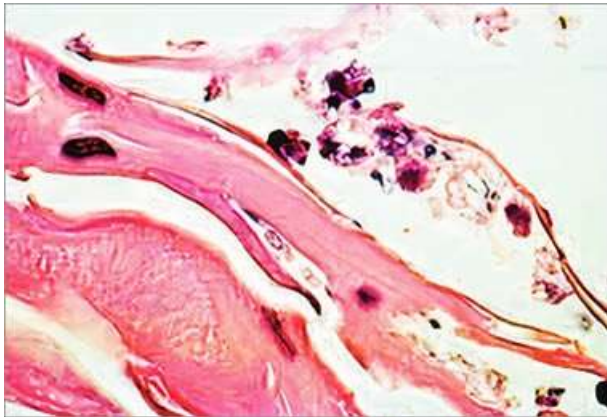
Mẫu Máu ở trên cùng và mẫu Thịt ở dưới cùng. Cả hai đều được chứng minh là thuộc nhóm AB.



Hình dáng hiện tại - giống như một lớp vỏ máu nhỏ - phần còn lại của phép lạ thánh thể tháng 5 năm 1992 ở Buenos Aires.



Mô của phép lạ ở Buenos Aires năm 1996, được bảo quản trong nước cất, vào thời điểm đó nó đã được Bác sĩ Castañón lấy mẫu, ba năm sau sự kiện.



Các mẫu của phép lạ ở Buenos Aires năm 1996. Các sợi cơ tim có những thay đổi thoái hóa: phân mảnh, mất vân, nhân mờ và sự xâm nhập đáng kể của các tế bào viêm (đại thực bào và bạch cầu trung tính).

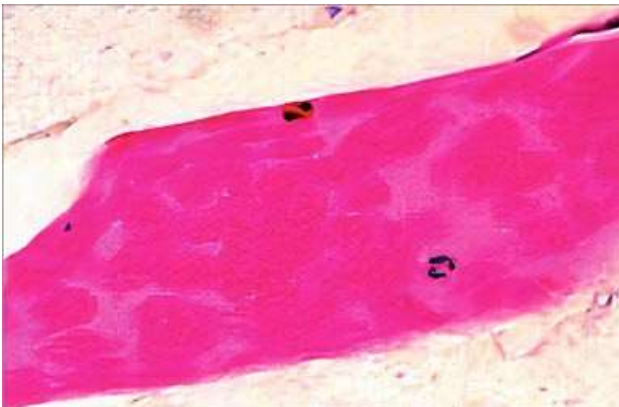


Tại khán phòng tòa thị chính Tixtla vào ngày 22 tháng 10 năm 2006, Cha Rayito cho những người tham dự Thánh lễ xem Mình Thánh vừa mới chảy máu.



Bình đựng rượu Tixtla, vài phút sau sự kiện, ngày 22 tháng 10 năm 2006.

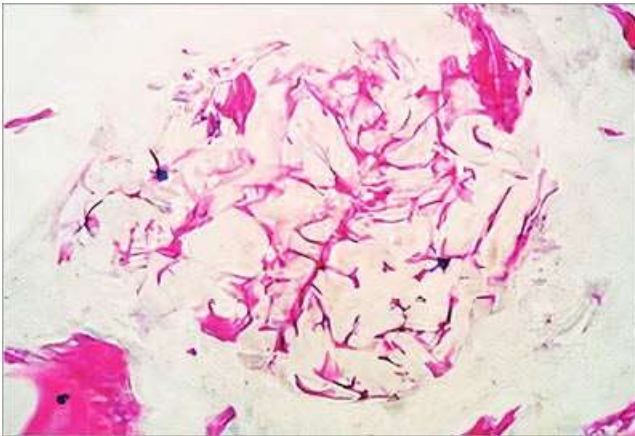
Sau đây là hình ảnh mô học của các mẫu được lấy từ Phép lạ Thánh Thể Tixtla:



Một cụm ưa axit được tạo thành từ máu đang trong quá trình tự phân hủy: các hồng cầu đơn lẻ không còn phân biệt được nữa, mặc dù bạch cầu trung tính (phía dưới bên phải) và bạch cầu ái toan (phía trên bên trái) vẫn có thể được nhận ra.



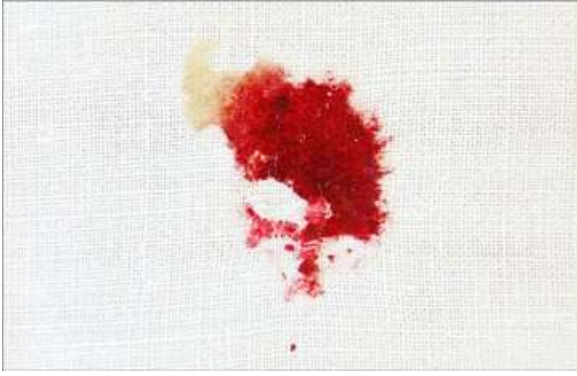
Sợi có hiện tượng thoái hóa: đứt mảnh, nhân khó nhìn thấy, thiếu vân. Tuy nhiên, xu hướng các sợi phân nhánh và thông nối với nhau - điển hình của tế bào cơ tim - vẫn còn rõ ràng.



Một cụm tế bào mỡ, có thể nhận biết được nhờ các khoang bên trong lớn, màu trắng, chứa đầy chất béo, chiếm toàn bộ tế bào chất trong mỗi tế bào.



Một đại thực bào lớn và gần như hình vuông có tế bào chất chứa đầy vật liệu lipid vừa được thực bào. Chất vô định hình và tế bào mỡ có thể được nhìn thấy ở phía trên bên phải. Có thể nhìn thấy một cấu trúc phân nhánh, không có vết bản, phù hợp với phần tử thuộc bó dây (trabecular) của bánh mì, ở giữa.



Phần mô đỏ còn sót lại của phép lạ Sokółka năm 2008 vẫn kết hợp với một mảnh bánh thánh (phía trên bên trái). Nó hiện đang được gắn vào một tấm khăn thánh bằng vải lanh, trên đó có thêu một cây thánh giá màu đỏ được che một phần bởi mô lạ lùng.



Mặt nhật trung bày Phép lạ Thánh Thể tại Nhà thờ Thánh Anthony Padua ở Sokółka.

Chuỗi ảnh chứng minh sự hình thành mô lạ lùng của Legnica vào tháng 12 năm 2013:



Sự xuất hiện của màu đỏ kéo dài từ một cạnh của bánh thánh khi vật chủ đang hòa tan trong nước.



Phần màu đỏ sẽ tự bong ra sau vài ngày.



Sau hai tuần, bánh thánh gần như bị phân hủy hoàn toàn và sự hiện diện dai dẳng của mô lạ.



Mô được lấy ra khỏi nước và đặt trên một miếng vải.





Mô lạ lùng được trưng bày tại Nhà thờ Thánh Hyacinth ở Legnica.



Các sợi cơ tim từ phép lạ Legnica tháng 12 năm 2013 với bằng chứng rõ ràng về sự phân mảnh.